

# TÀI LIỆU KỸ THUẬT JABLOTRON 100+

Bộ trung tâm là một phần cơ bản của hệ thống báo động dòng JABLOTRON 100+ và được thiết kế để bảo vệ các khu vực nhỏ, vừa hoặc lớn và tuân thủ các yêu cầu bảo mật cấp 2. Bộ trung tâm có BUS và / hoặc thiết bị không dây (khi hệ thống được trang bị module radio) khả năng tương thích. Chỉ nên sử dụng các thiết bị JABLOTRON 100+ với hệ thống. Chức năng thích hợp không thể được đảm bảo khi sử dụng các thiết bị của bên thứ ba.

**Lưu ý:** Hệ thống bảo mật JABLOTRON 100+ chỉ có thể được cài đặt bởi một kỹ thuật viên được đào tạo với chứng chỉ hợp lệ do nhà phân phối được phân quyền cấp.

**Hướng dẫn sử dụng dành cho việc đào tạo các kỹ thuật viên.**

**Một số tính năng được mô tả trong hướng dẫn này yêu cầu lắp đặt thêm các thiết bị giao tiếp:**

- **Menu giọng nói để điều khiển từ xa, điều khiển đồ chuông, báo cáo giọng nói, báo cáo đồ chuông, báo cáo đặc biệt, báo cáo SMS, điều khiển SMS, giao tiếp GPDS - Giao tiếp GSM JA-19xY.**

## MỤC LỤC

1.	Mô tả và định nghĩa cơ bản.....	4
1.1	Yêu cầu cấu hình hệ thống cơ bản .....	9
1.2	Mã truy cập và thiết lập mặc định của chúng .....	10
1.2.1	Thay đổi mã truy nhập.....	11
1.2.2	Mã truy cập bảo mật và thiết bị RFID .....	11
1.2.3	Kiểm tra hệ thống thường xuyên (bảo trì) .....	12
2.	Kích thước hệ thống.....	13
2.1	Kích thước bên ngoài .....	14
2.2	Kích thước trong nhà (phạm vi hệ thống).....	14
2.3	Cấu hình và tách.....	15
3.	Loại bộ trung tâm, thông số tiện ích.....	16
3.1	Mô tả của Bộ trung tâm JA-103K .....	16
3.2	Mô tả của Bộ trung tâm JA-107K .....	18
3.3	Đèn LED chỉ báo trên Bộ trung tâm.....	21
3.4	Đầu nối bổ sung trên Bộ trung tâm PCB .....	21
3.5	Thiết bị đầu cuối kết nối Bộ trung tâm PCB.....	21
4	Trước khi cài đặt hệ thống .....	19
5	Lắp đặt thiết bị có dây (BUS).....	20
5.1	BUS JABLOTRON 100+.....	20
5.2	Cáp BUS .....	20
5.3	Cấu trúc đi dây (BUS).....	21
5.4	Phân nhánh và tách BUS .....	21
5.5	Độ dài BUS và số lượng thiết bị được kết nối.....	22
5.6	Tính toán tổn thất đường dây.....	22
5.7	Ví dụ về tính toán sụt áp.....	23
5.8	Ví dụ về tính toán mức tiêu thụ BUS để sao lưu hệ thống.....	23
5.9	Yêu cầu cung cấp điện .....	24
5.10	Yêu cầu sao lưu.....	24
5.11	Cách ly BUS .....	25
5.12	Sử dụng hệ thống cáp hiện có trong các dự án tân trang.....	25

6.	Sử dụng thiết bị không dây.....	25
6.1	Cài đặt module radio JA-11xR.....	25
6.2	Cài đặt thiết bị không dây – chế độ đăng ký.....	26
6.3	Mở rộng phạm vi của các thiết bị không dây.....	26
7.	Bật hệ thống .....	27
8.	Cấu hình hệ thống .....	28
8.1	Cấu hình hệ thống .....	28
8.2	Chế độ hoạt động của bộ trung tâm .....	32
8.3	Phân quyền cho người dùng .....	33
8.4	Thông số tùy chọn của hệ thống .....	35
8.4.1	Đăng ký và xóa thiết bị .....	37
8.4.2	Danh sách các phản ứng áp dụng .....	38
8.4.3	Hạn chế báo động giả .....	40
8.5	Các loại báo động.....	41
8.5.1	Báo động xâm nhập.....	42
8.5.2	Báo động tamper .....	42
8.5.3	Báo cháy .....	42
8.5.4	Báo động khẩn cấp.....	42
8.5.5	Báo động 24 giờ .....	43
8.5.6	Hủy báo động .....	43
8.6	Lỗi hệ thống .....	43
8.7	Lỗi gây ra bởi mất thiết bị.....	44
9.	Tùy chọn điều khiển hệ thống .....	44
9.1	Cách phân quyền.....	46
9.2	Điều khiển hệ thống bằng bàn phím .....	46
9.2.1	Điều khiển hệ thống từ phân khu bàn phím .....	46
9.2.2	Điều khiển hệ thống từ bàn phím JA-110E và JA-150E.....	48
9.3	Điều khiển hệ thống bằng điều khiển từ xa .....	51
9.4	Điều khiển hệ thống theo lịch trình.....	51
9.5	Điều khiển hệ thống thông qua menu giọng nói (GSM) .....	53
9.6	Lệnh SMS .....	55
9.7	Điều khiển hệ thống thông qua phần mềm F-Link hoặc J-Link.....	58
9.8	Điều khiển hệ thống từ ứng dụng web MyJABLOTRON.....	59
9.9	Điều khiển hệ thống thông qua ứng dụng di động MyJABLOTRON.....	60
9.10	Kiểm soát hệ thống bằng kiểm soát truy cập bắt buộc.....	60
9.11	Các trở ngại ngăn cản việc thiết lập hệ thống .....	60
9.12	Cài đặt không thành công.....	62
9.13	Sự kiện được báo cáo cho người dùng .....	62
9.14	Chỉ báo âm thanh hệ thống .....	63
9.15	Thời gian hạn chế quyền truy cập cho người dùng.....	64
9.16	Tùy chọn Vô hiệu hóa và chặn .....	65
9.16.1	Vô hiệu hóa.....	65
9.16.2	Chặn .....	66
9.17	Chức năng không báo động – Chức năng của PG output.....	66
10.	Thiết lập hệ thống thông qua phần mềm F-Link.....	68
10.1	Khởi động phần mềm F-Link và thiết lập kích thước hệ thống .....	70
10.2	Cài đặt hướng dẫn (Wizard).....	70
10.3	Tab thiết lập ban đầu .....	70
10.4	Tab phân khu .....	72
10.5	Tab Thiết bị.....	73
10.5.1	Cấu hình bàn phím .....	74

10.5.1.1	Tab phân khu.....	75
10.5.1.2	Tab Thiết lập.....	77
10.5.1.3	Tab phân khu phổ biến.....	80
10.5.2	Ví dụ về cài đặt chuông báo động trong nhà.....	85
10.6	Tab Người dùng.....	85
10.7	Tab PG output.....	87
10.7.1	Bản đồ kích hoạt PG output.....	88
10.8	Tab báo cáo người dùng.....	90
10.9	Tab Tham số.....	94
10.10	Tab Lịch trình.....	101
10.11	Tab Giao tiếp.....	103
10.11.1	Thiết lập GSM.....	104
10.11.2	Thiết lập LAN.....	107
10.11.3	Camera.....	108
10.11.4	Khởi động lại GSM.....	108
10.12	Tab ARC.....	108
10.12.1	Mã JABLOTRON 100 + CID và SIA.....	109
10.12.2	Thiết lập việc truyền ảnh bộ nhớ ngoài.....	114
10.13	Tab Chẩn đoán.....	115
11.	Các tùy chọn F-Link khác.....	116
11.1	Bàn phím (ảo).....	116
11.2	Lịch sử sự kiện.....	117
11.3	Thiết lập hệ thống.....	118
11.4	Tín hiệu RF.....	120
11.5	Bản đồ báo động.....	120
11.6	Service (Service).....	121
11.7	Bảo trì (Maintenance).....	121
11.8	Refresh.....	121
11.9	Trực tuyến.....	121
11.10	Internet.....	121
11.11	Hướng dẫn cài đặt (Installation wizard).....	122
11.12	Thông tin cài đặt.....	122
11.13	Cập nhật firmware.....	123
11.14	In nhãn.....	123
11.15	Lịch sử cài đặt.....	124
12.	Đặt lại bộ trung tâm.....	125
13.	Cập nhật firmware.....	125
13.1	Quy tắc cập nhật firmware chung (FW).....	125
13.2	FW cập nhật cho Bộ trung tâm và các thiết bị được kết nối với BUS.....	126
13.3	FW cập nhật cho các thiết bị không dây.....	128
13.4	Kiểm tra sau khi cập nhật FW.....	128
13.5	Cửa sổ thông tin.....	128
13.6	Kích thích Bộ trung tâm.....	129
14.	Ứng dụng web MyJABLOTRON.....	129
14.1	Quản lý lắp đặt và cung cấp cho một kỹ thuật viên lắp đặt.....	130
14.2	Ứng dụng WEB-Link (cấu hình).....	131
15.	Tiếp quản hệ thống của người dùng.....	132
16.	Thông số kĩ thuật.....	133

# 1. Mô tả và định nghĩa cơ bản

**Kiến trúc module** - cho phép hệ thống được cấu hình cho các cài đặt, kích thước và nhu cầu cụ thể của người dùng.

**Cập nhật firmware (FW)** – thủ tục tải phiên bản FW mới vào hệ thống chứa các chức năng, cải tiến và thích ứng mới. Chúng tôi khuyên bạn nên kiểm tra xem FW có được cập nhật trong bất kỳ cài đặt nào cũng như trong quá trình kiểm tra Service thường xuyên hay không. Bên cạnh FW Bộ trung tâm, cần cập nhật FW trong tất cả các thiết bị nếu cần thiết (bàn phím, module radio, cảm biến chuyển động tích hợp camera...).

**Module điều khiển (bàn phím)** - là thành phần module cơ bản của bàn phím điều khiển và nhiệm vụ của nó là xác định người dùng. Phiên bản đơn giản nhất bao gồm một đầu đọc thẻ (thẻ RFID). Ngoài ra còn có phiên bản tích hợp bàn phím và màn hình LCD. Các module điều khiển được tích hợp trong cả phiên bản không dây lẫn có dây. Mỗi module truy cập chứa một phân khu điều khiển (có thể mở rộng đến 20 phân khu cho mỗi thiết bị). Ngoài ra còn có đầu đọc thẻ RFID và bàn phím với đầu đọc thẻ RFID tích hợp để sử dụng ngoài trời trong danh mục sản phẩm của chúng tôi.

**Phân khu điều khiển** - là một thành phần module của bàn phím điều khiển trong nhà. Một phân khu có 2 nút (trái = TẮT, phải = ON). Bằng cách cài đặt số lượng phân khu cần thiết vào module truy cập, bạn có thể tạo một bàn phím sẽ đáp ứng tất cả các chức năng cần thiết. Các phân khu chỉ rõ trạng thái hệ thống và cho phép hoạt động trực quan của nó. Các phân khu được cài đặt cho phép người dùng thấy rõ những chức năng nào được cung cấp bởi hệ thống (thay vì chỉ ẩn trong nhà menu) và quyền truy cập nào mà người dùng đã gán.

**Bàn phím điều khiển** – bao gồm một module truy cập và các phân khu điều khiển.

**Các loại báo động** - hệ thống có thể phản ứng với sự xâm nhập, khẩn cấp, Tamper (tamper), hỏa hoạn, rò rỉ khí đốt và ngập nước. Việc sử dụng cảm biến phù hợp cũng có thể báo cáo các mối nguy hiểm khác (ai đó di chuyển trong vườn, xử lý một đối tượng được bảo vệ, nhiệt độ cao, nguy cơ đóng băng, v.v.). Để hạn chế báo động giả, phản ứng của cảm biến có thể được thiết lập theo cách mà kích hoạt của chúng phải được xác nhận (cùng một cảm biến phải được kích hoạt nhiều lần hoặc xác nhận bằng cảm biến khác).

**Xác minh trực quan của báo động** - thiết bị xác minh hình ảnh (camera, camera xác minh hình ảnh) có thể tự động chụp và gửi ảnh hoặc chuỗi video tương ứng với các sự kiện trong hệ thống.

**Bảo vệ cá nhân** - trong trường hợp xảy ra vụ cướp, vấn đề sức khỏe hoặc hỏa hoạn, người dùng có thể gọi hỗ trợ (nhấn nút trên bàn phím, nhập mã khẩn cấp, bằng cách kích hoạt nút khẩn cấp hoặc sử dụng điều khiển từ xa không dây).

**Kiểm soát truy cập bắt buộc** - phục vụ cho việc kích hoạt báo động im lặng chỉ bằng cách phân quyền hoặc bằng cách kiểm soát hệ thống (cài đặt, hủy cài đặt, kiểm soát PG,...) khi người dùng bị đe dọa (trước sự hiện diện của tội phạm). Một báo động khẩn cấp được kích hoạt trong quá trình điều khiển hệ thống khi một mã được nhập với 1 phép toán học được thêm vào chữ số cuối cùng của mã.

**Hoãn báo động khẩn cấp** - một chức năng kích hoạt báo động khẩn cấp với độ trễ thời gian trong đó báo động có thể bị hủy bỏ. Chức năng này được thiết kế cho người dùng lo sợ mở cửa và có người lên vào, những người có thể tấn công họ. Do đó, người dùng kích hoạt chế độ Hoãn báo động khẩn cấp trước khi mở cửa và nếu họ chắc chắn rằng họ an toàn, họ phải hủy bỏ chức năng trước khi hết thời gian trì hoãn được đặt trước. Thời gian trì hoãn khẩn cấp có thể được đặt trong cài đặt trong nhà của thiết bị cụ thể được sử dụng để kích hoạt báo động khẩn cấp (phân khu bàn phím, nút khẩn cấp, v.v.).

**Báo cáo sự kiện** – báo cáo tất cả các sự kiện cho Trung tâm tiếp nhận báo động (ARC) có thể đảm bảo sự can thiệp kịp thời của các lực lượng chuyên nghiệp. Các báo cáo được gửi đến ARC thông qua Giao tiếp LAN tích hợp sẵn. Sau khi cài đặt Giao tiếp GSM, các báo cáo cũng có thể được gửi trực tiếp đến người dùng bằng tin nhắn SMS hoặc cuộc gọi thoại.

**Báo cáo đặc biệt** - là tin nhắn SMS hoặc cuộc gọi thoại. Ý nghĩa của chúng có thể được gửi độc lập với các chức năng khác. Gửi báo cáo có thể được liên kết với việc kích hoạt thiết bị. Bằng cách này, trạng thái của các thiết bị hoặc công nghệ khác có đầu ra lỗi có thể được theo dõi, v.v.

**Điều khiển từ xa** – người dùng được phân quyền có thể thực hiện cuộc gọi điện thoại đến hệ thống và sử dụng menu thoại để điều khiển hoặc kiểm tra trạng thái cài đặt. Trạng thái của các phần riêng lẻ có thể được điều khiển từ xa bằng các lệnh SMS được xác định. Lệnh SMS cũng có thể được sử dụng để chuyển đổi PG output có thể lập trình BẬT và TẮT. Chúng cũng có thể được kích hoạt bằng cách gọi đơn giản (mà không thiết lập cuộc gọi) từ các số điện thoại được phân quyền. Có phần mềm F-Link dành cho các Kỹ thuật viên để quản lý hệ thống từ xa. Đối với Quản trị viên hệ thống, một phần mềm cũng có sẵn được gọi là J-Link với các chức năng hạn chế. Hệ thống cũng có thể được điều khiển từ xa thông qua Service web tại [www.myjablotron.com](http://www.myjablotron.com) hoặc cả bằng ứng dụng điện thoại thông minh.

**MyJABLOTRON** – một Service độc đáo cung cấp quyền truy cập trực tuyến vào các thiết bị JABLOTRON. Nó được thiết kế cho cả người dùng cuối và kỹ thuật viên lắp đặt. **Thẻ SIM JABLOTRON Security** được yêu cầu để sử dụng Service MyJABLOTRON. Để biết thêm thông tin về việc đăng ký Bộ trung tâm và tính khả dụng của Service tại quốc gia của bạn, vui lòng liên hệ với nhà phân phối của bạn.

**Quyền truy cập của người dùng** – xác định mức độ phân quyền truy cập của người dùng. Bạn có thể sửa đổi quyền truy cập của người dùng mà một phần của khu vực được bảo vệ và cũng là PG output có thể lập trình mà người dùng có thể kiểm soát. Người dùng chứng minh danh tính của họ bằng cách áp dụng thẻ RFID của họ hoặc nhập mã của họ bằng bàn phím. Hệ thống cho phép bạn đặt giới hạn thời gian riêng lẻ để vô hiệu hóa quyền truy cập của người dùng được chọn vào các phần được bảo vệ.

**Quản trị viên (Admin)** – một số lượng quản trị viên nhất định được xác định trong hệ thống, họ có thể phân quyền truy cập cho những người dùng còn lại. Các phần khác nhau trong tòa nhà có thể có các quản trị viên khác nhau. Trong cài đặt mặc định có một quản trị viên chính (chính) của hệ thống, người luôn được phân quyền đặt quyền truy cập cho tất cả người dùng (mã mặc định 1234).

**Kỹ thuật viên (Service)** – có thể có nhiều hơn một Kỹ thuật viên được phân quyền để quản lý hệ thống (mã mặc định 1010). Với mã này, kỹ thuật viên được phân quyền điều chỉnh tất cả các tính năng của hệ thống. Quyền truy cập của một Kỹ thuật viên có thể có điều kiện theo sự chấp thuận của quản trị viên. Một trường hợp đặc biệt của phân quyền Service là một kỹ thuật viên của ARC. Kỹ thuật viên này có thể sử dụng mã của mình để khóa quyền truy cập vào cài đặt của các thông số liên lạc với Trung tâm nhận báo động.

**F-Link**- để lập trình hệ thống, cần có một máy tính có hệ điều hành Windows. Bộ trung tâm có thể được kết nối với máy tính cục bộ bằng cáp USB hoặc từ xa từ máy tính được kết nối với Internet. Tất cả các tính năng được thiết lập bằng máy tính và phần mềm F-Link. Phần mềm này được thiết kế dành riêng cho các kỹ thuật viên được đào tạo. Quyền truy cập vào phần mềm không thể được cấp cho Quản trị viên hoặc người dùng cuối của hệ thống. Với mục đích này, một phiên bản đơn giản của phần mềm này (J-Link) được thiết kế, cho phép quản trị viên hệ thống truy cập vào một số cài đặt (quản lý người dùng, chẩn đoán, cài đặt lịch trình, đọc lịch sử sự kiện).

**Chế độ Service (Service Mode)** - là chế độ trong đó cấu hình hoàn chỉnh của hệ thống có thể được sửa đổi. Chỉ có một Kỹ thuật viên (hoặc một kỹ thuật viên ARC) mới có thể vào Chế độ Service của hệ thống. Điều này có thể được thực hiện bằng cách sử dụng phần mềm F-Link trong

khi Bộ trung tâm kết nối cục bộ hoặc từ xa với PC (bằng cáp USB hoặc qua Internet). Trong chế độ SERVICE, hệ thống hoàn toàn không hoạt động và PG output bị tắt (nó không bảo vệ và không cung cấp bất kỳ chức năng nào của người dùng, ví dụ: kiểm soát PG output có thể lập trình). Ở Chế độ SERVICE bàn phím sẽ nhấp nháy màu vàng (2 lần mỗi 2 giây).

**Chế độ bảo trì (Maintenance mode)** – là chế độ chủ yếu dành cho Quản trị viên. Nó cho phép thực hiện bảo trì (ví dụ: thay pin) trong phần (Sections) theo quyền truy cập của Quản trị viên. Hệ thống có thể được quản trị viên chuyển sang chế độ bảo trì bằng bàn phím hoặc phần mềm J-Link (kỹ thuật viên có thể nhập chế độ Bảo trì bằng phần mềm F-Link). Chế độ bảo trì trong một phần không ảnh hưởng đến trạng thái và chức năng của các phần khác hoặc trạng thái PG output có thể lập trình. Kỹ thuật viên có thể hạn chế quyền truy cập của Quản trị viên vào chế độ Bảo trì trong tab Tham số trong F-Link. Chế độ BẢO TRÌ được chỉ định bởi chỉ báo hệ thống bàn phím nhấp nháy màu xanh lá cây (2 lần mỗi 2 giây) và bởi các nút phân khu của phần cụ thể tắt.

**Chế độ ngày / đêm** – Bộ trung tâm cho phép bạn thiết lập một hành vi khác nhau cho thời gian ngày và đêm. Ví dụ, cường độ đèn nền bàn phím khác, kích hoạt PG output theo ngày / đêm (chặn đèn vào ban ngày), v.v. Ngày / đêm có thể được chuyển đổi bằng một thiết bị được chọn (ví dụ: công tắc chặn vạng) hoặc theo thời gian mặt trời mọc và hoàng hôn theo lịch thiên văn. Đối với tùy chọn này, cần thiết lập tọa độ của vị trí nơi hệ thống được cài đặt.

**Kiểm soát các thiết bị** – hệ thống có PG output có thể lập trình để chuyển đổi các thiết bị khác nhau BẬT và TẮT. PG output đại diện cho một logic được lập trình trong hệ thống kiểm soát các module output cần thiết (thiết bị hệ thống). Đầu ra có thể được kiểm soát bằng cách sử dụng các phân khu bàn phím, bằng cách kích hoạt của cảm biến, điều khiển từ xa, bởi một sự kiện trong hệ thống (ví dụ: thiết lập một phần, sự báo động kích hoạt...), bằng lịch trình, nhắn tin SMS, gọi cho người dùng được phân quyền hoặc thông báo qua ứng dụng MyJABLOTRON. Kích hoạt PG output cũng có thể bị chặn bởi trạng thái của một phân khu, bằng cảm biến hoặc bởi các PG. Kích hoạt khác và hủy kích hoạt của đầu ra có thể được báo cáo cho người dùng bằng SMS hoặc Service MyJABLOTRON bằng cách truyền dữ liệu (thông báo đầy).

**Điều khiển khóa cửa** – 1 cửa điện (kết nối với PG output) có thể được mở bằng cách áp dụng thẻ hoặc nhập mã bằng bàn phím. Mỗi người dùng có thể được chỉ định đến một cánh cửa mà họ được phép mở. Một đầu ra có thể bị chặn bởi một phân khu thiết lập để không có nguy cơ ai đó đi vào một khu vực nếu nó được bảo vệ (đặt). Việc mở cửa theo phân quyền của người dùng có thể được ghi lại trong lịch sử sự kiện hệ thống.

**Lịch trình**– sử dụng lịch trình bạn có thể lập trình các lịch trình tự động – bảo vệ (Thiết lập / thiết lập một phần / hủy thiết lập ) của các phân khu và kiểm soát PG Output có thể lập trình (kích hoạt / hủy kích hoạt, chặn / bỏ chặn). Mỗi hành động có thể được đặt thành một ngày và một tháng mà nó được thực hiện. Có thể có tối đa 4 lần hoặc lặp lại trong khoảng thời gian thiết lập cho ngày đã chọn. Lịch trình hàng năm có thể được sử dụng để đặt sai lệch so với lịch trình hàng tuần (ví dụ: ngày lễ, ngày nghỉ).

**Thiết bị có dây (Bus)** - được kết nối với hệ thống bằng cáp BUS (4 lõi). BUS đảm bảo cung cấp điện cũng như tín hiệu. Các thiết bị BUS (cảm biến, bàn phím, chuông báo động, v.v.) yêu cầu đăng ký vào một vị trí (địa chỉ) trong hệ thống cho chức năng của chúng. Tuy nhiên, cũng có những thiết bị chỉ được kết nối và hoạt động mà không được đăng ký vào một vị trí (một số module PG output, thiết bị báo chỉ số trạng thái, Module chống ngắn mạch cho BUS, v.v.).

**Thiết bị không dây (Wireless)** - để đảm bảo kết nối tín hiệu, Bộ trung tâm phải được trang bị một module radio và các thiết bị không dây (cảm biến, bàn phím, chuông báo động, v.v.) phải được kết nối vào một vị trí (địa chỉ) trong hệ thống. Tuy nhiên, cũng có thể có các thiết bị trong hệ thống không chiếm vị trí hệ thống (chúng chỉ được sử dụng để tiếp nhận và không báo cáo cho Bộ trung tâm), ví dụ: các module PG output. Để bao phủ diện tích của một khu vực lắp đặt lớn hơn có thể kết nối lên đến 3 module radio vào trong hệ thống (kết nối với cáp BUS). Bộ trung tâm thường

xuyên kiểm tra hoạt động của các thiết bị không dây được chọn (tham số giám sát) và cũng kiểm tra trạng thái hiện tại của pin. Nếu mất liên lạc với thiết bị không dây, Bộ trung tâm sẽ chỉ ra lỗi giao tiếp. Các module radio kiểm tra nhiều / nhiều RF trên băng tần Giao tiếp hệ thống JABLOTRON 100+. Nếu băng tần bị kẹt, hệ thống sẽ kích hoạt lỗi.

**Cảm biến xâm nhập** - một nhóm các cảm biến được thiết kế để xác định kẻ xâm nhập. Nó bao gồm các cảm biến chuyển động, cạy mở, vỡ kính, nghiêng hoặc cảm biến sốc. Các cảm biến được thiết lập thành một phần ứng mong muốn đối với việc kích hoạt của nó. Nó xác định cách cảm biến sẽ phản ứng với sự kích hoạt của nó. Cảm biến phản ứng lửa, khí đốt, ngập lụt hoặc khẩn cấp không thuộc nhóm cảm biến xâm nhập.

**Giao tiếp GSM** – có thể được cài đặt vào Bộ trung tâm như một module bổ sung và cung cấp kết nối với mạng điện thoại di động và Internet. Do đó, hệ thống có thể truyền dữ liệu đến trung tâm nhận báo động (ARC). Giao tiếp cung cấp quyền truy cập từ xa vào Bộ trung tâm với việc sử dụng phần mềm F-Link (J-Link), báo cáo sự kiện cho người dùng, điều khiển từ xa của hệ thống.

**Giao tiếp LAN** - được bao gồm trong Bộ trung tâm và nó cung cấp kết nối với Internet. Nó cho phép truy cập nhanh từ xa bằng phần mềm F-Link và J-Link và nó cũng có thể truyền dữ liệu đến trung tâm nhận báo động (ARC) được trang bị công nghệ tiếp nhận cho giao thức JABLOTRON. Trong cài đặt Bộ trung tâm, bạn có thể chọn loại giao tiếp nào sẽ là chính và loại nào sẽ được sử dụng làm bản sao lưu.

**Phân khu** - một hệ thống có thể được chia thành các phân khu có thể được thiết lập và bỏ cài đặt độc lập. Một phân khu cũng có thể là một căn hộ riêng biệt trong một tòa nhà chung cư, một cửa hàng trong một trung tâm mua sắm, một bộ phận trong một công ty hoặc một tòa nhà văn phòng. Phân khu phụ thuộc lẫn nhau có thể được thiết lập theo cách nó nhắc nhở bạn rằng phân khu được bảo vệ bởi Bộ trung tâm của riêng bạn (quyền truy cập, báo cáo, hiển thị mọi thứ trên bàn phím, chỉ báo âm thanh, Service MyJABLOTRON ...).

**Phân khu chung** - là một phần riêng biệt được thiết kế để trở thành một phân khu vượt trội cho một nhóm các phân khu khác được chọn. Khi phân khu phụ cuối cùng được thiết lập, phân khu chung sau đó được đặt tự động. Khi phân khu phụ đầu tiên không được cài đặt thì phân khu chung cũng không được cài đặt. Mục đích là để đảm bảo các khu vực như hội trường, nhà vệ sinh, nhà bếp trong các công ty, v.v. Chúng tôi khuyên bạn không nên trực tiếp kiểm soát Khu vực chung.

**Phân khu chung** - là một chức năng của một phân khu bàn phím, cho phép bạn điều khiển nhiều phân khu cùng một lúc chỉ với một phân khu. Các phân khu này phải được đặt thành các phân khu riêng biệt trên bàn phím cụ thể. Mỗi bàn phím có thể có tối đa hai phân khu với chức năng phân khu chung để điều khiển hai nhóm khác nhau.

**Thiết lập một phần** - có thể điều chỉnh cho từng phân khu riêng biệt. Nếu chế độ này được thiết lập, hệ thống không phản ứng với các cảm biến được gắn "trong nhà" (tức là cảm biến không gian trong nhà). Do đó, ví dụ khu vực trong nhà được di chuyển bình thường, nhưng hệ thống sẽ kích hoạt báo động hoặc delay chờ vào khi cửa mở ra hoặc có chuyển động trong nhà xe, hầm rượu, v.v. Nếu một phân khu được thiết lập hoàn toàn, Phân khu sẽ kích hoạt tất cả các cảm biến được gắn cho nó.

**Bypass** – trạng thái hoạt động của thiết bị hoặc lỗi có trong hệ thống được xác nhận trong quá trình cài đặt hệ thống. Trạng thái kích hoạt input bị bỏ qua sau khi bypass cho đến khi thiết bị bị vô hiệu hóa. Trước khi input bị vô hiệu hóa, thiết bị vẫn đang được bảo vệ. Bằng cách bypass các lỗi hệ thống, người dùng xác nhận rằng lỗi đã được nhận dạng, nhưng không thay đổi trạng thái (lỗi vẫn còn hiện diện trong hệ thống). Chức năng phụ thuộc vào tùy chọn được đưa ra bởi tham số Phương thức cài đặt (Ways of setting)

**Chặn (Block)** - nó chặn input thiết bị đang hoạt động để kích hoạt PG output hoặc kích hoạt bất kỳ

phản ứng nào. Việc chặn có thể thực hiện thủ công bằng bàn phím LCD, J-Link hoặc F-Link hoặc qua ứng dụng MyJABLOTRON. Bằng cách này, có thể chặn input thiết bị bất cứ lúc nào, không chỉ trong quá trình cài đặt. Chức năng phụ thuộc vào tùy chọn được đưa ra bởi tham số Ways of Setting.

**Autobypass** – tự động bỏ qua phản ứng của hệ thống đối với thiết bị theo tùy chọn. Kích hoạt input sau khi kích hoạt 3x hoặc báo động 3x (tùy chọn). Lỗi sau lỗi thứ 3 được kích hoạt.

**Vô hiệu hóa (Disabling)** – tùy chọn này phục vụ cho việc tạm thời vô hiệu hóa thủ công các phân khu, thiết bị, người dùng, PG output hoặc lịch trình. Phân khu mà Bộ trung tâm được chỉ định không thể bị vô hiệu hóa và điều này cũng đúng với Service mode ở vị trí 0 và Administrator's code ở vị trí 1. Đối với các thiết bị chúng tôi phân biệt Chặn (dành cho kích hoạt input) và Vô hiệu hóa thiết bị, xem chương “**Lỗi! Không tìm thấy nguồn liên kết**”. Các tùy chọn vô hiệu hóa và chặn.

**Cách thiết lập (Ways of setting)** – lựa chọn mức độ của quy trình thiết lập hệ thống. Các tùy chọn là từ mức thấp nhất mà hệ thống không kiểm tra bất cứ điều gì (luôn luôn đặt) lên đến mức cao nhất mà hệ thống không cho phép bạn đặt nếu bất kỳ thiết bị nào được kích hoạt (ví dụ như cửa sổ mở), xem chương 9.11 “**Các trở ngại ngăn cản việc thiết lập hệ thống**”.

**Lịch sử sự kiện** - hệ thống ghi lại các sự kiện xảy ra trong bộ nhớ của nó. Nội dung của bộ nhớ có thể được xem từ phần mềm F-Link (J-Link), từ bàn phím LCD hoặc từ ứng dụng MyJABLOTRON. Sự khởi đầu của một sự kiện thường được đăng ký dưới dạng Kích hoạt (trạng thái của thiết bị, lỗi, Tamper, v.v.) Và kết thúc một sự kiện như hủy kích hoạt. Trạng thái của các phân khu được đăng ký là Cài đặt / Hủy đặt, trạng thái báo động là Báo động / Hết hạn báo động, Báo động ngầm hoặc Hủy báo động.

ID	Time	Source	Section	Event	Channel
59	9/4/2014 9:59:32 AM	Detector 11: Living room	2: Section 2	Instant activation	11: Device 11
60	9/4/2014 9:59:32 AM	Detector 11: Living room	2: Section 2	Instant Deactivation	11: Device 11
61	9/4/2014 9:59:32 AM	Detector 11: Living room	2: Section 2	Instant alarm	11: Device 11
62	9/4/2014 9:59:33 AM	Detector 4: Kitchen window	1: Section 1	Instant activation	4: Device 4
63	9/4/2014 9:59:33 AM	Detector 4: Kitchen window	1: Section 1	Instant alarm	4: Device 4

Kích hoạt và hủy kích hoạt cảm biến từ. Bắt đầu và Kết thúc báo động

Một số sự kiện có thể chỉ lưu khi kích hoạt (ví dụ: Hình ảnh mới, Báo động khẩn cấp, Thay đổi cấu hình).

**Thẻ nhớ microSD** – Bộ trung tâm sử dụng thẻ nhớ microSD làm bộ nhớ. Sau khi kết nối Bộ trung tâm với PC bằng cáp USB, hai ổ đĩa sẽ được hiển thị trong Trình quản lý tệp. FLEXI\_CFG và FLEXI\_LOG. Dung lượng của thẻ có thể lên tới 4GB (SD / SD-HC). Trước khi sử dụng thẻ SD hoàn toàn mới, thực hiện RESET Bộ trung tâm để có được cài đặt mặc định, xem chương 12 “RESET Bộ trung tâm”. Sau đó thực hiện nâng cấp firmware, xem chương 13 Cập nhật . Quy trình này lưu tất cả các tệp cần thiết (văn bản mặc định, giọng nói, v.v.) vào thẻ SD.

**FLEXI\_CFG** - với các thư mục và tệp ẩn có chứa cài đặt hệ thống. Không thay đổi nội dung của ổ đĩa để tránh mất chức năng của hệ thống. Ổ đĩa này cũng chứa thư mục J-Link với phần mềm J-Link.exe, có thể được điều hành và sử dụng bởi Quản trị viên Hệ thống.

**FLEXI\_LOG** – chứa thư mục PHOTO và FLEXILOG. Tệp TXT, nơi tất cả các sự kiện hệ thống được ghi lại. Dữ liệu đã chọn từ tệp có thể được xem trong F-Link / Lịch sử Sự kiện. Thư mục PHOTO được sử dụng để lưu trữ các tệp hình ảnh đã được gửi đến Bộ trung tâm từ các thiết bị camera (ví dụ: từ Cảm biến chuyển động kết hợp camera). Cả hai loại tệp (txt và jpg) đều được lưu trữ ở dạng được mã hóa và nội dung của chúng không thể xem được với phương thức văn bản và hình ảnh thông thường. Nội dung PHOTO chỉ có thể được xem nếu phần mềm F-Link (J-Link) cũng được chạy trong PC cùng một lúc và Service hoặc Quản trị viên cấp phân quyền được xác nhận bằng cách nhập mã tương ứng. Các sự kiện được ghi lại trong FLEXILOG. Tệp TXT lên đến kích thước 10 MB, sau đó tệp được đổi tên thành FLEXILOG. OLD và một tệp tin mới được tạo ra.



## 1.1 Yêu cầu khi cấu hình hệ thống cơ bản

Ghi nhớ yêu cầu tiêu chuẩn khi thiết kế hệ thống. Các Bộ trung tâm JA-103/107K có thể được thiết lập theo **System profile** được thiết lập sẵn để tuân thủ tất cả các điều kiện sau (profiles):

1. Mặc định – Cấu hình cài đặt sẵn nhà máy, tất cả các thông số hệ thống đều là tùy chọn.
2. EN50131-1, Lớp 2 – Cấu hình đặt trước một số thông số hệ thống cụ thể (dùng điều khiển Bảng bàn phím, chuông báo động, v.v.) theo yêu cầu tiêu chuẩn bảo mật grade 2. Các thông số không thể Thay đổi.
3. INCERT, Grade 2 – Cấu hình đặt trước một số thông số hệ thống cụ thể (có giá trị đối với Bộ trung tâm, bàn phím, chuông báo động, v.v.) theo các yêu cầu định mức nhất định có giá trị đối với bảo mật grade 2. Các tham số không thể thay đổi.

Liên quan đến báo cáo báo động, có giá trị đối với bảo mật cấp 2, Bộ trung tâm phải được cài đặt theo một trong các cấu hình sau đây ở mức tối thiểu:

- Ít nhất một chuông báo động với pin dự phòng (ví dụ: JA-111A hoặc JA-163A) và giao tiếp LAN \* hoặc giao tiếp GSM.
- Hai giao tiếp độc lập, ví dụ LAN + GSM.

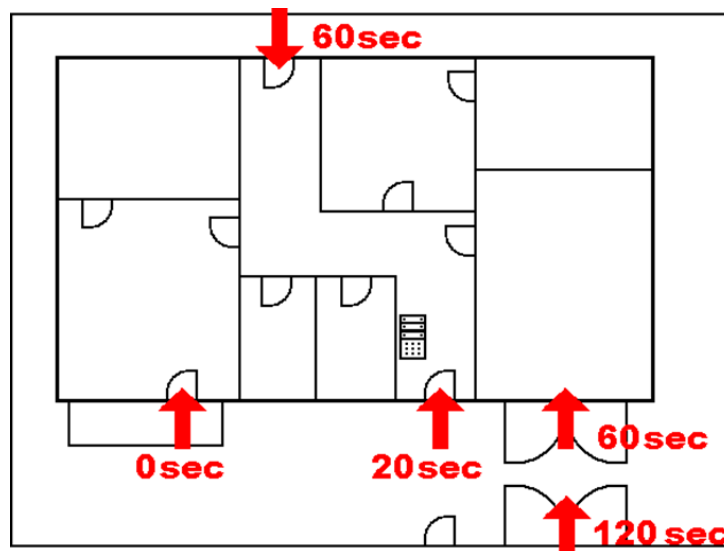
**\* Lưu ý:** Đảm bảo rằng tất cả các thiết bị LAN cung cấp kết nối với mạng Internet đã được trang bị nguồn dự phòng!

Trong quá trình thiết kế hệ thống, cần phải tính đến việc chia thành các phân khu và trì hoãn vào được thiết lập sẵn để có thể thiết lập định nghĩa về các khu vực trì hoãn. Có thể có 3 loại khu vực bị trì hoãn (Delay A, Delay B và Delay C), mỗi khung giờ có bộ hẹn giờ riêng để đặt trước thời gian vào và ra.

**Ví dụ:** Một ngôi nhà gia đình điển hình với một nhà để xe. Chu vi được bảo vệ bởi các cảm biến ngoài trời:

Cổng chính hoặc cổng vào và cả cửa chính được bảo vệ bởi một cảm biến từ. Cửa nhà để xe và cửa sau cũng vậy. Toàn bộ chu vi tòa nhà và nhà để xe được gán vào 1 phân khu. Bàn phím hệ thống được đặt ở sảnh vào \*.

\* Nên sử dụng nhiều bàn phím luôn gần cửa ra vào các khu vực được bảo vệ. Đảm bảo rằng trạng thái của hệ thống và mã người dùng không thể bị nhận ra bởi một kẻ trộm tiềm năng.



Vị trí và tên của cảm biến	Phản ứng	Thời gian vào	Thời gian ra
1. Cảm biến từ – Cổng chính ngoài trời	Hoãn báo động C	120 s	360 s
2. Cảm biến chuyển động – Chuyển động ngoài trời	Hoãn báo động C	120 s	360 s
3. Cảm biến từ – Cửa nhà để xe	Hoãn báo động B	60 s	120 s
4. Cảm biến từ – Cửa sau	Hoãn báo động B	60 s	120 s
5. Cảm biến chuyển động – Nhà để xe PIR	Hoãn báo động tiếp theo	60 s	120 s

	(Hoãn báo động loại B)		
6. Cảm biến từ – Cửa chính	Hoãn báo động A	20 s	60 s
7. Cảm biến chuyển động – Hội trường PIR	Hoãn báo động tiếp theo (Hoãn báo động loại A)	20 s	60 s
9. Cảm biến từ – Cửa ban công	Ngay lập tức	0 s	0 s
9. Cảm biến chuyển động – Phòng PIR	Ngay lập tức	0 s	0 s

### **Biến thể 1:**

- Chờ vào được bảo vệ (hệ thống là CÀI ĐẶT) thông qua cửa chính kích hoạt Hoãn báo động loại A (**20 s**) và hệ thống bắt đầu đếm thời gian để kích hoạt hệ thống (Hoãn chờ vào).
- Nhập mã hợp lệ trên bàn phím và nhấn nút màu xanh lá cây trên phân khu bàn phím là tắt kích hoạt hệ thống. Khi mã truy cập hợp lệ không được nhập và tắt hệ thống trong thời gian trì hoãn chờ vào thì báo động sẽ được kích hoạt (Thời gian hoãn báo động A).

### **Biến thể 2:**

- Chờ vào được bảo vệ (hệ thống là CÀI ĐẶT) thông qua cửa sau hoặc cửa nhà để xe kích hoạt Hoãn báo động loại B (**60 s**) và hệ thống bắt đầu đếm thời gian để kích hoạt hệ thống (Hoãn chờ vào).
- Tiếp theo cảm biến phát hiện chuyển động với phản ứng Hoãn báo động loại A rút ngắn hoãn chờ vào theo Hoãn báo động loại A (20 s) nếu độ trễ ngắn hơn Hoãn báo động loại B.
- Nhập mã hợp lệ trên bàn phím và nhấn nút màu xanh lá cây trên phân khu bàn phím là tắt hệ thống. Khi mã truy cập hợp lệ không được nhập và tắt hệ thống trong thời gian hoãn chờ vào thì báo động sẽ được kích hoạt - từ khu vực mà thời gian hết hạn đầu tiên (Thời gian hoãn báo động A, Thời gian hoãn báo động B).

### **Biến thể 3:**

- Chờ vào khu vực được bảo vệ (hệ thống là CÀI ĐẶT) bằng cách kích hoạt bất kỳ cảm biến ngoài trời nào (mở cổng chính, cổng vào hoặc kích hoạt PIR ngoài trời) kích hoạt thời gian vào khu vực Hoãn báo động loại C (**120 giây**) và hệ thống bắt đầu đếm thời gian để kích hoạt hệ thống (Hoãn chờ vào).
- Khi mở cửa nhà để xe và kích hoạt cảm biến từ, hệ thống bắt đầu đếm thời gian Hoãn báo động loại B (60 s) và nó rút ngắn thời gian của vùng Hoãn báo động loại C đã được kích hoạt (nếu độ trễ C không ngắn hơn Hoãn báo động loại B).
- Đi qua cửa chính kích hoạt thời gian hoãn báo động A (20 giây) và nó rút ngắn thời gian vào cửa (nếu độ trễ B hoặc độ trễ C không ngắn hơn độ trễ A).
- Nhập mã hợp lệ trên bàn phím và nhấn nút màu xanh lá cây trên phân khu bàn phím là tắt hệ thống. Khi mã truy cập hợp lệ không được nhập và tắt hệ thống trong thời gian hoãn chờ vào thì một báo động sẽ được kích hoạt - từ khu vực mà thời gian hết hạn đầu tiên (Thời gian hoãn báo động A, Thời gian hoãn báo động B, Thời gian hoãn báo động C).

## **1.2 Mã truy cập và thiết lập mặc định của chúng**

Phân quyền là cần thiết bằng mã hợp lệ (4, 6 hoặc 8 chữ số) hoặc bằng cách áp dụng thẻ RFID hoặc chip từ cho module phân quyền (bàn phím) để có thể vận hành hệ thống (bật, tắt hoặc để kiểm tra trạng thái của một số phần hoặc thiết bị). Theo mức độ phân quyền của người dùng cụ thể, hệ thống hiển thị cho bạn tất cả thông tin và cho phép kiểm soát hệ thống phù hợp với quyền truy cập của bạn.

Việc cho phép điều khiển hệ thống bằng bàn phím hoặc sử dụng phần mềm F-Link (J-Link), ứng dụng MyJABLOTRON hoặc menu giọng nói phải được thực hiện bằng cách nhập mã số. Mã có thể được nhập bằng tiền tố hoặc không có tiền tố (cài đặt mặc định).

### **Nhập mã không có tiền tố ở định dạng sau:**

**cccc**

trong đó: **cccc** là mã 4, 6 hoặc 8 chữ số, mã số 0000 đến 99999999 được phép

**Bộ trung tâm thường có 2 mã mặc định:**

Mã mặc định không có tiền tố	4 chữ số	6 chữ số	8 chữ số
------------------------------	----------	----------	----------

<b>Service</b>	<b>1010</b>	<b>101010</b>	<b>10101010</b>
<b>Quản trị viên</b>	<b>1234</b>	<b>123456</b>	<b>12345678</b>

Các mã mặc định được điền tự động bởi phần mềm F-Link, vì vậy từ lần kích hoạt đầu tiên cho đến khi mã thay đổi, phần mềm không yêu cầu chúng. Tuy nhiên, vì lý do bảo mật ngay sau khi cài đặt xong, bắt buộc phải thay đổi tất cả các mã mặc định. Nếu cả hai mã không thay đổi, khi Chế độ Service được thoát khỏi sms được gửi đến số điện thoại Service, báo cáo "**Cảnh báo, mã mặc định, Phần 1**" (có thể bị hủy trong Tham số "Cảnh báo mã mặc định").

Đối với các hệ thống có số lượng người dùng cao hơn, tiền tố có thể được kích hoạt. Với tiền tố được kích hoạt, người dùng có thể tự thay đổi mã từ bàn phím LCD. Tiền tố có thể được bật trong tab Thiết lập Ban đầu trong F-Link.

#### **Nhập mã có tiền tố ở định dạng sau:**

**ppp\*cccc**

trong đó: **ppp** là số tuần tự (vị trí từ **0 đến 600**) của người dùng (được gọi là tiền tố)

\* là dấu phân cách (\* phím)

**cccc** là mã 4, 6 hoặc 8 chữ số, mã 0000 đến 99999999 được phép

**Trong trường hợp đó, mã Service và Quản trị viên được đặt như sau:**

<b>Mã mặc định với tiền tố</b>	<b>4 chữ số</b>	<b>6 chữ số</b>	<b>8 chữ số</b>
<b>Service</b>	<b>0*1010</b>	<b>0*101010</b>	<b>0*10101010</b>
<b>Quản trị viên</b>	<b>1*1234</b>	<b>1*123456</b>	<b>1*12345678</b>

**Lưu ý:** Mã **Service** phải luôn bắt đầu với tiền tố **0**.

Mã **Quản trị viên** phải luôn bắt đầu với tiền tố **1**.

**Cảnh báo:** Khi Tiền tố bị vô hiệu hóa, mã sẽ luôn được thay đổi thành các giá trị mặc định và tất cả các mã khác bị xóa (tất cả các thẻ / thẻ RFID truy cập vẫn còn). Khi Tiền tố được bật, tất cả các mã và thẻ / thẻ sẽ vẫn được đặt và tiền tố sẽ chỉ được thêm vào.

#### **1.2.1 Thay đổi mã truy nhập**

Khi tùy chọn "Mã với tiền tố" được bật thì Bộ trung tâm cho phép kết hợp chữ số tùy ý của mã 4 - 8 chữ số cho mỗi người dùng (họ thậm chí có thể có cùng một mã với tiền tố khác nhau). Mỗi người dùng có phân quyền "Người dùng" và tham số được kiểm tra "Thay đổi mã cho phép" có tùy chọn chỉnh sửa mã của riêng mình.

#### **Mã truy cập có thể được thay đổi bằng cách:**

- Bàn phím LCD (PC phải được ngắt kết nối với Bộ trung tâm, không có kết nối từ xa hoặc cục bộ).
  - Phần mềm J-Link (người dùng) có sẵn trong bộ nhớ Bộ trung tâm (nó xuất hiện khi bạn kết nối cáp USB) hoặc phần mềm F-Link (Kỹ thuật viên) có thể được tải xuống từ MyCOMPANY.
  - Ứng dụng điện thoại thông minh MyJABLOTRON (từ phiên bản 3.5).
- Khi tùy chọn "Mã với tiền tố" bị vô hiệu hóa thì Bộ trung tâm cho phép kết hợp mã 4 - 8 chữ số cho mỗi người dùng, nhưng Bộ trung tâm hạn chế sử dụng cùng một giá trị mã cho một người dùng khác đã được sử dụng trong hệ thống. Chỉ có Quản trị viên hệ thống có thể chịu trách nhiệm hoàn toàn về việc chỉnh sửa mã người dùng đã có và gán mã mới.

#### **Mã truy nhập chỉ có thể được thay đổi bởi Quản trị viên:**

- Bàn phím LCD (PC phải được ngắt kết nối với Bộ trung tâm, không có kết nối từ xa hoặc cục bộ).
- Phần mềm J-Link (quản trị viên) có sẵn trong bộ nhớ Bộ trung tâm (nó xuất hiện khi bạn kết nối cáp USB) hoặc phần mềm F-Link (Kỹ thuật viên) có thể được tải xuống từ MyCOMPANY.
- Ứng dụng điện thoại thông minh MyJABLOTRON (phiên bản 3.5 trở lên).

#### **1.2.2 Mã truy cập bảo mật và thiết bị RFID**

Bộ trung tâm cho phép bạn gán một mã 4, 6 hoặc 8 chữ số và tối đa hai thẻ RFID cho mọi người dùng được phân quyền. Cần cấp quyền khi hệ thống được vận hành với bàn phím, menu thoại, bằng PC, web hoặc ứng dụng thông minh. Mức độ bảo mật là đủ cho thực tế sử dụng và nó có thể

được đại diện bằng các con số.

Tính toán kết hợp mã theo 1 người dùng được hiển thị trong các ví dụ sau:

Tham số bộ trung tâm	4 chữ số	6 chữ số	8 chữ số
"Mã với tiền tố" được kích hoạt	= $10^4 = (10.000)$	= $10^6 = (1.000.000)$	= $10^8 = (100.000.000)$
"Mã với tiền tố" và "Kiểm soát truy cập bắt buộc" bị vô hiệu hóa	= $10^4 - (\text{số người dùng trong hệ thống} - 1)$	= $10^6 - (\text{số người dùng trong hệ thống} - 1)$	= $10^8 - (\text{số người dùng trong hệ thống} - 1)$
"Mã có tiền tố" bị vô hiệu hóa và "Kiểm soát truy cập bắt buộc" được bật	$\leq 10^4 - ((\text{số người dùng trong hệ thống} - 1) * 3)$	$\leq 10^6 - ((\text{số người dùng trong hệ thống} - 1) * 3)$	$\leq 10^8 - ((\text{số người dùng trong hệ thống} - 1) * 3)$
Chỉ sử dụng thẻ RFID với 14 ký tự (6 biến cố định + 8)	= $10^8 = (100.000.000)$	= $10^8 = (100.000.000)$	= $10^8 = (100.000.000)$
"Mã với tiền tố" và "Xác nhận thẻ với mã" được bật	= $(10^8 * 10^4) = 10^{12} = (1.000.000.000.000)$	= $(10^8 * 10^6) = 10^{14} = (100.000.000.000.000)$	= $(10^8 * 10^8) = 10^{16} = (1.000.000.000.000.000)$
"Mã có tiền tố" bị vô hiệu hóa và "Xác nhận thẻ có mã" được bật	= $10^8 * (10^4 - (\text{số người dùng trong hệ thống} - 1))$	= $10^8 * (10^6 - (\text{số người dùng trong hệ thống} - 1))$	= $10^8 * (10^8 - (\text{số người dùng trong hệ thống} - 1))$

**Ví dụ:** Sử dụng mã truy cập 4 chữ số tiêu chuẩn với chức năng được kích hoạt gọi là "Mã có tiền tố", có thể đạt  $10^4$  (10.000) tổ hợp mã cho mỗi người dùng. Số lượng kết hợp được giảm bằng cách vô hiệu hóa tiền tố và tăng số lượng người dùng. Nó cũng phụ thuộc vào tham số "Kiểm soát truy cập bắt buộc" vì nó thêm một mã nữa cho mỗi người dùng.

Một giải pháp để làm thế nào để giảm nguy cơ phá vỡ mã có thể như sau:

- Sử dụng mã 6 hoặc 8 chữ số.
- Chọn mức phân quyền cao hơn như "Xác nhận thẻ có mã" hoặc "Phân quyền kép".
- Sử dụng thẻ / thẻ RFID không tiếp xúc JABLOTRON (JA-19xJ).

Bộ trung tâm đếm các lần nhập sai mã và nếu đạt đến **lần thứ 10**, hệ thống sẽ kích hoạt sự kiện Tamper "Lần phá mã" và báo cáo sự kiện này đến các số điện thoại được xác định trước. Không áp dụng thêm việc chặn nhập các mã khác vào hệ thống. Sau khi nhập mã hợp lệ, bộ đếm của các mã nhập sai được đặt lại và báo động kích hoạt chấm dứt. Bộ đếm này được đặt sẵn thành 10 lần thử và nó không thể thay đổi.

### 1.2.3 Kiểm tra hệ thống thường xuyên (bảo trì)

Toàn bộ hệ thống bảo mật yêu cầu kiểm tra định kỳ về độ chính xác chức năng của nó và của tất cả các bộ phận của nó nhưng cũng làm sạch, kiểm tra trực quan bên ngoài (bụi và bụi bẩn, thường được thực hiện bởi người dùng hệ thống) và trong nhà (mạng nhận, côn trùng, tình trạng pin, v.v. được thực hiện bởi Kỹ thuật viên). Một số phần cụ thể của hệ thống có thể thực hiện tự kiểm tra và báo cáo lỗi có thể cho Bộ trung tâm và nó thông báo về trạng thái này theo cài đặt. Hầu như tất cả các bước bảo trì được yêu cầu phải được thực hiện bởi một Kỹ thuật viên trong quá trình kiểm tra hệ thống hàng năm.

Pin dự phòng chính được kiểm tra định kỳ một vài lần mỗi phút bởi Bộ trung tâm bằng cách sử dụng kiểm tra tải. Pin thiết bị không dây (trong cảm biến, bàn phím, chuông báo động, điều khiển từ xa) được tự động kiểm tra với mọi đường truyền thử nghiệm định kỳ. Hệ thống báo cáo pin yếu từ mọi thiết bị đã đăng ký từ thời điểm nó xuất hiện cho đến khi thay thế trên bàn phím LCD, cuối cùng cũng thông qua báo cáo SMS được thiết lập sẵn. Việc thay thế pin có thể được thực hiện bởi một Kỹ thuật viên ở Chế độ Service hoặc bởi Quản trị viên ở chế độ Bảo trì (Maintenance mode). Khi pin được tháo ra, cần phải đợi một khoảng thời gian (ít nhất 20 giây) để xả bất kỳ tụ điện trong

nhà nào và sau đó chèn pin mới.

**Tổng quan về bảo trì / kiểm soát chức năng được đề xuất:**

Loại thiết bị	Mô tả	Người thực hiện hành động	Tần suất của hành động
Cảm biến báo cháy	Kiểm tra các chức năng; Thông báo cho trung tâm ARC trước khi bạn tiến hành!	Quản trị viên	Mỗi tháng một lần
	Làm sạch bụi bẩn.	Quản trị viên	Mỗi năm một lần
	Kiểm tra pin (BUS và các thiết bị không dây).	Kỹ thuật viên	Mỗi năm một lần
Nút nhấn khẩn cấp	Kiểm tra các chức năng; Thông báo cho trung tâm ARC trước khi bạn tiến hành!	Quản trị viên	Mỗi tháng một lần
	Kiểm tra pin, đo điện áp, trạng thái vật lý.	Kỹ thuật viên	Mỗi năm một lần
Cảm biến	Làm sạch bụi bẩn.	Quản trị viên	Mỗi năm một lần
	Kiểm tra các chức năng; thử nghiệm phạm vi RF cho cảm biến không dây. Đối với cảm biến có kiểm tra camera tích hợp bằng cách chụp ảnh.	Kỹ thuật viên	Mỗi năm một lần
	Kiểm tra pin, đo điện áp của mọi pin, trạng thái vật lý, v.v.	Kỹ thuật viên	Mỗi năm một lần
Bàn phím	Làm sạch bụi bẩn.	Quản trị viên	Mỗi năm một lần
	Kiểm tra mọi nút, phân khu và cảm biến RFID; kiểm tra phạm vi RF cho bàn phím không dây.	Kỹ thuật viên	Mỗi năm một lần
	Kiểm tra tình trạng pin và trạng thái vật lý của chúng, đo điện áp của mọi pin, v.v.	Kỹ thuật viên	Mỗi năm một lần
Chuông báo động	Làm sạch bụi bẩn, côn trùng, kiểm tra sự xâm nhập của nước vào PCB, v.v.	Kỹ thuật viên	Mỗi năm một lần
	Kiểm tra các chức năng; kiểm tra phạm vi RF cho chuông báo động không dây.	Kỹ thuật viên	Mỗi năm một lần
	Kiểm tra pin hoặc pin dự phòng, đo lường, trạng thái vật lý, đo điện áp của mọi pin, v.v.	Kỹ thuật viên	Mỗi năm một lần
Điều khiển từ xa (RC)	Kiểm tra các chức năng; Phạm vi RF, kiểm tra chỉ định batt thấp. Dọn dẹp hoặc thay thế nhà ở nhựa.	Quản trị viên hoặc Kỹ thuật viên	Mỗi năm một lần
Trạng thái báo động	Kiểm tra giao tiếp với trung tâm ARC, cuộc gọi thoại và báo cáo SMS.	Quản trị viên hoặc Kỹ thuật viên	Mỗi năm một lần
Pin dự phòng trong bộ trung tâm	Kiểm tra trong quá trình ngắt kết nối nguồn điện (AC) và đo điện áp của pin dự phòng sau 5 phút không có nguồn điện.	Kỹ thuật viên	Mỗi năm một lần
PG Output (PG)	Kiểm tra các chức năng; Phạm vi RF của các module không dây.	Kỹ thuật viên	Mỗi năm một lần

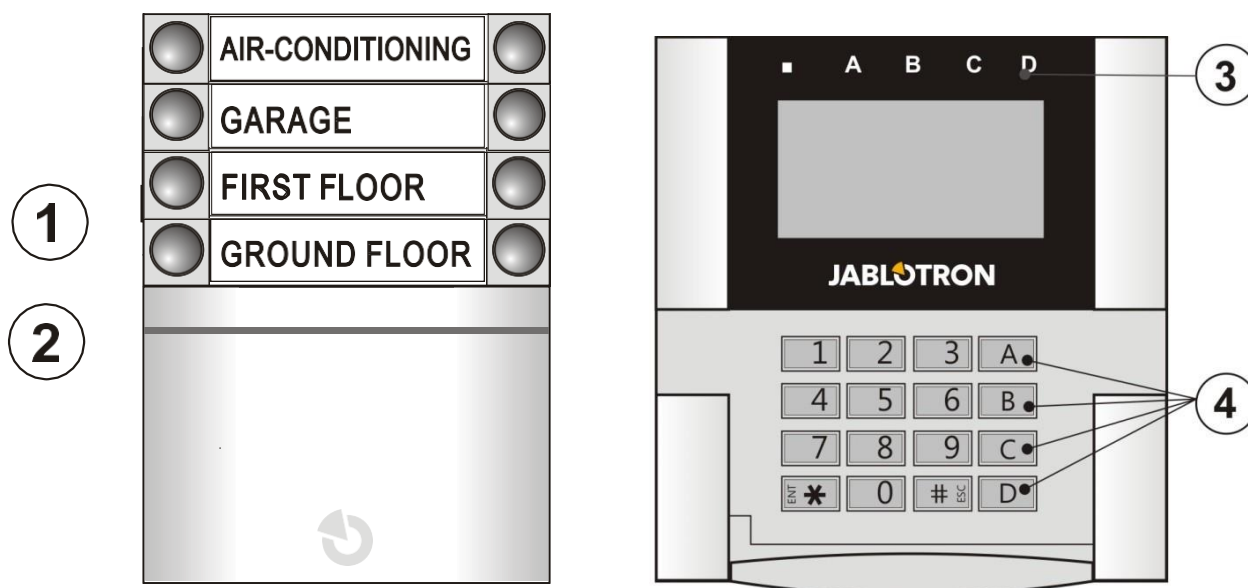
Tất cả các hoạt động được khuyến nghị bởi nhà sản xuất nhưng không vượt qua quy định của nhà cung cấp.

## 2. Kích thước hệ thống

Phạm vi hệ thống có thể được thiết lập liên quan đến kích thước khu vực và nhu cầu của người dùng.

## 2.1 Kích thước bên ngoài

Kích thước bên ngoài của hệ thống cũng như người dùng của nó có thể được xác định bởi module truy cập (phân khu bàn phím). Bàn phím JA-110E/JA-150E có 4 nút chức năng và không thể thay đổi. Chúng có thể được thiết lập để kiểm soát các phần và PG output.



1 – phân khu điều khiển; 2 – Module truy cập; 3 – Chỉ số phân khu; 4 – Nút chức năng

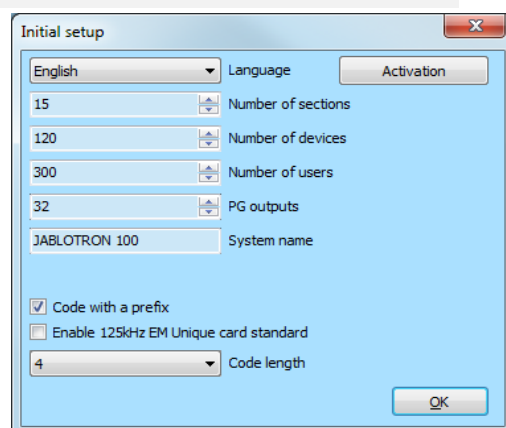
Một bàn phím có thể có tới 20 **phân khu điều khiển**. Mỗi phân khu có hai nút (TẮT - bên trái và ON - ở bên phải). Một phân khu được sử dụng để điều khiển một phần (Cài đặt / Hủy đặt), để điều khiển các thiết bị hoặc gọi hỗ trợ. Một phân khu bàn phím cũng có thể được sử dụng để chỉ trạng thái của một phân khu hoặc PG output (nó có thể chỉ ra trạng thái hoạt động cả với đèn LED màu đỏ là tiêu chuẩn và với đèn LED màu xanh lá cây - chức năng phân khu "đảo ngược"). Ví dụ, trên bàn phím có thể theo dõi và chỉ ra kích hoạt / vô hiệu hóa phân khu của cảm biến từ được cài đặt trên cửa nếu nó mở hoặc đóng. Nó có thể được đặt sẵn dưới dạng "phân khu chung" để kiểm soát đồng thời nhiều phần hơn.

Một **module truy cập** xác minh sự cho phép của người dùng. Phương pháp phân quyền được xác định bởi lựa chọn module (đầu đọc thẻ / thẻ RFID, bàn phím + đầu đọc RFID, bàn phím có màn hình LCD + đầu đọc RFID). Module cũng cho phép mở khóa cửa bằng cách áp dụng thẻ/nhập mã. Các module có sẵn trong phiên bản không dây và BUS. Các chức năng áp dụng cho cả hai. Cấu hình của bàn phím điều khiển được mô tả trong Cấu hình bàn phím chương 10.5.1 .

## 2.2 Kích thước trong nhà (phạm vi hệ thống)

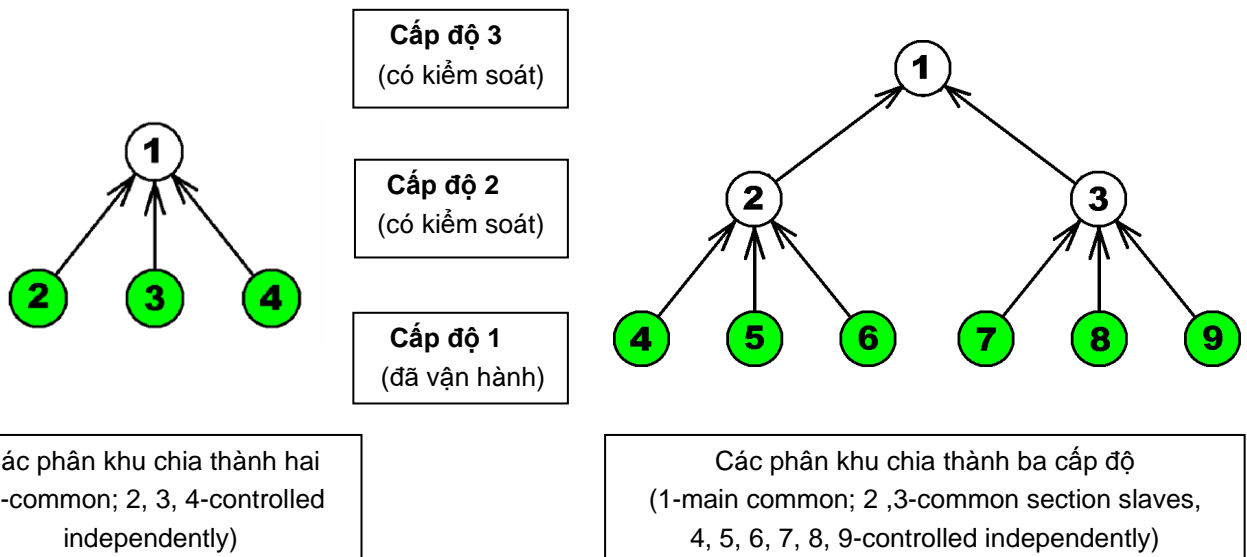
Bộ trung tâm có thể được chia thành 15 phân khu (các phân khu có thể điều chỉnh độc lập). Mỗi thiết bị đều có địa chỉ riêng (bàn phím, cảm biến, chuông báo động) và phải được gán vào phân khu. Mỗi người dùng có thể đặt phân quyền để truy cập các phân khu cần thiết. Số lượng phân khu được đặt bằng phần mềm F-Link, tab Thiết lập ban đầu. Việc cấu hình hệ thống có tổ chức hơn. Số lượng của phân khu có thể được tăng hoặc giảm (trừ khi các liên kết được thực hiện sẽ làm cho phân khu không thể giảm số lượng phần).

Số lượng thiết bị, phân khu, người dùng và PG Output được đặt bằng phần mềm F-Link. Bạn có thể tạo một hệ thống cho cả một căn hộ nhỏ với một phân khu và một số thiết bị, và cho một tòa nhà lớn tận dụng tối đa hệ thống JABLOTRON 100+ với các phân khu được điều chỉnh độc lập. Một phân khu có thể được liên kết với các phân khu khác để kiểm soát chúng và trạng thái chung.



## 2.3 Cấu hình và phân nhánh

Bộ trung tâm hệ thống bảo mật JA-103K được sử dụng để bảo vệ các khu vực nhỏ. Đối với khu vực vừa và lớn, hệ thống JA-107K phù hợp hơn; nhờ phạm vi, kích thước và số lượng phân khu cung cấp một sự thay đổi tuyệt vời để phù hợp với cài đặt nhất định. Một phân khu là một phần của hệ thống mà các thiết bị liên quan đến khu vực được bảo vệ được chỉ định. Khu vực nhỏ có thể có một phân khu cơ bản (căn hộ, gia đình nhỏ nhà) và trong trường hợp này, tất cả các thiết bị được gán cho cùng một phân khu. Hệ thống cỡ vừa có thể có nhiều phân khu (ví dụ: căn hộ trong một khối căn hộ, tòa nhà công ty) và cũng có phân khu chung cấp 2 của riêng nó (sảnh chung, hầm, v.v.). Mặt bằng lớn hơn có thể có nhiều phân khu hơn (văn phòng), các phân khu chung cấp 2 (ví dụ như các tòa nhà nhiều tầng) và các mặt bằng chung như lễ tân hoặc sảnh đợi như một phân khu chung cấp 3 (xem hình). Điều rất quan trọng đối với hoạt động của các hệ thống như vậy là thiết lập phân quyền của người dùng ở mức kiểm soát thấp nhất của các phần mà họ đã chỉ định. Không phải cho cấp độ 2 và 3 của các phân khu phổ biến. Khi tất cả các phân khu được gán cho phân khu chung cấp 2 hoặc 3 được đặt thì mọi phân khu chung sẽ được đặt tự động và tự động bỏ đặt nếu ít nhất một trong các phân khu cơ bản chưa được đặt. Người dùng chỉ có thể kiểm soát các phân khu cấp 1. Xem hình sau:



Nên cho các cấp độ cao hơn của khu vực chung (cấp 2 và cấp 3) sử dụng bàn phím với số phân khu cụ thể bằng các phần được sử dụng, để xác định phần nào được cài đặt / hủy đặt sau khi vào khu vực được bảo vệ.

Đối với bàn phím cấp 1, nó là khá đủ để trang bị cho họ (các) phân khu điều khiển được gán cho một (các) phân khu cụ thể.

### 3. Loại bộ trung tâm, thông số tiện ích

Thuộc tính / Loại	JA-103K	JA-107K	Ghi chú	
Số lượng thiết bị tối đa	50	230	JA-107K Tối đa 120 thiết bị không dây trên các vị trí 1 – 120 và tối đa 60 thiết bị trên 1 BUS	
Số lượng người dùng tối đa	50	600		
Số lượng tối đa các phân khu độc lập (Phân vùng)	8	15		
Số lượng PG Output tối đa	32	128	Chỉ có PG 1 – 32 có thể được sử dụng không dây	
Giao tiếp GSM / GPRS	Không	Không	Module GSM bổ sung JA-19xY	
Giao tiếp IP LAN (Ethernet)	Có	Có		
Số lượng module radio tối đa	3	3		
Báo cáo SMS	Tối đa 8 người dùng	Tối đa 50 người dùng	5 báo cáo cho mỗi sự kiện	
Báo cáo cuộc gọi	Tối đa 8 người dùng	Tối đa 15 người dùng	5 báo cáo cho mỗi sự kiện	
Pin dự phòng 12 V được đề xuất	2.6 Ah	7 đến 18 Ah		
Mức tiêu thụ hiện tại ngắn hạn tối đa có thể	1000 mA	Dài hạn 2000 mA 3000 mA trong 60 phút. (tối đa 2000 mA mỗi BUS)		
Mức tiêu thụ dòng điện liên tục tối đa cho nguồn cung cấp dự phòng 12 giờ	PIN JA-103K – 2.6 Ah		Pin JA-107K – 18 Ah	
	Không có người giao tiếp GSM	LAN – TẮT – 115 mA LAN – BẬT – 88 mA	Không có người giao tiếp GSM	LAN – TẮT – 1135 mA LAN – BẬT – 1107 mA
	Với GSM communicator	LAN – TẮT – 80 mA LAN – BẬT - 53 mA	Với GSM communicator	LAN – TẮT – 1100 mA LAN – BẬT – 1072 mA
Cổng BUS	Bus 1 + 4 đầu nối chân (I-BUS) cho module radio	BUS 1, BUS 2 + 4 đầu nối chân (BUS 3) cho module radio hoặc JA-110Z-D Splitter	Các thiết bị đầu cuối JA-107K bị cô lập, tức là ngắt mạch của một nhánh không có bất kỳ ảnh hưởng nào đến nhánh khác.	
Độ dài cáp BUS tối đa	500 m	3 x 500m	Có thể mở rộng bằng JA-110T hoặc JA-120Z Module.	

#### 3.1 Mô tả của Bộ trung tâm JA-103K

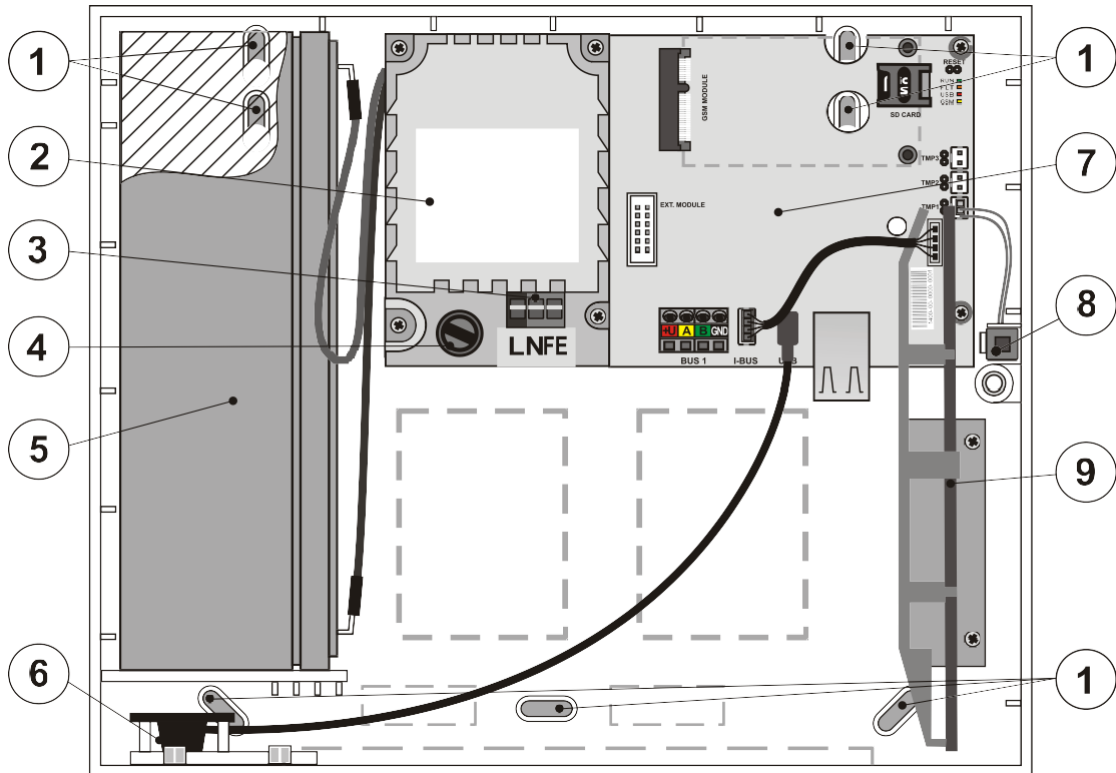
Bộ trung tâm JA-103K được thiết kế cho **các hệ thống BUS nhỏ** (giới hạn bởi đầu ra của nguồn điện) và cho các hệ thống cỡ trung bình với giao tiếp không dây. Bộ trung tâm được trang bị một Giao tiếp LAN có thể được kết nối với Internet và với khả năng gửi dữ liệu đến



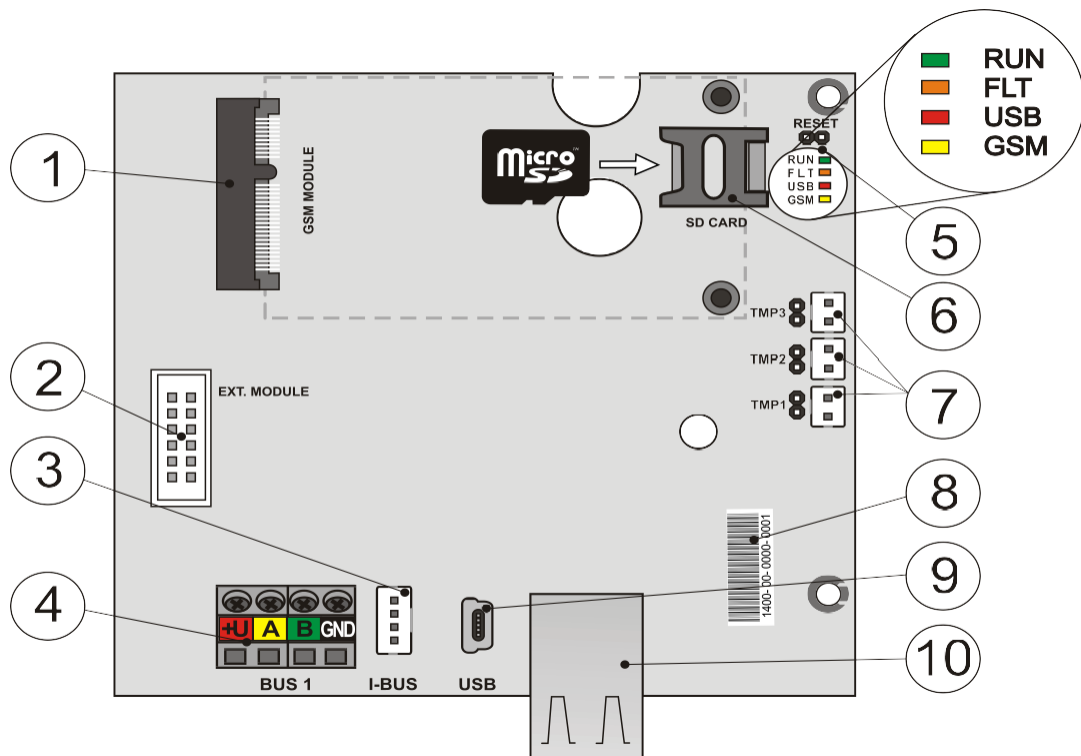
máy chủ (hình ảnh được chụp bởi các thiết bị xác minh ảnh), Service CLOUD JABLOTRON hoặc đến máy chủ của các cơ quan bảo mật với thiết bị kỹ thuật để nhận dữ liệu này. Khi kết nối internet thông qua truy cập từ xa Giao tiếp LAN cũng có thể sử dụng phần mềm F-Link (J-Link).

Bộ trung tâm có thể được mở rộng với giao tiếp bổ sung:

Giao tiếp JA-19xY – GSM cho giao tiếp GSM / GPRS. Nó cho phép các phương tiện giao tiếp và Service tương tự như Giao tiếp LAN.



1 – Lỗ gắn tường; 2 – Module cấp điện; 3 – Thiết bị đầu cuối điện; 4 – Cầu chì chính; 5 – Pin dự phòng; 6 - Đầu nối USB cho kết nối PC; 7 – Bộ trung tâm PCB; 8 – Housing tamper contact; 9 – Giá đỡ module radio JA-11xR



1 - Kết nối giao tiếp GSM; 2 – Đầu nối cho các module bổ sung; 3 – Bus terminal cho module radio nội bộ JA-11xR; 4 – BUS terminals; 5 – Đèn báo và jumper RESET; 6 – Thẻ MicroSD; 7 – Đầu nối của các tamper; 8 – Mã sản xuất; 9 - Đầu nối MiniUSB; 10 – Đầu nối LAN

**Các bộ phận của Bộ trung tâm JA-103K (các bộ phận có thể thay đổi) là:**

– Thẻ nhớ microSD

**Để mở rộng tùy chọn Bộ trung tâm sử dụng:**

- Module radio JA-11xR
- Giao tiếp GSM JA-19xY

**Phụ kiện Bộ trung tâm bao gồm:**

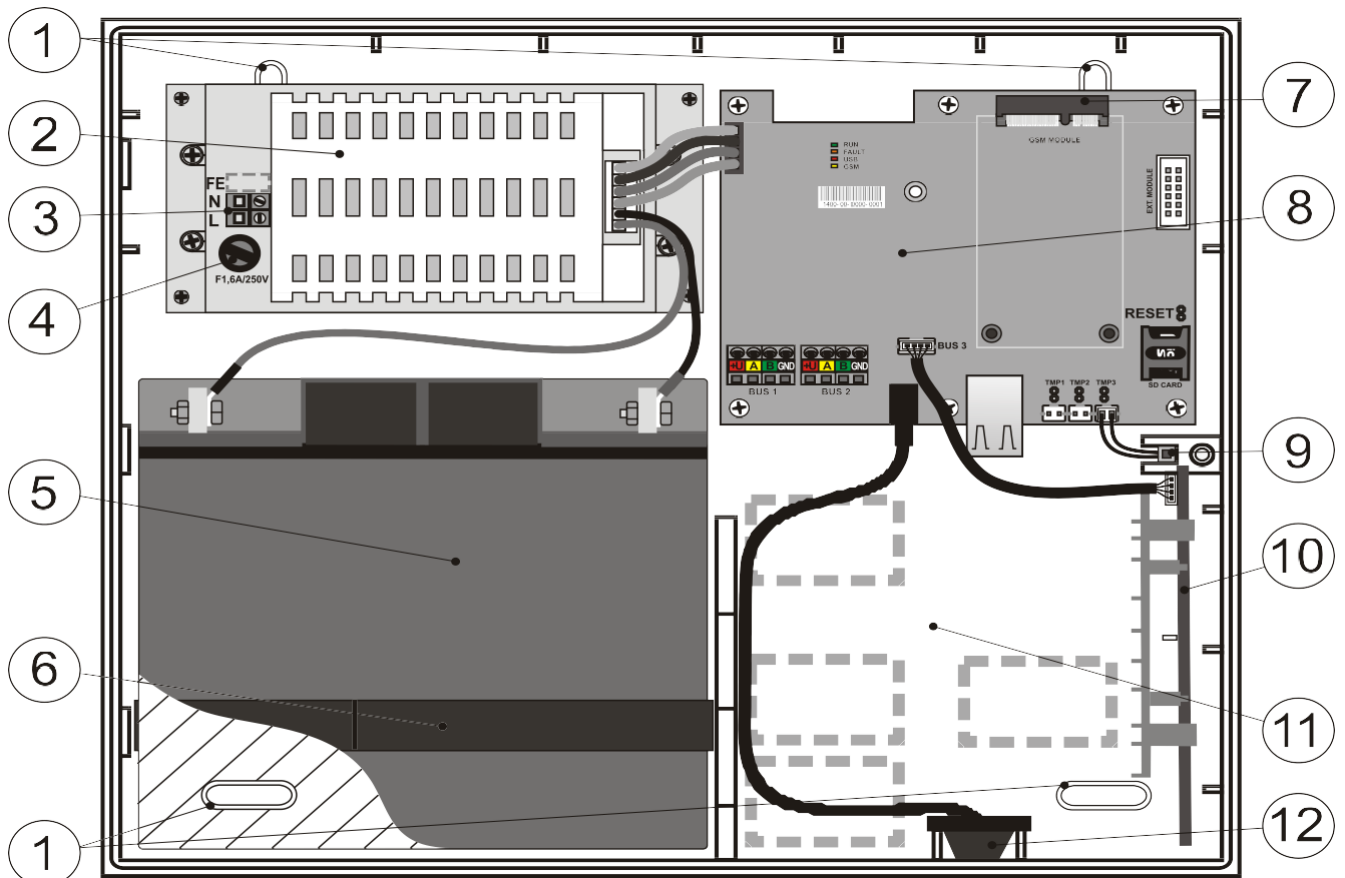
- Cáp USB 1 cái (180 cm)
- Cáp kết nối 1pc cho module radio JA-11xR
- Cáp USB mở rộng 1pc (20 cm) được cài đặt trong Bộ trung tâm
- Cầu chì 1 cái T 1,6 A; 250 V
- Jumpers 4pcs (đối với kết nối Jumper)
- Nhãn dán cảnh báo 6 cái
- Ốc vít 4 cái 8 mm
- Ốc vít 4 cái 40 mm
- 3 cái Ties 100 mm
- Mẫu khoan A4
- Hướng dẫn cài đặt CZ / EN (phiên bản ngắn)

**3.2 Mô tả của Bộ trung tâm JA-107K**

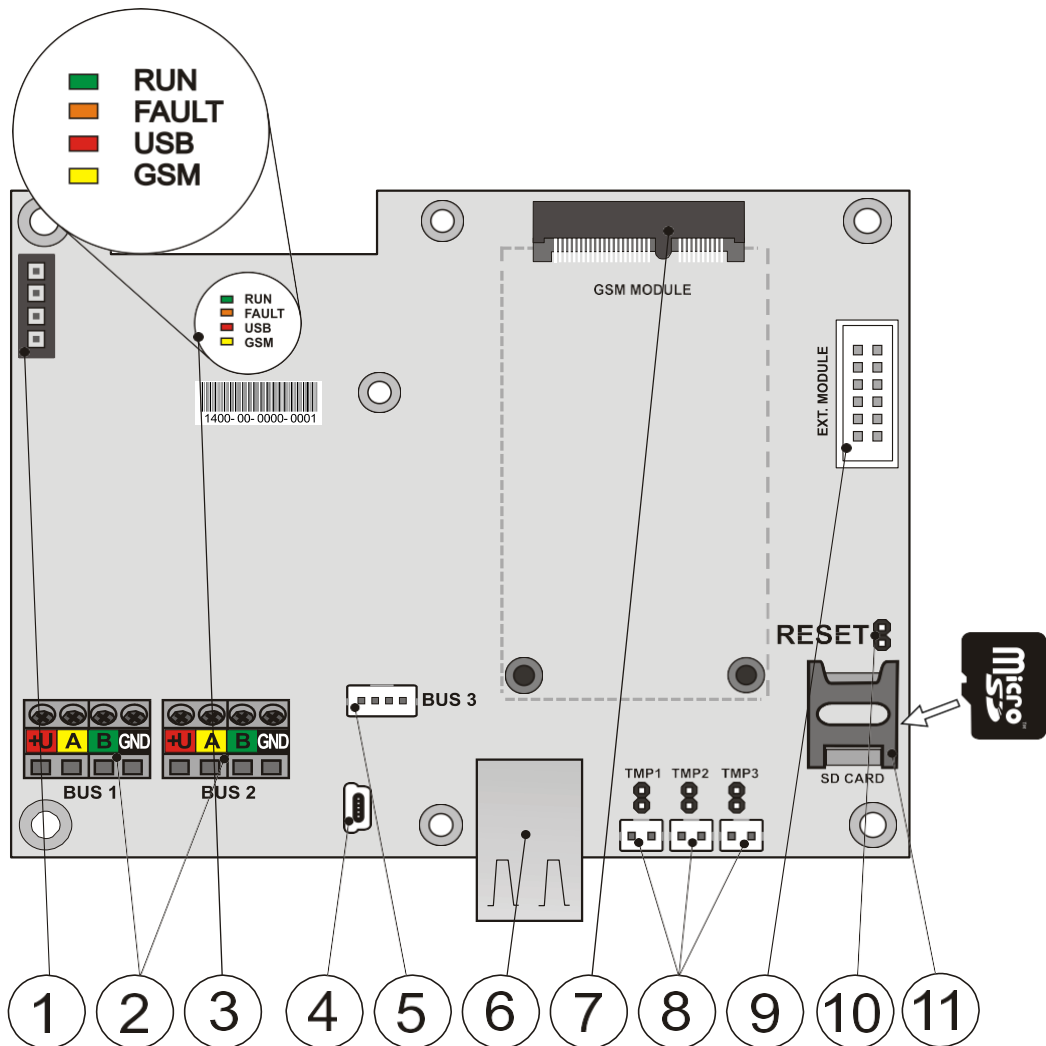
Bộ trung tâm JA-107K được thiết kế để lắp đặt cỡ vừa và lớn, cả bus và hệ thống không dây. Bộ trung tâm được trang bị một trình Giao tiếp LAN có thể được kết nối với Internet và với khả năng gửi dữ liệu đến máy chủ (hình ảnh được chụp bởi các thiết bị xác minh ảnh) hoặc đến máy chủ của các cơ quan bảo mật với thiết bị kỹ thuật để nhận dữ liệu này. Khi kết nối internet thông qua truy cập từ xa Giao tiếp LAN cũng có thể sử dụng phần mềm F-Link (J-Link).

Bộ trung tâm có thể được mở rộng với giao tiếp bổ sung:

Giao tiếp JA-19xY – GSM cho giao tiếp GSM / GPRS. Nó cho phép các phương tiện giao tiếp và Service tương tự như Giao tiếp LAN.



1 – Lỗ gắn tường; 2 – Cung cấp điện bộ trung tâm; 3 – Thiết bị đầu cuối điện; 4 – Cầu chì chính; 5 – Pin dự phòng; 6 - Dây đeo đính kèm của pin dự phòng; 7 – Kết nối giao tiếp GSM; 8 – Bộ trung tâm PCB; 9 – Housing tamper contact; 10 – Giá đỡ module radio JA-11xR; 11 – Không gian cáp; 12 - Đầu nối USB cho kết nối PC)



1 – Thiết bị đầu cuối cấp điện; 2 – BUS độc lập; 3 – Đèn báo; 4 – Đầu nối MiniUSB; 5 – BUS cho module radio điện hoặc cổng BUS số 3; 6 – Đầu nối LAN; 7 – Kết nối giao tiếp GSM; 8 – Đầu nối của các tamper; 9 – Đầu nối cho các module bổ sung; 10 – RESET jumper; 11 – Thẻ MicroSD

**Các bộ phận của Bộ trung tâm JA-107K (các bộ phận có thể thay đổi) là:**

- Thẻ nhớ microSD

**Để mở rộng tùy chọn Bộ trung tâm sử dụng:**

- Module radio JA-11xR
- Thẻ JA-19xY GSM Communicator

**Phụ kiện Bộ trung tâm bao gồm:**

- Cáp USB 1 cái (180 cm)
- Cáp kết nối 1pc cho module radio JA-11xR
- Cáp USB mở rộng 1pc (20 cm) được cài đặt trong Bộ trung tâm
- Cầu chì 1 cái T 1,6 A; 250 V
- Jumpers 4pcs (đối với kết nối Jumper)
- Nhãn dán cảnh báo 6 cái
- Ốc vít 4 cái 8 mm
- Ốc vít 4 cái 40 mm
- 2 cái Ties 150 mm
- Mẫu khoan A3
- 2 cái Vít 3x8 mm

- 2 cái Reduction để kết nối các thiết bị đầu cuối FASTON với pin
- Hướng dẫn cài đặt CZ / EN (phiên bản ngắn)

### 3.3 Đèn LED chỉ báo trên Bộ trung tâm

Tất cả các phiên bản của Bộ trung tâm đều có đèn LED chỉ báo sau đây trên bảng chính:

Miêu tả	Màu	Ý nghĩa
<b>RUN</b>	Xanh	Nhấp nháy trong quá trình hoạt động của BUS Giao tiếp cho thấy hoạt động chính xác.
<b>FAULT</b>	Vàng	Ánh sáng dài hạn cho thấy một lỗi chung trong hệ thống (thông tin thêm được cung cấp bởi F-Link hoặc bàn phím có màn hình hiển thị).
<b>USB</b>	Vàng	Cho biết kết nối USB với PC.
<b>GSM</b>	đỏ	Nếu giao tiếp GSM được cài đặt: - Đèn sáng sau khi kết nối nguồn điện khi tìm kiếm mạng GSM (tối đa là 1 phút). - Tắt nếu GSM là OK và không có liên lạc đang diễn ra. - Nhấp nháy trong khoảng thời gian 1s/1s BẬT/TẮT nếu không có mạng GSM. <i>Lưu ý: Nhấp nháy trong quá trình giao tiếp, với đèn flash lặp đi lặp lại ngắn cho biết cài đặt tham số: GSM communicator TẮT.</i>

### 3.4 Đầu nối bổ sung trên Bộ trung tâm PCB

Tất cả các Bộ trung tâm đều có Jumper RESET trên PCB của chúng, nhờ đó hệ thống có thể được đặt thành cài đặt mặc định của nhà máy (nếu được bật bởi tham số RESET). Cách làm được mô tả trong chương 12 “RESET bảng điều khiển”.

Có một cổng nối phẳng trên Bộ trung tâm PCB cho giao tiếp GSM JA-19xY và cũng là một đầu nối 10 chân cho một module bổ sung.

Ngoài ra còn có đầu nối 4 chân:

- JA-103K – I-BUS – được thiết kế dành riêng để kết nối module radio JA-11xR được đặt trong nhà vỏ Bộ trung tâm. Không có thiết bị nào khác có thể được kết nối với đầu nối này.
- JA-107K – đây là BUS thứ 3 với các thông số tương tự như BUS 1 và 2. Nó cho phép bạn kết nối module radio JA-11xR hoặc mở rộng hệ thống cho BUS thứ 3 bằng cách kết nối bộ chia JA-110Z-D BUS.

Có 3 đầu nối cho một Tamper đặc biệt trên Bộ trung tâm PCB (một Tamper nắp trước, một Tamper phía sau và một Tamper bổ sung) để tăng mức độ bảo vệ. Bên cạnh mỗi đầu nối là một jumper và bằng cách loại bỏ nó, bạn chuyển sang liên hệ Tamper. Nếu bất kỳ liên hệ nào không được sử dụng, một Jumper phải được kết nối.

### 3.5 Thiết bị đầu cuối kết nối Bộ trung tâm PCB

Bộ trung tâm của một hệ thống an ninh có yêu cầu phải được kết nối với nguồn điện ~ 110 – 230V. Nguồn điện được kết nối thông qua các thiết bị đầu cuối được trang bị cầu chì có thể thay thế. Bộ trung tâm là một thiết bị bảo vệ loại 2 với cách ly kép. Đó là lý do tại sao cấp 2 dây là đủ (chỉ cần một dây pha và một dây trung tính). Dây đất (nếu được sử dụng) có thể được kết nối với thiết bị đầu cuối FE (đối với JA-107K, bạn cần tháo nắp đậy). Giao tiếp nội bộ giữa Bộ trung tâm và các thiết bị được kết nối được thực hiện thông qua BUS. Nó được thực hiện cho Bộ trung tâm JA-103K bởi một thiết bị đầu cuối bốn dây màu duy nhất (đỏ, vàng, xanh lá cây và đen) và đối với Bộ trung tâm JA-107K có hai trong số các thiết bị BUS này.

Đầu nối USB tích hợp được đặt trên Bộ trung tâm PCB, kết nối với đầu nối USB nằm trên vỏ Bộ trung tâm. Điều này làm Bộ trung tâm có thể kết nối với máy tính thông qua cáp USB mà không cần mở Bộ trung tâm.

## 4. Trước khi cài đặt hệ thống



Chọn một nơi lắp đặt ẩn cho Bộ trung tâm (trong nhà khu vực được bảo vệ) nơi có sẵn nguồn điện. Chúng tôi khuyên bạn nên bảo vệ căn phòng với Bộ trung tâm bằng cảm biến với phản ứng ngay lập tức. Nếu Bộ trung tâm được trang bị bộ Giao tiếp GSM, vị trí phải có khả năng tiếp nhận tín hiệu GSM tốt (kiểm tra bằng điện thoại). Lưu ý, nếu một kẻ xâm nhập có thể biết bộ trung tâm được đặt ở đâu, có nguy cơ hệ thống bị hỏng mà không gửi thông tin về sự xâm nhập.

Nguồn cung cấp chính của Bộ trung tâm chỉ có thể được cài đặt bởi một người có trình độ điện cần thiết. Nguồn điện của Bộ trung tâm có sự tách biệt an toàn kép của các mạch. Trong quá trình cài đặt và kết nối các thành phần BUS của Bộ trung tâm, tất cả các nguồn điện của Bộ trung tâm phải được tắt hoàn toàn hoặc BUS phải được tắt trong phần mềm F-Link.

Bộ trung tâm cung cấp tùy chọn kết nối nguồn điện trong một loạt các  
~ 110 – 230 V / 50 – 60 Hz.

1. Đầu tiên hãy xem xét sự sắp xếp và mục đích thiết lập của hệ thống. Làm rõ phương pháp kiểm soát cần thiết với khách hàng. Nên chuẩn bị một tài liệu dự án cho một hệ thống phức tạp hơn.

2. Khi thiết lập các thiết bị tuân theo hướng dẫn sử dụng của họ, các nguyên tắc thiết kế chung của hệ thống báo cháy và hướng dẫn được cung cấp bởi nhà sản xuất trong quá trình đào tạo chứng nhận. Nếu bạn có bất kỳ điểm không rõ ràng nào, hãy gọi cho chuyên gia tư vấn Jablotron. **Nhà sản xuất từ chối bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với thiệt hại nếu hệ thống được cài đặt hoặc đặt không đúng cách.**

3. Chuẩn bị nguồn điện của Bộ trung tâm - sử dụng cáp phù hợp với cách điện kép và mặt cắt ngang từ 0,75 đến 1,5 mm<sup>2</sup>. Bảo vệ tăng áp trên nguồn cung cấp nguồn điện Bộ trung tâm được khuyến khích. Nó cũng được khuyến khích để sử dụng một cáp duy nhất với một bộ ngắt mạch (2 A-6 A) cũng có chức năng như một công tắc chính.

**Cảnh báo:** Không kết nối bất kỳ thiết bị điện nào khác với mạch cụ thể này, thậm chí không có nguồn điện cho PG output bên ngoài hoặc hệ thống sưởi ấm hoặc bất kỳ thiết bị nào khác liên quan đến chức năng Bộ trung tâm.

4. Gắn thẳng bộ trung tâm lên tường hoặc bất kỳ bề mặt không cháy nào khác. Đảm bảo không có cấu trúc kim loại (ví dụ như trục thang máy) có thể ảnh hưởng tiêu cực đến việc truyền hoặc nhận tín hiệu radio (module radio và người Giao tiếp GSM) bên cạnh Bộ trung tâm. Dùng mẫu được cung cấp để chuẩn bị lỗ cho ốc vít. Đặt các ốc vít qua các lỗ trên trong vỏ nhựa để giữ cho nó 1 cm từ tường, sau đó treo điều khiển Bảng nhà ở trên đó. Cũng đặt một ốc vít bổ sung thông qua (các) lỗ dưới và vít nó vào cũng để ổn định vị trí của Bộ trung tâm. Siết chặt tất cả khe vít.

## 5. Lắp đặt thiết bị có dây (BUS)

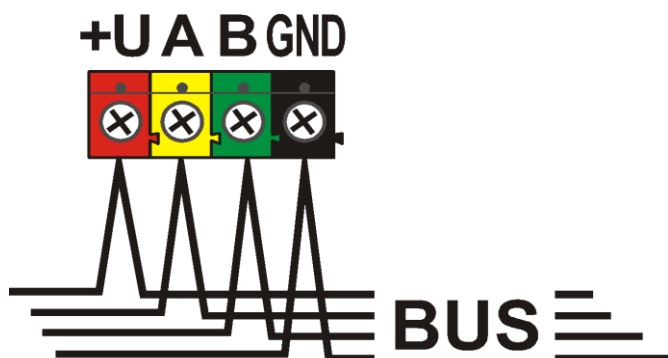
Chỉ kết nối các thiết bị BUS của dòng JA-1xx JABLOTRON với hệ thống. Tiến hành các thủ tục sau:

1. Trong quá trình kết nối bất kỳ module BUS nào, nguồn điện của Bộ trung tâm phải được tắt hoàn toàn hoặc BUS phải được tắt trong phần mềm F-Link.
2. Làm theo hướng dẫn cài đặt của các thiết bị riêng lẻ.
3. Cáp BUS phải được lắp đặt trong nhà khu vực được bảo vệ bởi hệ thống. Nếu cáp nằm ngoài khu vực được bảo vệ, phần này phải được tách ra bằng module ngắt mạch JA-110T.
4. Đối với phân nhánh dòng sử dụng bộ chia JA-110Z (và JA-110Z-B, JA-110Z-C, JA-110Z-D).
5. Trong quá trình kết nối các thiết bị BUS chú ý đến màu sắc của dây (đỏ, vàng, xanh lá, đen).

Có thể kết nối các thiết bị của bên thứ ba hoặc thiết bị của một nhà sản xuất khác thông qua một module thích hợp (JA-111H, JA-116H, JA-114HN, JA-112M, JA-118M, v.v.). Khi thiết bị như vậy được sử dụng, nhà sản xuất (JABLOTRON) không thể đảm bảo chất lượng hoạt động của thiết bị của bên thứ ba và cấp bảo mật hệ thống.

### 5.1 BUS JABLOTRON 100+

BUS của hệ thống JABLOTRON 100+ bao gồm bốn dây (4 dây). BUS chỉ dành cho hệ thống JABLOTRON 100+ và nó không thể được chia sẻ với một hệ thống khác, thậm chí không cung cấp năng lượng cho các thiết bị khác nhau. Để cung cấp năng lượng cho các hệ thống khác bằng BUS (tự động hóa nhà thông minh) sử dụng giao diện JA-121T hoặc bộ cách ly JA-110T BUS.



Terminal	Màu	Ghi chú
+U	đỏ	Cấp điện dương, chỉ dùng cho các thiết bị của dòng JABLOTRON 100+
A	vàng	dữ liệu A
B	xanh	dữ liệu B
GND	GND	Chân chung (cấp điện âm)

### 5.2 Cáp

Điện trở trên đường dây		
CC-01	Điện trở của cặp dây dây trên 1 m	0.0754 Ω
	Điện trở của cặp dây dây trên 10 m	0.754 Ω
	Điện trở của cặp dây dây trên 100 m	7.54 Ω
CC-02	Điện trở của cặp dây dây trên 1 m	0.1932 Ω
	Điện trở của cặp dây dây trên 10 m	1.932 Ω
	Điện trở của cặp dây dây trên 100 m	19.32 Ω
CC-03	Điện trở của cặp dây dây trên 1 m	0.0705 Ω
	Điện trở của cặp dây dây trên 10 m	0.705 Ω
	Điện trở của cặp dây dây trên 100 m	7.05 Ω
CC-11	Điện trở của cặp dây dây trên 1 m	0.0754 Ω
	Điện trở của cặp dây dây trên 10 m	0.754 Ω
	Điện trở của cặp dây dây trên 100 m	7.54 Ω

Kết nối các thiết bị BUS bằng cáp JABLOTRON CC-01, CC-02, CC-03 hoặc CC-11.

**Cáp JABLOTRON CC-01** được thiết kế cho dòng BUS chính, hoặc kết nối các yếu tố có mức tiêu thụ cao (chuông báo động) hoặc các yếu tố từ xa. Cáp có 4 dây (màu tương ứng với màu



BUS). Các dây cung cấp điện (đen và đỏ) có tiết diện lớn hơn ( $0,5 \text{ mm}^2$ ) so với dây tín hiệu ( $0,2 \text{ mm}^2$ ). Cáp được cung cấp theo thùng 300 m.

**Cáp JABLOTRON CC-02** được thiết kế cho các nhánh từ tuyến BUS chính hoặc để kết nối các yếu tố với mức tiêu thụ thấp (cảm biến) hoặc cho khoảng cách ngắn. Cáp có 4 dây (màu sắc tương ứng với màu BUS). Tất cả các dây của cáp CC-02 đều có tiết diện lõi giống nhau ( $0,2 \text{ mm}^2$ ). Cáp được cung cấp theo thùng 300 m.

**Cáp JABLOTRON CC-03** được thiết kế cho dòng BUS chính, hoặc kết nối các yếu tố có mức tiêu thụ cao (chuông báo động) hoặc các yếu tố từ xa. Cáp có 8 dây (8 dây) được chia như sau: Dây dẫn cung cấp điện (đỏ và đen) có tiết diện lớn hơn  $0,7 \text{ mm}^2$  - dây thông tin liên lạc (màu xanh lá cây và màu vàng) cho hệ thống BUS và dây phụ trợ (nâu và xám, trắng và xanh) có mặt cắt ngang  $0,3 \text{ mm}^2$ . Các dây phụ trợ có thể được sử dụng làm vòng lặp của cảm biến từ hoặc Tamper tiếp xúc. Cáp được cung cấp theo thùng 250 m.

**Cáp JABLOTRON CC-11** được thiết kế cho dòng BUS chính, hoặc kết nối các yếu tố với mức tiêu thụ cao (chuông báo động) hoặc các yếu tố từ xa. Cáp có lớp cách nhiệt bên ngoài của một màu cam, nó có 4 dây (màu sắc tương ứng với màu BUS). Các dây cung cấp điện (đen và đỏ) có tiết diện lớn hơn của lõi ( $0,5 \text{ mm}^2$ ) so với dây tín hiệu ( $0,2 \text{ mm}^2$ ). Cáp được cung cấp theo thùng trên 200 m. Nó có chứng nhận phòng cháy chữa cháy tầng B2CA.

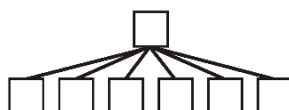
### 5.3 Cấu trúc đi dây (BUS)

Khi kết nối các bộ phận riêng lẻ của hệ thống - cảm biến, bàn phím, chuông báo động, module đầu ra, v.v. bạn có thể định tuyến cáp BUS theo hướng ngắn nhất có thể bất kể các phần hệ thống mà các yếu tố đã sử dụng thuộc về. BUS có thể phân nhánh khi cần thiết. Nó có thể có một tuyến tính (Daisy-chain), Star hoặc cấu trúc cây (Daisy-chain & Star). Trong cài đặt thực tế, sự kết hợp của ba tùy chọn này thường là lựa chọn thuận tiện nhất.

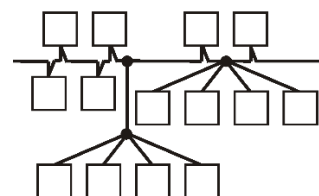
Ví dụ về bố cục hệ thống dây điện có thể có của BUS:



*Daisy-chain (cấu trúc BUS tuyến tính)*



*(Cấu trúc Star BUS)*



*Daisy-chain & Star (cấu trúc BUS cây)*

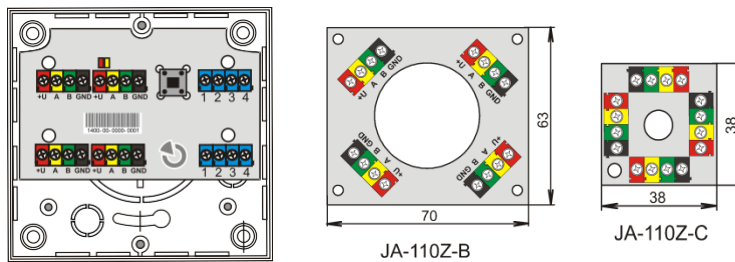
Cáp BUS không được kết nối theo cách tạo ra một vòng khép kín của bất kỳ dây nào (các đầu của các nhánh riêng lẻ không bao giờ được kết nối với nhau và dây GND chung cũng không được kết nối với nhau).

### 5.4 Phân nhánh và tách BUS

Để phân nhánh và chia nhỏ BUS, bạn có thể thuận tiện dùng một **Bộ phân nhánh JA-110Z**. Nó được sản xuất với bốn biến thể: JA-110Z, JA110Z-B, JA110Z-C, và JA110Z-D. JA-110Z được cung cấp trong một hộp cài đặt có nghĩa là được lắp đặt trên bề mặt và được trang bị các tiếp điểm Tamper phía trước và phía sau để phát hiện không mong muốn Thao tác. Nó chiếm một vị trí trong hệ thống. Tất cả các thiết bị đầu cuối của cùng một màu được kết nối với nhau trên PCB splitter. Biến thể B được chuẩn bị với kích thước của nó để cài đặt trong hộp lắp ráp đa năng JA-190PL. Biến thể C được chuẩn bị với kích thước của nó để lắp đặt trong một cài đặt điện KU-68 tiêu chuẩn hộp.



Các biến thể của bảng đầu cuối kết nối:



### 5.5 Độ dài BUS và số lượng thiết bị được kết nối

Độ dài tối đa của một BUS mà không có bộ boosting là 500 m. Độ dài được tính bằng tổng độ dài của tất cả các cáp giữa tất cả các thiết bị được kết nối. Các Bộ trung tâm JA-107K có thể có tới 3 nhánh BUS riêng biệt, tức là tổng độ dài của cả hai tuyến BUS có thể là 3x500 m. Bạn được khuyến khích phân phối các thiết bị BUS có địa chỉ của nó như nhau giữa cả hai tuyến BUS, tức là tối đa 60 thiết bị cho mỗi một trong hai BUS.

Để sử dụng hơn 60 thiết bị ngoại vi trên một BUS, cần phải sử dụng bộ tăng cường BUS JA-120Z.

Số lượng thiết bị BUS được kết nối bị giới hạn bởi dung lượng pin dự phòng của Bộ trung tâm. Để đáp ứng tiêu chuẩn cho bảo mật cấp 2, trong trường hợp hỏng nguồn điện 230 V, hệ thống phải hoạt động đáng tin cậy trong ít nhất 12 giờ được cung cấp năng lượng bởi nguồn dự phòng. Như vậy, tổng mức tiêu thụ của tất cả các thiết bị BUS không được vượt quá mức tiêu thụ liên tục tối đa của dòng điện từ Bộ trung tâm, xem chương 5.8 Ví dụ về tính toán mức tiêu thụ BUS để sao lưu hệ thống. Để tính tổng mức tiêu thụ liên tục của các yếu tố được kết nối tóm tắt mức tiêu thụ dự phòng của chúng (nó được chỉ định trong hướng dẫn sử dụng).

Một tham số giới hạn khác cho độ dài tối đa của BUS có thể là mất điện áp dọc theo đường dây (được thể hiện rõ ràng bởi Chẩn đoán hệ thống trong phần mềm F-Link).

### 5.6 Tính toán tổn thất đường dây

Mất điện áp dọc theo đường dây phụ thuộc vào điện trở đường dây, kết quả từ dây dẫn đã sử dụng (cáp) và dòng điện tiêu thụ. Giá trị tiêu thụ hiện tại của thiết bị có thể được tìm thấy trong hướng dẫn sử dụng riêng lẻ. Những giá trị này có thể được sử dụng để tính toán tổn thất điện áp đường dây và để tìm hiểu xem sẽ có đủ điện áp có sẵn cho thiết bị được cài đặt cuối cùng hay không. Việc tính toán dựa trên định luật Ohm  $U = I * R$ .

Cáp CC-01 (cặp dây cung cấp điện)		Cáp CC-02		Cáp CC-03 (cặp dây cung cấp điện)		Cáp CC-11 (cặp dây cung cấp điện)	
Tổng dòng điện	Độ dài tối đa.	Tổng dòng điện	Độ dài tối đa.	Tổng dòng điện	Độ dài tối đa.	Tổng dòng điện	Độ dài tối đa.
50 mA	400 m	25 mA	200 m	70 mA	400 m	50 mA	400 m
100 mA	300 m	50 mA	150 m	140 mA	300 m	100 mA	300 m
200 mA	150 m	100 mA	100 m	280 mA	150 m	200 mA	150 m
300 mA	100 m	200 mA	50 m	420 mA	100 m	300 mA	100 m
500 mA	50 m	300 mA	30 m	800 mA	50 m	500 mA	50 m

Dữ liệu trong bảng giả định trường hợp xấu nhất có thể, tức là tổng mức tiêu thụ là ở cuối cáp.

Ở trạng thái hoạt động bình thường, điện áp của thiết bị đầu cuối +U và GND là gần 14 V. Đối với tính toán xem xét một tình huống khi Bộ trung tâm chỉ được cung cấp bởi pin và điện áp xấp xỉ 12 V. Điện áp cao hơn điện áp tối thiểu cho phép của 10 V phải có sẵn cho tất cả các thiết bị. Để hoạt động đúng của các thiết bị được kết nối, độ suy hao điện áp tối đa cho phép là 2,0 V.

Mất điện áp bất ngờ có thể được gây ra bởi các kết nối thiết bị đầu cuối với tiếp xúc kém (điện trở chuyển tiếp).

**Suy hao điện áp của các thiết bị riêng lẻ có thể được xác minh xấp xỉ bằng phần mềm F-Link** trong thẻ Chẩn đoán cho các thiết bị địa chỉ. Các thiết bị không địa chỉ (ví dụ: module đầu ra) không cung cấp khả năng này, phải được kiểm tra bằng thiết bị đo.

Trong cài đặt thực tế, chúng tôi luôn khuyên bạn nên xác minh tính toán và kết nối bằng phép đo thiết bị đầu cuối. Trong trường hợp các thiết bị tiêu thụ cao (chuông báo động, bàn phím, đầu ra rơle) thực hiện phép đo này trong thời gian tiêu thụ tăng (chuông báo động hoạt động, bàn phím đèn nền, rơle tham gia).

Các hạn chế được chỉ định trong bảng thường có giá trị.

Để tính tổng tải của cáp tính toán mức **tiêu thụ để lựa chọn cáp** (bạn sẽ tìm thấy nó trong hướng dẫn sử dụng của thiết bị).

## 5.7 Ví dụ về tính toán sụt áp

Tìm giá trị tiêu thụ hiện tại của các thiết bị riêng lẻ (trong các thông số kỹ thuật của sản phẩm- mức tiêu thụ hiện tại để lựa chọn cáp).

Nhận thông tin về độ dài cáp. Bạn cần biết độ dài cáp càng chính xác càng tốt từ điểm đến điểm.

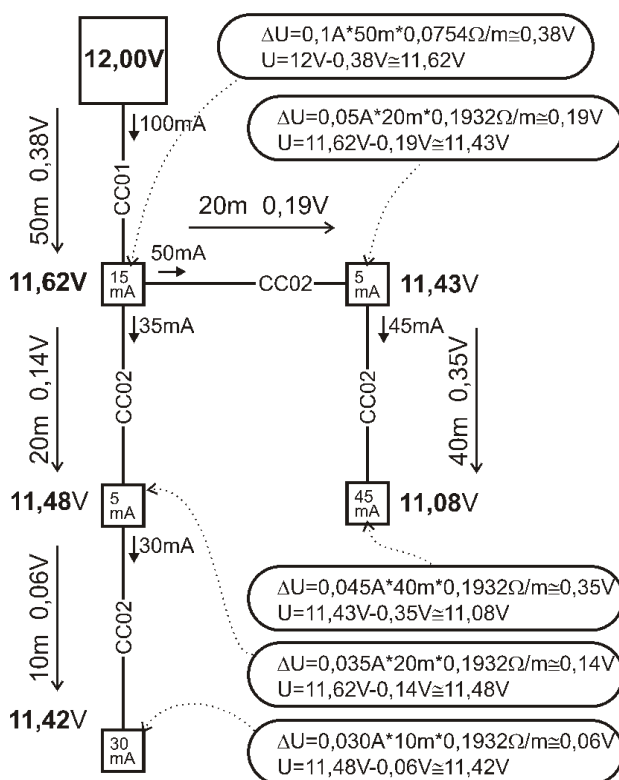
Vẽ một kế hoạch với độ dài cáp và tiêu thụ các nhánh riêng lẻ.

Tính toán dòng điện chạy qua các nhánh riêng lẻ.

Sử dụng độ dài dòng giả định và các giá trị ước tính của dòng điện của các nhánh riêng lẻ phù hợp với tab ở trên để so sánh sự phù hợp của lựa chọn cáp.

Khấu trừ các tổn thất từ điện áp cung cấp để xác định điện áp ở đầu đường dây. Luôn luôn xem xét điện áp 12 V từ Bộ trung tâm trong quá trình hoạt động lỗi cung cấp nguồn điện.

## 5.8 Ví dụ về tính toán mức tiêu thụ BUS để sao lưu hệ thống



Bảng trình bày một ví dụ về một hệ thống nhỏ. Tổng mức tiêu thụ nhân rồi ở chế độ sao lưu là 78 mA. Do đó, bạn có thể sử dụng Bộ trung tâm JA-103K với bộ Giao tiếp GSM và bộ Giao tiếp LAN đã tắt, cho phép tải dài hạn tối đa 80 mA.

Thiết bị	Mô tả	Số lượng thiết bị	Tiêu thụ ở chế độ sao lưu
JA-11xR	Module radio	1	25 mA
JA-114E	Bộ trung tâm 15 mA + 3x1 mA phân khu	1	18 mA
JA-110M	Module cho cảm biến từ 5 mA	1	5 mA
JA-110P	Cảm biến chuyển động PIR 5 mA	2	10 mA
JA-110ST	Báo cháy 5 mA	2	10 mA
JA-110A	Chuông báo động trong nhà 5 mA	1	5 mA
JA-111A	Chuông báo động có bên dự phòng ngoài trời 5 mA	1	5 mA
<b>Tổng cộng</b>			<b>78 mA</b>

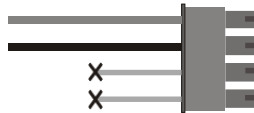
Loại JA-103 phù hợp hơn cho các hệ thống không dây nơi các thiết bị được cung cấp năng lượng bằng pin. Khi cấu hình bộ trung tâm để kết nối không dây, đừng quên đưa (các) module radio vào tiêu thụ.

Đối với các hệ thống BUS lớn hơn sử dụng Bộ trung tâm JA-107K.

### 5.9 Yêu cầu cung cấp điện

Bộ trung tâm yêu cầu phải được cung cấp năng lượng dài hạn bởi công suất AC được bảo vệ trong phạm vi 110 - 230 V, xem Thông số kỹ thuật Bộ trung tâm là một thiết bị có sự cô lập kép nên kết nối của nó thường được thực hiện bằng cáp có cách nhiệt kép và mặt cắt ngang từ 0,75 đến 1,5 mm<sup>2</sup>. Bộ trung tâm có cầu chì kính nhỏ bảo vệ. Nó là một phần của các thiết bị điện đầu cuối. JA-103K không thể được cung cấp năng lượng từ các nguồn thay thế như pin công suất cao được sạc bằng Bộ trung tâm năng lượng mặt trời, v.v.

JA-107K có thể được cung cấp năng lượng từ các nguồn thay thế. Điện áp nguồn cho Bộ trung tâm phải nằm trong phạm vi 10 – 15 V (DC); sao lưu nguồn điện phải được thực hiện. Kết nối nguồn điện bên ngoài với thiết bị đầu cuối cung cấp điện. Sử dụng dây màu đỏ và đen để kết nối nguồn điện từ nguồn điện bên ngoài. Cắt và cách nhiệt các dây liên lạc màu trắng. Nhà sản xuất không chịu trách nhiệm cho bất kỳ thiệt hại nào gây ra khi sử dụng nguồn năng lượng thay thế.



### 5.10 Yêu cầu sao lưu

Hệ thống an ninh phải tuân thủ cấp độ bảo mật 2 phải sao lưu bằng pin dự phòng trong 12 giờ khi ngắt kết nối nguồn điện và nó cũng phải được sạc đầy trong 72 giờ sau khi khôi phục nguồn điện chính và sẵn sàng sao lưu hệ thống trở lại. Để đáp ứng yêu cầu này, cần không vượt quá mức tiêu thụ dòng điện tối đa từ BUS..

Ví dụ về dòng điện dài hạn tối đa lấy từ bus hệ thống theo dung lượng pin dự phòng:

	<b>JA-103K Pin 2.6 Ah</b>		<b>JA-107K Pin 18 Ah</b>	
Mức tiêu thụ dòng điện liên tục tối đa từ BUS	BUS 1 – 1000 mA I-BUS – 200 mA		Dài hạn 2000 mA 3000 mA trong 60 phút (tối đa 2000 mA cho một BUS)	
Mức tiêu thụ dòng điện liên tục tối đa cho nguồn cung cấp dự phòng 12 giờ	Không có GSM Communicator	LAN – TẮT – 115 mA LAN – BẬT – 88 mA	Không có GSM Communicator	LAN – TẮT – 1135 mA LAN – BẬT – 1107 mA
	Với GSM communicator	LAN – TẮT - 80mA LAN – BẬT – 53 mA	Với GSM Communicator	LAN – TẮT – 1100mA LAN – BẬT – 1072 mA

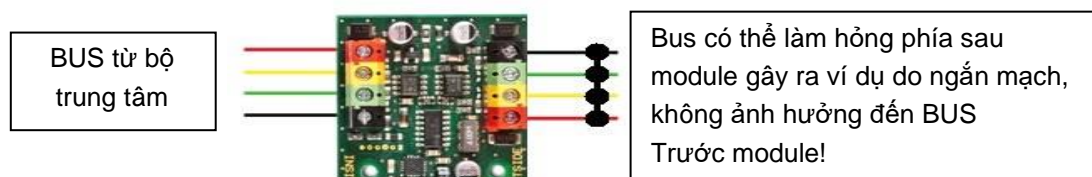
Dòng điện lấy từ mỗi đầu ra BUS được hiển thị trong phần mềm F-Link trong tab Chẩn đoán trên dòng 0 nơi có bộ trung tâm. Đối với bộ trung tâm JA-107K, cần tính tổng các giá trị của tất cả các đầu ra BUS. Dòng điện này được so sánh với dòng điện nêu trong bảng trên. Bằng cách này, bạn có thể kiểm tra xem dung lượng pin dự phòng có đủ đáp ứng yêu cầu định mức cho thời gian dự phòng của hệ thống hay không. Nếu dòng điện đo được cao hơn dòng điện được nêu trong bảng, thì cần phải giải quyết nguồn điện hệ thống với ví dụ: thêm bộ tăng áp JA-120Z.

Diagnostics	Calendars	Communication
Battery status/voltage	Voltage/loss	
13.7 V/13.1 V	13.7 V/23 mA; 13.6 V/25 mA	

## 5.11 Cách ly BUS

Các bộ phận của BUS được định tuyến trong các khu vực không được bảo vệ phải được bảo vệ khỏi hiện tượng đoản mạch có thể xảy ra hoặc một nỗ lực khác để vô hiệu hóa hệ thống bằng cách cách ly sử dụng bộ cách ly BUS JA110T. Module này có thể được kết hợp trong một hộp cài đặt đa năng JA-190PL. Bộ cách ly cũng cải thiện chất lượng tín hiệu của BUS. Nó được kết nối và cấp nguồn bởi BUS, nó không chiếm bất kỳ vị trí nào trong hệ thống và có thể mở rộng độ dài BUS tối đa lên đến 500 m tiếp theo. Tránh sử dụng 2 hoặc nhiều bộ cách ly BUS trên một chân BUS - các thiết bị không thể giao tiếp thông qua 2 hoặc nhiều bộ cách ly trong số chúng.

Một ví dụ ứng dụng có thể là định tuyến bus để chuyển tiếp các module điều khiển ví dụ rèm hoặc chuông báo động mà BUS được định tuyến theo cách mà nó có thể bị tấn công hoặc vô hiệu hóa từ bên ngoài. Bạn sẽ tìm thấy thêm thông tin trong hướng dẫn sử dụng JA-110T.



## 5.12 Sử dụng hệ thống cáp hiện có vào việc nâng cấp dự án

- Để lắp đặt các đường dây mới, nên ưu tiên sử dụng cáp CC-01, CC-02, CC-03 và CC-11.
- Trong trường hợp kết nối với cáp thuộc loại SYKFY 3x2x0.5, dây dữ liệu của BUS (A, B) phải được kết nối với một cặp dây xoắn đã chọn. Đối với nguồn điện (+U12, GND), bạn có thể kết nối các dây tương ứng với nhau trong hai cặp dây còn lại (tăng gấp đôi trong một cặp dây).
- Trong trường hợp kết nối với cáp của UTP, dây dữ liệu của BUS (A, B) phải được kết nối với một cặp dây xoắn được chọn. Đối với nguồn điện (+U, GND) phù hợp để kết nối với nhau (gấp đôi) các dây tương ứng của các cặp dây còn lại.

**Nếu sử dụng cáp được che chắn, không kết nối tấm chắn với các đầu cuối BUS! Chúng tôi khuyên bạn nên liên kết tất cả các tấm chắn (thiếc) trong bộ trung tâm với một thiết bị đầu cuối phụ và không kết nối liên kết này ở bất kỳ nơi nào khác. Đồng thời để đầu kia của tấm chắn ở phía thiết bị không được kết nối.**

## 6. Sử dụng thiết bị không dây

Trong hệ thống JABLOTRON 100+, bạn có thể sử dụng thiết bị không dây của dòng JA-15x, JA-16x và JA-18x. Module radio JA-11xR phải được sử dụng để liên lạc với các thiết bị không dây. Có thể có tới 3 module radio trong hệ thống.

Khi cài đặt các thiết bị riêng lẻ, hãy làm theo hướng dẫn trong hướng dẫn sử dụng của chúng.  
**Lưu ý:** Tối đa 120 thiết bị không dây có thể được đăng ký vào Bộ trung tâm JA-107K, chúng chỉ có thể được kết nối vào các vị trí từ 1 đến 120. Các vị trí từ 121 đến 230 chỉ dành cho các thiết bị BUS. Nếu module radio JA-11xR được lắp đặt sau bộ tăng cường JA-120Z BUS, nó phải được kết nối vào một vị trí trong phạm vi vị trí 1 - 120.

### 6.1 Cài đặt module radio JA-11xR

1. Module radio JA-11xR có thể ở trong giá đỡ ở góc dưới bên phải của Bộ trung tâm.
2. Nếu Bộ trung tâm JA-103/107K được lắp đặt ở nơi có khả năng tiếp nhận tín hiệu GSM

kém, module GSM sẽ tăng công suất truyền tải, có thể có tác động tiêu cực đến phạm vi Giao tiếp module radio trong hệ thống. Trong trường hợp như vậy, nên đặt module radio bên ngoài Bộ trung tâm, cụ thể là cách nó ít nhất 2 m, nơi nó sẽ không bị ảnh hưởng tiêu cực nữa và sẽ có tiếp nhận radio chất lượng cao hơn từ các thiết bị, điều này sẽ cho phép phạm vi xa hơn và do đó khoảng cách cài đặt.

**Lưu ý:** JA-111R được lấy ra từ Bộ trung tâm phải được đưa vào vỏ nhựa PLV-111R (được bán riêng).



**Đầu nối module radio trên Bộ trung tâm JA-103K PCB được thiết kế dành riêng cho kết nối của một module radio được cài đặt trong nhà vỏ Bộ trung tâm.**

3. Bạn có thể bao phủ một khu vực rộng lớn hơn với tín hiệu radio bằng cách cài đặt tối đa 3 module radio ở những nơi khác nhau (ví dụ: mỗi module trên một tầng khác nhau). Tín hiệu từ một thiết bị không dây (sau đây gọi là thiết bị) có thể được nhận bởi nhiều module radio cùng một lúc. Bộ trung tâm giao tiếp theo chu kỳ với các module radio riêng lẻ, vì vậy thiết bị sẽ nhận được thông tin được từ module radio đầu tiên nhận được tín hiệu nguyên vẹn và phản ứng với nó. Sau đó, thiết bị sẽ không nhận được thông tin tương tự từ các module radio khác nữa mặc dù thiết bị nhận được tín hiệu mạnh hơn. Liên quan đến các thiết bị hai chiều, Bộ trung tâm "lưu trữ" kênh từng được sử dụng (liên lạc với module radio đầu tiên) và sau đó Bộ trung tâm chỉ giao tiếp với thiết bị cụ thể thông qua module radio này (hiển thị trong Chẩn đoán, cột Kênh) cho đến khi thiết bị ngừng phản hồi. Sau đó, Bộ trung tâm tìm kiếm tín hiệu kết nối trong các module radio khác. Nếu bạn cần xác minh chất lượng kết nối của các thiết bị riêng lẻ với các module radio riêng lẻ, hãy kiểm tra nó bằng biểu đồ tín hiệu RF trong phần mềm F-Link (nút trên thanh công cụ trên). Ở đó bạn có thể chọn module radio mà giao tiếp nên được kiểm tra và các thiết bị kích hoạt bạn muốn kiểm tra. Một biểu đồ liên lạc radio cho thấy cường độ tín hiệu RF được đo bằng một module radio cụ thể. Cũng có thể mở một số cửa sổ tín hiệu RF để bạn có thể rất đơn giản theo dõi vùng phủ sóng RF trong khu vực đó.
4. Cài đặt một module radio theo chiều dọc trên tường. Nó không được đặt gần các vật thể che chắn hoặc làm nhiễu tín hiệu (kim loại, thiết bị điện tử, cáp, đường ống, v.v.).
5. Sau khi bật hệ thống, trước tiên bạn phải **đăng ký các module radio**. Chỉ khi đó bạn mới có thể kết nối thiết bị không dây.

**Khuyến nghị:** Nên kết nối các thiết bị không dây sau khi chúng đã được cài đặt vào vị trí cuối cùng của chúng trong khu vực. Mặc dù điều này làm cho quy trình cài đặt ít thoải mái hơn, nhưng nó cung cấp lợi thế của kết nối đáng tin cậy hơn của các thiết bị không dây với module radio một khi hệ thống báo động được đưa vào hoạt động. Module radio đã thực hiện một cơ chế đo tín hiệu RF trong khi ở Chế độ Service. Cơ chế này cung cấp một biên độ an toàn trong trường hợp suy giảm các điều kiện truyền radio khi hệ thống hoạt động đầy đủ. Thông tin thêm có thể được tìm thấy trong tiêu chuẩn EN 50131-5-3.

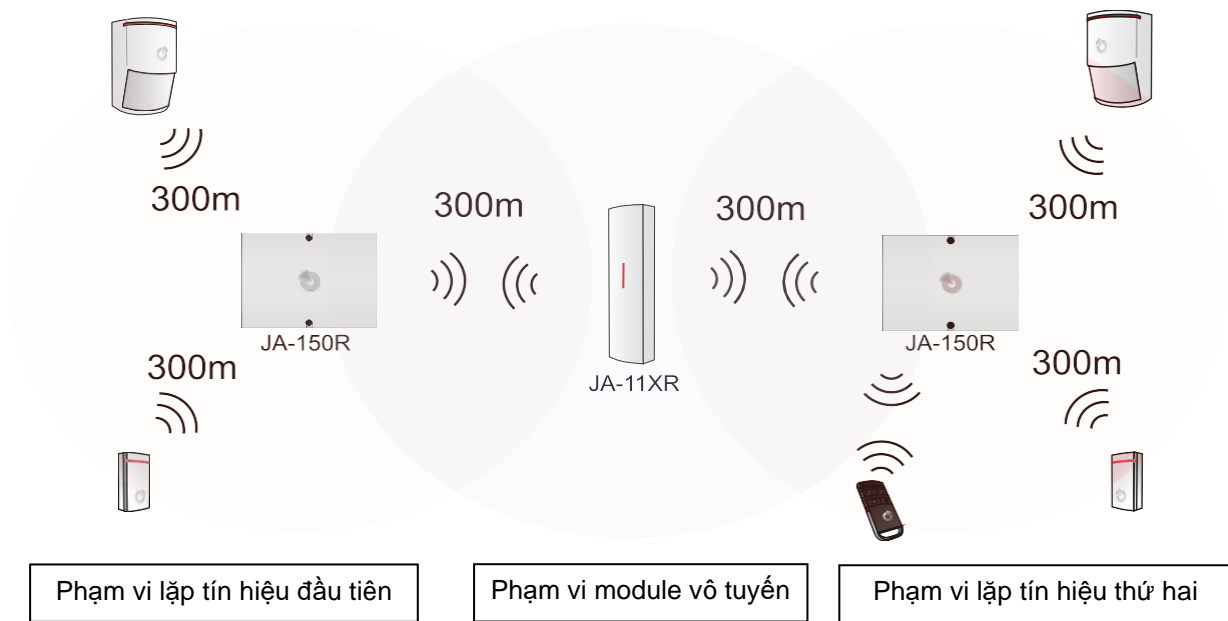
## 6.2 Cài đặt thiết bị không dây – chế độ kết nối

Các thiết bị không dây phải được kết nối vào hệ thống ví dụ bằng mã sản xuất. Thủ tục đăng ký chỉ có thể được thực hiện ở chế độ kết nối bằng PC có phần mềm F-Link đã cài đặt, xem chương 8.4.1 Kết nối và xóa các thiết bị.

## 6.3 Mở rộng phạm vi của các thiết bị không dây

Nếu phạm vi tiêu chuẩn của module vô tuyến không đủ hoặc nếu không thể rút ngắn khoảng cách giữa module vô tuyến và các thiết bị không dây, thì có thể mở rộng tín hiệu của các thiết bị không dây (cảm biến, điều khiển từ xa ,PG) với bộ lặp tín hiệu radio JA-150R, chỉ yêu cầu nguồn điện cố định để lắp đặt. Vị trí của bộ lặp tín hiệu radio JA-150R được chọn sao cho cả bộ trung tâm (module radio) và các thiết bị không dây đều nằm trong phạm vi của nó, xem hình bên dưới.





## 7. Bật hệ thống

1. Kiểm tra kết nối của cáp BUS.
  2. Xác minh xem thẻ nhớ microSD có mặt trong giá đỡ của nó trên Bộ trung tâm hay không.
  3. Kiểm tra xem cáp cung cấp nguồn điện có được kết nối chính xác với Bộ trung tâm hay không và cáp cung cấp được cố định chắc chắn.
  4. Chèn pin vào Bộ trung tâm và cố định nó trong vỏ bằng dây đeo.
- Lưu ý - pin dự phòng được cung cấp trong điều kiện sạc, nó không được ngắt mạch!**
5. Kết nối các đầu nối cung cấp của pin. Ghi nhớ sự phân cực chính xác (đỏ +, đen -).
    - a. Bật nguồn từ nguồn điện và kiểm tra các chỉ báo LED trên Bộ trung tâm:
      - b. Đèn LED màu xanh lá cây bắt đầu nhấp nháy (chức năng BUS).
      - c. Đèn LED màu đỏ nhấp nháy – đăng nhập vào mạng GSM.
      - d. Đèn LED GSM màu đỏ - Bộ trung tâm đã thiết lập kết nối với mạng di động.
      - e. Đèn LED màu đỏ được tắt sáng dài hạn - Bộ trung tâm không đăng nhập vào mạng GSM. (điểm c, d, e chỉ áp dụng với trình Giao tiếp GSM đã cài đặt).
  6. Khi các thiết bị BUS được kết nối bắt đầu nhấp nháy màu vàng, gán chúng cho hệ thống, xem chương 8.4.1 Các thiết bị kết nối và xóa. ss
  7. Thực hiện cấu hình của bàn phím, xem cấu hình Bàn phím chương 10.5.1.
  8. Đặt các hàm cần thiết và kiểm tra hệ thống, xem tab Tham số chương 10.9.
  9. Để tuân thủ các tiêu chuẩn EN50131-1 hoặc INCERT, cấp 2, hãy ngắt kết nối cáp USB mở rộng khỏi PCB của Bộ trung tâm.

## 8. Cấu hình hệ thống

Hệ thống an ninh (khu vực được bảo vệ - tòa nhà) có thể được chia thành các phần độc lập - các phân khu. Mỗi phân khu cũng có thể được bảo vệ toàn bộ hoặc chỉ là một phần của nó. Điều này được gọi là thiết lập một phần. Cảm biến với tham số được kích hoạt "Nội bộ" không bảo vệ ở chế độ như vậy.

Phần cơ bản là **bảo vệ chu vi**. Bảo vệ cửa chính, cửa ra vào nhà để xe, cửa sổ, cửa ban công và chõ vào phía sau và mái nhà. Trong số các thiết bị được giao cho bảo vệ chu vi, bạn có thể tìm thấy cảm biến từ, cảm biến vỡ kính, cảm biến chấn động / nghiêng và beam hồng ngoại. Điều cụ thể duy nhất là cửa chính hoặc cửa nhà để xe thường bị trì hoãn và phần còn lại của các khu vực được định nghĩa là phản ứng ngay lập tức.

Phần sau đây là về **cảm biến chuyển động**. Trong các khu vực được bảo vệ bằng cách sử dụng Cảm biến chuyển động (PIR) hoặc sự kết hợp với các cảm biến khác. Các cảm biến được đặt trong chõ vào khu vực thường có phản ứng độ trễ được thiết lập sẵn hoặc phản ứng độ trễ tiếp theo. Phần còn lại của Cảm biến chuyển động trong hầu hết các trường hợp được đặt sẵn cho các phản ứng lập tức. Bạn có thể chọn từ tối đa 3 bộ hẹn giờ để thực hiện các chõ vào (ví dụ, một độ trễ lâu hơn trong quá trình đi vào thông qua một nhà để xe).

**Bảo vệ khu vực** phục vụ để bảo vệ kết sắt hoặc vật có giá trị nhưng cũng để phát hiện xâm nhập bằng vũ lực. Cửa nhà để xe có thể bị hư hỏng với bất kỳ lối mở nào. Cảm biến rung và nghiêng được bao gồm trong bảo vệ khu vực nhưng cũng có thể bao gồm các cảm biến từ thông thường để phát hiện mở cửa - thường là cảm biến bị tạm hoãn.

Bảo vệ các thành phần bảo mật cá nhân được thực hiện bằng cách Tamper các liên hệ cho thấy hoạt động trái phép của thiết bị.

**Bảo vệ môi trường** bao gồm chủ yếu là báo cháy khói, cảm biến để phát hiện khí dễ cháy và độc hại và cảm biến ngập lụt. Tất cả các cảm biến trên thường có thể hoạt động độc lập hoặc kết nối vào hệ thống, hay chỉ đơn giản là nói phản ứng 24 giờ.

### 8.1 Cấu hình hệ thống

Lựa chọn cấu hình hệ thống cho phép bạn thiết lập sẵn các tham số hệ thống sau đây trên toàn cầu để sửa đổi hành vi hệ thống tuân thủ các tiêu chuẩn nhất định và cấp bảo mật cần thiết. Các tùy chọn này có thể bị chặn khi một cấu hình cụ thể được chọn để thay đổi.

**Lưu ý:** Thiết lập các tham số riêng lẻ bằng cách lựa chọn cấu hình hệ thống không đảm bảo rằng hệ thống được cài đặt tuân thủ bảo mật cấp 2. Chỉ có thiết kế hệ thống chính xác (sử dụng đúng thiết bị) và cài đặt chính xác với yêu cầu CLC / TS 50131-7 và triển khai Service ARC mới có thể đảm bảo bảo mật cấp 2.

**Tổng quan tham số hệ thống khi thiết lập cấu hình hệ thống "DEFAULT" (thiết lập mặc định):**

Thiết bị	Thông số	Lựa chọn	Chặn (giới hạn)
Bộ trung tâm	Mã có tiền tố	KHÔNG	KHÔNG
Bộ trung tâm	Bật tiêu chuẩn thẻ EM UNIQUE 125kHz	CÓ	KHÔNG
Bộ trung tâm	Độ dài mã	4	KHÔNG
Bộ trung tâm	Tự động kiểm tra thời gian trong PC được kết nối	CÓ	KHÔNG
Bộ trung tâm	Chuông báo động khi đặt một phần	KHÔNG	KHÔNG
Bộ trung tâm	Chuông báo động được kích hoạt	CÓ	KHÔNG
Bộ trung tâm	Cảnh báo về mã mặc định	CÓ	KHÔNG
Bộ trung tâm	Quản trị viên – Quyền Service/ARC bị hạn chế	KHÔNG	KHÔNG
Bộ trung tâm	Service và ARC điều khiển hệ thống	CÓ	KHÔNG
Bộ trung tâm	Thao tác dùng thử	KHÔNG	KHÔNG
Bộ trung tâm	Yêu cầu Service	KHÔNG	KHÔNG
Bộ trung tâm	Bật chế độ Bảo trì	CÓ	KHÔNG
Bộ trung tâm	Kiểm soát truy cập bắt buộc	CÓ	KHÔNG

Bộ trung tâm	Xác nhận báo động trong một phân khu	KHÔNG	KHÔNG
Bộ trung tâm	Chuông báo động (output IW) khi tamper được kích hoạt	KHÔNG	KHÔNG
Bộ trung tâm	Thiết lập lại báo động tamper bởi Service	KHÔNG	KHÔNG
Bộ trung tâm	Kích hoạt RESET	CÓ	KHÔNG
Bộ trung tâm	RESET hàng ngày autobypass	CÓ	KHÔNG
Bộ trung tâm	Chặn khi thiết lập	KHÔNG	KHÔNG
Bộ trung tâm	Hủy báo động không thiết lập	KHÔNG	KHÔNG
Bộ trung tâm	Thiết lập không thành công	KHÔNG	KHÔNG
Bộ trung tâm	Thiết bị gặp sự cố tự động autobypass	CÓ	CÓ
Bộ trung tâm	Tạm hoãn báo cáo cho ARC	KHÔNG	KHÔNG
Bộ trung tâm	Cách thiết lập	Đặt cảnh báo	KHÔNG
Bộ trung tâm	Loại phân quyền	Chuẩn	KHÔNG
Bộ trung tâm	Chặn hệ thống bởi báo động	KHÔNG	KHÔNG
Bộ trung tâm	Mất kết nối module BUS	Lỗi	KHÔNG
Bộ trung tâm	Lỗi autobypass	Kích hoạt lần thứ 3	CÓ
Bộ trung tâm	Độ dài chuông báo động	260 s	90...1200 s
Bộ trung tâm	Tạm hoãn chờ vào	30 s	5...120 s
Bộ trung tâm	Tạm hoãn chờ ra	30 s	5...120 s
Module radio	Phát hiện nhiễu RF	Vô hiệu hóa	KHÔNG
Bàn phím	Cài đặt chỉ báo quang học	1. Dài hạn (BUS) hoặc 4. Thay đổi trạng thái phân khu (RF)	KHÔNG
Bàn phím	Hiển thị trạng thái Hủy đặt	CÓ	KHÔNG
Bàn phím	Hiển thị trạng thái Cài đặt	CÓ	KHÔNG
Bàn phím	Chỉ báo âm thanh báo động	CÓ	KHÔNG
Bàn phím	Chỉ báo âm thanh hoãn chờ vào	CÓ	KHÔNG
Bàn phím	Chỉ báo âm thanh hoãn chờ ra	CÓ	KHÔNG

Bằng cách thiết lập cấu hình hệ thống "Mặc định", tất cả các tham số được đề cập được đặt sẵn trở lại cài đặt gốc và tất cả các tham số không thể truy cập được truy cập để thực hiện các thay đổi. Hệ thống báo động sau đó không tuân thủ các yêu cầu của bảo mật cấp 2, điều này có thể vi phạm các yêu cầu được đưa ra bởi công ty bảo hiểm hoặc các quy định địa phương. Trong trường hợp xảy ra sự cố có hại, công ty bảo hiểm không phải trả tiền cho thiệt hại vì các quy định bị vi phạm và hệ thống được lập trình không chính xác do công ty lắp đặt gây ra.



**Tổng quan tham số hệ thống khi "EN50131-1, lớp 2" hoặc "INCERT" được đặt:**

Thiết bị	Thông số	Lựa chọn	Chặn (giới hạn)
Bộ trung tâm	Mã có tiền tố	CÓ	CÓ
Bộ trung tâm	Bật tiêu chuẩn thẻ EM UNIQUE 125kHz	CÓ	KHÔNG
Bộ trung tâm	Độ dài mã	4 (CHỨNG NHẬN 6)	KHÔNG, (INCERT CÓ)
Bộ trung tâm	Tự động kiểm tra thời gian trong PC được kết nối	CÓ	KHÔNG
Bộ trung tâm	Chuông báo động khi thiết lập một phần	KHÔNG	KHÔNG
Bộ trung tâm	Chuông báo động được kích hoạt	CÓ	CÓ
Bộ trung tâm	Cảnh báo về mã mặc định	CÓ	CÓ
Bộ trung tâm	Quản trị viên – Quyền Service/ARC bị hạn chế	CÓ	CÓ
Bộ trung tâm	Service và ARC điều khiển hệ thống	KHÔNG	CÓ
Bộ trung tâm	Thao tác dùng thử	KHÔNG	KHÔNG
Bộ trung tâm	Yêu cầu Service	KHÔNG	KHÔNG
Bộ trung tâm	Kiểm soát truy cập bắt buộc	CÓ	KHÔNG
Bộ trung tâm	Xác nhận báo động trong một phần khu vực	KHÔNG	KHÔNG
Bộ trung tâm	Chuông báo động (output IW) khi tamper được kích hoạt	CÓ	CÓ
Bộ trung tâm	Thiết lập lại báo động tamper bởi Service	CÓ	CÓ
Bộ trung tâm	Kích hoạt RESET	KHÔNG	CÓ
Bộ trung tâm	RESET hàng ngày tính năng autobypass	KHÔNG	CÓ
Bộ trung tâm	Chặn khi thiết lập	CÓ	CÓ
Bộ trung tâm	Hủy báo động không thiết lập	CÓ	CÓ
Bộ trung tâm	Thiết lập không thành công	CÓ	CÓ
Bộ trung tâm	Vô hiệu hóa sự cố thiết bị autobypass	KHÔNG	KHÔNG
Bộ trung tâm	Tạm hoãn báo cáo cho ARC	CÓ	KHÔNG
Bộ trung tâm	Cách thiết lập	Theo cấu hình hệ thống	CÓ
Bộ trung tâm	Loại phân quyền	Chuẩn	KHÔNG
Bộ trung tâm	Chặn hệ thống bằng báo động	Không	KHÔNG
Bộ trung tâm	Mất kết nối Module BUS	Tamper luôn luôn	KHÔNG
Bộ trung tâm	Thiết bị autobypass	Kích hoạt lần thứ 3	KHÔNG
Bộ trung tâm	Độ dài báo động	260	90... 900 s
Bộ trung tâm	Tạm hoãn chờ vào	30	5...30 s
Bộ trung tâm	Tạm hoãn chờ ra	30	5..s.60 s
Module radio	Phát hiện nhiễu RF	THẤP	KHÔNG
Bàn phím	Cài đặt chỉ báo quang học	2.Thay đổi trạng thái phần (BUS) hoặc 4.Thay đổi trạng thái phân khu (RF)	CÓ

Bàn phím	Hiển thị trạng thái Hủy đặt	KHÔNG	KHÔNG
Bàn phím	Hiển thị trạng thái Cài đặt	KHÔNG	KHÔNG
Bàn phím	Chỉ báo âm thanh báo động	CÓ	CÓ
Bàn phím	Chỉ báo âm thanh hoãn chờ vào	CÓ	CÓ
Bàn phím	Chỉ báo âm thanh hoãn chờ ra	CÓ	CÓ
Điều khiển từ xa	Kiểm soát chức năng hạn chế	KHÔNG	CÓ
Lịch	Kiểm soát chức năng hạn chế	KHÔNG	CÓ

**Tổng quan về lý do ngăn chặn cài đặt theo cấu hình hệ thống được thiết lập sẵn:**

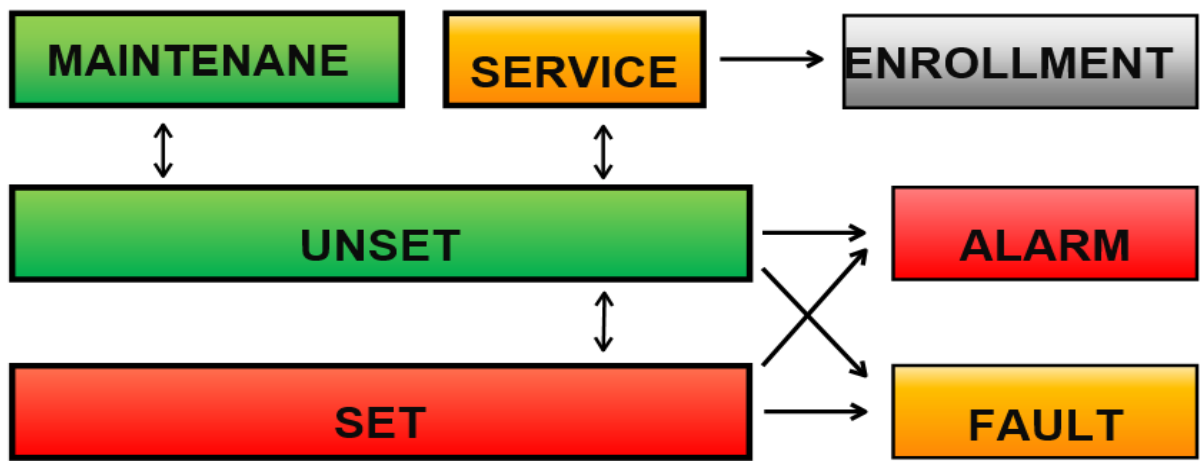
Sự kiện \ Cấu hình	Mặc định		EN50131-1, lớp 2		CHỨNG NHẬN, lớp 2	
	Đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt
Kích hoạt tamper	✓		✓			✓
Input kích hoạt (bất kỳ input nào)					✓	
Kích hoạt input ngay lập tức	✓		✓		✓	
Kích hoạt báo động chỉ báo bộ nhớ			✓			✓
Thiết bị RF 20 phút. không có phản hồi			✓		✓	
Lỗi chuông báo động				✓		✓
Lỗi	✓		✓			✓
Mất kết nối thiết bị	✓		✓			✓
Cảm biến bị chặn						
Thiết bị hết pin	✓		✓			✓
Bộ trung tâm hết nguồn dự phòng	✓		✓			✓
Lỗi Bộ trung tâm không kết nối ắc quy	✓			✓		✓
Lỗi AC			✓		✓	
Lỗi AC trong 30 phút	✓		✓			✓
Hệ thống đang được cấu hình				✓		✓
Lỗi GSM	✓		✓			✓

Lỗi LAN	✓		✓			✓
Lỗi PSTN	✓		✓			✓
Lỗi của tất cả các ARC				✓		✓

## 8.2 Chế độ hoạt động của bộ trung tâm

Hệ thống an ninh có một vài chế độ hoạt động. Việc chuyển đổi giữa các chế độ phụ thuộc vào mức độ phân quyền của người dùng.

Chế độ	Mô tả
<b>Chế độ Service (+ Chế độ kết nối)</b>	Một chế độ trong đó không có báo động có thể được kích hoạt. Nó chỉ dành cho Kỹ thuật viên hoặc một kỹ thuật viên ARC và nó là để kết nối các thiết bị mới và cấu hình hệ thống. Không có điều khiển nào khả dụng trong chế độ này (cục bộ hoặc từ xa). Các phân khu trên bàn phím được tắt và chế độ được chỉ định bằng cách nhấp nháy màu vàng của nút đèn nền (2 lần nhấp nháy mỗi 2 giây) và tín hiệu từ điều khiển từ xa hoặc các thiết bị khác bị bỏ qua. Vào hoặc thoát khỏi Chế độ Service có thể được thực hiện từ bàn phím LCD hoặc từ PC bằng phần mềm F-Link. Khi PC được kết nối trực tuyến, không thể vào hoặc rời khỏi Chế độ Service từ bàn phím.
<b>Chế độ bảo trì (Maintenance mode)</b>	Một chế độ chủ yếu dành cho Quản trị viên. Nó cho phép thực hiện bảo trì trong phân khu theo quyền truy cập của quản trị viên (ví dụ: thay pin trong cảm biến). Quản trị viên có thể chuyển hệ thống sang chế độ bảo trì bằng bàn phím hoặc phần mềm J-Link. Chế độ bảo trì trong một phân khu không ảnh hưởng đến trạng thái và chức năng của các phân khu khác hoặc trạng thái của PG output có thể lập trình. Chế độ bảo trì được biểu thị bằng nhấp nháy màu xanh lá cây của nút đèn nền (2 lần nhấp nháy mỗi 2 giây) và bởi các nút phân khu của phân khu cụ thể tắt sáng. Có thể thực hiện nhập hoặc thoát Chế độ Bảo trì từ bàn phím LCD hoặc từ PC bằng phần mềm F-Link (J-Link).
<b>Hủy đặt</b>	Một chế độ bình thường trong đó các cảm biến xâm nhập không bảo vệ. Di chuyển tự do trong khu vực, mở cửa sổ và cửa ra vào được cho phép. Cảm biến khói / nhiệt độ, cảm biến rò rỉ khí, cảm biến ngập lụt hoặc nút khẩn cấp có thể kích hoạt báo động mọi lúc. Ngoài ra tamper của tất cả các thiết bị luôn bảo vệ và khi chúng được kích hoạt, hệ thống sẽ kích hoạt báo động tamper. Chế độ hủy đặt được chỉ định trên bàn phím bằng đèn xanh trên phân khu cụ thể.
<b>Cài đặt (toàn bộ hoặc một phần)</b>	Tất cả các cảm biến đều hoạt động và bảo vệ (ngoại trừ cảm biến nội bộ khi được đặt một phần) và khi chúng được kích hoạt thì báo động được kích hoạt (điểm tiếp theo). Chế độ đặt được chỉ định trên bàn phím bằng đèn đỏ (ánh sáng vàng khi đặt một phần) trên phân khu cụ thể.
<b>Alarm (báo động)</b>	Báo động là trạng thái khi trong một thời gian đặt trước (độ dài báo động), output IW và EW được kích hoạt và âm thanh chuông báo động trong nhà và bên ngoài. Trạng thái Báo động được chỉ định trên bàn phím bằng cách nhấp nháy nhanh chóng nút đèn nền màu đỏ. Để biết mô tả về sự khác biệt trong hành vi đầu ra EW và IW, hãy xem chương 8.5 Loại báo động.
<b>Fault (lỗi)</b>	Lỗi là một tín hiệu cảnh báo của hệ thống cho thấy một số trạng thái bất thường của Bộ trung tâm, giao tiếp hoặc thiết bị và các vấn đề về năng lượng của họ (nguồn điện hoặc pin) hoặc các vấn đề giao tiếp.



### 8.3 Phân quyền cho người dùng

Mọi người có thể kiểm soát hệ thống bảo mật hoặc thực hiện bất kỳ cài đặt nào được gọi là Người dùng của hệ thống. Người dùng đặt trước đầu tiên có quyền gần như cao nhất và người không thể bị xóa được gọi là Quyền Service (Service code). Người dùng đặt trước thứ hai không thể xóa được là Quản trị viên chính (Administrator code). Những người dùng khác, có thể được thêm và xóa, có quyền điều chỉnh.

Mã phân quyền	Mô tả
<b>ARC code</b>	Mã này có mức độ phân quyền cao nhất để cấu hình hành vi của hệ thống và được phép thực hiện bỏ chặn hệ thống sau khi báo động được kích hoạt. Nó có thể vào Chế độ Service, truy cập tất cả các tab với các tùy chọn bao gồm Giao tiếp ARC mà nó có thể từ chối quyền truy cập vào Kỹ thuật viên (mã Service). Miễn là tham số "Quản trị viên hạn chế quyền Service/ARC" vẫn chưa được kiểm soát, mã ARC có thể kiểm soát tất cả các phần và PG output được sử dụng trong hệ thống. Mã này cho phép thêm nhiều Quản trị viên và những người dùng khác với mức độ phân quyền thấp hơn gán cho họ với mã, thẻ RFID và chip. Nó cũng có quyền xóa bộ nhớ báo động và báo động tamper. Số lượng mã ARC chỉ bị giới hạn bởi dung lượng còn lại của Bộ trung tâm.
<b>Service code (Mã Service)</b>	Nó có thể vào Chế độ Service và cấu hình hành vi của hệ thống. Nó có quyền truy cập vào tất cả các tab với các tùy chọn bao gồm giao tiếp ARC trừ khi quyền truy cập bị hạn chế bởi kỹ thuật viên ARC. Miễn là tham số "Service /ARC bên phải do Quản trị viên hạn chế" vẫn chưa được kiểm soát, mã Service có thể kiểm soát tất cả các phần và PG output được sử dụng trong hệ thống. Nó có thể tạo người dùng có quyền ARC, các Kỹ thuật viên khác, Quản trị viên và những người dùng khác với mức độ phân quyền thấp hơn và gán cho họ với mã truy cập, thẻ RFID và thẻ. Số lượng mã Service chỉ bị giới hạn bởi dung lượng còn lại của Bộ trung tâm. Mã mặc định là 1010 và không thể xóa.
<b>Administrator (Quản trị viên) (Chính)</b>	Nó có thể vào chế độ bảo trì. Mã này luôn có quyền truy cập đầy đủ vào tất cả các phân khu và được phân quyền kiểm soát tất cả các PG output. Quản trị viên có thể tạo Quản trị viên khác và các mã khác với mức độ phân quyền thấp hơn và chỉ định chúng có quyền truy cập vào các phần và PG output, mã truy cập, chip và thẻ RFID. Có quyền xóa bộ nhớ báo động. Chỉ có thể có một mã Quản trị viên chính không thể xóa. Khi "Quyền Service/ARC do quản trị viên hạn chế", mã quản trị viên phải được phân quyền để xác nhận quyền truy cập. Mã mặc định là 1234.
<b>Administrator (Quản trị viên) (Khác)</b>	Nó có thể nhập chế độ Bảo trì trong các phần được chỉ định. Mã này có quyền truy cập vào các phần được lựa chọn bởi Quản trị viên chính mà Quản trị viên khác có thể thêm người dùng mới có cùng mức phân quyền tương tự hoặc thấp hơn để kiểm soát các phần và PG output, gán chúng với mã truy cập, thẻ RFID và thẻ. Có quyền xóa bộ nhớ báo động trong các phần được gán. Khi "Quyền Service/ARC bị hạn chế của Quản trị viên", mã quản trị viên phải được phân quyền để xác nhận truy cập. Số lượng mã Quản trị viên (khác) chỉ bị giới hạn bởi dung lượng còn lại của Bộ trung tâm. Không có mã được thiết lập bởi các mặc định của nhà máy.
<b>User (Người dùng)</b>	Mã này có quyền truy cập vào các phần và quyền kiểm soát PG được chỉ định bởi Quản trị viên. Người dùng có thể thêm / xóa thẻ RFID và thẻ truy cập của họ và thay đổi số điện thoại của họ. Nó có quyền xóa bộ nhớ báo động trong các phần được chỉ định. Người dùng có thể thay đổi mã của họ miễn là hệ thống sử dụng Mã với tiền tố. Người dùng được chọn có thể có quyền truy cập vào các phần bị giới hạn bởi một lịch trình. Số lượng mã Người dùng chỉ bị giới hạn bởi dung lượng còn lại của Bộ trung tâm. Không có mã được thiết lập bởi các mặc định của nhà máy.
<b>Cài đặt (Thiết lập)</b>	Mã này chỉ được thiết lập một phần được chỉ định. Người dùng có mức phân quyền này không được phép thay đổi mã của họ và không được phép xóa bộ nhớ báo động. Số lượng mã Đặt chỉ bị giới hạn bởi dung lượng còn lại của Bộ trung tâm. Không có bộ mã mặc định của nhà sản xuất.
<b>PG only (Chỉ PG)</b>	Cho phép người dùng kiểm soát đầu ra có thể lập trình chỉ với phân quyền. Điều này áp dụng cho cả bật và tắt. Người dùng có mức phân quyền này không được phép thay đổi mã của họ và không được phép xóa bộ nhớ báo động. Số lượng mã pg chỉ giới hạn bởi bộ nhớ còn lại của Bộ trung tâm. Không có mã mặc định.
<b>Panic (Khẩn cấp)</b>	Mã này chỉ được phép kích hoạt Panic alarm. Người dùng mã này không được phép thay đổi hoặc xóa bộ nhớ báo động. Số lượng mã Panic chỉ bị giới hạn bởi dung lượng còn lại của Bộ trung tâm. Không có mã được thiết lập bởi các mặc định của nhà máy.

<b>Guard Code (Mã bảo vệ)</b>	Đây là một mã cho một cơ quan an ninh. Mức độ phân quyền này cho phép thiết lập toàn bộ hệ thống. Tuy nhiên, mã bảo vệ chỉ có thể cài đặt hệ thống trong thời gian báo động hoặc sau đó miễn là bộ nhớ báo động vẫn hoạt động. Người dùng mã này không được phép thay đổi hoặc xóa bộ nhớ báo động. Số lượng mã Bảo vệ chỉ bị giới hạn bởi năng lực còn lại của Bộ trung tâm. Không có mã được thiết lập bởi các mặc định của nhà máy.
<b>Unblocking code (Bỏ chặn mã)</b>	Mã này được chỉ định để bỏ chặn hệ thống sau khi chặn Hệ thống bằng báo động. Người dùng mã này không được phép thay đổi hoặc xóa bộ nhớ báo động. Số lượng mã bỏ chặn chỉ bị giới hạn bởi công suất còn lại của Bộ trung tâm. Không có mã được thiết lập bởi các mặc định của nhà máy.

Tạo người dùng mới và quản lý mức phân quyền của họ được thực hiện bởi phần mềm F-Link hoặc J-Link.

#### 8.4 Thông số tùy chọn của hệ thống

**Mã có tiền tố** – chức năng này xác định cách nhập tất cả các mã truy cập trong quá trình phân quyền của người dùng. Khi được kích hoạt, hệ thống yêu cầu nhập tiền tố 1 hoặc 3 chữ số, tiếp theo là \* trước khi bạn nhập mã truy cập hợp lệ 4, 6 hoặc 8 chữ số (ví dụ: 12 \* 3456). Trong trường hợp này, người dùng được phép nhập mã 4 chữ số của riêng họ từ bàn phím LCD và chỉnh sửa chúng tùy ý. Vô hiệu hóa chức năng khiến hệ thống không yêu cầu tiền tố được nhập và chỉ cần mã truy cập hợp lệ. Trong trường hợp này, chỉ có Quản trị viên hệ thống mới có thể thêm và chỉnh sửa mã của tất cả người dùng. Quản trị viên phải tránh tình trạng trùng lặp mã (2 người dùng không nên có cùng một mã).

**Lưu ý:** Vô hiệu hóa tham số này gây ra việc xóa không thể đảo ngược của tất cả các mã người dùng và mã Service và quản trị viên được đặt sẵn đến các giá trị mặc định. Phân quyền của người dùng và thẻ RFID và thẻ của người dùng đã được thiết lập vẫn giữ nguyên.

**Độ dài mã** - để tăng mức độ bảo mật hệ thống báo động trong quá trình phân quyền, có thể đặt trước độ dài mã người **dùng** bất kể chức năng tiền tố. Có thể có 4, 6 hoặc 8 chữ số mã. Khi độ dài mã được thay đổi, mã Service và Quản trị viên được đặt thành các giá trị mặc định (1010 và 1234) và tất cả các mã khác sẽ bị xóa. Mã mặc định là:

Mã mặc định không có tiền tố	4 chữ số	6 chữ số	8 chữ số
Service:	1010	101010	10101010
Quản trị viên:	1234	123456	12345678

Mã mặc định với tiền tố	4 chữ số	6 chữ số	8 chữ số
Service:	0*1010	0*101010	0*10101010
Quản trị viên:	1*1234	1*123456	1*12345678

**Bật tiêu chuẩn thẻ EM UNIQUE 125 kHz** - nếu bị vô hiệu hóa, thẻ / thẻ RFID nhận dạng (JA-190J, JA-191J, JA-192J, JA-194J) được nhà sản xuất khuyến nghị chỉ có thể được sử dụng. Nếu được kích hoạt, thẻ của các nhà sản xuất khác làm việc với tần số nêu trên cũng được phép.

**Chuông báo động khi đặt một phần IW** - chức năng này cho phép kích hoạt chuông báo động trong nhà trong báo động xâm nhập (nó không liên quan đến báo cháy hoặc báo động 24 giờ) khi hệ thống được thiết lập một phần.

**Cảnh báo về mã mặc định** - khi Chế độ Service còn lại, hệ thống sẽ gửi tin nhắn SMS (vị trí 0) cho Kỹ thuật viên về các mã còn lại vẫn được đặt thành mặc định.

**Quản trị viên – quyền Service / quyền ARC** – cần có sự phân quyền của quản trị viên để truy cập hệ thống cho ARC hoặc Kỹ thuật viên. Trong trường hợp truy cập từ xa của một Kỹ thuật viên vào hệ thống thông qua F-Link, quản trị viên có thể được phân quyền bằng cách sử dụng bàn phím trong hệ thống. Trong trường hợp kết nối local của Kỹ thuật viên với Bộ trung tâm bằng cáp USB, quản trị viên có thể được phân quyền từ xa bằng menu thoại.

**Service và ARC điều khiển hệ thống** - điều này là để các Kỹ thuật viên và ARC kiểm soát (Đặt / Hủy đặt) tất cả các phần và tất cả các PG output (ON / TẮT ) yêu cầu phân quyền.

**Hoạt động thử nghiệm** - một chế độ đặc biệt được sử dụng sau khi cài đặt hệ thống, bất kể cài đặt thực tế của độ dài báo động, nó rút ngắn xuống còn 60 s và tất cả các sự kiện báo động được báo cáo bằng SMS cho người dùng được xác định và Kỹ thuật viên (vị trí 0) mặc dù báo cáo báo động không được kích hoạt cho họ. Thao tác thử nghiệm sẽ tự động chấm dứt sau 7 ngày sau khi rời khỏi Chế độ Service.

**Yêu cầu Service** - nếu được bật, 12 tháng sau khi bạn rời khỏi Chế độ Service, xuất hiện trên bàn phím LCD một tin nhắn cụ thể là "Yêu cầu kiểm tra hệ thống" và bằng cách nhấn nút "1" nó hiển thị "Cuộc gọi Kỹ thuật viên" với số điện thoại của anh ta (nếu được đặt sẵn). Một thông báo trên màn hình LCD sẽ tự động biến mất khi một Kỹ thuật viên truy cập cục bộ vào hệ thống. Bộ đếm kiểm hàng năm thực hiện RESET. Yêu cầu Service cũng có thể được đặt thành một ngày chính xác dưới dạng lịch trình trong tab Lịch (*chức năng "Yêu cầu Service" có thể được kết hợp với "Yêu cầu Service" tự động một năm sau khi rời Chế độ Service*).

**Kiểm soát truy cập bắt buộc** - chức năng này là kích hoạt báo động khẩn cấp im lặng chỉ bằng cách phân quyền hoặc trong quá trình kiểm soát hệ thống (cài đặt, hủy cài đặt, PG) khi người dùng bị đe dọa từ kẻ xâm nhập. Một báo động khẩn cấp được kích hoạt trong quá trình kiểm soát hệ thống bằng cách thêm số "1" vào chữ số cuối cùng của mã. Nó cũng được hỗ trợ cho một mã có hoặc không có tiền tố. Khi mã người dùng có số 9 là chữ số cuối cùng thì trong quá trình kiểm soát truy cập nhập 0 dưới dạng chữ số cuối cùng.

**Xác nhận báo động trong một phân khu** - nếu phản ứng xác nhận của một cảm biến khác được thiết lập cho cảm biến, tùy chọn xác nhận này chỉ có thể được sử dụng để giới hạn xác nhận cho cùng một phân khu (nếu không cảm biến từ bất kỳ phần nào có thể xác nhận báo động). Điều này cũng có giá trị như nhau đối với cảm biến xâm nhập và cho cảm biến báo cháy.

**Chuông báo động (đầu ra IW) khi tamper được kích hoạt** - chuông báo động với phản ứng IW về mặt âm thanh cho thấy báo động tamper nếu vùng không được cài đặt hoặc một phần được thiết lập. Chuông báo động luôn cho biết khi nào hệ thống (phân khu) được thiết lập đầy đủ.

**Thiết lập lại chỉ báo báo động tamper bởi Service** - chỉ báo bộ nhớ tamper chỉ có thể được RESET bởi một Service hoặc Kỹ thuật viên ARC. Nếu tùy chọn này không được kiểm tra, chỉ báo cũng có thể được RESET bởi Quản trị viên (nhưng không phải người dùng).

**Thiết lập lại được kích hoạt** – khả năng khóa RESET Bộ trung tâm bằng Jumper trên bảng. Nếu tùy chọn RESET bị vô hiệu hóa và mã Service bị mất, Bộ trung tâm chỉ có thể được nhà sản xuất mở khóa. RESET Bộ trung tâm được mô tả trong chương 12 "Đặt lại bảng điều khiển".

**Thiết lập lại thiết bị tự động hàng ngày** - tùy chọn chỉ liên quan đến input kích hoạt (không tamper và input lỗi). Nếu tùy chọn này được bật, hệ thống sẽ tự động RESET các thiết bị autobypass, cụ thể là mỗi ngày vào lúc 12:00. Nếu tùy chọn bị vô hiệu hóa, autobypass của thiết bị sẽ chỉ được RESET với sự thay đổi trạng thái trong phân khu. Lựa chọn này phù hợp, ví dụ: để sử dụng cảm biến có phản ứng 24 giờ hoặc cảm biến ngập lụt được tìm thấy trong một phân khu mà cài đặt / hủy cài đặt là không cần thiết.

**Chặn cài đặt** - nếu được bật thì tất cả các input đang hoạt động sẽ bị chặn trong quá trình thiết lập phân khu và chúng không thể kích hoạt báo động trong giai đoạn bảo vệ này nữa. Nếu bị vô hiệu hóa, tất cả các input hoạt động sẽ bị bỏ qua (autobypass) tạm thời cho đến khi chúng đến chế độ chờ và cảm biến bắt đầu bảo vệ lại (nguy cơ kích hoạt báo động giả - ví dụ: cửa sổ đóng không đúng cách).

**Hủy cài đặt báo động** - một chức năng xác định xem báo động sẽ bị hủy bỏ chỉ bằng cách phân quyền của một mã hợp lệ hoặc bằng cách kích hoạt phân khu với báo động. Nếu được bật, báo động có thể bị hủy bằng cách hủy bỏ phân khu mà báo động đã được kích hoạt hoặc từ menu bàn phím LCD bằng cách nhấn vào "Hủy chỉ báo cảnh báo".

**Cài đặt không thành công** – một hàm được xử lý trong mọi quy trình cài đặt. Nếu một vùng lập tức được kích hoạt trong thời gian thoát hoặc vùng bị trì hoãn vẫn mở khi thời gian thoát hết hạn, hệ thống không được thiết lập và kích hoạt sự kiện "Cài đặt không thành công" và ghi lại nó trong lịch sử. Nó cũng được báo cáo bằng SMS cho người dùng được đặt sẵn nếu sự kiện "SMS về cài đặt không thành công" được kích hoạt được gửi. Nó được chỉ định bởi bàn phím và cũng bởi một tiếng chuông báo động ngoài trời. Để hủy bỏ dấu hiệu về cài đặt không thành công, cần nhấn "Hủy chỉ báo cảnh báo" trong menu bàn phím LCD.

**Lỗi autobypass** – nó chỉ có sẵn khi một trong các cấu hình hệ thống "EN50131-1" hoặc "INCERT" được chọn. Nó có nghĩa là để vô hiệu hóa số lượng giới hạn các lỗi được kích hoạt từ 3 lỗi tối đa đến không giới hạn.

**Cách thiết lập** - lựa chọn thông qua việc thiết lập hệ thống với một thiết bị hoạt động hoặc lỗi trong hệ thống. Từ cấp độ thấp nhất, hệ thống luôn đặt bất kể thiết bị đang hoạt động hoặc lỗi ở mức cao nhất mà nó không thể được đặt với thiết bị hoạt động (vùng lập tức).

**Loại phân quyền** – lựa chọn cách hệ thống xử lý phân quyền của người dùng. Từ phân quyền tiêu chuẩn (chỉ có mã hoặc thẻ) đến xác nhận thẻ RFID bằng mã (nếu người dùng đã chỉ định cả hai) để phân quyền gấp đôi, có nghĩa là bắt buộc áp dụng thẻ và mã. Xác nhận mã người dùng bằng thẻ để giảm nguy cơ truy cập hoặc kiểm soát trái phép của bên thứ ba.

**Chặn hệ thống bằng báo động** - các thông số cho phép chặn hệ thống sau khi kích hoạt báo động đầu tiên (xâm nhập hoặc tamper) để tránh các báo động tiếp theo được kích hoạt. Bỏ chặn có thể được thực hiện bằng một mã đặc biệt để Bỏ chặn hoặc bằng cách truy cập được phân quyền từ ARC (dành cho Vương quốc Anh). Bỏ chặn sau khi kích hoạt báo động tamper cũng có thể được thực hiện bởi người dùng có phân quyền Service (dành cho khu vực Benelux).

**Mất thiết bị BUS** – Bộ trung tâm xử lý việc mất thiết bị hoặc chấp mạch trên hệ thống BUS. Theo tùy chọn được chọn, nó sẽ phản ứng bằng cách kích hoạt Lỗi hoặc báo động tamper với mọi mất thiết bị hoặc tùy chọn cuối cùng bằng cách kích hoạt báo động tamper sau khi xác nhận rằng bất kỳ thiết bị nào khác là lạc.

**Autobypass thiết bị** – tùy chọn chỉ liên quan đến input kích hoạt, không tamper và input lỗi. Nếu chức năng được bật và đặt thành "kích hoạt lần thứ 3", Bộ trung tâm cho phép 3 sự kích hoạt thiết bị trong một khoảng thời gian báo động. Tùy chọn thứ hai là "báo động thứ 3", có nghĩa là thiết bị cụ thể chỉ bị bỏ qua sau 3 giai đoạn báo động, tức là thiết bị có thể được kích hoạt tới 9 lần trong một khoảng thời gian bảo vệ.

#### 8.4.1 Đăng ký và xóa thiết bị

Một thiết bị được cài đặt (cảm biến, bàn phím, chuông báo động, thẻ, v.v.) sẽ chỉ hoạt động sau khi được đăng ký vào một vị trí (địa chỉ) trong hệ thống. Sau khi đăng ký một số thiết bị chiếm nhiều vị trí hơn (nhiều input từ, bộ mở rộng input). Ngoài ra còn có các thiết bị (module PG output, chỉ báo trạng thái, bộ tách BUS và bộ chia) không được kết nối vào bất kỳ vị trí nào. Bạn sẽ tìm thấy chi tiết trong hướng dẫn sử dụng của thiết bị cụ thể.

1. Đăng ký thiết bị được thực hiện thông qua phần mềm F-Link, tab Thiết bị, nút Đăng ký chỉ có thể thực hiện được ở **Chế độ Service**.

2. Bạn có thể đăng ký một thiết bị theo nhiều cách:

a. **Bằng cách nhấn công tắc tamper của thiết bị BUS = đóng nắp** (một số thiết bị có thể được kết nối bằng cách nhấn phím - xem hướng dẫn sử dụng của thiết bị cụ thể).

b. **Bằng cách kết nối pin với thiết bị không dây** – Tuy nhiên, ít nhất một module radio phải được kết nối trước. Trong trường hợp điều khiển từ xa của loại JA-186Jx, kết nối pin có thể được thay thế bằng cách nhấn và giữ hai nút (tạo thành một cặp dây). Điều khiển từ xa của loại JA-154Jx và JA-16xJ được đăng ký bằng cách nhấn bất kỳ nút nào. Các module truy cập không dây (bàn phím) có thể được kết nối bằng cách nhấn nút kích hoạt đèn nền.

c. **Bằng cách nhập số sê-ri trong trường mã sản xuất SN** (nó được tìm thấy dưới mã vạch trên bảng trong nhà thiết bị, ví dụ: 1400-00-0000-0123). Số cũng có thể được đọc bằng đầu đọc mã vạch quang học. Sau đó, bạn nên kích hoạt cảm biến để xác minh đăng ký của nó.

d. **Bằng cách tải có chọn lọc các thiết bị BUS không đăng ký** - nếu một hoặc nhiều thiết bị chưa được đăng ký chưa được kết nối với BUS, sau khi nhấn Enroll vào Device, nút Enroll not enrolled sẽ được hiển thị, sẽ cung cấp đăng ký thiết bị BUS. Bạn sẽ đăng ký thiết bị bằng cách nhấp đúp vào mục đã chọn.

e. **Bằng cách tải chung các thiết bị BUS không đăng ký** - nếu một hoặc nhiều thiết bị chưa được đăng ký được kết nối với BUS, sau khi nhấn nút Scan/add new BUS devices, tất cả các thiết bị BUS sẽ được kết nối chung. Quy trình này không cho phép bạn xác định vị trí tuần tự cho các thiết bị riêng lẻ.

3. Bạn có thể xóa thiết bị bằng cách xóa mã sản xuất của nó (chỉ toàn bộ thiết bị sẽ bị xóa) hoặc bằng cách chọn dòng tương ứng trong tab Thiết bị và tùy chọn Xóa trong menu hoặc



dưới nút chuột phải hoặc chỉ cần nhấn phím Delete, sẽ xóa toàn bộ dòng của thiết bị (với cài đặt của phân khu, phản ứng, kiểm soát PG output, ghi chú và các tùy chọn khác). Bằng cách này, sau khi đánh dấu nhiều thiết bị hơn (nhấp vào + Shift hoặc click + Ctrl), bạn có thể xóa tất cả chúng hoặc bạn chỉ có thể thay đổi một tham số chung.

**Ghi chú:**

- Các thiết bị BUS chưa được kết nối, nhấp flash với ánh sáng màu vàng. Nếu một thiết bị chưa đăng ký không bắt đầu nhấp nháy với đèn LED màu vàng trong khoảng 180 giây sau khi được cung cấp năng lượng của Bộ trung tâm (trong quá trình khởi tạo) hãy kiểm tra xem thiết bị có được kết nối đúng cách hay không.
- Các thiết bị không dây có giao tiếp một chiều không có bất kỳ phương tiện nào báo hiệu yêu cầu đăng ký.
- Nếu bạn đăng ký một thiết bị trong hệ thống bằng thủ tục nêu trên, vị trí tiếp theo sẽ được cung cấp tự động. Bạn không cần phải thực hiện bất kỳ bước nào; bạn chỉ cần đăng ký các thiết bị theo thứ tự đã chọn. Tự động chuyển sang vị trí tiếp theo có thể bị hủy bỏ trong cửa sổ đăng ký thiết bị.
- Nếu bạn đăng ký một thiết bị đã đăng ký vào một vị trí khác, nó sẽ chuyển sang vị trí đó.
- Nếu một thiết bị chiếm nhiều hơn một vị trí, nó sẽ tự động chiếm số lượng vị trí liên tiếp tương ứng bằng một lần đăng ký (ví dụ: module JA-110M, có hai input báo động, sẽ chiếm hai vị trí). Lưu ý, vô tình xóa thiết bị đăng ký vào vị trí khác có thể xảy ra!
- Nếu bạn đăng ký một thiết bị ở vị trí cao nhất có thể, quá trình đăng ký dần dần sẽ được hoàn thành.
- Các vị trí miễn phí được đặt trong phần 1 theo mặc định. Việc lựa chọn một phân khu có thể được thay đổi sau.
- Đối với các thiết bị đa vị trí như JA-116H, JA-118M, JA-150M... bạn có thể giới hạn số lượng vị trí bị chiếm đóng bằng cách xóa các dòng cụ thể khi module được kết nối. Thực hiện xóa bằng cách nhấp vào dòng cụ thể trên vị trí cần thiết (không phải nút trong Type!) và nhấn phím Xóa trên bàn phím PC.

**8.4.2 Danh sách các phản ứng áp dụng**

Trong tab Thiết bị, bạn có thể đặt phản ứng kích hoạt hệ thống của thiết bị đã đăng ký. Chỉ có các loại phản ứng như vậy được cung cấp cho các thiết bị độc lập có ý nghĩa đối với sản phẩm cụ thể. Có một số thiết bị không thể được chỉ định bất kỳ phản ứng nào (ví dụ: chuông báo động bên ngoài).

<b>Instant</b>	Báo động xâm nhập ngay lập tức nếu nó được thiết lập. Nếu một sự hoãn chờ vào được thiết lập, một báo động IW được phát ra. Báo động EW chỉ được phát ra sau khi hết thời gian trì hoãn nhập cảnh (để biết thêm thông tin về EW và IW xem chương 8.5 Loại báo động).
<b>Delayed A</b>	Báo động xâm nhập với hoãn chờ vào / chờ ra, hẹn giờ A.
<b>Delayed B</b>	Báo động xâm nhập với sự hoãn chờ vào / chờ ra, hẹn giờ B.
<b>Delayed C</b>	Báo động xâm nhập với hoãn chờ vào / chờ ra, hẹn giờ C. Cài đặt bộ hẹn giờ A, B, C – xem Tab Tham số. Trong tab Tham số, bạn có thể đặt cho phản ứng này rằng hoãn chờ ra sẽ được mở rộng bằng cảm biến hoạt động với độ trễ C (ví dụ: thời gian mở cổng nhà để xe).

<b>Next delayed</b>	Báo động xâm nhập. Một cảm biến cung cấp sự hoãn chờ ra tương tự như các cảm biến bị trì hoãn trong cùng một phân khu. Cảm biến này sẽ chỉ cung cấp hoãn chờ vào nếu nó được kích hoạt sau khi một cảm biến mà một phản ứng trì hoãn đã được thiết lập. Nếu nó là cái đầu tiên được kích hoạt, nó sẽ phát ra báo động ngay lập tức. Cài đặt này có ý nghĩa nếu một cảm biến bị trì hoãn được đặt trong cùng một phân khu.
<b>Shortened exit A</b>	Báo động xâm nhập với hoãn chờ vào / chờ ra, hẹn giờ A. Hoãn chờ ra được rút ngắn xuống còn 5 s sau khi một cảm biến được kích hoạt ở chế độ chờ.
<b>Shortened exit B</b>	Báo động xâm nhập với sự hoãn chờ vào / chờ ra, hẹn giờ B. Hoãn chờ ra được rút ngắn xuống còn 5 s sau khi một cảm biến được kích hoạt ở chế độ chờ.
<b>Shortened exit C</b>	Báo động xâm nhập với sự hoãn chờ vào / chờ ra, hẹn giờ C. Hoãn chờ ra được rút ngắn xuống còn 5 s sau khi một cảm biến kích hoạt đi chờ.
<b>Instant always</b>	Báo động xâm nhập lập tức nếu được đặt. Cả cảnh báo báo động EW và IW đều được kích hoạt cùng nhau và ngay lập tức trong thời gian trì hoãn ra.
<b>Instant / Delayed A</b>	Hệ thống phản ứng với việc kích hoạt một cảm biến (báo động, hoãn chờ vào) khi được đặt một phân khu thành vùng Lập tức và khi được đặt đầy đủ thành vùng A bị trì hoãn.
<b>Instant confirmed</b>	Báo động xâm nhập lập tức - xem phản ứng xâm nhập được xác nhận 8.4.3 dưới đây.
<b>Delayed A confirmed</b>	Báo động xâm nhập với độ trễ vào và ra, hẹn giờ A - xem phản ứng xâm nhập được xác nhận 8.4.3 dưới đây.
<b>Repeated instant</b>	Báo động xâm nhập lập tức - xem 8.4.3 Phản ứng lập đi lập lại dưới đây.
<b>Repeated delayed A</b>	Báo động xâm nhập với độ trễ vào và ra, hẹn giờ A - xem “Phản ứng lập đi lập lại” 8.4.3 bên dưới.
<b>Tampering</b>	Báo động tamper bất cứ lúc nào ( phân khu không cần phải được thiết lập).
<b>24 hours</b>	Báo động xâm nhập ngay lập tức (phân khu không cần phải được thiết lập).
<b>Silent Panic</b>	Báo động khẩn cấp im lặng: 1) EW và IW không được kích hoạt (xem chương 8.5 “Các loại báo động”); 2) Bàn phím không phát ra tiếng bíp mặc dù nó không được đặt như thế này; 3) Nếu hệ thống có thể phân biệt ai đã kích hoạt báo động Khẩn cấp (ví dụ: thông qua thẻ có danh tính người dùng được thông qua hoặc nhập mã khẩn cấp của người dùng), nó không gửi Panic SMS cho người dùng này.
<b>Audible Panic</b>	Báo động khẩn cấp âm thanh (hành vi giống như một sự khẩn cấp im lặng, sự khác biệt duy nhất là một báo động được báo hiệu bởi chuông báo động đã sử dụng theo bảng trong chương 8.5 “Loại báo động”).
<b>Fire alarm</b>	Báo cháy bất cứ lúc nào ( phân khu không cần phải được thiết lập).
<b>Fire confirmation</b>	Báo cháy bất cứ lúc nào ( phân khu không cần phải được thiết lập ), xem 8.4.3 Xác nhận phản ứng cháy bên dưới.
<b>Fire instant</b>	Báo cháy chỉ khi phân khu tương ứng được thiết lập.
<b>Gas</b>	Báo động rò rỉ khí bất cứ lúc nào (phần không được thiết lập).
<b>Health troubles</b>	Gửi báo cáo về vấn đề sức khỏe.
<b>Flooding</b>	Gửi báo động ngập lụt.
<b>Cài đặt / Partial Cài đặt</b>	Cài đặt (cài đặt một phần) của một phần. Nếu phân khu là một phân khu chung, tất cả các phân khu thuộc về nó sẽ được đặt cùng một lúc. Phản ứng này cũng có chức năng Hủy đặt.
<b>Mute</b>	Chuông báo động im lặng trong nhà với một báo cáo tiếp theo về sự hiện diện của một người trong tòa nhà.

<b>Report A / B / C / D</b>	Một báo cáo đặc biệt được gửi (báo cáo đặc biệt A, B, C và D được đặt trong tab Báo cáo cho người dùng), có thể kèm theo cuộc gọi tin nhắn thoại. Nếu việc lưu các báo cáo đặc biệt trong lịch sử sự kiện được bật, báo cáo cũng được gửi đến ARC.
<b>Key-Box</b>	Một phản ứng đặc biệt được thiết kế cho khóa kín trong trường hợp khẩn cấp, v.v. việc mở khóa sẽ gửi báo cáo đến ARC mà không kích hoạt báo động bằng chuông báo động.
<b>Instant always</b>	Phản ứng vùng lập tức. Nếu thiết lập, thì dựa trên kích hoạt, cảnh báo báo động EW và IW ngay lập tức cũng được kích hoạt trong thời gian trì hoãn ra.
<b>None</b>	Không có bất kỳ tác động nào đối với báo động xâm nhập; tuy nhiên, thiết bị có thể được sử dụng để kích hoạt PG output.
<b>None with no tamper</b>	Hệ thống chỉ phản ứng với cảm biến kích hoạt bằng kiểm soát PG output. Không có loại báo động nào được kích hoạt (ngay cả báo động tamper), phát hiện lỗi được giữ.

### 8.4.3 Hạn chế báo động giả

Trong các hệ thống lắp đặt có nguy cơ báo động giả cao hơn, các loại phản ứng đặc biệt có thể được sử dụng:

**Xác nhận phản ứng xâm nhập**- nếu trong một phân khu thiết lập, một cảm biến có phản ứng được xác nhận được kích hoạt, hệ thống chỉ báo cáo báo động chưa được xác nhận cho ARC và chờ xác nhận bởi một cảm biến khác. Báo động có thể được xác nhận bởi bất kỳ cảm biến xâm nhập nào trong một phân khu cố định. Trong tab Tham số, bạn có thể xác định xem xác nhận có thể đến từ bất kỳ phân khu tập hợp nào hay nó phải đến từ cùng một phân khu. Bạn cũng có thể đặt thời gian mà hệ thống chờ xác nhận bởi một cảm biến khác trong tab Tham số (tối đa 60 phút). Nếu báo động không được xác nhận trong khoảng thời gian được xác định trước, không có báo động nào được phát ra. Nếu một phản ứng chậm được xác nhận được thiết lập, kích hoạt một cảm biến chỉ bắt đầu gửi một báo động chưa được xác nhận sau khi hết hạn trì hoãn chờ vào. Phản ứng được xác nhận chỉ có thể được sử dụng nếu một số lượng cảm biến xâm nhập cao hơn được cài đặt trong tòa nhà (để cho phép xác nhận). Phản ứng này chỉ khả dụng nếu cấu hình hệ thống "Mặc định" được sử dụng.

**Phản ứng cháy được xác nhận** - nếu một cảm biến hòa hoãn với phản ứng này được kích hoạt, chỉ có một báo động cháy chưa được xác nhận được báo cáo cho ARC và hệ thống chờ xác nhận về đám cháy bằng một cảm biến báo cháy khác. Trong tab Tham số, bạn có thể xác định xem xác nhận có thể đến từ bất kỳ phân khu nào hay nó phải đến từ cùng một phân khu. Khoảng thời gian chờ xác nhận báo cháy được đặt trong tab Tham số. Nếu hỏa hoạn không được xác nhận trong khoảng thời gian được xác định trước, không có báo động cháy nào được phát ra. Phản ứng được xác nhận chỉ có thể được sử dụng nếu một số lượng lớn các cảm biến báo cháy được cài đặt trong tòa nhà (để cho phép xác nhận).

**Cảnh báo:** Chức năng này và việc sử dụng nó phải được thực hiện nghiêm túc theo các yêu cầu và quy phạm của địa phương.

**Phản ứng lặp đi lặp lại** - nếu một cảm biến với loại phản ứng này được kích hoạt, hệ thống chờ đợi liệu việc kích hoạt cùng một cảm biến có được lặp lại hay không. Trong tab Tham số, bạn có thể đặt khoảng thời gian mà hệ thống chờ kích hoạt lặp đi lặp lại và cũng là thời gian mà cảm biến bị bỏ qua. Nếu kích hoạt cảm biến không được lặp lại trong khoảng thời gian được thiết lập trước (có thể điều chỉnh từ 6 đến 120 giây), hệ thống sẽ hủy kích hoạt đầu tiên. Phản ứng lặp đi lặp lại được sử dụng trong môi trường với nguy cơ báo động sai thường xuyên

ví dụ: gây ra bởi loài gặm nhấm, côn trùng nhỏ, bản nháp, v.v.

**Chức năng Three-strikes (3x và STOP!)** – Tất cả các cảm biến có phản ứng báo động kích hoạt của xâm nhập và báo cháy được giới hạn ở ba kích hoạt có thể có của Bộ trung tâm trong một giai đoạn giám sát nhiều nhất. Sau ba lần kích hoạt (vào lần xâm nhập thứ tư), một bypass được kích hoạt cho input báo động tương ứng và cảm biến tương ứng được loại trừ khỏi hoạt động tiếp theo. Nếu ba kích hoạt này xảy ra trong một báo động, ba tin nhắn SMS báo động được tạo ra hoàn toàn và sau đó cảm biến bị vô hiệu hóa. Nếu ba kích hoạt này xảy ra trong

khoảng thời gian dài hơn thời gian báo động, ba tin nhắn SMS báo động được tạo ra, ba báo động được kích hoạt và sau đó cảm biến bị vô hiệu hóa.

Chức năng này có thể được mở rộng bằng tham số "Thiết bị autobypass", bạn có thể tìm thấy nó trên tab Tham số và lựa chọn "Báo động thứ 3" - bây giờ nó có thể đạt tới 3 kích hoạt từ mọi thiết bị trong tất cả tối đa 3 báo động. Điều đó có nghĩa là có thể gửi tới 9 (3x3) tin nhắn SMS báo động. Một bypass có thể bị hủy bỏ bằng cách hủy cài đặt và sau đó thiết lập phân khu, sau đó cảm biến trở lại ở chế độ bảo vệ một lần nữa. Bypass cho phản ứng cháy và lũ cũng bị hủy tự động vào ngày hôm sau lúc 12:00 (theo thông số "Thiết lập lại hàng ngày của autobypass thiết bị" trên tab Tham số). Cơ chế bỏ qua 3x và dừng không được áp dụng cho các thiết bị đã được thiết lập phản ứng Khẩn cấp. Số lượng lỗi được kích hoạt có thể được giới hạn theo cách tương tự (xem "Lỗi autobypass" trên tab Tham số).

**Báo cáo thời gian hoãn báo động cho ARC** - theo yêu cầu định mức EN50131-1 để giảm số lượng báo động sai do hoạt động không hợp lệ của người dùng cuối của hệ thống và sự can thiệp của cơ quan bảo mật. Khi được kích hoạt, báo động nội bộ (chuông báo động, chỉ báo bàn phím) sẽ được kích hoạt sau khi sự hoãn chờ vào đã hết thời gian, nhưng hệ thống chờ 15 s để gửi báo cáo báo động đến ARC. Người dùng có thêm 15 giây để tháo cài đặt hệ thống mà không kích hoạt báo động được báo cáo cho ARC. Nếu anh ta làm điều đó kịp thời, sẽ không có gì được báo cáo. Độ trễ này chỉ liên quan đến một báo động được kích hoạt bởi một khu vực độ trễ. Các loại báo động khác (ngay lập tức, lửa, tamper, v.v.) được báo cáo ngay lập tức mà không có độ trễ bất kể chức năng này.

## 8.5 Các loại báo động

Lý do chính cho hệ thống bảo mật là báo cáo các sự kiện cho chủ sở hữu và người dùng hoặc cơ quan bảo mật chuyên nghiệp để thông báo về các mối đe dọa. Nó có thể là sự xâm nhập của một tên trộm nhưng cũng có một số tác động môi trường như khói, lửa, rò rỉ khí gas, ngập lụt trong các khu vực được bảo vệ. Dấu hiệu của mỗi loại báo động có thể khác nhau tùy theo nguyên nhân của nó. Đối với báo động chuông báo động được chia thành trong nhà (IW) và bên ngoài (EW).

**Trong bảng sau đây là tổng quan về đầu ra IW và EW theo loại báo động và trạng thái phân:**

Trạng thái phân khu	Loại báo động					Thiết lập Hệ thống – Tham số		Kích hoạt	
	Xâm nhập	Tamper	Khẩn cấp	Cháy	2s4h/Ngập	Chuông báo động IW trong cài đặt một phân	Chuông báo động IW về trường hợp tamper	EW	IW
Hủy đặt (Bỏ thiết lập)		✓				N/A	KHÔNG		
		✓				N/A	CÓ		✓
			✓			N/A	N/A	✓	✓
				✓	✓	N/A	N/A		✓
Thiết đặt một phân		✓				N/A	KHÔNG		
		✓				N/A	CÓ		✓
	✓					CÓ	N/A		✓
	✓					KHÔNG	N/A		
			✓			N/A	N/A	✓	✓
				✓	✓	N/A	N/A		✓
Cài đặt (Thiết lập)	✓	✓	✓	✓	✓	N/A	N/A	✓	✓

Tất cả các loại âm thanh chuông báo động hệ thống với một giai điệu không liên tục (tùy chọn

liên tục hoặc không liên tục) và nhấp nháy chuông báo động ngoài trời được thực hiện bởi ánh sáng đỏ hoặc xanh (đèn flash). Độ dài chỉ báo được đưa ra bởi thông số thời gian dài báo động trong Bộ trung tâm. Mỗi chuông báo động có cài đặt riêng như giới hạn độ dài báo động, nhờ đó bạn có thể đặt trước một thời gian báo động ngắn hơn bằng chuông báo động bên ngoài so với trong nhà. Mỗi báo động (ngoại trừ báo động khẩn cấp) đều có dấu bắt đầu và kết thúc (hết hạn hoặc hủy bỏ của người dùng) và với nguyên nhân của sự kiện, nó được ghi lại cho các sự kiện với mốc thời gian và ngày.

Trên tất cả các bàn phím hệ thống, tất cả các báo động (ngoại trừ báo động khẩn cấp) được chỉ định bằng cách nhấp nháy màu đỏ của nút chỉ báo đèn nền với một chỉ báo âm thanh liên tục.

### 8.5.1 Báo động xâm nhập

Đây là trạng thái báo động Bộ trung tâm có thể được kích hoạt bởi các cảm biến với độ trễ hoặc phản ứng lập tức (và các biến thể của chúng) và nó có giá trị cho một hệ thống được thiết lập một phần hoặc hoàn toàn. Nó được chỉ định bởi chuông báo động trong nhà và bên ngoài nhìn thấy bảng ở trên. Độ dài báo động được đưa ra bởi các cài đặt trong các thông số hệ thống Bộ trung tâm. Khi báo động kết thúc bàn phím và dấu hiệu dừng chuông báo động. Khi người dùng được phân quyền, nó tắt tiếng chỉ báo âm thanh của tất cả chuông báo động và bàn phím nhưng nó không hủy trạng thái báo động hệ thống cũng như hủy cài đặt. Nó phải được thực hiện như một hành động sau đây bởi một phân khu điều khiển hoặc menu bàn phím LCD.

### 8.5.2 Báo động tamper

Bộ trung tâm giám sát tất cả các thiết bị đăng ký vào hệ thống bất kể trạng thái hệ thống (đặt / hủy đặt). Hầu hết các thiết bị đều có liên hệ tamper tích hợp để phát hiện mở nắp và xé từ tường. Kích hoạt báo động tamper và nó được chỉ định bởi chuông báo động trong nhà (theo tham số Chuông IW khi tamper được kích hoạt) trong một hệ thống chưa cài đặt, nhưng trong một cài đặt hệ thống bằng cả chuông báo động (trong nhà và bên ngoài) xem bảng trên. Báo động tamper có thể cũng là mất các thiết bị BUS (bởi ngắn mạch), hoặc bởi một mã nỗ lực phá vỡ (10x) trên bàn phím, từ xa và qua cuộc gọi điện thoại bằng DTMF, tin nhắn SMS hoặc sử dụng ứng dụng MyJABLOTRON (WEB + điện thoại thông minh).

### 8.5.3 Báo cháy

Một báo động cháy được kích hoạt bằng cách kích hoạt các cảm biến với một phản ứng báo cháy thiết lập. Các cảm biến sau đây đều được lấy làm cảm biến báo cháy (khói, nhiệt độ cao, cảm biến khí dễ cháy hoặc cảm biến khí CO). Báo cháy được chỉ định bởi chuông báo động trong nhà khi hệ thống không được đặt hoặc đặt một phần, và khi hệ thống được thiết lập đầy đủ, thì nó cũng được chỉ định bằng chuông báo động trong nhà và bên ngoài.

Có nhiều loại báo động khác nhau như:

1. **Báo cháy** – phản ứng cơ bản cho tất cả các cảm biến báo cháy.
2. **Hỏa hoạn được xác nhận** - tùy chọn cho độ tin cậy cao hơn. Tối thiểu 2 cảm biến báo cháy phải được lắp đặt trong mỗi phòng có cùng cài đặt.
3. **Cháy ngay lập tức** - được sử dụng đặc biệt cho các khu vực nơi có khói bình thường (nhà hàng, cửa hàng hàn, v.v.) và phát hiện chỉ được thực hiện khi hệ thống được thiết lập.
4. **Gas** – Một phản ứng đặc biệt của cảm biến báo cháy với việc xác định khí dễ cháy, độc hại hoặc nổ để báo cáo cụ thể về sự kiện này cho ARC.

### 8.5.4 Báo động khẩn cấp

Báo động khẩn cấp là một sự kiện đặc biệt có thể được kích hoạt như 2 sự kiện khác nhau, **Báo động khẩn cấp im lặng** và **Báo động khẩn cấp âm thanh**. Mỗi loại sẽ có hành vi khác nhau.

1. **Báo động khẩn cấp im lặng** - một sự kiện đặc biệt không được chỉ định cho một nhóm cảnh báo xâm nhập, sẽ được chỉ báo bằng còi báo động hoặc bàn phím. Một báo động khẩn

cấp im lặng không có bộ đếm thời gian và không có hồi kết cho sự kiện này. Vì vậy, nó không thể được sử dụng để kiểm soát trạng thái của PG output. Nó chỉ để kích hoạt báo động khẩn cấp im lặng và kêu gọi trợ giúp khi bị ép buộc mà kẻ tấn công không hề hay biết. Một báo động khẩn cấp im lặng có thể được kích hoạt từ một nút nhấn khẩn cấp cụ thể (ấn hoặc nút di động). Thông thường bằng một nút được đặt trước thành báo động khẩn cấp im lặng, bằng sự kết hợp của các phím trên điều khiển từ xa, bằng bàn phím với phân khu điều khiển đặc biệt được đặt trước thành báo động khẩn cấp im lặng (trong trường hợp này, báo động khẩn cấp có thể được trì hoãn bằng bộ hẹn giờ tùy chọn), bằng cách nhấn nút trên chuông báo động trong nhà, bằng input trên module BUS dành cho thiết bị có dây hoặc bằng cách nhập mã đặc biệt để kích hoạt báo động khẩn cấp im lặng. Một báo động khẩn cấp im lặng cũng có thể được kích hoạt khi kiểm soát truy cập bắt buộc được thực hiện (xem chương 9.10 Kiểm soát hệ thống bằng kiểm soát truy cập bắt buộc) trong đó mã người dùng tiêu chuẩn được sửa đổi.

**2. Báo động khẩn cấp âm thanh** - là một sự kiện báo động thông thường với một khởi đầu và một kết thúc vì vậy nó được chỉ định bằng âm thanh chuông báo động và bàn phím. Nó có thể được sử dụng để kiểm soát trạng thái của PG output. Và chủ yếu là nó được sử dụng để kích hoạt báo động khẩn cấp với yêu cầu chỉ báo quang học hoặc để chặn khóa cửa điện, v.v. Một báo động khẩn cấp âm thanh có thể được kích hoạt từ một nút nhấn khẩn cấp cụ thể (nút ấn hoặc di động). Thông thường bằng một nút được đặt sẵn cho một báo động khẩn cấp im lặng, bằng một phím được đặt sẵn trên điều khiển từ xa, bằng một bàn phím với một phân khu điều khiển đặc biệt được đặt sẵn cho một báo động khẩn cấp im lặng (trong trường hợp này, một báo động khẩn cấp có thể bị trì hoãn với một bộ hẹn giờ tùy chọn), bằng cách nhấn nút trên chuông báo động trong nhà, bằng một input trên module BUS dành cho các thiết bị có dây.

**Lưu ý:** Cả hai loại báo động khẩn cấp đều cụ thể nhờ thực tế là chúng có thể được kích hoạt nhiều lần mà không có giới hạn hoặc chặn tự động.

### 8.5.5 Báo động 24 giờ

Cảm biến đảm bảo bảo vệ dài hạn bất kể trạng thái hệ thống (đặt hoặc chưa cài đặt) có thể có phản ứng được thiết lập sẵn là 24 giờ hoặc ngập lụt. Loại báo động này được gán cho nhóm báo động xâm nhập, nhưng bất kể thực tế này, nó có thể được kích hoạt khi hệ thống không được cài đặt. Theo trạng thái hệ thống, một báo động được chỉ định bởi chuông báo động trong nhà và bên ngoài, xem bảng ở trên. Báo cáo báo động được thực hiện theo cách tương tự như các báo động khác.

### 8.5.6 Hủy báo động

Khi một báo động trong hệ thống được kích hoạt, thời gian của nó được tính bằng bộ hẹn giờ dành cho độ dài báo động, xem F-Link, tab Tham số. Nếu có người dùng được phân quyền có mặt trong khu vực được bảo vệ, báo động có thể bị hủy kịp thời. Hủy bỏ báo động gây ra sự im lặng ngay lập tức của tất cả các chuông báo động và chấm dứt báo cáo giọng nói báo động cho tất cả các số điện thoại được đặt sẵn. Cách hủy báo động phụ thuộc vào tham số trong tab Tham số:

#### Hủy báo động không đặt

- Nếu được bật, báo động hiện đang chạy sẽ bị hủy bằng cách hủy bỏ phần bằng báo động hoặc sau khi cho phép trên bàn phím LCD và bằng cách nhấn tùy chọn "Hủy chỉ báo cảnh báo".
- Nếu bị vô hiệu hóa, báo động hiện đang chạy chỉ có thể bị hủy bỏ bằng giấy phép hợp lệ của người dùng với quyền truy cập vào phần đó mà không có yêu cầu bỏ cài đặt phần đó.

### 8.6 Lỗi hệ thống

Lỗi là tín hiệu cảnh báo từ hệ thống cho thấy một số trạng thái bất thường của Bộ trung tâm, thông tin liên lạc hoặc thiết bị. Vấn đề có thể liên quan đến Giao tiếp radio, GSM và LAN, che giấu các cảm biến (với chức năng chống lốt), các vấn đề về năng lượng (nguồn điện hoặc pin) hoặc nguồn điện dự phòng. Lỗi được chỉ báo quang học trên bàn phím hệ thống bằng nút chỉ báo đèn nền. Báo cáo lỗi được lấy từ mọi nguồn và với lần kích hoạt lỗi thứ 4, nguồn lỗi

được bỏ qua có nghĩa là lỗi thứ 4 không được báo cáo. Chặn lỗi tự động này là một tham số tùy chọn, xem tab Tham số. Nếu được kích hoạt, không có lỗi nào được tính và không có giới hạn báo cáo. Tham số không có sẵn khi thiết lập cấu hình hệ thống "Mặc định".

**Trong bảng sau đây có một cái nhìn tổng quan về các lỗi hệ thống chung:**

Nguồn lỗi	Nguyên nhân
<b>Bộ trung tâm</b>	Nguồn điện bị ngắt kết nối hơn 30 phút
	Pin dự phòng bị lỗi hoặc thấp trong bộ trung tâm
<b>Giao tiếp</b>	Mất kết nối LAN hoặc tín hiệu GSM tối thiểu 15 phút
	Sự kiện không được giao đến ARC trong một thời gian nhất định
<b>Radio module</b>	Gây nhiễu băng tần vô tuyến 868 MHz
	Mất liên lạc BUS
<b>Bàn phím</b>	Mất liên lạc vô tuyến hoặc BUS (xem chương 8.7 Lỗi do mất thiết bị bên dưới)
<b>Chuông báo động</b>	
<b>Module</b>	
<b>Cảm biến</b>	Che mặt cảm biến chuyển động (Antimasking) Lỗi cảm biến trong nhà (cảm biến rò rỉ khí)
	Nguyên nhân lỗi do giảm cường độ tia IR (rào cản hồng ngoại)

## 8.7 Lỗi gây ra bởi mất thiết bị

Mọi thiết bị (BUS hoặc không dây) trong hệ thống được giám sát bởi Bộ trung tâm khi tham số Giám sát được bật (xem tab Tham số, cột Giám sát) và giao tiếp với Bộ trung tâm bị mất (không có phản hồi trong thời gian đặt trước) sau đó hệ thống kích hoạt sự kiện "Kích hoạt lỗi" và theo "Mất thiết bị BUS", nó có thể được theo sau bởi báo động tamper. Nó là tùy chọn và có thể được kích hoạt khi module radio phát hiện nhiễu RF hoặc một số loại nhiễu RF mất tối thiểu 30 s theo mức phát hiện được đặt trong module radio. Và nó cũng có thể kích hoạt báo động tamper khi ngắn mạch xảy ra trên hệ thống BUS mà tránh giao tiếp thích hợp của các thiết bị BUS. Thời gian chờ giao tiếp là một thời gian cố định và không thể thay đổi. Đối với các thiết bị BUS là 8s và cho không dây 120 phút từ giao tiếp cuối cùng.

**"Giám sát"** Chức năng là tùy chọn cho hầu hết tất cả các thiết bị không dây có nghĩa là để bảo vệ (cảm biến, chuông báo động, bàn phím), đối với một số trong số họ nó bị vô hiệu hóa hoàn toàn (điều khiển từ xa và thiết bị tự động hóa) và ví dụ đối với một số thiết bị BUS, nó luôn được kích hoạt mà không có tùy chọn bị vô hiệu hóa.

Một tùy chọn thay đổi phản ứng Bộ trung tâm đối với việc mất thiết bị BUS được gọi là **"Mất thiết bị BUS"**, xem phần mềm F-Link, tab Tham số. Nó cung cấp các tùy chọn sau:

- **Lỗi** – Bộ trung tâm luôn xử lý việc mất thiết bị trên BUS hoặc ngắn mạch bus giống như lỗi.
- **Tamper luôn luôn** - Bộ trung tâm xử lý mất một thiết bị trên BUS hoặc một mạch ngắn của BUS như một báo động tamper luôn luôn khi nó xảy ra. Nếu module radio có phát hiện nhiễu RF được cho phép và nó thực sự được phát hiện, thì nó cũng kích hoạt báo động tamper. Báo động tamper cũng được theo sau bởi một lỗi và khi lỗi được khôi phục, hệ thống cũng hủy bỏ báo động tamper.
- **Tamper sau khi xác nhận** - Bộ trung tâm xử lý việc mất thiết bị đầu tiên như một lỗi và nếu trong một thời gian được thiết lập trước được đưa ra bởi tham số "Thời gian chờ xác nhận báo động", một mất thiết bị khác xảy ra, thì hệ thống xác nhận nó và kích hoạt báo động tamper. Khi lỗi của tất cả các thiết bị bị mất được khôi phục, hệ thống sẽ hủy bỏ lỗi và báo động tamper.

## 9. Tùy chọn điều khiển hệ thống

Hệ thống an ninh có thể được kiểm soát theo một vài cách. Các tùy chọn điều khiển cơ bản là cục bộ hoặc từ xa. Các tùy chọn khác được đề cập bởi bảng sau:

Kiểu	Cách/chế độ	Thiết bị	Điều kiện	Mô tả
Local	Bàn phím với phân khu điều khiển	JA-114E, JA-113E, JA-154E, JA-153E, JA-123E	Module radio JA-11xR cho các thiết bị không dây	Thao tác có thể được thực hiện sau khi người dùng cho phép và nhấn một phân khu điều khiển cụ thể hoặc cũng thông qua menu bàn phím LCD.
	Bàn phím	JA-110E, JA-150E	Module radio JA-11xR cho các thiết bị không dây	Thao tác có thể được thực hiện sau khi người dùng cho phép và nhấn một nút chức năng cụ thể hoặc cũng thông qua menu bàn phím LCD.
	Đầu đọc RFID với phân khu điều khiển	JA-112E, JA-152E; JA-122E (Chỉ điều khiển PC)	Module radio JA-11xR cho các thiết bị không dây	Thao tác có thể được thực hiện sau khi người dùng cho phép sử dụng thẻ RFID và nhấn một phân khu điều khiển cụ thể.
	Điều khiển từ xa	JA-15xJ, JA-16xJ, JA-18xJ	Module radio JA-11xR cho các thiết bị không dây	Cài đặt và hủy cài đặt bằng cách nhấn nút điều khiển từ xa được đặt sẵn.
	Lịch	Tối đa 64 lịch trình		Mỗi lịch trình đều có các tùy chọn để lựa chọn: sự kiện, thời gian thực hiện, ngày trong tuần. Nó có thể kiểm soát các phần và PG output. PG output có thể bị chặn.
	Phần mềm J-Link (F-Link)	PC với Windows	Cáp USB	Sử dụng các phần bàn phím ảo có thể được kiểm soát và PG output sau khi phân quyền.
	Module điều khiển	JA-111H-AD TRB và JA-121T	BUS	Hệ thống có thể được điều khiển bằng cách sử dụng một thiết bị bên ngoài tùy ý (bảng kích hoạt input có dây module hoặc Giao tiếp dữ liệu).
Remote (từ xa)	Menu giọng nói	Điện thoại	GSM Communicator	Gọi cho số điện thoại hệ thống và hệ thống điều khiển bằng âm DTMF sau khi được phân quyền.
	Tin nhắn SMS	Điện thoại di động	GSM Communicator	Lệnh được phân quyền để thiết lập hoặc không thiết lập phân khu và cũng kiểm soát PG output.
	Quay số từ được phân quyền số điện thoại	Điện thoại (chỉ điều khiển PG)	GSM Communicator	Đối với mỗi PG output cụ thể của số điện thoại được phân quyền có thể được kiểm soát.
	MyJABLOTRON ứng dụng web	PC	JABLOTRON Thẻ SIM bảo mật trong GSM Communicator	Sau khi các phần phân quyền và PG output có thể được kiểm soát, ảnh được chụp bởi các thiết bị ảnh được duyệt qua nhiệt kế và đồng hồ điện.
	MyJABLOTRON ứng dụng điện thoại thông minh	Điện thoại thông minh hoặc máy tính bảng	JABLOTRON Thẻ SIM bảo mật trong GSM Communicator	Sau khi các phần phân quyền và PG output có thể được kiểm soát, ảnh được chụp bởi các thiết bị ảnh được duyệt qua nhiệt kế và đồng hồ điện.
	Phần mềm J-Link (F-Link)	PC với Windows	GSM hoặc LAN Communicator	Các phần và PG output có thể được điều khiển bằng bàn phím ảo sau khi được phân quyền.

Tất cả các cách được đề cập có thể được sử dụng để kiểm soát hệ thống (cài đặt, cài đặt một phần, không cài đặt) để kiểm soát PG output (ON, TẮT, thời gian). Các trường hợp ngoại lệ duy nhất là đầu đọc RFIS ngoài trời JA-122E và quay số từ số điện thoại được phân quyền có thể kiểm soát PG output.



## 9.1 Cách phân quyền

Phân quyền là yếu tố quan trọng để kiểm soát hệ thống và xác minh xem người dùng có thực sự được phép hoạt động không. Theo quy trình phân quyền, hệ thống quyết định xem người dùng có được phép kiểm soát các phần cần thiết, PG output hay chỉ có thể duyệt trạng thái hệ thống và nhật ký lịch sử bằng menu bàn phím LCD hay không. Mỗi người dùng có thể có các tùy chọn sau đây được chỉ định để phân quyền cho mình:

- Mã truy cập (4, 6 hoặc số 8 chữ số có hoặc không có tiền tố).
- Thẻ / thẻ RFID (tối đa 2 vị trí cho các yếu tố nhận dạng RFID).
- Số điện thoại để được phân quyền trong quá trình truy cập từ xa qua cuộc gọi điện thoại hoặc qua SMS. Để điều chỉnh mức độ bảo mật, mức phân quyền có thể được đặt trước ở 3 cấp độ sau:

1. **Tiêu chuẩn** – phân quyền được thực hiện bằng cách áp dụng thẻ RFID hoặc nhập mã truy cập hợp lệ.
2. **Xác nhận thẻ bằng mã** - mã người dùng được xác nhận bằng thẻ RFID được yêu cầu áp dụng (đặt trước không quan trọng). Nếu người dùng có thẻ hoặc mã, họ sẽ tự phân quyền theo tùy chọn Tiêu chuẩn để phân quyền của một trong số họ là đủ. Khi truy cập từ xa được thực hiện, số điện thoại được xác minh trước và như xác nhận, bắt buộc phải nhập mã truy cập hợp lệ. Trong trường hợp này, phân quyền kép có thể được sử dụng cho một số người dùng có mức độ giám sát cao hơn và đối với một số phân quyền tiêu chuẩn có thể được yêu cầu.
3. **Phân quyền kép** - nhập mã người dùng và sử dụng thẻ RFID sẽ hoàn thành phân quyền hợp lệ (bắt kể thứ tự phân quyền). Trong quá trình truy cập từ xa, số điện thoại luôn được xác minh và nhập mã truy cập hợp lệ. F-Link theo dõi xem mã và thẻ có được gán cho người dùng trong tab Người dùng hay không (nếu không F-Link sẽ không cho phép bạn lưu cấu hình).

**Lưu ý:** *Xác nhận mã người dùng bằng thẻ RFID làm giảm nguy cơ hoạt động trái phép hoặc vượt qua hệ thống của bên thứ ba.*

## 9.2 Điều khiển hệ thống bằng bàn phím

### 9.2.1 Điều khiển hệ thống từ phân khu bàn phím

Cách tốt nhất để kiểm soát một hệ thống bảo mật và giám sát của nó là sử dụng bàn phím hệ thống, trong đó nhờ một chỉ báo LED màu của các lối nút điều khiển chính và báo động có thể được kiểm tra và sử dụng các phân khu điều khiển khác, trạng thái của các phân khu và PG output có thể được kiểm soát và các tùy chọn hệ thống như chỉ báo bộ nhớ báo động, gây ra một báo động khẩn cấp hoặc các vấn đề sức khỏe. Sử dụng bàn phím LCD, bạn có thể duyệt qua menu nội bộ để có được thông tin về lỗi, sự kiện, cảm biến hoặc cảm biến đang hoạt động hoặc bỏ qua ngăn chặn hệ thống được thiết lập - mọi thứ sau khi phân quyền cụ thể. Không có phân quyền = không có quyền truy cập vào menu bàn phím và theo các cài đặt bàn phím riêng lẻ có thể bị kim nén và nó bảo vệ hệ thống chống lại hoạt động trái phép.

Thiết lập và làm rời các phân khu là một chức năng rất cơ bản của bàn phím hệ thống. Hệ thống có thể cài toàn bộ hoặc một phần. Hệ thống có thể được điều khiển từ LCD menu bàn phím hoặc theo phân khu điều khiển. Sử dụng phân khu, bạn có thể thực hiện cài đặt theo cài đặt của chúng; toàn bộ hoặc một phân khu và với sự cho phép (ai thực hiện thiết lập một phân khu cụ thể được ghi lại trong nhật ký sự kiện) hoặc cũng không có mã đó (không yêu cầu mã và trong trường hợp nhật trình nó không được chỉ định Ai đặt hệ thống). Để hủy cài đặt, việc phân quyền hệ thống luôn được yêu cầu như vậy trong sự kiện nhật ký nó được ghi lại ai hủy đặt hệ thống.

**Cách cài đặt có thể được thực hiện theo hai cách sau:**

1. **Cài đặt phần đầy đủ trước khi bạn rời khỏi khu vực được bảo vệ** (không có người trong khu vực)

Đối với điều khiển hệ thống từ bàn phím được đặt trong các khu vực được bảo vệ, cần phải đảm bảo chờ ra và chờ vào được bảo vệ bởi các cảm biến với phản ứng độ trễ. Các khu vực trì hoãn và trễ tiếp theo không được bao gồm trong việc bảo vệ ngay sau khi cài đặt phần nhưng các khu vực có phản ứng lập tức được bao gồm. Người dùng phải có khả năng rời khỏi khu vực được bảo vệ sau khi cài đặt hệ thống trước khi hết thời gian trì hoãn ra. Và khi

hoãn chờ vào được kích hoạt bởi một khu vực trì hoãn, người dùng phải có khả năng đi qua đường vào đến bàn phím để thực hiện hủy cài đặt hệ thống. Nếu người dùng không cài đặt phân khu kịp thời (hết thời gian vào cửa), hệ thống sẽ kích hoạt báo động trong khu vực bị trì hoãn. Nếu sự xâm nhập được thực hiện bởi một con đường khác với đường vào, hệ thống sẽ kích hoạt báo động trong vùng lập tức - nó kích hoạt chuông báo động ngay lập tức. Một hệ thống / phân khu được thiết lập đầy đủ được chỉ định bởi một phân khu điều khiển màu đỏ hoặc bởi một hình vuông đầy đủ với số phần trên bàn phím LCD. Cài đặt một phân khu, người dùng ở trong khu vực:

Khi hệ thống được thiết lập một phần, người dùng ở trong các khu vực được bảo vệ và chỉ có bảo vệ chu vi được bao gồm để bảo vệ (nó đảm bảo di chuyển tự do trong nhà khu vực).

Có 2 biến thể của điều khiển:

a) Điều khiển từ một bàn phím được đặt trong nhà khu vực được bảo vệ với bảo vệ chu vi (sảnh vào, v.v.). Tất cả các cảm biến trong sảnh vào phải được đặt trước thành phần ứng Độ trễ để đảm bảo rằng khi hệ thống được thiết lập kích hoạt, chúng sẽ kích hoạt một thời gian để nhập cảnh để hủy cài đặt hệ thống.

b) Điều khiển từ bàn phím được đặt bên ngoài khu vực được bảo vệ với bảo vệ chu vi (sảnh nội bộ, cầu thang, phòng ngủ, v.v.). Biến thể này không cho phép chờ vào của bất kỳ người nào mà không kích hoạt báo động ngay lập tức. Các khu vực có thể được nhập bằng cách hủy cài đặt trước đó bằng điều khiển từ xa, bằng menu thoại, qua SMS hoặc qua ứng dụng MyJABLOTRON. Cảm biến được đặt sẵn thành phần ứng Lập tức / Trì hoãn trong trường hợp này.

Cài đặt một phần được chỉ định bằng màu vàng trên phân khu hoặc bằng hình vuông xung quanh chữ số trên màn hình bàn phím LCD.

### **Kiểm soát hệ thống bằng bàn phím – quy trình:**

Hệ thống cung cấp một vài cấu hình hệ thống tuân thủ các yêu cầu tiêu chuẩn khác nhau và nó cũng thay đổi hành vi của bàn phím và tất nhiên là phương pháp kiểm soát của chúng.

Hệ thống có thể được kiểm soát theo hai cách:

#### **1. Biến thể 1 của điều khiển hệ thống (có hiệu lực cho tất cả các cấu hình)**

##### **Thiết lập hệ thống:**

Sử dụng **biến thể 1 đòi hỏi sự cho phép của bạn trước** vì không phải tất cả các phân khu đều phải hiển thị trạng thái của chúng

theo cài đặt của họ mà không có sự cho phép!

1. Áp dụng thẻ / thẻ RFID hoặc nhập mã thực hiện phân quyền (khi mã và thẻ được yêu cầu thì đặt trước không quan trọng).
2. Một phân khu hủy đặt được chỉ định bởi một đèn LED màu xanh lá cây ở phía phân khu bên trái.
3. Nhấn nút phân khu màu đỏ ở phía bên phải đưa ra yêu cầu cài đặt phân khu. Có thể chọn nhiều yêu cầu hơn khi xem xét số lượng phân khu đã sử dụng.
4. Nếu sau khi lựa chọn đèn LED màu đỏ hoặc vàng (8 s) vẫn còn, hệ thống sẽ phát hiện một trở ngại ngăn chặn cài đặt (xem chương 9.11 Trở ngại ngăn chặn cài đặt hệ thống).
5. Cài đặt thành công hoặc cài đặt một phần được xác nhận bằng đèn LED phân khu màu đỏ hoặc vàng.

##### **Hủy bỏ hệ thống:**

**Phân quyền là cần thiết** để kiểm soát hệ thống từ một bàn phím cho biến thể 1!

1. Áp dụng thẻ / thẻ RFID hoặc nhập mã thực hiện phân quyền (khi mã và thẻ đều được yêu cầu thì đặt trước không quan trọng).
2. Một phân khu thiết lập được chỉ định bởi một đèn LED màu đỏ hoặc vàng ở phía phân khu bên phải. Khi sự xâm nhập của các khu vực được bảo vệ được phát hiện, nó gây ra sự hoãn chờ vào được chỉ định bằng cách nhấp nháy nhanh chóng đèn LED màu xanh lá cây.
3. Nhấn nút màu xanh lá cây (hoặc một số nút dần dần) ở phía bên trái đưa ra yêu cầu cho hủy cài đặt phân khu.
4. Thành công hủy cài đặt được xác nhận bởi đèn LED phân khu màu xanh lá cây.
5. Nếu sau khi kích hoạt phần đèn LED màu đỏ vẫn nhấp nháy nhanh chóng, nó cho biết bộ nhớ báo động trong phân khu. Hủy bỏ chỉ báo này có thể được thực hiện bằng cách nhấn

thêm nút màu xanh lá cây trên phân khu với phân quyền hủy bỏ chỉ báo này hoặc sử dụng menu bàn phím LCD và chọn tùy chọn "Hủy chỉ báo cảnh báo".

## **2. Biện thể 2 của điều khiển hệ thống (cấu hình "Mặc định")**

### **Thiết lập hệ thống:**

Cách kiểm soát dựa trên quy trình: "chọn hành động cần thiết và phân quyền cho chính mình".

1. Một phân khu hủy đặt được chỉ định bởi một đèn LED màu xanh lá cây ở phía phân khu bên trái.
2. Nhấn nút phân khu màu đỏ ở phía bên phải đưa ra yêu cầu cài đặt phân khu. Có thể chọn nhiều yêu cầu hơn khi xem xét số lượng phân khu đã sử dụng.
3. Nếu phân quyền là cần thiết để thiết lập phân khu, đèn LED màu đỏ (cài đặt đầy đủ) hoặc màu vàng (cài đặt một phần) cho biết thời gian chờ khi phân quyền được dự kiến bằng cách nhấp nháy chậm (8 s).
4. Áp dụng thẻ / thẻ RFID hoặc nhập mã thực hiện phân quyền (khi mã và thẻ đều được yêu cầu thì đặt trước không quan trọng).
5. Nếu sau khi lựa chọn đèn LED màu đỏ hoặc vàng (8 s) vẫn còn, hệ thống sẽ phát hiện một trở ngại ngăn chặn cài đặt (xem chương 9.11 Trở ngại ngăn chặn cài đặt hệ thống).
6. Cài đặt thành công hoặc cài đặt một phần được xác nhận bằng đèn LED phân khu màu đỏ hoặc vàng.

### **Hủy bỏ hệ thống:**

1. Một phân khu thiết lập được chỉ định bởi một đèn LED màu đỏ hoặc vàng ở phía phân khu bên phải. Khi sự xâm nhập của các khu vực được bảo vệ được phát hiện, nó gây ra sự hoãn chờ vào được chỉ định bằng cách nhấp nháy nhanh chóng của đèn LED cụ thể.
2. Nhấn nút màu xanh lá cây (hoặc nhiều nút dần dần) ở phía bên trái đưa ra yêu cầu cho hủy cài đặt phân khu và phân khu cho biết thời gian chờ khi phân quyền được mong đợi bằng cách nhấp nháy chậm.
3. Áp dụng thẻ / thẻ RFID hoặc nhập mã thực hiện phân quyền (khi mã và thẻ đều được yêu cầu thì đặt trước không quan trọng).
4. Thành công hủy cài đặt được xác nhận bởi đèn LED phân khu màu xanh lá cây.
5. Nếu sau khi kích hoạt phân khu đèn LED màu đỏ vẫn nhấp nháy nhanh chóng, nó cho biết bộ nhớ báo động trong phân khu. Hủy bỏ chỉ báo này có thể được thực hiện bằng cách nhấn thêm nút màu xanh lá cây trên phân khu với phân quyền hủy bỏ chỉ báo này hoặc sử dụng menu bàn phím LCD và chọn tùy chọn "Hủy chỉ báo cảnh báo".

## **9.2.2 Điều khiển hệ thống từ bàn phím JA-110E và JA-150E**

Cách tốt nhất để kiểm soát một hệ thống an ninh và giám sát là sử dụng bàn phím hệ thống trong đó nhờ một chỉ báo trạng thái hệ thống LED màu của các lỗi nút điều khiển chính và báo động có thể được kiểm tra và sử dụng các nút chức năng khác, trạng thái của các phân khu và PG output có thể được kiểm soát và các tùy chọn hệ thống như chỉ báo bộ nhớ báo động, gây ra một báo động khẩn cấp hoặc các vấn đề sức khỏe. Sử dụng bàn phím, bạn có thể duyệt qua menu nội bộ để có được thông tin về lỗi, sự kiện, cảm biến hoặc cảm biến đang hoạt động hoặc bỏ qua ngăn chặn hệ thống được thiết lập - mọi thứ sau khi phân quyền cụ thể. Không có phân quyền = không có quyền truy cập vào menu bàn phím và theo các cài đặt bàn phím riêng lẻ khả năng hiển thị của các mục menu có thể bị kìm nén và nó bảo vệ hệ thống chống lại hoạt động trái phép.

Cài đặt và kích hoạt các phân khu là một chức năng rất cơ bản của bàn phím hệ thống. Hệ thống có thể được thiết lập hoàn toàn hoặc một phần. Điều khiển có thể được thực hiện thoải mái theo nhiều cách:

1. Bằng các nút chức năng - nhấn phím có thể đặt hoàn toàn hoặc chỉ một phần hoặc một phần và đầy đủ. Cài đặt có thể được theo sau bởi phân quyền (trong lịch sử được ghi lại ai đã đặt phân khu nào) hoặc không có sự cho phép (không có mã nào được yêu cầu để trong lịch sử không được chỉ định ai đã thực hiện cài đặt phân khu). Khi đặt tắt hệ thống bằng các nút chức năng phân quyền luôn được yêu cầu để nó ghi lại những người thực hiện hủy cài đặt trong bộ nhớ Bộ trung tâm.

2. Từ menu bàn phím - nhấn phím "\*" sau khi phân quyền và đặt một phần, đầy đủ hoặc chưa cài đặt.
3. Chỉ bằng cách phân quyền - xem xét các cài đặt có thể được đặt đầy đủ (chỉ) và bỏ đặt bằng cách chỉ phân quyền bằng mã hoặc bằng cách áp dụng thẻ / thẻ RFID. Để nhập menu bàn phím nhấn phím "\*" trước khi bạn tự phân quyền.

#### **Quy trình cài đặt:**

#### **1. Cài đặt phân khu đầy đủ trước khi bạn rời khỏi khu vực được bảo vệ (không có ai khác trong khu vực):**

Một đầy đủ cài hệ thống được chỉ định bởi một nút chức năng màu đỏ hoặc một số được tô sáng đầy đủ của phần trên màn hình LCD bàn phím trong quá trình điều khiển từ Menu. Đối với điều khiển hệ thống từ bàn phím được đặt trong các khu vực được bảo vệ, cần phải đảm bảo chờ ra và chờ vào được bảo vệ bởi các cảm biến với phản ứng độ trễ. Các khu vực trì hoãn và trễ tiếp theo không được bao gồm trong việc bảo vệ ngay sau khi cài đặt phân khu nhưng các khu vực có phản ứng lập tức được bao gồm. Người dùng phải có khả năng rời khỏi khu vực được bảo vệ sau khi cài đặt hệ thống trước khi hết thời gian trì hoãn ra. Và khi sự hoãn chờ vào được kích hoạt bởi một khu vực độ trễ, người dùng phải có khả năng đi qua đường vào đến bàn phím để thực hiện hệ thống hủy cài đặt. Nếu người dùng không cài đặt phân khu kịp thời (hết thời gian vào cửa), hệ thống sẽ kích hoạt báo động trong khu vực bị trì hoãn. Nếu sự xâm nhập được thực hiện bởi một con đường khác với đường vào, hệ thống sẽ kích hoạt báo động trong vùng lập tức - nó kích hoạt chuông báo động ngay lập tức.

#### **2. Cài đặt một phần, người dùng ở trong khu vực:**

Một hệ thống được thiết lập một phần được chỉ định bởi một nút chức năng màu vàng hoặc một số phân khu được tô sáng đầy đủ của phân khu trên màn hình LCD bàn phím trong quá trình điều khiển từ menu.

Khi hệ thống được thiết lập một phần, người dùng ở trong các khu vực được bảo vệ và chỉ có bảo vệ chu vi được bao gồm để bảo vệ (nó đảm bảo di chuyển tự do trong nhà khu vực). Có 2 biến thể của điều khiển:

1. Điều khiển từ một bàn phím được đặt trong nhà khu vực được bảo vệ với bảo vệ chu vi (sảnh vào, v.v.). Tất cả các cảm biến trong sảnh vào phải được đặt trước thành phản ứng Độ trễ để đảm bảo rằng khi hệ thống được thiết lập kích hoạt, chúng sẽ kích hoạt một thời gian để nhập cảnh để hủy cài đặt hệ thống.

2. Điều khiển từ bàn phím được đặt bên ngoài khu vực được bảo vệ với bảo vệ chu vi (sảnh nội bộ, cầu thang, phòng ngủ, v.v.). Biến thể này không cho phép chờ vào của bất kỳ người nào mà không kích hoạt báo động ngay lập tức. Các khu vực có thể được nhập bằng cách hủy cài đặt trước đó bằng bộ điều khiển từ xa, khi module GSM bổ sung được kết nối sau đó bằng menu giọng nói hoặc bằng SMS. Cảm biến được đặt sẵn thành phản ứng Lập tức / Độ trễ trong trường hợp này.

#### **Điều khiển hệ thống bằng bàn phím - quy trình:**

Hệ thống cung cấp một vài cấu hình hệ thống tuân thủ các yêu cầu tiêu chuẩn khác nhau và nó cũng thay đổi hành vi của bàn phím và tất nhiên là phương pháp kiểm soát của chúng.

#### **Thiết lập hệ thống:**

1. Một hủy đặt phân khu được chỉ định bởi một nút chức năng thấp sáng màu xanh lá cây.
2. Nhấn nút chức năng đưa ra yêu cầu cài đặt phân khu. Có thể chọn nhiều yêu cầu hơn khi xem xét số lượng nút chức năng đã sử dụng.
3. Nếu cần phân quyền để thiết lập phân khu, màu đỏ (cài đặt đầy đủ) hoặc màu vàng (cài đặt một phần) của nút chức năng cho biết thời gian chờ khi phân quyền được dự kiến bằng cách nhấp nháy chậm (8 s).
4. Áp dụng thẻ / thẻ RFID hoặc nhập mã thực hiện phân quyền (khi mã và thẻ đều được yêu cầu thì đặt trước không quan trọng).
5. Nếu sau khi lựa chọn nút chức năng nhấp nháy màu đỏ hoặc vàng (8 s) vẫn còn, hệ thống sẽ phát hiện cài đặt ngăn chặn trở ngại (xem chương 9.11 Trở ngại ngăn chặn cài đặt hệ thống).
6. Cài đặt thành công hoặc cài đặt một phần được xác nhận bằng ánh sáng dài hạn của nút chức năng màu đỏ hoặc vàng.

### **Hủy bỏ hệ thống:**

1. Một phân khu thiết lập được chỉ định bởi một nút chức năng có màu đỏ hoặc vàng. Khi phát hiện sự xâm nhập của các khu vực được bảo vệ, nó sẽ gây ra sự hoãn chờ vào được chỉ định bằng cách nhấp nháy nhanh chóng nút chức năng cụ thể.

2. Nhấn nút chức năng mong muốn (hoặc nhiều nút dần dần) đưa ra yêu cầu cho hủy cài đặt phân khu và nút chức năng cho biết phân quyền dự kiến bằng cách nhấp nháy chậm.

3. Áp dụng thẻ / thẻ RFID hoặc nhập mã thực hiện phân quyền (khi mã và thẻ đều được yêu cầu thì đặt trước không quan trọng).

4. Thành công hủy cài đặt được xác nhận bởi ánh sáng dài hạn của nút chức năng màu xanh lá cây.

5. Nếu sau khi giải nén phân khu, nút chức năng màu đỏ vẫn nhấp nháy nhanh chóng, nó sẽ cho biết bộ nhớ báo động trong phân khu. Hủy bỏ chỉ báo này có thể được thực hiện bằng cách nhấn thêm nút này với phân quyền hủy bộ nhớ báo động hoặc sử dụng menu bàn phím LCD và chọn tùy chọn "Hủy chỉ báo cảnh báo".

### **Nút chỉ báo đèn nền bàn phím – tổng quan về trạng thái:**

<b>Đèn xanh bật</b>	Hoạt động bình thường. Các phân khu được điều khiển từ bàn phím là OK mà không có lỗi.
<b>Đèn vàng bật</b>	Hoạt động bình thường và trong một số phân khu được kiểm soát, một lỗi đã được phát hiện. Từ menu bàn phím LCD, bạn có thể nhận được thông tin chi tiết hơn sau khi người dùng cho phép theo quyền truy cập của họ. Nếu lỗi được theo sau bởi một logo JABLOTRON xoay trên bàn phím LCD, nó đại diện cho một lỗi liên lạc radio giữa Bộ trung tâm Và bàn phím.
<b>Đèn đỏ bật</b>	Bàn phím ở chế độ BOOT, trong quá trình nâng cấp FW.
<b>Đèn xanh nhấp nháy (2 Hz)</b>	Phân quyền được thực hiện, người dùng có thể thay đổi trạng thái hệ thống từ các phân khu hoặc duyệt menu của bàn phím LCD. Thời gian phân quyền mất 8 s từ phím cuối cùng nhấn hoặc hủy bỏ nó bằng cách nhấn ESC.
<b>Đèn vàng nhấp nháy (8 Hz)</b>	Chỉ báo cảnh báo cài đặt không thành công.
<b>Đèn đỏ nhấp nháy (8 Hz)</b>	Dấu hiệu của một báo động hiện đang được kích hoạt trong một phân khu cụ thể trên bàn phím. Loại báo động, tên của phân khu mà báo động đã được kích hoạt và nguồn báo động được kích hoạt có thể nhìn thấy trên bàn phím LCD.
<b>Đèn đỏ/vàng nhấp nháy xen kẽ</b>	Kích hoạt báo động với một lỗi hoạt động.
<b>Đèn xanh/đỏ nhấp nháy xen kẽ</b>	Phân quyền với báo động hiện đang được kích hoạt hoặc bộ nhớ báo động.
<b>Đèn xanh/vàng nhấp nháy xen kẽ</b>	Phân quyền với một lỗi hoạt động.
<b>Đèn vàng nhấp nháy (2 lần mỗi 2s)</b>	Chế độ lập trình / Service. Tất cả chỉ báo phân đoạn điều khiển đều bị vô hiệu hóa cho người dùng và menu Bàn phím Quản trị viên. Menu bàn phím chỉ khả dụng cho Kỹ thuật viên cho đến khi PC được kết nối với Bộ điều khiển
<b>Đèn đỏ nhấp nháy (2 lần mỗi 2s)</b>	Chỉ báo bộ nhớ báo động.
<b>Đèn xanh nhấp nháy (2 lần mỗi 2s)</b>	Chế độ bảo trì. Chỉ báo phân đoạn điều khiển bị vô hiệu hóa đối với các phân khu được chuyển sang chế độ Bảo trì.
<b>Đèn vàng nhấp nháy (1 lần mỗi 2s)</b>	Chỉ báo lỗi trên bàn phím ở chế độ ngủ (chỉ có giá trị đối với hồ sơ EN50131-1).
<b>Đèn đỏ nhấp nháy (1 lần mỗi 2s)</b>	Chỉ báo bộ nhớ báo động trên bàn phím ở chế độ ngủ (chỉ có giá trị đối với hồ sơ EN50131-1).
<b>Không có dấu hiệu</b>	Bàn phím ở chế độ ngủ.

## Tổng quan về chỉ báo quang học phân khu điều khiển bàn phím:

<b>Phân đoạn đèn xanh</b>	Trạng thái phân khu là Hủy đặt hoặc PG output TẮT .
<b>Phân đoạn nhấp nháy màu xanh lá cây (4 Hz)</b>	Thời gian chạy chậm trễ chờ vào và hệ thống chờ ủy quyền được hủy đặt.
<b>Phân đoạn đèn màu vàng</b>	Trạng thái phân khu được thiết lập một phần.
<b>Phân đoạn đèn đỏ</b>	Trạng thái phân khu là Thiết lập hoặc PG output BẬT.
<b>Phân đoạn nhấp nháy màu vàng (4 Hz)</b>	Hệ thống mong đợi ủy quyền khi được thiết lập một phần hoặc nó báo cáo lỗi trong quá trình cài đặt một phần.
<b>Phân đoạn nhấp nháy màu vàng (8 Hz)</b>	Chỉ báo cảnh báo cài đặt không thành công.
<b>Phân đoạn nhấp nháy màu đỏ (4 Hz)</b>	Hệ thống chờ ủy quyền trong quá trình cài đặt hoặc báo cáo sự cố trong quá trình cài đặt.
<b>Phân đoạn nhấp nháy màu đỏ (8 Hz)</b>	Chỉ báo bộ nhớ báo động được chỉ định cho đến khi nó bị hủy bỏ.
<b>Phân đoạn hoàn toàn không sáng</b>	Tắt; Chế độ Service hoặc bảo trì; hoặc phần bị chặn sau báo thức.

### 9.3 Điều khiển hệ thống bằng điều khiển từ xa

Nếu có yêu cầu kiểm soát hệ thống trước khi truy cập vào các khu vực được bảo vệ (đến bằng xe hơi tại nhà để xe) hoặc tòa nhà được bảo vệ chỉ bằng cảm biến với phản ứng lập tức, nó đảm bảo không ai có thể mở hệ thống khỏi bàn phím trong nhà khu vực được bảo vệ (không có đường vào), điều này có thể được thực hiện bằng điều khiển từ xa trước khi bạn truy cập vào tòa nhà. Nó đòi hỏi module radio JA-11xR phải được kết nối vào hệ thống để liên lạc với các thiết bị không dây. Nó phải được đặt ở đúng nơi để đảm bảo giao tiếp đáng tin cậy với điều khiển từ xa ngoài khoảng cách làm việc cần thiết.

Khi sử dụng điều khiển từ xa (JA-15xJ, JA-16xJ), các nút của nó hoạt động giống như các phân khu điều khiển của bàn phím. Mỗi nút có thể điều khiển một phần được chọn (bên phải luôn đặt và bên trái luôn bỏ qua). Điều khiển từ xa tôn trọng các quy tắc về cách thiết lập hệ thống, vì vậy với bất kỳ trở ngại nào ngăn cản cài đặt, sẽ không thể thiết lập hệ thống.

Các phân khu điều khiển bàn phím và điều khiển từ xa hai chiều có cùng một cách chỉ định bằng đèn LED ba màu. Mô tả về trạng thái cá nhân được đề cập trong bảng sau:

**Chỉ báo trạng thái điều khiển từ xa hai chiều (JA-15xJ) - được hiển thị sau khi được nhấn:**

<b>Đèn LED xanh lá cây</b>	Trạng thái phân khu Bỏ cài đặt hoặc PG output TẮT
<b>Đèn LED màu vàng</b>	Trạng thái phân khu được đặt một phần
<b>Đèn LED màu đỏ</b>	Bộ trạng thái phần hoặc PG output TRÊN
<b>Đèn LED nhấp nháy màu đỏ</b>	Có một trở ngại trong phần ngăn chặn cài đặt
<b>Đèn LED nhấp nháy màu vàng</b>	Trạng thái lệnh không xác định (lỗi liên lạc, ngoài phạm vi liên lạc, v.v.)

Sử dụng điều khiển từ xa một chiều (JA-16xJ, JA-18xJ), điều này điều khiển hệ thống theo cùng một cách và chỉ ra bằng đèn LED của nó rằng nhấn nút được chỉ định và lệnh được gửi. Không có phản hồi từ Bộ trung tâm và người dùng nên sử dụng một loại chỉ báo trạng thái khác để xác nhận thay đổi trạng thái phân khu như tiếng chuông báo động, chỉ báo quang học khác hoặc báo cáo SMS về cài đặt / hủy cài đặt.

### 9.4 Điều khiển hệ thống theo lịch trình

Điều khiển hệ thống tự động có thể được thực hiện bởi lịch nội bộ của Bộ trung tâm. Lịch có thể được thiết lập sẵn để thực hiện tối đa 64 lịch trình – phân khu và kiểm soát PG output. Thông qua lịch bạn có thể chọn ngày chính xác của kiểm tra hàng năm Service độc lập trên

tùy chọn "Yêu cầu Service" trong tab Tham số.

Đối với mỗi hành động, có thể đặt trước ngày trong tuần và tháng và tháng trong năm khi nó sẽ được thực hiện. Do đó, một hành động có thể được thiết lập từ một ngày cụ thể trong năm đến lặp lại thường xuyên vào những ngày nhất định (ví dụ: hàng tuần hoặc hàng tháng). Vào những ngày đã chọn, có thể đặt tối đa 4 lần khi thực hiện lịch trình hoặc lặp lại đều đặn. Sự lặp lại khoảng thời gian có thể được chỉ định thêm trong một thời gian "from-to". Một ứng dụng điển hình là cài đặt tự động của một phân khu trong các cửa hàng, thiết lập một phân khu của một tòa nhà vào ban đêm hoặc kiểm soát đèn vào ban đêm. Mỗi sự kiện tự động được ghi lại trong nhật ký lịch sử với tên của nguồn là "Lịch".

**Các tùy chọn điều khiển lịch liên quan đến bảo vệ:**

<b>Bỏ cài đặt</b>	Bỏ đặt phân khu đặt sẵn từ bất kỳ cấp độ bảo vệ nào (được đặt hoàn toàn hoặc một phần).
<b>Đặt một phần</b>	Nó đặt phần được đặt sẵn một phần và bắt đầu với thời gian bí thoát là 180 giây (bất kể thời gian thoát đã được đặt trong Bộ trung tâm trong bao lâu), trong thời gian này tất cả các vùng báo động hoạt động như Những người độ trễ. Thời gian kéo dài cho chỉ báo thoát âm thanh có nghĩa là để cảnh báo người dùng đang ở trong khu vực được bảo vệ để thông báo cho họ về thực tế là hệ thống đã được thiết lập một phần bằng bộ hẹn giờ tự động. Cài đặt một phần thường không được chỉ định âm thanh (Xem tab Tham số để bật nó). Bộ trung tâm hoàn toàn tôn trọng tất cả các cách thiết lập và kiểm tra các hệ thống sẵn sàng để được thiết lập các quy tắc.
<b>Cài</b>	Nó đặt (các) phân khu được đặt sẵn và bắt đầu với thời gian bí thoát là 180 giây (bất kể thời gian thoát đã được đặt trong Bộ trung tâm trong bao lâu), trong thời gian này tất cả các vùng báo động Hành xử như một khu vực bị trì hoãn. Một thời gian dài của chỉ báo thoát âm thanh có nghĩa là để cảnh báo người dùng đang ở trong khu vực được bảo vệ để thông báo cho họ về thực tế là hệ thống đã được thiết lập bởi một bộ hẹn giờ tự động. Trong thời gian này, người dùng phải đi đến bàn phím hệ thống ngay lập tức và bỏ cài đặt phân khu theo cách thông thường hoặc rời khỏi khu vực được bảo vệ. Nếu anh ta bỏ qua cảnh báo này và ở lại trong tòa nhà và tiếp tục di chuyển thì báo động sẽ được kích hoạt. Điều khiển Bộ trung tâm hoàn toàn tôn trọng tất cả các cách thiết lập và kiểm tra các hệ thống sẵn sàng để được thiết lập các quy tắc.
<b>Đặt ngay lập tức</b>	Nó đặt (các) phân khu được đặt sẵn ngay lập tức mà không có sự hoãn chờ rahoặc bất kỳ dấu hiệu âm thanh nào. Hệ thống được thiết lập ngay lập tức để không thể di chuyển trong các khu vực được bảo vệ. Nếu ai đó tiếp tục di chuyển trong khu vực sau khi tự thiết lập hiệu suất thì báo động sẽ được kích hoạt trong phần đã đặt. Tùy chọn là cài đặt nhanh và im lặng mà không có cảnh báo. Bộ trung tâm hoàn toàn tôn trọng tất cả các cách thiết lập và kiểm tra các hệ thống sẵn sàng để được thiết lập các quy tắc.
<b>Đặt một phần ngay bây giờ</b>	Nó đặt phần được thiết lập sẵn một phần và ngay lập tức mà không có sự hoãn chờ rahoặc bất kỳ dấu hiệu âm thanh nào. Hệ thống được thiết lập ngay lập tức trong thời gian đặt trước. Tùy chọn là cài đặt nhanh và im lặng mà không có cảnh báo. Bộ trung tâm hoàn toàn tôn trọng tất cả các cách thiết lập và kiểm tra các hệ thống sẵn sàng để được thiết lập các quy tắc.
<b>Đặt luôn</b>	Nó đặt (các) phân khu được đặt sẵn và bắt đầu với thời gian bí thoát hiêm là 180 giây (bất kể thời gian thoát đã được đặt trong Bộ trung tâm trong bao lâu), trong thời gian này tất cả các vùng báo động hoạt động như một khu vực bị trì hoãn. Bộ trung tâm không hoàn toàn tôn trọng tất cả các cách thiết lập và kiểm tra các hệ thống sẵn sàng để được thiết lập các quy tắc.
<b>Luôn đặt một phần</b>	Nó đặt phân khu được đặt sẵn một phần và bắt đầu với thời gian bí thoát là 180 giây (bất kể thời gian thoát đã được đặt trong Bộ trung tâm trong bao lâu), trong thời gian này tất cả các vùng báo động hoạt động như một khu vực bị trì hoãn. Bộ trung tâm không hoàn toàn tôn trọng tất cả các cách thiết lập và kiểm tra các hệ thống sẵn sàng để được thiết lập các quy tắc.

<b>Luôn đặt ngay lập tức</b>	Nó đặt (các) phân khu được đặt sẵn ngay lập tức mà không có sự hoãn chờ rahoặc bất kỳ dấu hiệu âm thanh nào. Hệ thống được thiết lập ngay lập tức để không thể di chuyển trong các khu vực được bảo vệ. Tùy chọn là cài đặt nhanh và im lặng mà không có cảnh báo. Bộ trung tâm không hoàn toàn tôn trọng tất cả các cách thiết lập và kiểm tra các hệ thống sẵn sàng để được thiết lập các quy tắc.
<b>Luôn đặt một phần và ngay lập tức</b>	Nó đặt phân khu được thiết lập sẵn một phần và ngay lập tức mà không có sự hoãn chờ rahoặc bất kỳ dấu hiệu âm thanh nào. Hệ thống được thiết lập ngay lập tức trong một thời gian được thiết lập sẵn. Tùy chọn là cài đặt nhanh và im lặng mà không có cảnh báo. Bộ trung tâm không hoàn toàn tôn trọng tất cả các cách thiết lập và kiểm tra các hệ thống sẵn sàng để được thiết lập các quy tắc.
<b>Không</b>	Không có chức năng điều khiển được thiết lập sẵn.

**Tùy chọn kiểm soát PG output sử dụng lịch:**

<b>Kích hoạt PG</b>	Kích hoạt (các) đầu ra có thể lập trình nếu chúng không bị chặn (ví dụ theo lịch, thiết bị hoặc phần).
<b>Hủy kích hoạt PG</b>	Vô hiệu hóa PG output có thể lập trình.
<b>Chặn PG</b>	Khối PG output được thiết lập sẵn. Những đầu ra đó sẽ không thể bật cho đến khi nó sẽ được bỏ chặn bởi lịch trình "Unblock PG". Vào hoặc rời Chế độ Service không bỏ chặn nó.

<b>Bỏ chặn PG</b>	Bỏ chặn đặt trước chặn PG output.
<b>Không</b>	Không có chức năng chặn cài đặt sẵn.
<b>Yêu cầu Service</b>	Trong thời gian đặt trước, sự kiện "Hệ thống yêu cầu kiểm tra Service" được kích hoạt trong hệ thống, cùng với biểu tượng Thông tin, được hiển thị trên bàn phím có màn hình LCD.

**Hành động chặn chức năng theo lịch:** Mọi lịch trình có thể bị chặn bởi các PG output đã chọn. Chặn có nghĩa là: khi PG output được kích hoạt thì một hành động cụ thể sẽ không được thực hiện trong một thời gian được xác định trước.

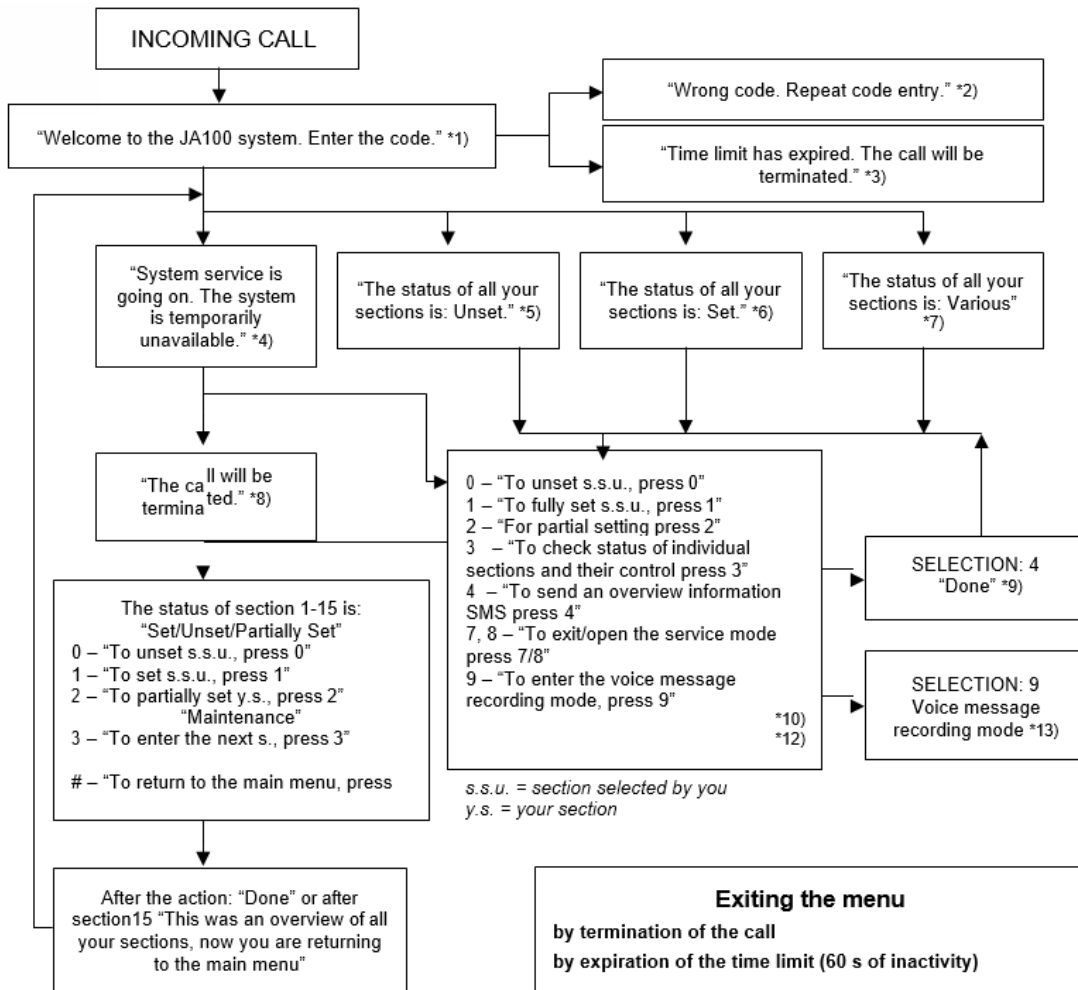
## 9.5 Điều khiển hệ thống thông qua menu giọng nói (GSM)

Nếu bộ đàm thông GSM JA-19XY được cài đặt trong Bộ trung tâm, hệ thống bảo mật có thể được điều khiển từ xa nhờ menu giọng nói được triển khai và âm DTMF trên điện thoại di động của người gọi. Bằng cách gọi đến số điện thoại thẻ SIM đã sử dụng, hệ thống nhận cuộc gọi sau khi đặt trước số vòng (mặc định là 3 vòng), Bộ trung tâm phát thông báo thoại giới thiệu và theo cài đặt có thể yêu cầu nhập mã hợp lệ. Người gọi phải tự phân quyền bằng mã truy cập của mình. Khi mã được xác minh thành công thì hệ thống cho bạn biết trạng thái của toàn bộ hệ thống và theo phân quyền của người gọi cung cấp các tùy chọn điều khiển khác. Tham số "Không có mã cho menu thoại và SMS" trong tab Giao tiếp, người dùng có thể được phân quyền theo số điện thoại được đặt sẵn được lưu trữ trong danh sách Người dùng và sau đó mã không phải được yêu cầu. Trạng thái của một phần có thể được kiểm soát thông qua menu giọng nói, vào và rời Chế độ Service và ghi lại tin nhắn thoại với tên của các phần riêng lẻ và báo cáo đặc biệt. Không thể kiểm soát PG output thông qua menu giọng nói.

**Lưu ý:** *Hãy chắc chắn rằng không có ai có mặt trong các khu vực được bảo vệ trước khi bạn thiết lập hệ thống từ xa.*

Tổng quan menu giọng nói:





- \*1) Câu trả lời sau 3 xung chuông. Số lượng xung chuông cho đến khi trả lời (1.10) có thể điều chỉnh trong tab Giao tiếp và tab của người giao tiếp tương ứng, nơi có thể cho phép nhập vào menu giọng nói mà không có mã.
- \*2) Nhập sai mã. Sau lần truy cập sai thứ ba, cuộc gọi sẽ bị chấm dứt.
- \*3) Thời hạn 60 s để nhập mã. Cứ 5s, yêu cầu "Nhập mã" được lặp lại.
- \*4) Menu thoại không thể được sử dụng trong quá trình phục vụ.
- \*5) Tất cả các phân khu có thể được kiểm soát trên khu vực phân quyền đều không được cài đặt.
- \*6) Tất cả các phân khu có thể được kiểm soát trên khu vực phân quyền được thiết lập.
- \*7) Các phân khu có thể được kiểm soát trên khu vực phân quyền ở các trạng thái khác nhau.
- \*8) Có giá trị đối với tất cả các phân quyền ngoại trừ ARC / Service.
- \*9) Sau khi gửi info-SMS đến số của người gọi.
- \*10) Các điểm trong menu không có ý nghĩa bị bỏ qua (ví dụ: nếu mọi thứ được thiết lập, lựa chọn 1, 2, 3 không áp dụng).
- \*11) Menu được điều chỉnh theo trạng thái hiện tại của phân khu.
- \*12) Nếu người dùng đã được phân quyền với mã Service, lựa chọn 9 là có thể - "Đối với chế độ ghi tin nhắn thoại nhấn 9".
- \*13) Chế độ ghi tin nhắn thoại **LỰA CHỌN 9**:  
 0 – "Để ghi lại tên cài đặt, nhấn 0." và sau đó "Nhấn (\*)".  
 1 – "Để ghi lại tên phân khu, nhấn 1", sau đó nhập số phân khu mà bạn muốn ghi lại và sau đó "Nhấn (\*)".  
 2 (3, 4, 5) – "Để ghi lại tin nhắn của phóng sự A (B, C, D), nhấn 2 (3, 4, 5)" và sau đó là "Nhấn (\*)".  
 9 – "Xóa tất cả các tin nhắn đã ghi, nhấn 9".  
 # – "Để trở lại menu chính, nhấn #".

#### **Ghi chú:**

- 1 – "Bạn không được phép lựa chọn này" – luôn luôn nếu người dùng không được phép xử lý một phần hoặc trạng thái kiểm tra.
- 2 – "Báo cáo bắt buộc về một tin nhắn quan trọng, cuộc gọi sẽ bị chấm dứt trong 30 giây"
- báo cáo / tin nhắn quan trọng cho ARM được ưu tiên hơn menu thoại đang diễn ra.
- Mục nhập trong chế độ ghi âm được chỉ định bằng tiếng bíp. Một tin nhắn được ghi lại được phát lại để nghe ngay sau khi ghi âm.
- Nếu bạn không hài lòng với bản ghi, bạn có thể chọn ghi lại ngay lập tức.
- Nó là thích hợp để bắt đầu ghi âm ngay sau khi tín hiệu tiếng bíp và nhấn ký tự cuối \* ngay sau khi kết thúc ghi âm của bạn.
- Tên cài đặt có thể mất nhiều nhất là 40 giây. Mỗi tin nhắn khác có thể dài nhất là 20 giây.

## **9.6 Lệnh SMS**

Nếu bộ Giao tiếp GSM JA-19xY được cài đặt trong Bộ trung tâm, hệ thống có thể được điều khiển bằng các lệnh SMS. Lệnh SMS có thể được sử dụng để kiểm soát trạng thái cài đặt của các phân khu riêng lẻ hoặc toàn bộ hệ thống (cài đặt, hủy cài đặt) hoặc hỏi về trạng thái của chúng. PG output cũng có thể được kiểm soát thông qua các lệnh SMS. Không có lệnh để kiểm soát PG output, cần phải đặt chúng trước. Các văn bản của các lệnh không thể thay đổi, ngoại trừ các lệnh để kiểm soát PG output

#### **Cấu trúc lệnh:**

##### **ppp\*cccc\_command**

trong đó: **ppp** là số vị trí của mã người dùng (chỉ khi một mã có tiền tố được sử dụng);

\* là một dấu tách (\* chỉ cần thiết nếu một mã có tiền tố được sử dụng);

**cccc** là mã người dùng;

\_ là một khoảng cách tách biệt (ký tự trống);

**command** là lệnh thực thi (xem danh sách các lệnh bên dưới).

#### **Lệnh truy vấn:**

Thông tin về trạng thái hệ thống cũng có thể thu được với việc sử dụng các lệnh sau đây;

**DINFO, TRẠNG THÁI, COM và GSM**

**Lệnh điều khiển:**

Việc kiểm soát thiết lập toàn bộ **hệ thống** hoặc chỉ **các phân khu** riêng lẻ của nó có thể được tạo ra với việc sử dụng các lệnh sau:

**CÀI ĐẶT, HỦY ĐẶT hoặc CÀI ĐẶT x x x, HỦY ĐẶT x x x, trong đó x là số phân khu cách nhau bởi một không gian.**

Các lệnh điều khiển để kiểm soát PG output được nhà sản xuất đặt sẵn là On PG output x (x = 1 – 128).

**Lưu ý:** Nếu các lệnh điều khiển bao gồm các dấu phụ có dấu phụ được nhấn mạnh (như với các ngôn ngữ GR và RU), thì tham số Diacritics trên tab Giao tiếp sẽ được bật để hoạt động chính xác và đáng tin cậy. Nó cũng là cần thiết để nhớ các chữ cái nhỏ và viết hoa khi dấu phụ được kích hoạt. Với kích thước ký tự thông thường không quan trọng.

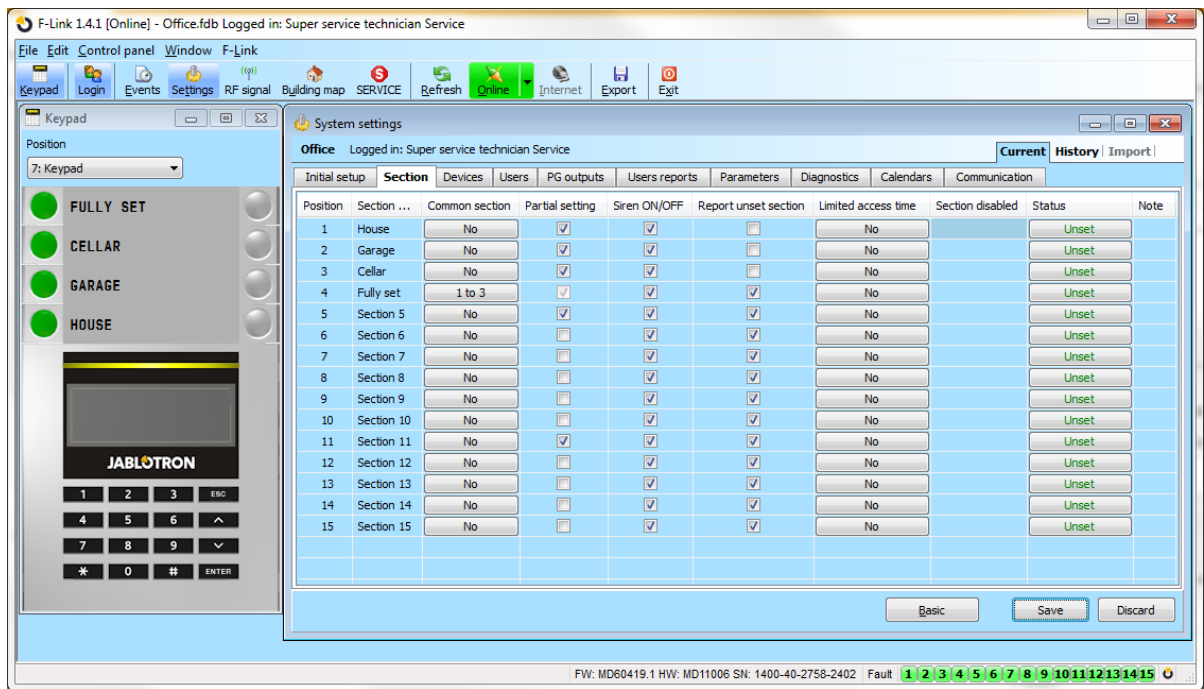
**Tổng quan về lệnh:**

Lệnh điều khiển	Phân quyền	Câu trả lời (mẫu)	Ghi chú
<b>DINFO</b> (Thông tin cơ bản về cài đặt)	Service, Quản trị viên	JABLOTRON 100+: LOẠI: JA-103K, SN: 14004026532523, SW: LJ60418, HW: LJ16117, RC: C5U6G-215CP-D2A6, GSM: 90%, GPRS: Ok, LAN: tắt Thời gian 17:01 22.7.	Tên cài đặt dưới dạng loại Bộ trung tâm tab thiết lập Ban đầu Số sê-ri Phiên bản Firmware Phiên bản Hardware Mã đăng ký tín hiệu GSM communicator GSM, tính khả dụng của dữ liệu GPRS Trạng thái kết nối LAN (OK hoặc TẮT ) Thời gian và ngày bàn giao SMS cho mạng GSM
<b>TÌNH TRẠNG</b> (tình trạng của các phân khu)	Service, Quản trị viên, Người dùng (Nếu người dùng chỉ có quyền truy cập vào một số phân khu, trạng thái của các phân khu có thể truy cập được cho họ sẽ được trả lại)	JABLOTRON 100+: Tình trạng: phân khu 1: Hủy đặt; phân khu 2: Cài đặt; phân khu 3: Hủy đặt; phân khu 4: Đặt, Lỗi; phân khu 5: Cài đặt; phân khu 6: Cài đặt; phân khu 7: Hủy đặt; phân khu 8: Hủy đặt; GSM: 90%; Thời gian 17:01 22.7.	Tên cài đặt dưới dạng Trạng thái tab thiết lập Ban đầu: Tên và trạng thái của phân khu 1 Tên và trạng thái của phân khu 2 Tên và trạng thái của phân khu 3 Tên và trạng thái của phân khu 4 Tên và trạng thái của phân khu 5 Tên và trạng thái của phân khu 6 Tên và trạng thái của phân khu 7 Tên và trạng thái của phân khu 8 Chất lượng tín hiệu GSM Thời gian và ngày bàn giao SMS cho nhà mạng GSM
<b>COM</b> (thông tin về Giao tiếp)	Service	JABLOTRON 100+: GSM: 90%, DỮ LIỆU: ok, CELLID: 44905, OPID: 23003, LAN: ok, MAC: hh:hh:hh:hh:hh:hh, ARC: 1:ok, 2:ok, 3:tắt , 4:ok, 5:tắt , Time 17:01 22.7.	Tên cài đặt tab thiết lập ban đầu Chất lượng tín hiệu GSM, tính khả dụng của dữ liệu GPRS Số lượng tế bào và nhà điều hành cung cấp kết nối GSM Trạng thái kết nối LAN và địa chỉ MAC Trạng thái kích hoạt truyền đến arc cá nhân có thể Thời gian và ngày bàn giao SMS cho mạng GSM
<b>GSM</b> (khởi động lại GSM)	Service, Quản trị viên, Người dùng	JABLOTRON 100+: SMS xử lý OK: GSM; Thời gian 17:01 22.7.	Tên cài đặt tab Thiết lập Ban đầu Xác nhận giao hàng SMS (trước khi khởi động lại) Thời gian và ngày bàn giao SMS cho mạng GSM

<b>CÀI ĐẶT</b> (Kiểm soát toàn bộ hệ thống)	(Theo mã đã sử dụng)	JABLOTRON 100+: Tình trạng: phân khu 1: Cài đặt; phân khu 2: Cài đặt; phân khu 3: Cài đặt; phân khu 4: Cài đặt, Lỗi; phân khu 5: Cài đặt; phân khu 6: Cài đặt; phân khu 7: Bỏ qua trong khi được thiết lập, phân khu 8: Bỏ qua trong khi đang được thiết lập; GSM: 90%; Thời gian 17:01 22.7.	Tên cài đặt dưới dạng Trạng thái tab thiết lập Ban đầu: Tên và trạng thái của phân khu 1 Tên và trạng thái của phân khu 2 Tên và trạng thái của phân khu 3 Tên và trạng thái của phân khu 4 Tên và trạng thái của phân khu 5 Tên và trạng thái của phân khu 6 Tên và trạng thái của phân khu 7 Tên và trạng thái của phân khu 8 Chất lượng tín hiệu GSM Thời gian và ngày bàn giao SMS cho nhà mạng GSM
<b>HỦY ĐẶT</b> (Kiểm soát toàn bộ hệ thống)	(Theo mã đã sử dụng)	JABLOTRON 100+: Tình trạng: phân khu 1: Hủy đặt; phân khu 2: Hủy đặt; phân khu 3: Hủy đặt; phân khu 4: Hủy đặt, Lỗi; phân khu 5: Hủy đặt; phân khu 6: Hủy đặt; phân khu 7: Hủy đặt; phân khu 8: Hủy đặt; GSM: 90%; Thời gian 17:01 22.7.	Tên cài đặt dưới dạng Trạng thái tab thiết lập Ban đầu: Tên và trạng thái của phân khu 1 Tên và trạng thái của phân khu 2 Tên và trạng thái của phân khu 3 Tên và trạng thái của phân khu 4 Tên và trạng thái của phân khu 5 Tên và trạng thái của phân khu 6 Tên và trạng thái của phân khu 7 Tên và trạng thái của phân khu 8 Chất lượng tín hiệu GSM Thời gian và ngày bàn giao SMS cho nhà mạng GSM
<b>CÀI ĐẶT 1 3 5 7</b> (kiểm soát các phân khu hệ thống đã chọn)	(Theo mã đã sử dụng)	JABLOTRON 100+: Tình trạng: phân khu 1: Cài đặt; phân khu 3: Cài đặt; phân khu 5: Cài đặt; phân khu 7: Bỏ qua trong khi được thiết lập, GSM: 90%; Thời gian 17:01 22.7.	Tên cài đặt dưới dạng Trạng thái tab thiết lập Ban đầu: Tên và trạng thái của phân khu 1 Tên và trạng thái của phân khu 3 Tên và trạng thái của phân khu 5 Tên và trạng thái của phân khu 7 Chất lượng tín hiệu GSM Thời gian và ngày bàn giao SMS cho nhà mạng GSM
<b>HỦY ĐẶT 2 4 6 8</b> (kiểm soát các phân khu hệ thống đã chọn)	(Theo mã đã sử dụng)	JABLOTRON 100+: Tình trạng: phân khu 2: Hủy đặt; phân khu 4: Hủy đặt; GSM: 90%; Thời gian 17:01 22.7.	Tên cài đặt Trạng thái tab thiết lập Ban đầu: Tên và trạng thái của phân khu 2 Tên và trạng thái của phân khu 4 Chất lượng tín hiệu GSM Thời gian và ngày bàn giao SMS cho nhà mạng GSM

## 9.7 Điều khiển hệ thống thông qua phần mềm F-Link hoặc J-Link

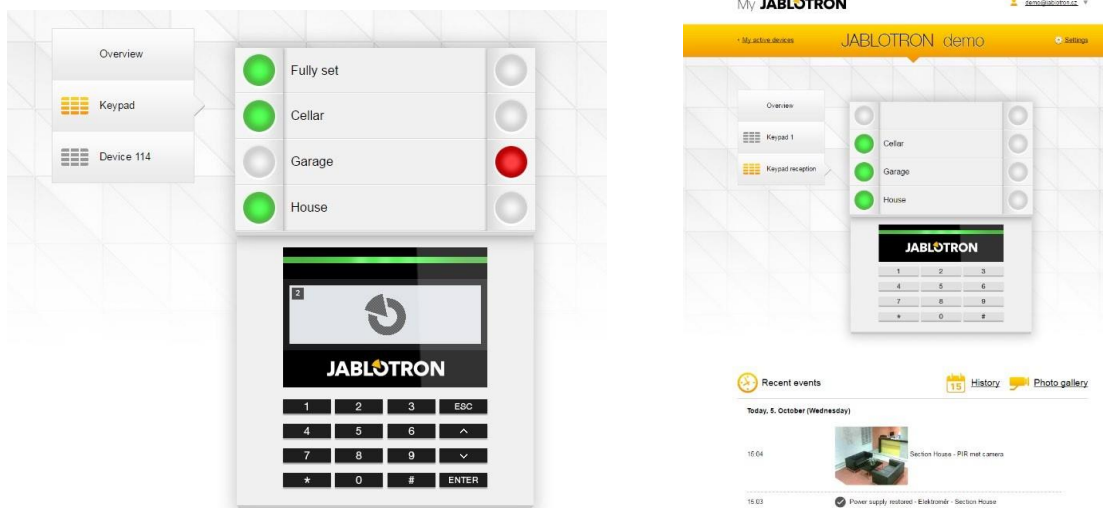
phần mềm F-Link và J-Link được sử dụng để lập trình cục bộ và từ xa của toàn bộ hệ thống hoặc chỉnh sửa người dùng; cung cấp tổng quan về trạng thái phân khu và điều khiển phân khu. Có thể điều khiển các phân khu và PG output bằng cách sử dụng các phân khu của bàn phím ảo theo cấu hình của bàn phím có mặt trong hệ thống. Điều khiển cũng có thể từ tab "phân khu" trong cột "trạng thái" hoặc từ thanh trạng thái thấp hơn. Hệ thống ghi lại quyền kiểm soát hệ thống theo phân quyền khi người dùng cho phép trong phần mềm.



## 9.8 Điều khiển hệ thống từ ứng dụng web MyJABLOTRON

Điều khiển từ xa từ ứng dụng web MyJABLOTRON là cách thân thiện nhất để kiểm soát hệ thống bảo mật từ bất kỳ trình duyệt Internet nào bất kể nền tảng máy tính. Sau khi đăng nhập, ứng dụng cho phép bạn điều khiển hệ thống không chỉ từ bàn phím ảo của mọi bàn phím vật lý có trong hệ thống mà còn cho phép bạn kiểm soát tất cả các phân khu và PG output từ danh sách tổng thể. Người dùng cũng có thể duyệt qua lịch sử sự kiện chi tiết bao gồm ảnh đã chụp. Ảnh mới có thể được chụp ngay lập tức theo yêu cầu của người dùng. Không giống như hệ thống vật lý, người dùng có thể xem nhiệt độ hiện tại từ nhiệt kế, giá trị từ các đồng hồ khác nhau và cấu hình tin nhắn thông báo cho bạn về các sự kiện hệ thống hoặc vượt quá giá trị do người dùng đặt.

Bạn phải tự cấp quyền cho mình bằng mã người dùng mỗi khi đăng nhập để kiểm soát hệ thống. Thiết lập các phân khu sử dụng phân đoạn giống với thiết lập thực của chúng. Nếu các phân đoạn cho phép cài đặt một phần, thì sẽ có thể thiết lập một phân khu hệ thống từ xa. Trong tất cả các trường hợp khác, việc kiểm soát từ danh sách sẽ luôn đặt toàn bộ các phần. Để biết thêm thông tin, hãy xem chương 14 Ứng dụng web MyJABLOTRON.

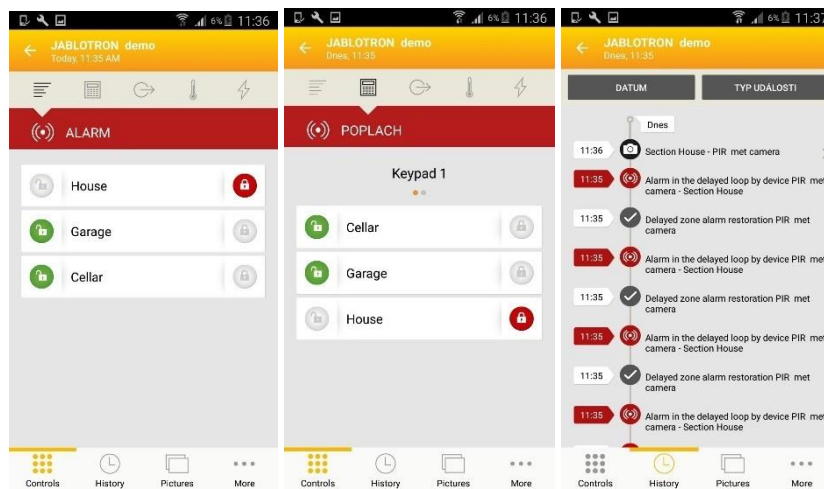


Một phần của lập trình từ xa từ trang web (bất kể nền tảng của máy tính từ xa) được gọi là WEB-Link, có sẵn trong ứng dụng MyCOMPANY → Quản lý cài đặt → Nút cấu hình. WEB-Link chỉ có sẵn cho các công ty cài đặt, có thể sử dụng công cụ này để thực hiện truy cập từ xa gián tiếp bằng cách thay đổi các tham số trong tệp cấu hình nằm trên máy chủ và lưu tệp đó ngay lập tức, trong một thời gian cụ thể hoặc sau khi gỡ cài đặt hệ thống. Kỹ thuật viên cài đặt có thể được thông báo về việc thay đổi cấu hình thành công qua SMS hoặc e-mail..

Position	Section	Section name	Common section	Partial setting	Siren ON/OFF	Report unset section	Limited access time	Section disabled
1	House		No	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	No	<input type="checkbox"/>
2	Garage		No	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	No	<input type="checkbox"/>
3	Cellar		No	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	No	<input type="checkbox"/>
4	Fully set		1 to 3	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	No	<input type="checkbox"/>
5	Section 5		No	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	No	<input type="checkbox"/>
6	Section 6		No	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	No	<input type="checkbox"/>
7	Section 7		No	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	No	<input type="checkbox"/>
8	Section 8		No	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	No	<input type="checkbox"/>
9	Section 9		No	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	No	<input type="checkbox"/>
10	Section 10		No	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	No	<input type="checkbox"/>
11	Section 11		No	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	No	<input type="checkbox"/>
12	Section 12		No	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	No	<input type="checkbox"/>
13	Section 13		No	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	No	<input type="checkbox"/>
14	Section 14		No	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	No	<input type="checkbox"/>
15	Section 15		No	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	No	<input type="checkbox"/>

## 9.9 Điều khiển hệ thống thông qua ứng dụng di động MyJABLOTRON

Người dùng MyJABLOTRON có thể tải xuống một ứng dụng cho điện thoại thông minh. Có sẵn cho các nền tảng iOS và Android. Ứng dụng di động là cách thân thiện nhất với người dùng để kiểm soát hệ thống bảo mật mà người dùng thậm chí có thể mang theo trong túi nhờ truy cập Internet gần như không giới hạn. Sau khi đăng nhập được bảo mật, ứng dụng cho phép bạn điều khiển hệ thống không chỉ từ bàn phím ảo của mọi bàn phím vật lý có trong hệ thống mà còn cho phép bạn kiểm soát tất cả các phân khu và PG output từ danh sách tổng thể. Vì vậy, gần như phạm vi chức năng tương tự như trong ứng dụng web MyJABLOTRON. Đối với một số nền tảng, nó cung cấp một cái gì đó bổ sung, ví dụ TouchID hoặc FaceID thay vì mã.



## 9.10 Kiểm soát hệ thống bằng kiểm soát truy cập bắt buộc

Tùy chọn này cho phép người dùng kiểm soát (đặt hoặc hủy cài đặt) hệ thống bằng một mã khác khi họ bị người khác đe dọa. Mã này sẽ không phổ biến thu hút sự chú ý đến một tình huống như vậy bằng cách kích hoạt **báo động khẩn cấp im lặng** mà không có bất kỳ dấu hiệu âm thanh hoặc hình ảnh nào. Một báo động khẩn cấp im lặng được kích hoạt bằng cách thêm 1 vào mã người dùng hiện có. Chức năng này được hỗ trợ bởi các mã có hoặc không có tiền tố.

### Ví dụ:

Mã người dùng với tiền tố = 4 \* 4444. Mã kiểm soát truy cập bắt buộc = 4 \* 4445 Mã người dùng không có tiền tố = 4444. Mã kiểm soát truy cập bắt buộc = 4445

**Lưu ý:** Nếu mã người dùng kết thúc bằng số 9 khi sử dụng kiểm soát truy cập bắt buộc, thì số cuối cùng của mã sẽ là 0.

## 9.11 Các trở ngại ngăn cản việc thiết lập hệ thống

Theo **Cách thiết lập** (xem tab Tham số), Bộ trung tâm có thể kiểm tra trạng thái được kích hoạt hoặc lỗi của các thiết bị riêng lẻ hoặc một phân khu cụ thể trong khi thiết lập từng phân khu của hệ thống. Phù hợp với tùy chọn này, Bộ trung tâm chỉ ra một số trở ngại trong quá trình cài đặt (**trở ngại có thể vượt qua**) và một số trạng thái và thậm chí có thể ngăn hệ thống thiết lập khi chúng xảy ra (**trở ngại không thể vượt qua**).

Một trong những trở ngại phổ biến nhất là bất kỳ lỗi hệ thống nào (được chỉ định bởi nút chỉ báo đèn nền bàn phím màu vàng), mất kết nối với cảm biến không dây hoặc cảm biến trạng thái được kích hoạt (thường là từ tính cảm biến) được thiết lập với phản ứng khu vực bị trì hoãn (cửa trước và cảm biến cửa nhà để xe), pin hệ thống cạn kiệt hoặc sự cố cung cấp điện kéo dài.

Một trở ngại không thể vượt qua ngăn chặn việc thiết lập hệ thống là ví dụ như **một cảm biến trạng thái được kích hoạt** (thường là cảm biến mở cửa từ) được thiết lập thành phản ứng **lập tức**. Các thiết bị thuộc nhóm này là mở cửa sổ, ban công hoặc cảm biến cửa sau nhưng nó cũng có thể là lỗi hệ thống quan trọng như lỗi cung cấp điện dự phòng hoặc lỗi liên lạc với ARC. Các lý do ngăn chặn cài đặt hệ thống là khác nhau theo cấu hình hệ thống được thiết lập sẵn. Một ngoại lệ trong việc ngăn hệ thống thiết lập một phân khu không kiểm tra bất kỳ cảm biến hoặc lỗi được kích hoạt nào là cài đặt tự động theo lịch bằng cách sử dụng tùy chọn "Đặt luôn". Lịch sẽ luôn đặt từng phân khu miễn là nó được cấu hình để thực hiện hành động đó (chỉ có sẵn khi cấu hình hệ thống "Mặc định" được sử dụng).

Kích hoạt cảm biến xung (ví dụ: cảm biến: chuyển động, vỡ kính, nghiêng, sóc và như vậy) không thể ngăn chặn cài đặt.

Hệ thống thông báo cho bạn về việc thiết lập với một thiết bị đang hoạt động bằng báo cáo SMS (cho nhóm người dùng có báo cáo báo động được xác định trước) với mô tả chi tiết.

#### **Cách thiết lập – tổng quan bảng**

<b>Cách thiết lập</b>	<b>Bàn phím hệ thống</b>	<b>Thông qua menu thoại / SMS / lịch</b>	<b>MyJABLOTRON App</b>	<b>F-Link J-Link</b>
<b>Đặt luôn luôn</b>	Sẽ đặt luôn bất chấp lỗi hoặc trạng thái thiết bị được kích hoạt.	Sẽ đặt luôn bất chấp lỗi hoặc trạng thái thiết bị được kích hoạt.	Sẽ đặt luôn bất chấp lỗi hoặc trạng thái thiết bị được kích hoạt.	Sẽ đặt luôn bất chấp lỗi hoặc trạng thái thiết bị được kích hoạt.
<b>Thiết lập với cảnh báo</b>	Trong khi cố gắng thiết lập với một lỗi hoặc một thiết bị được kích hoạt, bàn phím nhấp nháy trong 8 s sau đó hệ thống sẽ tự động thiết lập. Có thể thiết lập hệ thống bằng cách nhấn nút phân khu một lần nữa hoặc bằng cách nhấn phím Enter.	Sẽ đặt luôn bất chấp lỗi hoặc trạng thái thiết bị được kích hoạt.	Sẽ đặt theo "Cách cài đặt" (Đặt với kiểm tra / Đặt không có kiểm tra) trong cấu hình Service Tab.	Sẽ đặt luôn bất chấp lỗi hoặc trạng thái thiết bị được kích hoạt.
<b>Thiết lập sau khi xác nhận</b>	Trong khi cố gắng thiết lập với một lỗi hoặc một thiết bị kích hoạt, bàn phím nhấp nháy trong 8 s. Có thể đặt hệ thống CHỈ bằng cách nhấn lại nút phân khu hoặc nhấn phím Enter.	Sẽ đặt luôn bất chấp lỗi hoặc trạng thái thiết bị được kích hoạt.	Sẽ đặt theo "Cách cài đặt" (Đặt với kiểm tra / Đặt không có kiểm tra) trong tab cấu hình Service.	Sẽ đặt luôn bất chấp lỗi hoặc trạng thái thiết bị được kích hoạt.





<p><b>Sẽ không thiết lập với một phần tử hoạt động</b></p>	<p>Trong khi cố gắng thiết lập với một lỗi hoặc một thiết bị kích hoạt, bàn phím nhấp nháy trong 8 s. Có thể thiết lập hệ thống bằng cách nhấn lại nút phân khu hoặc bằng cách nhấn phím Enter chỉ khi cảm biến đặt thành phản ứng vùng LẬP TỨC KHÔNG được kích hoạt.</p>	<p>Sẽ không thiết lập khi một cảm biến được kích hoạt được đặt thành phản ứng vùng LẬP TỨC Khi "Đặt luôn" được chọn, Lịch nó sẽ đặt bất chấp lỗi hoặc thiết bị được kích hoạt tình trạng.</p>	<p>Sẽ không đặt khi một cảm biến được kích hoạt được đặt thành NGAY LẬP TỨC phản ứng vùng.</p>	<p>Sẽ luôn đặt bất chấp lỗi hoặc trạng thái thiết bị được kích hoạt.</p>
--	---	---	--	--

### 9.12 Cài đặt không thành công

Đây là một chức năng bảo mật nhờ đó Bộ trung tâm kiểm tra trong hoãn chờ rần rần thiết lập hệ thống có thể được thực hiện và bảo mật của các khu vực được bảo vệ không bị giới hạn bởi các trường hợp sau đây. Nếu hàm được bật, thì **cài đặt không thành công** có thể được gây ra bởi:

1. Kích hoạt cảm biến lập tức bất cứ lúc nào trong thời gian trì hoãn ra (ai đó vào khu vực đã được bảo vệ).
2. Kích hoạt dài hạn cảm biến với phản ứng độ trễ sau khi hết thời gian thoát (Người dùng quên đóng cửa chính, nhà để xe hoặc cổng, v.v.).

Trong trường hợp khi thiết lập hệ thống bị ngăn chặn, một sự kiện "Cài đặt không thành công" được kích hoạt và chỉ định bằng cách nhấp nháy nhanh chóng nút chỉ báo đèn nền màu vàng trên bàn phím và cũng bằng tiếng bíp của chúng, và

âm thanh bằng chuông báo động ngoài trời cũng vậy. Đồng thời nó được báo cáo cho người dùng cụ thể đã cố gắng thiết lập hệ thống hoặc cho Quản trị viên hệ thống, miễn là báo cáo "SMS về cài đặt không thành công" được bật, xem phần mềm F-Link, tab Giao tiếp.

Để hủy bỏ dấu hiệu cài đặt không thành công, cần chọn trong menu bàn phím LCD một tùy chọn gọi là "Hủy chỉ báo cảnh báo" hoặc nếu cấu hình hệ thống "Mặc định" đã được thiết lập sẵn sau đó bằng cách đặt phân khu đó.

### 9.13 Sự kiện được báo cáo cho người dùng

Tất cả các sự kiện được gửi đến người dùng được gán cho 5 nhóm cơ bản. Mỗi nhóm có thể được gán cho người dùng tùy ý. Người dùng mà một nhóm sẽ được chỉ định sẽ được gửi báo cáo từ nhóm này. Khi các cài đặt cơ bản của các nhóm không đủ thì có hai nhóm đặc biệt có thể được sử dụng (Nhóm 1 và 2 do người dùng xác định). Các sự kiện có thể được thêm vào các nhóm đó và chỉ có thể được cung cấp cho người dùng cụ thể.

**Bảng tổng quan về Nhóm sự kiện được báo cáo cho người dùng:**

Loại	Sự kiện	Nhóm
1	Setting	SMS về Cài đặt / Hủy cài đặt (3)
2	Hủy đặtting	SMS về Cài đặt / Hủy cài đặt (3)
3	Partially Setting	SMS về Cài đặt / Hủy cài đặt (3)
4	30-minute mains fault	Cảnh báo SMS (1) / Cuộc gọi báo động (2)
5	Mains restored after 30 min	Cảnh báo SMS (1) / Cuộc gọi báo động (2)
6	Instant alarm	Cảnh báo SMS (1) / Cuộc gọi báo động (2)
7	Instant alarm cancelled	Cảnh báo SMS (1) / Cuộc gọi báo động (2)
8	Delay alarm	Cảnh báo SMS (1) / Cuộc gọi báo động (2)
9	Delay alarm cancelled	Cảnh báo SMS (1) / Cuộc gọi báo động (2)
10	Tamper alarm	Cảnh báo SMS (1) / Cuộc gọi báo động (2)
11	Tamper alarm cancelled	Cảnh báo SMS (1) / Cuộc gọi báo động (2)
12	Fire alarm	Cảnh báo SMS (1) / Cuộc gọi báo động (2)
13	Fire alarm cancelled	Cảnh báo SMS (1) / Cuộc gọi báo động (2)
14	Gas leak	Cảnh báo SMS (1) / Cuộc gọi báo động (2)

15	Panic alarm	Cảnh báo SMS (1) / Cuộc gọi báo động (2)
16	Panic alarm cancelled	Cảnh báo SMS (1) / Cuộc gọi báo động (2)
17	Health troubles	Cảnh báo SMS (1) / Cuộc gọi báo động (2)
18	Flooding	Cảnh báo SMS (1) / Cuộc gọi báo động (2)
19	Code breaking attempt	Cảnh báo SMS (1) / Cuộc gọi báo động (2)
20	Cài đặt with active zone (when confirmation enabled)	Cảnh báo SMS (1) / Cuộc gọi báo động (2)
21	Section without movement	Cảnh báo SMS (1) / Cuộc gọi báo động (2)
22	Overheating activation	Cảnh báo SMS (1) / Cuộc gọi báo động (2)
23	Overheating deactivation	Cảnh báo SMS (1) / Cuộc gọi báo động (2)
24	Freezing activation	Cảnh báo SMS (1) / Cuộc gọi báo động (2)
25	Freezing deactivation	Cảnh báo SMS (1) / Cuộc gọi báo động (2)
26	System start (out of service mode)	Lỗi và Service SMS (5)
27	Device low battery	Lỗi và Service SMS (5)
28	Device battery OK	Lỗi và Service SMS (5)
29	Fault (device, communicator)	Lỗi và Service SMS (5)
30	Fault end	Lỗi và Service SMS (5)
31	Service mode entry	Lỗi và Service SMS (5)
32	Service mode left	Lỗi và Service SMS (5)
33	Maintenance mode entry	Lỗi và Service SMS (5)
34	Maintenance mode left	Lỗi và Service SMS (5)
35	Low BATTERY	Lỗi và Service SMS (5)
36	BATTERY OK	Lỗi và Service SMS (5)
37	ARC communication fault	Lỗi và Service SMS (5)
38	ARC communication restored	Lỗi và Service SMS (5)
39	RF jamming	Lỗi và Service SMS (5)
40	RF jamming end	Lỗi và Service SMS (5)
41	Low credit balance	Lỗi và Service SMS (5)

Việc phân công các sự kiện được phân biệt bởi hệ thống cho các nhóm được chỉ định trong bảng. Khi xảy ra sự kiện, hệ thống tạo tin nhắn SMS ở định dạng: Tên cài đặt, Thời gian, Sự kiện, Nguồn sự kiện, phân khu, Thời gian.

*Ví dụ về sms đã gửi:*

JABLOTRON 100+

17:01:10, Báo động bị trì hoãn

Nam châm cửa, tầng trệt

17:01:25, Báo động lập tức

Chuyển động cầu thang, Trên lầu

*(tên cài đặt)*

*(thời gian sự kiện, sự kiện)*

*(tên cảm biến, tên phân khu)*

*(thời gian sự kiện, sự kiện)*

*(tên cảm biến, tên phân khu)*

## 9.14 Chỉ báo âm thanh hệ thống

Chỉ báo âm thanh của hệ thống có thể chỉ ra không chỉ trạng thái báo động mà còn thông báo về các trạng thái hoặc thay đổi trạng thái khác. Để biết tổng quan về chỉ báo âm thanh, hãy xem các bảng sau:

**Chỉ báo âm thanh bằng bàn phím / đầu đọc:**

Âm thanh	Mô tả hành động
Một tiếng bíp ngắn	Xác nhận nhấn nút
Một tiếng bíp dài	Kích hoạt phân đoạn, thiết lập một phân khu hoặc bật PG
Hai tiếng bíp dài	Hủy kích hoạt phân đoạn, hủy bỏ một phân khu hoặc tắt PG
Hai tiếng bíp lặp đi lặp lại dài	Thiết đặt không thành công
Ba tiếng bíp dài	Hủy cài đặt phân khu với chỉ dẫn bộ nhớ báo động
Bíp lâu dài	Sự trì hoãn ra
Tiếng bíp liên tục	Sự trì hoãn vào
	Sự báo động

**Chỉ dẫn âm thanh bằng chuông báo động trong nhà / ngoài trời**

Âm thanh	Mô tả hành động
Một tiếng bíp ngắn	Cài đặt phân khu
	Chuyển đổi PG output BẬT
Hai tiếng bíp ngắn	Hủy cài đặt phân khu
	PG output tắt
Ba tiếng bíp ngắn	Hủy cài đặt phân khu với chỉ dẫn bộ nhớ báo động
	Thiết đặt không thành công
	Thiết lập với vùng hoạt động (chỉ cho đến FW 13)
Tiếng bíp nhanh vĩnh viễn	Chỉ dẫn trạng thái PG – tiếng bíp nhanh
Tiếng bíp chậm vĩnh viễn	Sự trì hoãn ra
	Chỉ dẫn trạng thái PG – tiếng bíp chậm
Tiếng rít liên tục	Sự trì hoãn vào
	Chỉ dẫn trạng thái PG – tiếng rít vĩnh viễn
Reo	Báo động trong một phân khu
Giai điệu (1 – 4) *	Chỉ dẫn trạng thái PG

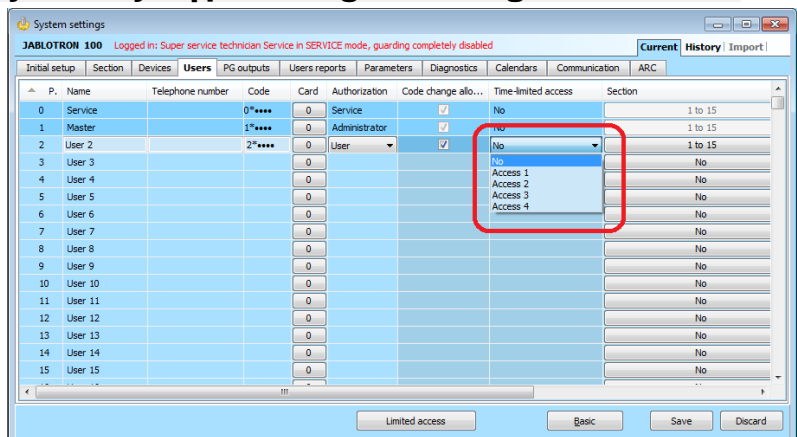
\* Chỉ có giá trị đối với chuông báo động hỗ trợ chức năng Melody

**Chỉ báo âm thanh của cảm biến báo cháy(khói, nhiệt độ, khí):**

Âm thanh	Mô tả hành động
Tiếng bíp nhanh dài hạn	Báo cháy
Permanent hooting	

**9.15 Thời gian hạn chế quyền truy cập cho người dùng**

Chức năng truy cập giới hạn thời gian dành cho người dùng được chọn chia thành tối đa 4 nhóm. Đối với các nhóm này, họ có thể được thêm các "phân quyền thời gian" khác nhau để truy cập vào các khu vực được chỉ định (phân khu) theo lịch hàng tuần. Điều đó cho phép mọi nhóm người dùng chặn hoặc hủy bỏ một phân khu được chọn trong khung hai lần (Khoảng thời gian 1 và Khoảng thời gian 2) cho mỗi ngày trong một tuần. Mục đích chính của việc này là cho các công



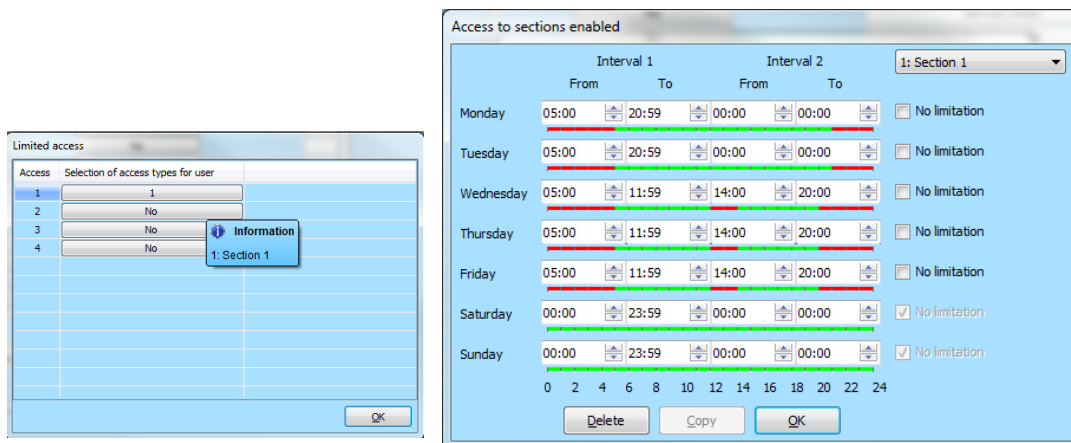
ty lớn hơn khi có thể có công nhân, người đứng đầu và quản lý hoặc trong một trường mẫu giáo, phụ nữ dọn dẹp, đầu bếp, giáo viên và phụ huynh với con cái của họ.

Mỗi người dùng hệ thống nên có quyền truy cập hạn chế theo lịch được thiết lập sẵn đều có tùy chọn được bật

tức là "Thời gian giới hạn quyền truy cập" theo tùy chọn từ "Nhóm 1" đến "Nhóm 4" và nó đại diện cho mọi nhóm người dùng.

Giới hạn chỉ có giá trị đối với "phân quyền của người dùng". Nếu người dùng có giới hạn thời gian được bật cố gắng bỏ cài đặt một phân khu trong khoảng thời gian chặn, hệ thống sẽ từ chối. Và nếu người dùng đã ở trong khu vực được bảo vệ thì sau khi hết thời gian trì hoãn nhập cảnh, báo động xâm nhập sẽ được kích hoạt. Người dùng có quyền hủy báo động nhưng hệ thống sẽ không bị cài đặt trong khoảng thời gian chặn.

Trong ví dụ sau đây có một biến thể của cài đặt cho phép truy cập cho một nhóm người dùng được chọn "Nhóm 1", nơi quyền truy cập được giới hạn ở "phân khu 1". Vào thứ Hai và thứ Ba được phép vào từ 5:00 sáng đến 20:59 vào buổi tối. Từ thứ Tư đến thứ Sáu được phép truy cập từ 5:00 đến 11:59 và sau đó từ 14:00 đến 20:00 giờ. Vào cuối tuần (thứ Bảy và Chủ nhật) truy cập bị chặn hoàn toàn.



Để lập trình quyền truy cập giới hạn thời gian bằng phần mềm F-Link trên tab Người dùng, cùng tên của nút dùng để thiết lập nhóm người dùng cho các phân khu riêng lẻ được sử dụng

## 9.16 Tùy chọn Vô hiệu hóa và chặn

### 9.16.1 Vô hiệu hóa

Trước khi bạn thiết lập hệ thống, một tình huống có thể xảy ra khi một thiết bị là cần thiết để được cố ý bỏ qua khỏi bảo vệ (ví dụ như một nhà để xe vì một số hoạt động xây dựng hoặc để lại một trong một căn phòng thường được bảo vệ). Tùy chọn này được gọi là vô hiệu hóa thiết bị, nó có sẵn trong menu bàn phím LCD hoặc bằng phần mềm J-Link và nó có thể được thực hiện ở hai cấp độ theo phân quyền của người dùng:

1. **Chặn input (BLK)** - chức năng là để chặn input cảm biến (nó chặn kích hoạt của nó). Hệ thống bỏ qua bất kỳ kích hoạt cảm biến nào = báo động không được kích hoạt, cũng không báo cáo kích hoạt PG. Báo động tamper, lỗi hoặc báo cáo pin cạn kiệt được giám sát mọi lúc. Trong phần mềm J-Link, nó được chỉ định bởi một chấm màu vàng. Phân quyền chặn được thực hiện thuộc về Quản trị viên và Kỹ thuật viên.

2. **Vô hiệu hóa thiết bị (DIS)** - chức năng này là để vô hiệu hóa cảm biến. Hệ thống bỏ qua tất cả các chức năng của thiết bị

= nó không kích hoạt bất kỳ báo động hoặc tamper báo động, báo cáo hoặc lỗi. Trong phần mềm J-link, nó được chỉ định bằng dấu chấm đỏ. Phân quyền vô hiệu hóa chỉ được thực hiện bởi Kỹ thuật viên.

Không chỉ một thiết bị mà cả người dùng cũng có thể **bị vô hiệu hóa**, ngoại trừ người dùng ở vị trí 0 (Kỹ thuật viên) và

1 (Quản trị viên), PG output hoặc lịch trình. Vô hiệu hóa là dài hạn cho đến khi nó bị hủy bỏ

bởi cùng một thủ tục như kích hoạt của nó.

**Lưu ý:** Không thể **chặn** hoặc vô **hiệu hóa** Bộ trung tâm hoặc thiết bị có phản ứng Khẩn cấp!

### 9.16.2 Chặn

Trong quá trình thiết lập phân khu một tình huống có thể xảy ra rằng một số thiết bị vẫn hoạt động (ví dụ như cửa sổ mở hoặc cửa ban công, cảm biến ngập nước trong hầm, v.v.). Hệ thống phản ứng với tình huống này một cách nhanh chóng trong quá trình cài đặt phân khu và thông báo về nó, nhưng sau khi xác nhận, hệ thống sẽ hoạt động theo chặn tham số **trong quá trình thiết lập** một trong các cách sau:

1. **Chặn được kích hoạt - cho phép tùy chọn này sẽ làm cho tất cả các cảm biến hoạt động bị chặn trong quá trình cài đặt**, điều đó có nghĩa là chúng không thể kích hoạt báo động trong khoảng thời gian cài đặt này.

2. **Chặn vô hiệu hóa** - vô hiệu hóa tùy chọn này sẽ làm cho tất cả các cảm biến hoạt động tạm thời bị bỏ qua trong quá trình cài đặt, điều đó có nghĩa là nếu chúng quay trở lại chế độ chờ thì chúng có thể kích hoạt báo động (có nguy cơ tạo báo động giả vì các cửa sổ được mở bởi bản nháp chẳng hạn).

### 9.17 Chức năng không báo động – Chức năng của PG output

Hệ thống an ninh Cho phép người dùng được phân quyền (theo cài đặt) để kiểm soát các chức năng hệ thống - không chỉ các chức năng liên quan đến bảo vệ các phân khu nhưng cũng kiểm soát PG Output PG (bật / tắt). Sử dụng các module relay hoặc module có đầu ra bán dẫn đặc biệt, chúng có thể bật các thiết bị (như chỉ số, đèn giao thông, chỉ số âm thanh) hoặc các thiết bị khác liên quan đến hệ thống an ninh (như đèn chuyển động, AC Khi vào một căn phòng, chặn hệ thống sưởi Khi Một cửa sổ được mở hoặc khi một phân khu được thiết lập), hoặc một thiết bị hoàn toàn riêng biệt, tức là tự động hóa gia đình (ví dụ: công điện hoặc

Chức năng của PG output	Sự miêu tả	Ví dụ
ON / TẮT	Trạng thái đầu ra bi-stabile, có thể được thay đổi bằng lệnh hoặc thiết bị tùy ý.	Chuyển đổi thủ công các thiết bị ON bằng cách sử dụng phân khúc điều khiển, SMS hoặc cũng bằng một số thiết bị có tùy chọn tắt thủ công mà không có giới hạn. Thông thường điều khiển sưởi ấm, điều hòa không khí, đèn.
Impulse	Trạng thái đầu ra mono-stabile với thời gian đặt trước.	Chuyển mạch xung của các mạch điều khiển bổ sung khác như kiểm soát công, con lăn, rèm, tưới nước trong vườn, khóa cửa, v.v.
Copy	Trạng thái đầu ra với logic OR. Đầu ra sẽ hoạt động nếu tối thiểu một thiết bị ít nhất cũng sẽ hoạt động, nhưng việc hủy kích hoạt xảy ra khi tất cả các thiết bị điều khiển sẽ không hoạt động.	Hữu ích cho việc chỉ ra một số trạng thái đơn lẻ hoặc tập thể (thường là cửa sổ mở, cửa nhà để xe, v.v.) trên phân khúc điều khiển bàn phím. Theo những cách tương tự, trạng thái của tất cả các phần, báo thức, ký ức báo động, lỗi và nhiều sự kiện khác cũng có thể được chỉ ra nơi bắt đầu và kết thúc được đưa ra.
Delayed copy	Trạng thái đầu ra ổn định đơn với thời gian chuyển đổi được thiết lập sẵn với tùy chọn được kéo dài nhiều lần.	Cài đặt đầu ra điển hình để kiểm soát ánh sáng khi chuyển động được phát hiện bởi cảm biến chuyển động, bất kỳ chuyển động nào được phát hiện sau đó kéo dài xung.
Extended copy	Trạng thái đầu ra bị trì hoãn với thời gian thiết lập trước của sự chậm trễ đó.	Chủ yếu được sử dụng cho dấu hiệu của một cánh cửa mở lâu hơn một thời gian được xác định trước vì ai đó có thể đã quên đóng chúng (nguồn điện, cửa hoặc cửa nhà để xe). Chỉ dẫn có thể là quang học trên một phân đoạn điều khiển bàn phím nhưng cũng âm thanh bằng bàn phím hoặc còi báo động trong nhà / ngoài trời.
Change	Trạng thái đầu ra ổn định hai chiều.	Đầu ra có nghĩa là để kiểm soát theo chu kỳ (ON, TẮT) ví dụ từ một thiết bị xung, bằng cách ủy quyền hoặc bằng cách quay số từ một số điện thoại được ủy quyền.

cửa nhà để xe mở, sưởi ấm, vườn tưới nước).

Hệ thống cũng cung cấp các chức năng của người dùng như đo nhiệt độ bằng cảm biến nhiệt độ hoặc Cài đặt điều nhiệt, có thể được hiển thị trên bàn phím LCD và trong ứng dụng MyJABLOTRON, đo và theo dõi mức tiêu thụ năng lượng điện, lượng nước hoặc bất kỳ tiện ích nào khác. Cài đặt đếm xung JA-150EM-DIN nhằm mục đích này kết hợp với một số thiết bị đo (đồng hồ đo điện, đồng hồ đo khí, thủy kế, v.v.). Xem các nghiên cứu và đề xuất ứng dụng của chúng tôi trong phân khu MyCOMPANY, MySTORAGE.

## 10. Thiết lập hệ thống thông qua phần mềm F-Link

Hệ thống JABLOTRON 100+ được lập trình độc quyền bằng máy tính, thông qua phần mềm F-Link. F-Link kiểm tra phiên bản hiện tại của phần mềm từ phiên bản 1.4.0 thông qua các bản cập nhật từ máy chủ JABLOTRON và phiên bản mới nhất được tự động cung cấp để tải xuống. Hoặc sau khi đăng nhập, nó có thể được tải xuống từ giao diện web MyCOMPANY tại [www.myjablotron.com](http://www.myjablotron.com).

Ngay sau khi mở cửa sổ ban đầu để lựa chọn kết nối, phần mềm F-Link có thể được chuyển sang môi trường ngôn ngữ mong muốn bằng cách nhấp vào biểu tượng thay đổi ngôn ngữ (cờ). Bạn có thể thay đổi ngôn ngữ bất cứ lúc nào sau đó. Cửa sổ ban đầu cung cấp các tùy chọn sau:

1. **Kết nối cục bộ** - để kết nối máy tính với Bộ trung tâm. Cáp USB là cần thiết (với đầu nối A-B).

2. **Kết nối từ xa** - cung cấp lựa chọn từ khu vực dữ liệu tệp cho phép bạn thiết lập kết nối từ xa. Để thiết lập giao tiếp từ xa với Bộ trung tâm, máy tính phải có quyền truy cập Internet và thẻ SIM đã sử dụng trong Bộ trung tâm phải có truyền dữ liệu GPRS đang hoạt động. Đối với kết nối không gặp sự cố, các yêu cầu khác phải được đáp ứng như ví dụ: kích hoạt cấu hình từ xa trong Bộ trung tâm, mã đăng ký thích hợp, mã Service và nếu giao tiếp LAN không được sử dụng, thì cũng đủ tín hiệu GSM ở vị trí Bộ trung tâm.

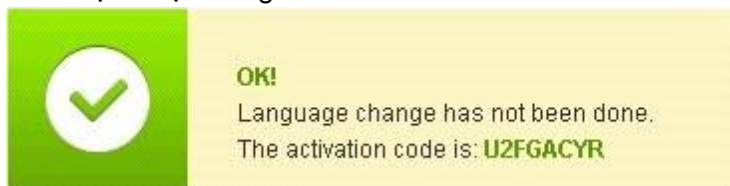
3. **Cài đặt ngoại tuyến** – cung cấp quyền truy cập vào dữ liệu cài đặt của Bộ trung tâm. Ở đây, bạn có thể ví dụ, vào danh sách các thiết bị hoặc cấu hình thay pin cuối cùng, v.v.

Phần mềm F-Link cũng có thể được sử dụng để thay đổi ngôn ngữ của Bộ trung tâm để giao tiếp với người dùng. Ngôn ngữ này không chỉ đề cập đến các văn bản được hiển thị trên màn hình LCD hoặc tin nhắn SMS được gửi đến điện thoại di động của người dùng, mà còn là menu giọng nói của người giao tiếp giao tiếp với người dùng. Bằng cách thay đổi ngôn ngữ của Bộ trung tâm, bạn sẽ xóa tất cả các văn bản trong hệ thống và do đó lựa chọn này nên được thực hiện như là bước đầu tiên trước khi cài đặt và gán tên cho thiết bị, phân khu hoặc người dùng.

Hệ thống JABLOTRON được cung cấp các công việc cũ với tùy chọn ngôn ngữ giao tiếp được đặt thành "Tiếng Anh" với khả năng chọn "Tiếng Séc". Tuy nhiên, các tùy chọn ngôn ngữ khác của Bộ trung tâm bị giới hạn bởi sự lựa chọn hẹp hơn của (các) ngôn ngữ cho mỗi quốc gia mà Bộ trung tâm được thiết kế cho. Công ty cài đặt được đăng ký trong Service web MyCOMPANY [www.myjablotron.com](http://www.myjablotron.com) có thể yêu cầu "Khóa kích hoạt", sẽ bị ràng buộc với mã đăng ký thiết bị duy nhất. "Khóa kích hoạt", sẽ mở rộng sự lựa chọn có sẵn của các ngôn ngữ được thiết kế bởi nhà sản xuất cho thị trường cụ thể. Khóa kích hoạt có thể thu được theo ba cách:

1. Từ giao diện web, chỉ có thể truy cập cho các kỹ thuật viên cài đặt được đào tạo:

- Đăng nhập vào Service web MyJABLOTRON [www.myjablotron.com](http://www.myjablotron.com)
- Mở phân khu MyCOMPANY
- Chọn Service Mã Kích hoạt
- Nhấp vào mục + Nhận mã kích hoạt mới
- Nhập Khóa đăng ký của Bộ trung tâm và chọn "Gửi"
- Nếu ưu đãi nhiều ngôn ngữ hơn được hiển thị, hãy chọn các ngôn ngữ được yêu cầu và hoàn thành lựa chọn bằng "Gửi"



g. Lưu ý Mã kích hoạt được hiển thị màu xanh lá cây và nhập mã đó vào F-Link


Danh sách mã kích hoạt được tạo sẽ vẫn được lưu tại trang web để có thể sử dụng thêm.



< [My COMPANY](#) Settings

Activation code

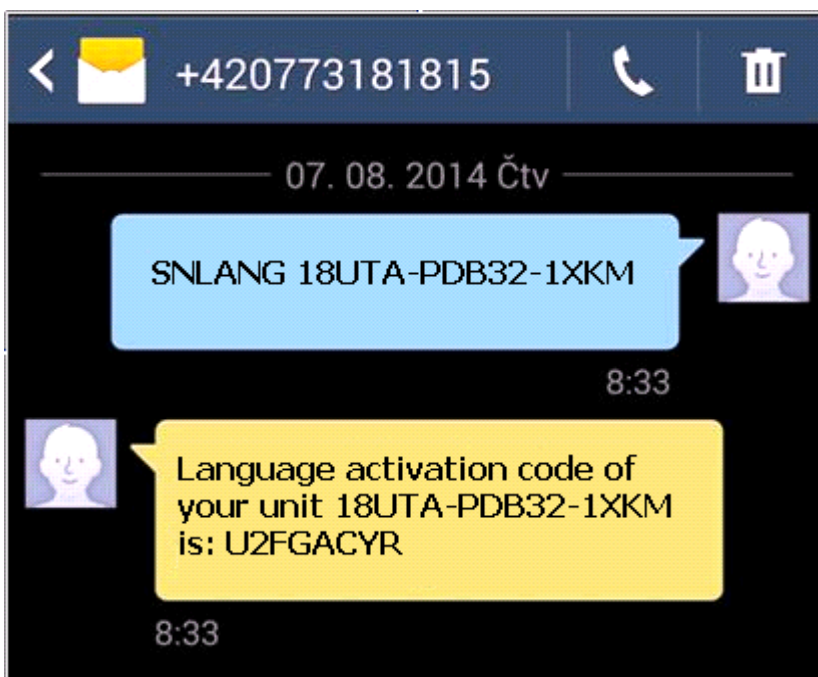
+ Get a new activation code

 Do you know you can get language activation code from anywhere by sending SMS **"SNLANG REG-KEY"** to telephone number **+420 773 181 815**?  
If you want to also keep a record of control panels with activated languages (where language was activated through SMS message), you may optionally authorise your phone number in your accounts settings - Authorised contacts.

13.08.14 (16:06)	18UTA-PDB32-1XKM	CS, EN, FR	<b>U2FGACYR</b>	+420777775032
------------------	------------------	------------	-----------------	---------------

2. Nếu kỹ thuật viên cài đặt không thể truy cập Internet (Service web MyJABLOTRON) tại thời điểm này, Mã kích hoạt có thể được yêu cầu bằng SMS.

Tin nhắn SMS ở định dạng: "**SNLANG\_registration code**" có thể được gửi đến số điện thoại **+420 773 181 815**. Một câu trả lời với mã kích hoạt sẽ được gửi ngay sau đó. Mã kích hoạt có thể chứa từ 8 đến 14 chữ số và các chữ cái phân biệt chữ hoa chữ thường. Mã kích hoạt nhận được phải được nhập vào F-Link trong tab Thiết lập Ban đầu, sử dụng nút Kích hoạt.



Ví dụ về việc gửi yêu cầu bằng SMS



3. Nhận mã kích hoạt từ nhà phân phối của bạn. Khi yêu cầu Mã kích hoạt, bạn sẽ cần cung cấp mã đăng ký của Bộ trung tâm. Tùy thuộc vào quốc gia, mã kích hoạt cũng có thể được tìm thấy trên hộp gói của Bộ trung tâm.

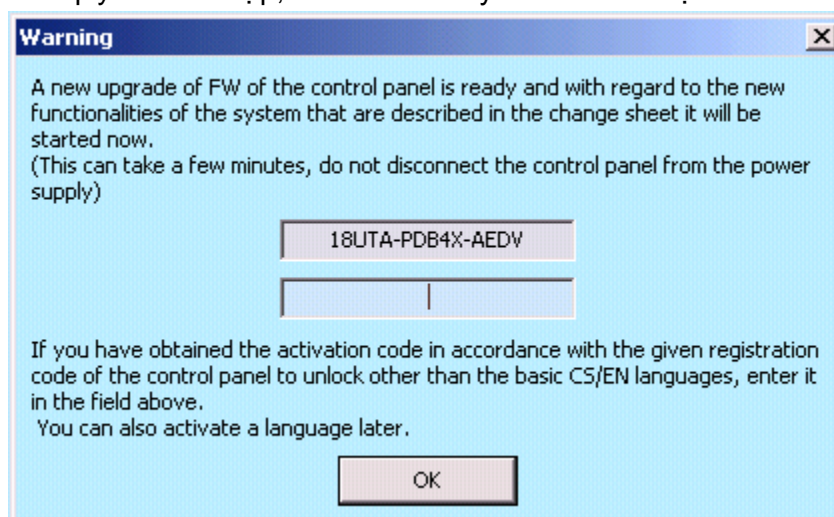
### 10.1 Khởi động phần mềm F-Link và thiết lập kích thước hệ thống

1. Kết nối máy tính với Bộ trung tâm bằng cáp USB - máy tính sẽ khởi tạo thiết bị USB mới (có thể mất nhiều thời gian hơn nếu Bộ trung tâm được kết nối lần đầu tiên).

2. Sau khi kết nối, máy tính của bạn sẽ hiển thị hai ổ đĩa mới tìm thấy: FLEXI\_CFG và FLEXI\_LOG. Nếu được hiển thị, bạn có thể đóng cửa sổ.

3. Khởi động phần mềm F-Link. Nếu Bộ trung tâm có cài đặt mặc định, tab **Thiết lập Ban đầu** sẽ mở và hệ thống sẽ tự động vào Chế độ Service. Nếu Bộ trung tâm đã được cấu hình trước đó (mã Service của nó đã được thay đổi), phần mềm sẽ yêu cầu nhập mã - nó nên được nhập vào định dạng **cccc** (cài đặt mặc định của mã Service là 1010). Nếu tiền tố được bật (trong tab Thiết lập ban đầu trong F-Link) thì đó là 0 \*cccc (0 \*1010). Bạn có thể sử dụng tùy chọn **Remember** để tạo phần mềm để lưu mã cho đến khi đóng khu vực dữ liệu. Sử dụng tùy chọn **Mã Hiển thị** để kiểm tra mã đã nhập ví dụ: nếu bạn sử dụng bàn phím chữ số nơi có thể mắc lỗi. Lưu ý: Sau khi thiết lập kết nối bằng cáp USB, khả năng lập trình thay đổi cài đặt từ bàn phím LCD sẽ bị vô hiệu hóa (menu mục Cài đặt sẽ bị vô hiệu hóa). Sau khi ngắt kết nối cáp, mục sẽ xuất hiện trở lại trong menu trong vài giây.

4. Sau khi phân quyền thích hợp, cửa sổ sau đây có thể xuất hiện:



Trong trường hợp như vậy, chúng tôi khuyên bạn nên thực hiện cập nhật. Sau khi xác nhận khóa, gói firmware mới sẽ được tải xuống, có thể mất vài phút. Sau khi hoàn tất bản cập nhật, trang đầu tiên của Hướng dẫn (tab thiết lập ban đầu) sẽ được hiển thị.

### 10.2 Cài đặt Hướng dẫn (Wizard)

1. Trong mỗi tab được cung cấp đặt tham số cần thiết và nhấp vào nút "Tiếp theo". Nếu bạn bỏ qua một thiết lập do nhầm lẫn, bạn có thể quay lại tab đã được đặt trước đó trong Hướng dẫn.

2. Sau khi đặt tab cuối cùng nhấn "Lưu" và đóng Hướng dẫn bằng nút "Thoát".

3. Sau khi thoát khỏi bạn sẽ được hỏi liệu bạn có muốn khởi động Hướng dẫn Cài đặt khi khởi động phần mềm F-Link lần sau hay không.

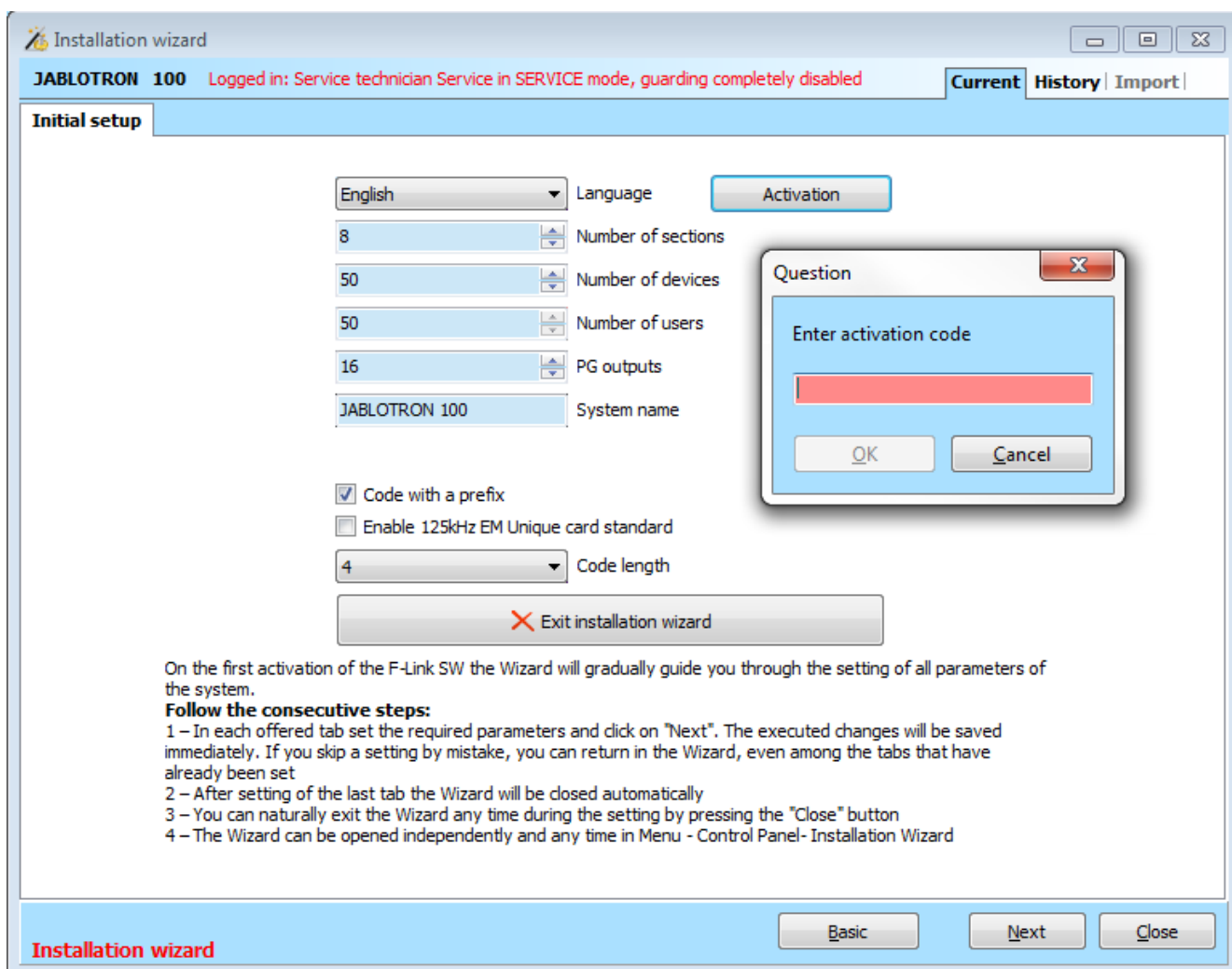
4. Bạn có thể thoát khỏi Hướng dẫn bất cứ lúc nào trong quá trình cài đặt bằng cách nhấn nút "Thoát".

5. Bạn có thể khởi động Hướng dẫn một cách độc lập và bất cứ lúc nào trong menu Bộ trung tâm / Hướng dẫn Cài đặt.

### 10.3 Tab thiết lập ban đầu

Tab này được sử dụng để đặt kích thước cơ bản của hệ thống. Các giá trị được đặt có thể được thay đổi bất cứ lúc nào. Các giá trị phạm vi ảnh hưởng đến kích thước của khu vực dữ

liệu và do đó thời gian cần thiết để tải và lưu dữ liệu (thường thông qua truy cập từ xa). Để thực hiện thay đổi trong tab này, bạn không cần phải ở Chế độ Service. Trong lần khởi động đầu tiên của phần mềm F-Link, Wizard sẽ dần dần hướng dẫn bạn thông qua việc thiết lập tất cả các tham số của hệ thống.



**Kích hoạt:** bằng cách nhập mã kích hoạt đặc biệt, bạn có thể thêm ngôn ngữ (ngôn ngữ) vào việc lựa chọn ngôn ngữ (đang) được phát ra cho quốc gia mà Bộ trung tâm được thiết kế.

**Ghi chú:**

- Nếu một trong các ngôn ngữ mặc định (EN/CZ) được yêu cầu, hàm Kích hoạt sẽ không được sử dụng.
- Nếu bạn yêu cầu một ngôn ngữ khác, sau khi nhập mã kích hoạt, bạn có thể chọn một trong các ngôn ngữ có sẵn từ menu Ngôn ngữ.
- Bạn cũng sẽ cần nâng cấp firmware của các thành phần khu không dây (đặc biệt là truy cập các module có màn hình để đưa ngôn ngữ được chọn vào chúng).

**Mô tả tab thiết lập ban đầu:**

**Mã có tiền tố** – chức năng này xác định cách nhập tất cả các mã truy cập để phân quyền người dùng. Khi chức năng được bật, hệ thống yêu cầu tiền tố từ 1 đến 3 chữ số (vị trí của mã) được kết thúc bằng một biểu tượng \* trước khi nhập mã truy cập (ví dụ: 12 \* 3456). Nó cho phép người dùng thay đổi mã của riêng họ từ MÀN HÌNH LCD. Tuy nhiên, để có thể điều khiển hệ thống, bạn phải sử dụng mã có số tuần tự của mã (tiền tố). Nếu tham số này bị vô hiệu hóa, chỉ cần nhập mã truy cập 4 chữ số và mã chỉ có thể được thay đổi bởi Quản trị viên hệ thống, người sẽ gán mã và sẽ là người duy nhất được phép thay đổi quyền người dùng (do đó họ sẽ có kiến thức về chúng). Quản trị viên cũng có trách nhiệm tránh trùng lặp mã.

**Lưu ý:** Bất cứ khi nào tham số này bị vô hiệu hóa, nó sẽ xóa không thể đảo ngược tất cả các mã người dùng và thiết lập của Mã Service và Mã Quản trị viên và khôi phục các giá trị mặc định. Phân quyền của người dùng và thẻ / thẻ RFID của người dùng đã có sẵn không thay đổi.

**Bật tiêu chuẩn thẻ EM UNIQUE 125kHz** - nếu bị vô hiệu hóa, thẻ / thẻ RFID nhận dạng (JA-190J, JA-191J, JA-192J, JA-194J) được đề xuất bởi nhà sản xuất chỉ có thể được sử dụng. Nếu được kích hoạt, thẻ của các nhà sản xuất khác làm việc với tần số nêu trên cũng được cho phép.

**Độ dài mã** - để tăng mức độ bảo mật hệ thống báo động trong quá trình phân quyền, có thể đặt trước độ dài mã người dùng bất kể chức năng tiên tố. Có thể có 4, 6 hoặc 8 chữ số mã. Khi độ dài mã được thay đổi thì mã Service và Quản trị viên được đặt thành các giá trị mặc định và mã đặt sẵn trước đó bị xóa.

## 10.4 Tab phân khu

Được sử dụng để cấu hình các tham số của các phân khu được giám sát độc lập (vùng). Để thực hiện thay đổi trong tab này, bạn không cần phải ở Chế độ Service.

\* Các mục được mô tả dưới đây được đánh dấu \* chỉ được hiển thị nếu **dạng xem Thiết lập**

Position	Section name	Common section	Partial setting	Siren ON/OFF	Report unset ...	Limited access time	Section disabled	Status	Note
1	Groud floor	No	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	No		Service mode	
2	First floor	No	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	No		Service mode	
3	Garage	No	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	No		Service mode	
4	Fully set	1, 2, 3	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	No		Service mode	
5	Section 5	No	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	No		Service mode	
6	Section 6	No	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	No		Service mode	
7	Section 7	No	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	No		Service mode	
8	Section 8	No	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	No		Service mode	

**Nâng cao** được bật.

**Tên phân khu** – đặt tên các phân khu được sử dụng để thực hiện báo cáo sự kiện văn bản (SMS), hiển thị trên bàn phím LCD và đọc Bộ nhớ, để nhận dạng tốt hơn khi được báo cáo (ví dụ: Tầng trệt, Cửa hàng, ...).

**phân khu chung** - cho phép bạn chọn rằng một phân khu được tự động đặt nếu tất cả các phân khu, mà nó là một phân khu phổ biến, được thiết lập (phù hợp cho hành lang, cầu thang và các khu vực chung khác). Cảnh báo về việc hạn chế khả năng sử dụng phân khu bàn phím cho phân khu chung: nếu bất kỳ phân khu nào đã được đặt riêng biệt, phân khu phân khu chung **không thể** được sử dụng để bỏ cài đặt các phân khu còn lại. Các phân khu này phải được tách riêng.

**Cài đặt một phân khu\*** - cho phép bạn đặt một phân khu một phân khu nếu ai đó vẫn ở trong nhà (cảm biến có phản ứng được chọn của loại nội bộ sẽ không hoạt động - xem cấu hình hệ thống chương 8). Nếu không kích hoạt thiết lập một phân khu tham số này không thể được sử dụng trong phân khu.



**Báo cáo phân khu chưa cài đặt \*** - nếu một phân khu không được cài đặt và không có cảm biến nào được kích hoạt trong đó trong một khoảng thời gian được xác định trước, báo cáo "Hủy đặt phân khu" sẽ được sử dụng. Khoảng thời gian được đặt trong tab Tham số / Báo cáo phân khu chưa cài đặt sau (1 – 48 giờ).

**Cài đặt tự động** – máy chủ nó cho cài đặt tự động của một phân khu, nơi " Hủy đặt phân khu" được báo cáo. Trong tab Tham số, bạn có thể đặt khoảng thời gian trong vài phút sau đó phân khu sẽ được đặt tự động. Khoảng thời gian bắt đầu tại thời điểm " Hủy đặt phân khu" được báo cáo. Hàm này là một bổ sung của chức năng "Báo cáo hủy đặt phân khu" và chỉ có thể được sử dụng nếu chức năng "Báo cáo hủy đặt phân khu" được bật.

**Thời gian truy cập hạn chế \*** – cho phép bạn thiết lập lịch trình hàng tuần cho phép không kích hoạt một phân khu cho người dùng được chọn. Xem thêm chi tiết chương 0

Thời gian hạn chế quyền truy cập cho người dùng.

**Trạng thái** – cho biết trạng thái hiện tại của một phân khu (Hủy đặt, Cài đặt, Exit Delay, Entrance Delay, Partially Cài đặt, Alarm, Alarm Memory, Disabled, Service mode). Bằng cách nhấn nút, hệ thống có thể được điều khiển theo phân quyền được đưa ra bởi đăng nhập của bạn (nó thay đổi trạng thái phân khu - đặt / hủy đặt).

**ưu ý** – nó cho phép bạn mô tả chi tiết của một phân khu để định hướng dễ dàng hơn trong quá trình kiểm tra hàng năm, v.v.

## 10.5 Tab Thiết bị

Nó được sử dụng để đăng ký một thiết bị đã cài đặt trong hệ thống và để thiết lập các thông số của nó. Tab sẽ hiển thị nhiều vị trí như bạn đã chọn trong tab Thiết lập Ban đầu. Bộ trung tâm được tự động đăng ký vào Vị trí 0 trong phân khu 1 và không thể xóa hoặc xóa. Để thực hiện thay đổi trong tab này, bạn phải ở Chế độ Service.

Name	Type	Section	Reaction	Internal	PG activation	Intern...	Supervision	Alarm...	Disable	Status
0 Control panel	JA-101K	1: Groud floor				Enter				OK
1 Radio module	JA-110R	1: Groud floor				Enter	<input checked="" type="checkbox"/>			OK
2 LCD keypad	JA-114E	1: Groud floor				Enter	<input checked="" type="checkbox"/>			OK
3 Main door	JA-110M	1: Groud floor	Delayed zone A alarm	<input type="checkbox"/>	No	Enter	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>		ACT
4 Kitchen window	JA-110M	1: Groud floor	Instant zone alarm	<input type="checkbox"/>	No	Enter	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>		OK
5 Garage door	JA-111M	3: Garage	Delayed zone C alarm	<input type="checkbox"/>	No	Enter	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>		ACT
6 Hall	JA-110P	1: Groud floor	Next delay zone alarm	<input checked="" type="checkbox"/>	2: Light hall	Enter	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>		OK
7 Garage PIR	JA-120PW	3: Garage	Delayed zone C alarm	<input type="checkbox"/>	3: Light garage	Enter	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>		OK
8 Indoor siren	JA-110A	1: Groud floor	Siren mute			Enter	<input checked="" type="checkbox"/>			OK
(*) 9 Balcony door	JA-150M	2: First floor	Instant always	<input type="checkbox"/>	No		<input checked="" type="checkbox"/>			ACT
(*) 10 Balcony window	JA-150M	2: First floor	Instant always	<input type="checkbox"/>	No		<input checked="" type="checkbox"/>			OK
(*) 11 Living room	JA-151P	2: First floor	Instant zone alarm	<input checked="" type="checkbox"/>	No	Enter	<input checked="" type="checkbox"/>			ACT
12 Interface	JA-121T	1: Groud floor				Enter	<input type="checkbox"/>			OK
(*) 13 Remote control	JA-182J	4: Fully set	Set		No	Enter	<input type="checkbox"/>			
14 Device 14	Enroll	1: Groud floor	-	<input type="checkbox"/>	No		<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>		
15 Device 15	Enroll	1: Groud floor	-	<input type="checkbox"/>	No		<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>		
16 Device 16	Enroll	1: Groud floor	-	<input type="checkbox"/>	No		<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>		
17 Device 17	Enroll	1: Groud floor	-	<input type="checkbox"/>	No		<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>		

\* Các mục được mô tả dưới đây được đánh dấu \* chỉ được hiển thị nếu **dạng xem Thiết lập Nâng cao** được bật.

**Tên** - nó được sử dụng trong các báo cáo văn bản của các sự kiện và trong Bộ nhớ đọc (ví dụ cửa chính).

**Loại** – hiển thị loại thiết bị được gán. Một vị trí trống cho phép bạn đăng ký một thiết bị mới.

**Thiết bị đăng ký**, xem chương 8.4.1 Thiết bị kết nối và xóa.

**Phân khu** – xác định phân khu giám sát nào thiết bị sẽ báo cáo sự kiện (báo động, tamper, lỗi ...).

**Lưu ý:** Chia một tòa nhà thành các phân khu - xem tab chương 10.4 phân khu.

**Phản ứng** – Xác định phản ứng nào sẽ được phát ra bằng cách kích hoạt thiết bị cụ thể. Nếu một thiết bị không có bất kỳ input báo động nào (ví dụ: một module truy cập BUS), nó không thể được chỉ định một phản ứng. Hoàn chỉnh danh sách phản ứng cho thiết bị được hiển thị nếu Cài đặt Nâng cao được bật. Bạn sẽ tìm thấy một mô tả về tất cả các phản ứng trong chương 8.4.2 Danh sách của Áp dụng Phản ứng.

**Internal** – tham số này chỉ có sẵn cho cảm biến xâm nhập. Tín hiệu từ các thiết bị có chỉ báo này không được đánh giá là tín hiệu báo động nếu một phân khu được đặt một phân khu. Thiết lập một phân khu của một phân khu – xem tab chương 10.4 phân khu. Nếu cài đặt một phân khu không được bật cho một phân khu, cài đặt của tham số này không áp dụng được.

**Kích hoạt PG** – kích hoạt thiết bị có thể kích hoạt PG output có thể lập trình với các phản ứng được xác định của chúng. Tùy chọn này được liên kết với mục PG Outputs / Activation / bởi một thiết bị.

**Thiết lập nội bộ** – truy cập vào cài đặt các thông số nội bộ của chu vi được kết nối với BUS hoặc tính năng giao tiếp không dây hai chiều. Các thiết bị riêng lẻ có các thông số nội bộ khác nhau (một số không có). Các cài đặt nội bộ của bàn phím được mô tả trong cấu hình Bàn phím chương 10.5.1. Cài đặt của các thiết bị khác được mô tả trong hướng dẫn sử dụng của chúng.

**Giám sát** – cho phép bạn vô hiệu hóa việc kiểm tra giao tiếp thường xuyên với các thiết bị không dây (nó không thể bị vô hiệu hóa đối với các yếu tố BUS). Theo mặc định, cài đặt của các thiết bị không dây (ngoại trừ điều khiển từ xa và nút Panic) luôn được bật.

**Vô hiệu hóa** – có thể được thực hiện ở 2 cấp độ được phân quyền của bạn:

1. **Chặn input** (chấm vàng), phục vụ cho việc chặn dài hạn input của cảm biến (BLK). Hệ thống bỏ qua bất kỳ kích hoạt thiết bị nào = báo động không được kích hoạt và PG không được kiểm soát nhưng báo động tamper và lỗi được đăng ký như bình thường.

2. **Vô hiệu hóa thiết bị** (chấm đỏ), phục vụ cho thiết bị bị vô hiệu hóa hoàn toàn (Vô hiệu hóa). Hệ thống bỏ qua tất cả các chức năng thiết bị được kết nối = không báo động, tamper, kích hoạt PG, Lỗi, báo cáo...).

Bạn không thể vô hiệu hóa Bộ trung tâm hoặc thiết bị có phản ứng được đặt thành Khẩn cấp.

**Trạng thái** – cho biết trạng thái hiện tại của thiết bị. OK = mọi thứ đều ổn, TMP = tamper, ACT = input báo động được kích hoạt, BLK = bị chặn, Disabled = vô hiệu hóa, ERR = lỗi, ?? = không liên lạc với thiết bị, Nguồn cung cấp = lỗi cung cấp, Pin = xả hoặc ngắt kết nối pin trong Bộ trung tâm, Sạc = sạc pin dự phòng trong thiết bị hoặc Bộ trung tâm, BOOT = nâng cấp thiết bị đang diễn ra hoặc nâng cấp lỗi (nâng cấp lặp lại), INIT = đọc cấu hình thiết bị, Disabled = thiết bị bị vô hiệu hóa. Bằng cách di chuyển con trỏ chuột trên TRẠNG THÁI THIẾT BỊ, bạn sẽ hiển thị dữ liệu chi tiết.

**Lưu ý** – nó cho phép bạn mô tả chi tiết của thiết bị, ví dụ: vị trí, ngày thay pin cuối cùng, cường độ tín hiệu RF có nghĩa là trong lần thử nghiệm cuối cùng, v.v.

### 10.5.1 Cấu hình bàn phím

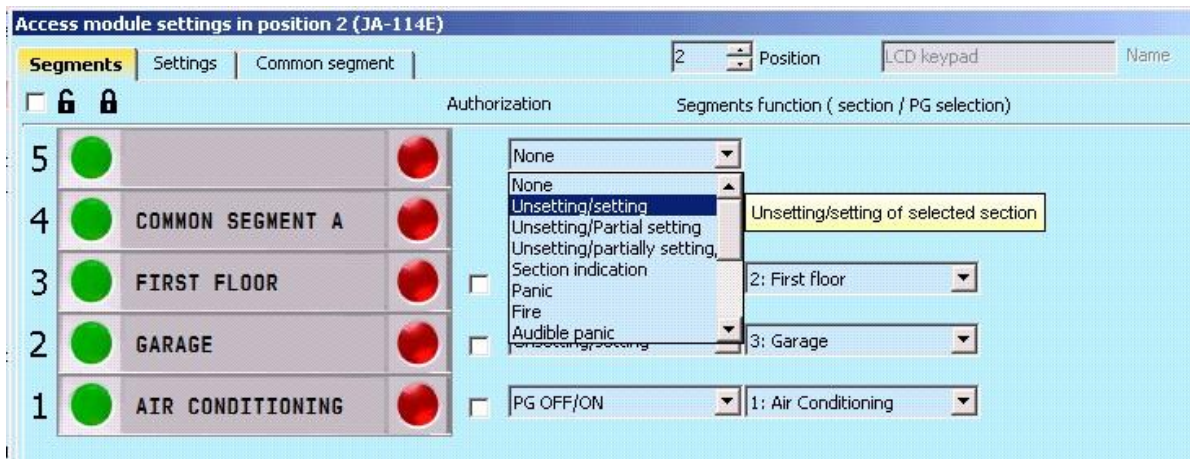
– Đầu tiên, lắp ráp bàn phím điều khiển một cách cơ học. Đính kèm số lượng phân khu điều khiển cần thiết (tối đa 20) vào module truy cập đã chọn; cáp trong nhà của chúng phải được kết nối với nhau.

– Kết nối bàn phím vào vị trí đã chọn trong hệ thống (xem chương 5 Cài đặt thiết bị BUS).

– Khi nhập vào cài đặt trong nhà của bàn phím (tab Thiết bị), cửa sổ sau sẽ mở (ví dụ đề cập đến bàn phím JA-114E), đối với các bàn phím khác, phạm vi cài đặt có thể nhỏ hơn).

**Ví dụ về cài đặt trong nhà bàn phím:**

### 10.5.1.1 Tab phân khu



**Khóa bị khóa / mở khóa** - kích hoạt màn hình của các biểu tượng khóa cho các nút điều khiển phân khu thiết lập các phân khu và biểu tượng dấu chấm (trống / đầy) để kiểm soát PG output. Các biểu tượng được xem xét khi in nhãn.

**Văn bản của nhãn phân khu điều khiển** – Tên phân khu (từ tab phân khu) hoặc Tên PG output (từ tab PG output) được hiển thị. Bạn cũng có thể chỉnh sửa toàn bộ văn bản cần in ngay tại đây bằng cách nhấp vào văn bản tương ứng. Những thay đổi này không được lưu trong hệ thống và chỉ phục vụ nhu cầu in nhãn. Nút **Nhãn In** (ở thanh dưới cùng của thẻ) được sử dụng để in nhãn phân khu.

**Nhãn in** – cho phép in trực tiếp các văn bản nhãn được đặt sẵn bằng máy in đã cài đặt. Bạn có thể chỉnh sửa văn bản bằng cách nhấp vào phân khu, điều này chỉ báo đến thay đổi cho bản in và các văn bản đã thay đổi sẽ không được lưu trong khu vực dữ liệu. Bạn có thể thuận tiện sử dụng máy in nhãn PT-P700 từ JABLOTRON, cho phép cắt tự động theo kích thước nhãn yêu cầu.

**Nhập** – cho phép sao chép các cài đặt bàn phím hiện tại vào các bàn phím khác, ví dụ như trong trường hợp tòa nhà được bảo vệ có thêm một vài chòi vào và mọi chòi vào đều yêu cầu phải có bàn phím với các chức năng tương tự. Làm một bản sao là có thể cho cùng một loại bàn phím. Hoặc nó có thể được sử dụng khi một bàn phím được thay thế bằng một bàn phím mới. Nút Nhập cung cấp cho bạn lịch sử của các cài đặt cuối cùng được biết đến của bàn phím ở vị trí nhất định đó.

**Phân quyền** – phân quyền của người dùng là bắt buộc để thiết lập và hủy thiết lập. Khi tham số này bị vô hiệu hóa, tất cả các phân khu có thể được kiểm soát mà không cần sự cho phép ngoại trừ chức năng Hủy đặt phân khu mà luôn được yêu cầu phân quyền. Liên quan đến việc cho phép và vô hiệu hóa PG output, cài đặt chức năng Phân quyền / không có Phân quyền có giá trị cho cả hai điều khiển.

**Hàm phân khu** – ở bên trái chức năng của phân khu được chọn, bên phải phân khu hoặc PG output mà hàm đã chọn được gán cho. Các hàm sau đây có thể được gán cho một phân khu:

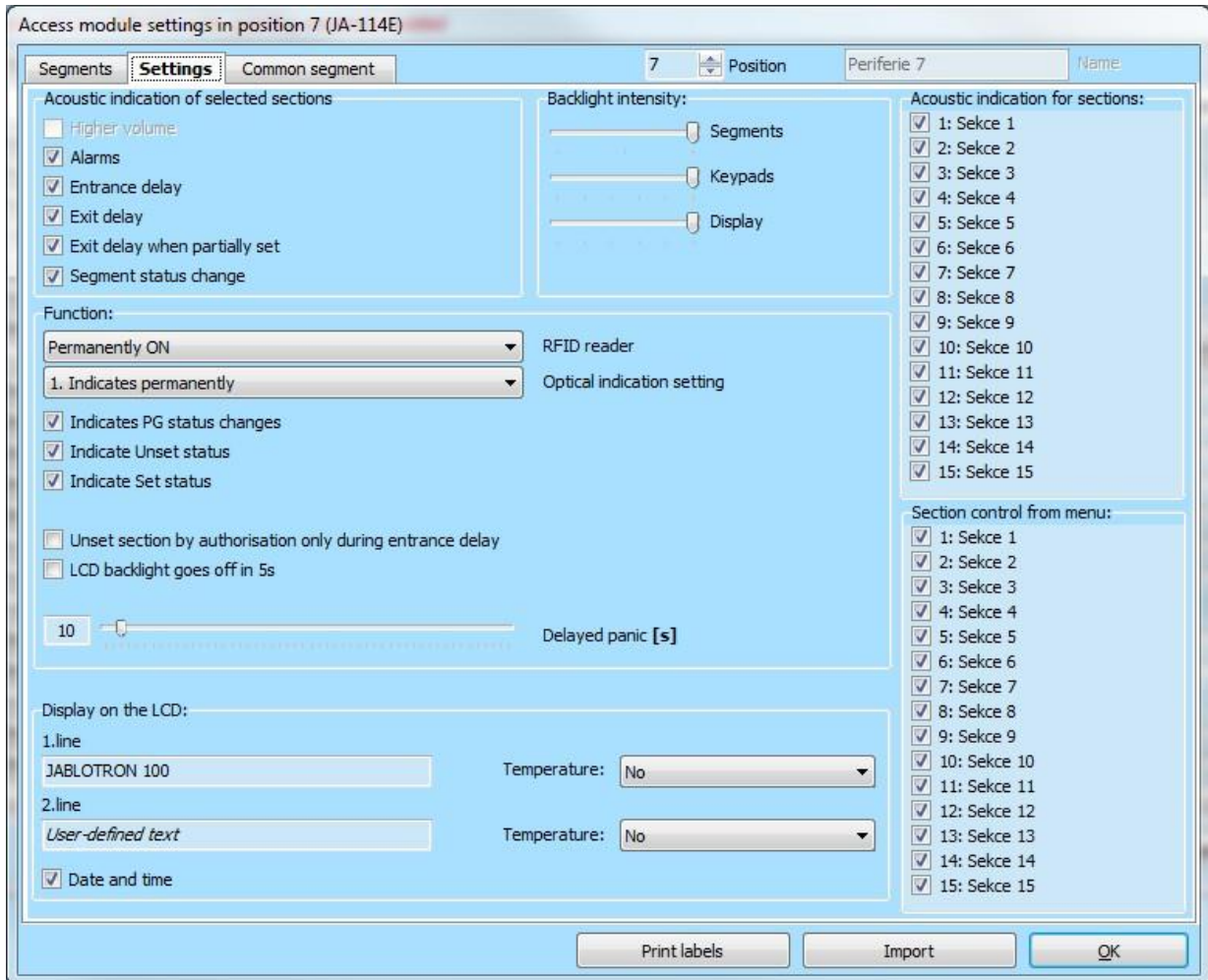
None	Phân khu tắt, được sử dụng cho các phân khu được chuẩn bị như một khoản dự trữ để sử dụng trong tương lai.
Hủy đặt / Cài đặt	Điều khiển phân khu. Chỉ báo phân khu: phân khu hủy đặt = màu xanh lá cây, đặt = màu đỏ.
Hủy đặt / Partially cài đặt	Cho phép kích hoạt chế độ cài đặt một phân khu của phân khu (nếu được bật trong tab phân khu). Chỉ báo phân khu: phân khu hủy đặt = màu xanh lá cây, một phân khu đặt = màu vàng.
Hủy đặt / Partially cài đặt / Cài đặt	Cho phép bạn chọn mức cài đặt. Sau khi nhấn cài đặt một phân khu nút bên phải (Cài đặt) được cung cấp, sau khi thiết lập nhấn hoàn chỉnh lập đi lập lại được cung cấp. Đối với thiết lập một phân khu lựa chọn này phải được bật cho phân khu trong tab phân khu. Chỉ báo phân khu: phân khu hủy đặt = màu xanh lá cây, một phân khu đặt = màu vàng, cài đặt đầy đủ = màu đỏ.

<b>Indicates section</b>	phân khu chỉ hiển thị trạng thái của phân khu, nhưng không cho phép điều khiển (phù hợp để biết tình trạng của các phân khu chung, cầu thang, v.v.) Nếu một báo động được phát ra, nó cho phép bạn hủy bỏ nó bằng cách nhấn nút màu xanh lá cây của phân khu với sự cho phép hợp lệ tiếp theo của người dùng.
<b>Panic (silent)</b>	phân khu này cho phép phát ra báo động Panic im lặng. Sau khi nhấn nút bên phải, báo cáo Khẩn cấp được gửi từ phân khu chức năng được chỉ định, không có chỉ báo âm thanh. Báo động Khẩn cấp cũng có thể bị trì hoãn với thời gian điều chỉnh và khả năng hủy bỏ trước khi hết thời gian thiết lập (xem Khẩn cấp bị trì hoãn). Nếu phân khu được thiết lập, nó sẽ không bị cài đặt.
<b>Fire</b>	phân khu này kích hoạt báo cháy. Sau khi nhấn nút phân khu bên phải nếu nhấp nháy màu đỏ trong 3 s (trong thời gian này có thể hủy báo cháy bằng cách nhấn nút phân khu bên trái). Sau đó, báo cháy được phát ra từ phân khu phân khu được chỉ định.
<b>Audible Panic</b>	phân khu này làm cho nó có thể phát ra một báo động lớn. Sau khi nhấn, báo động Khẩn cấp lớn được giải phóng từ phân khu phân khu được chỉ định. Báo động Khẩn cấp lớn cũng có thể bị trì hoãn với thời gian có thể điều chỉnh và khả năng hủy bỏ trước khi hết thời gian thiết lập (xem Khẩn cấp bị trì hoãn). Nếu phân khu được thiết lập, nó sẽ không bị cài đặt.
<b>Medical troubles</b>	phân khu này cho phép bạn gửi báo cáo rắc rối sức khỏe (mà không cần kích hoạt chuông báo động). Sau khi nhấn nút phân khu bên phải nếu nhấp nháy màu đỏ trong 3 s (trong thời gian này có thể hủy báo cáo sự cố y tế bằng cách nhấn nút phân khu bên trái). Sau đó, phân khu trở lại chế độ chờ và hệ thống gửi báo cáo sự cố y tế từ phân khu phân khu được chỉ định.
<b>Disable PG / Enable PG</b>	phân khu này cho phép bạn kiểm soát PG output. Chỉ dẫn: PG không hoạt động = màu xanh lá cây, PG hoạt động / bật = màu đỏ.
<b>Enable PG</b>	phân khu này chỉ có thể được sử dụng để cho phép PG output (ví dụ: bật đèn trong thời gian đặt sẵn).
<b>Disable PG</b>	phân khu này chỉ có thể được sử dụng để vô hiệu hóa PG output (ví dụ: chức năng của nút STOP khẩn cấp).
<b>Indicates PG</b>	phân khu chỉ cho biết trạng thái của PG output mà không có khả năng kiểm soát nó (màu đỏ cho biết trạng thái hoạt động).
<b>Indicates PG inversely</b>	phân khu chỉ cho biết trạng thái của PG output với logic nghịch đảo (màu xanh lá cây chỉ ra trạng thái hoạt động) mà không có khả năng kiểm soát nó.
<b>Common segment A / B</b>	<p>Cho phép kiểm soát đồng thời nhiều phân khu có các phân khu riêng lẻ của chúng trên bàn phím với một phân khu. Sau khi nhấn nút trên cùng một phân khu, lệnh Hủy đặt/Cài đặt được thực hiện chung cho các phân khu được chọn. Nếu một số phân khu được điều khiển từ phân khu Chung được đặt và các phân khu khác được cài đặt, sau khi sử dụng phân khu Chung, các phân khu còn lại sẽ là Hủy đặt /Cài đặt. Nếu Cài đặt một phân khu được bật cho một trong các phân khu đã chọn (chi tiết xem tùy chọn điều khiển hệ thống chương 9), phân khu Chung sẽ hoạt động như sau: Nhấn lần 1 của Cài đặt = cài đặt một phân khu, nhấn thứ 2 của Cài đặt = cài đặt đầy đủ. Không phù hợp để kết hợp hàm Common Segment với các hàm Section/Common cho phân khu.</p> <p>Chỉ báo phân khu chung: tất cả các phân khu hủy đặt = màu xanh lá cây, tất cả các phân khu được đặt đầy đủ = màu đỏ, bất kỳ Cài đặt phân khu nào (một phân khu đặt) = màu vàng.</p> <p>Có thể có tối đa 2 phân khu phổ biến trên một bàn phím nhiều nhất.</p> <p>Các phân khu được gán cho phân khu Chung trong tab phân khu Chung hàng đầu.</p> <p>Lưu ý: Mục "phân khu chung x" chỉ được cung cấp nếu có nhiều hơn hai phân khu để điều khiển phân khu được kết nối với module.</p>
<b>PG indicates / controls</b>	phân khu này có thể kiểm soát một PG output khác với đầu ra mà nó chỉ ra bằng quang học. Trong menu này, tham số đầu tiên được sử dụng để chọn PG output để chỉ định và tham số còn lại (bổ sung) PG output để kiểm soát. Chức năng này ví dụ như được sử dụng để điều khiển công nhà để xe với xung PG output trong khi phân



khu điều khiển hiển thị trạng thái thực tế của cổng thu được từ cảm biến cổng.

### 10.5.1.2 Tab Thiết lập



Chỉ báo âm thanh của các phân khu được chọn:

<b>Âm lượng cao hơn</b>	Thiết lập âm lượng chỉ báo ngoại trừ báo động
<b>Cảnh báo</b>	Đầu ra âm thanh trong trường hợp báo động (âm thanh chuông báo động)
<b>Hoãn chờ vào</b>	Giọng huýt sáo liên tục trong một sự hoãn chờ vào
<b>Hoãn chờ ra</b>	Tiếng bíp không liên tục chậm (1 mỗi s)
<b>Thoát khỏi độ trễ khi đặt một phân khu</b>	Tiếng bíp không liên tục chậm (tắt theo mặc định)
<b>Thay đổi trạng thái phân khu</b>	Chỉ báo âm thanh với một tiếng bíp khi thay đổi

Chức năng:

	Để tiết kiệm năng lượng, hoạt động của người đọc chỉ có thể được giới hạn ở mức 3 giây từ việc nhấn vỏ bọc của nó. Đầu đọc RFID cũng có thể bị vô hiệu hóa hoàn toàn. Cài đặt này áp dụng cho bàn phím không dây và các module truy cập nếu chúng được cung cấp dài hạn năng lượng từ nguồn bên ngoài, nếu không đầu đọc RFID của chúng luôn tự động tắt.
--	---



<b>Đầu đọc RFID</b>	Bật dài hạn	Đầu đọc RFID được kích hoạt dài hạn. Trong trường hợp bàn phím BUS, nó không tôn trọng cài đặt đánh thức.
	Kích hoạt bằng cách nhấn	Đánh thức đầu đọc RFID trong 3 s sau khi kích hoạt trên bàn phím.
	Tắt	Đầu đọc RFID bị vô hiệu hóa dài hạn.
	Được kích hoạt bằng yêu cầu nhấn hoặc phân quyền	Đầu đọc RFID thức dậy sau khi kích hoạt trên bàn phím hoặc theo yêu cầu phân quyền.
<b>Thiết lập chỉ báo quang học</b>	1. Chỉ định dài hạn	Bàn phím BUS chỉ ra dài hạn. Một bàn phím không dây sẽ chỉ ra dài hạn với nguồn điện bên ngoài. Nếu không có nguồn cung cấp điện bên ngoài, nó hoạt động như trong tùy chọn 2.
	2. Sau khi thay đổi trạng thái phân khu – bàn phím	Bàn phím cho biết <b>sự thay đổi trạng thái của một phân khu / PG</b> . Thay đổi trạng thái chỉ được chỉ định trên phân khu liên quan. Một <b>độ trễ và báo động vào cửa</b> được chỉ định bởi toàn bộ bàn phím.
	3. Sau khi thay đổi trạng thái phân khu – phân khu	Bàn phím cho biết sự thay đổi trạng thái của một phân khu / PG. Thay đổi trạng thái của một phân khu, hoãn chờ vào và báo động chỉ được chỉ định trên phân khu liên quan.
	4. Sau khi thay đổi trạng thái phân khu	<b>Độ trễ và báo động vào cửa</b> chỉ được chỉ ra bằng âm thanh. <b>Sự thay đổi trạng thái của một phân khu / PG</b> chỉ được chỉ định trên phân khu liên quan. Tùy chọn này là cài đặt mặc định.
	5. Sau khi vào và báo động	Bàn phím cho biết <b>sự hoãn chờ vào và báo động</b> trên phân khu liên quan. <b>Sự thay đổi trạng thái của một phân khu / PG</b> hoàn toàn không được chỉ định.
	6. Đánh thức bằng cách nhấn	Bàn phím chỉ cung cấp các chỉ báo quang học và âm thanh sau khi mở nắp trước; nhấn phím, phân khu hoặc nắp trước.
<b>Chỉ ra thay đổi trạng thái PG</b>	Chỉ báo quang học về trạng thái đầu ra của PG thay đổi trên một phân khu. Nó liên quan đến các thiết lập chỉ báo – tùy chọn 2 – 4. Nếu bị vô hiệu hóa, các thay đổi trạng thái PG output không được chỉ định quang học.	
<b>Chỉ ra trạng thái Bỏ cài đặt</b>	phân khu bàn phím cho biết trạng thái chưa cài đặt mà không có sự cho phép hợp lệ. Khi bị vô hiệu hóa, họ chỉ cho biết trạng thái này trong thời gian phân quyền hợp lệ.	
<b>Chỉ ra trạng thái Đặt</b>	phân khu bàn phím cho biết trạng thái đặt mà không có sự cho phép hợp lệ. Khi bị vô hiệu hóa, họ chỉ cho biết trạng thái này trong thời gian phân quyền hợp lệ.	
<b>Hủy đặt phân khu theo phân quyền chỉ trong thời gian trì hoãn chờ vào</b>	Nếu được kích hoạt, thì một phân khu mà sự hoãn chờ vào đã bắt đầu không được đặt bởi thẻ / thẻ RFID hợp lệ hoặc phân quyền mã của người dùng. Với phân quyền bàn phím không dây có thể được thực hiện sau khi sự hoãn chờ vào được kích hoạt. <b>Lưu ý:</b> Chúng tôi khuyên bạn nên vô hiệu hóa chức năng này khi hoãn chờ vào thường chạy cho một phân khu chung, nếu không tắt cả các phân khu được gán cho phân khu chung sẽ không được đặt cho một phân quyền nhất định.	
<b>Đèn nền LCD tắt trong 5 s</b>	Nếu được kích hoạt, đèn nền LCD sẽ tắt 5 s sau lần hoạt động cuối cùng với một đơn vị (nhấn phím, phân khu hoặc nắp trước). Nếu bị vô hiệu hóa đèn nền sẽ tắt cùng lúc với toàn bộ bàn phím. Nếu được kích hoạt thì tuổi thọ pin sẽ được tăng lên.	

<b>Trì hoãn khẩn cấp</b>	Chức năng này phục vụ để trì hoãn kích hoạt một sự Báo động khẩn cấp im lặng hoặc âm thanh bởi một thời gian thiết lập trước. Có thể xác định khoảng thời gian khi bạn có thể hủy kích hoạt bằng cách nhấn lặp đi lặp lại cùng một nút phân khu với một cài đặt sẵn để im lặng hoặc khẩn cấp âm thanh. Bằng cách nhấn nút bên phải (màu đỏ), Cài đặt hẹn giờ được kích hoạt và bằng cách nhấn nút bên trái (màu xanh lá cây), nó bị hủy bỏ. Khi phân quyền được kích hoạt thì cũng cần thiết để kích hoạt và hủy kích hoạt. Độ trễ có thể điều chỉnh từ 1 s đến 255 s.
--------------------------	--

#### Hiển thị trên màn hình LCD:

<b>Dòng 1</b>	Cho phép bạn nhập một văn bản sẽ được hiển thị trên dòng đầu tiên của màn hình LCD của bàn phím nếu không có thông tin quan trọng nào khác được hiển thị, ví dụ: tên công ty, tên tòa nhà, mô tả cho nhiệt độ hiển thị, v.v.
<b>Dòng 2</b>	Cho phép bạn nhập một văn bản sẽ được hiển thị trên dòng thứ 2 của màn hình LCD của bàn phím nếu không có thông tin quan trọng nào khác được hiển thị, ví dụ: tên công ty, tên tòa nhà, mô tả cho nhiệt độ hiển thị, v.v.
<b>Ngày và giờ</b>	Khả năng hiển thị ngày và giờ của Bộ trung tâm trên màn hình LCD của bàn phím.
<b>Nhiệt độ</b>	Khả năng hiển thị nhiệt độ của nhiệt kế hoặc Cài đặt điều nhiệt đầu tiên trên màn hình.
<b>Nhiệt độ</b>	Khả năng hiển thị nhiệt độ của nhiệt kế thứ 2 hoặc Cài đặt điều nhiệt trên màn hình.

#### Cường độ đèn nền:

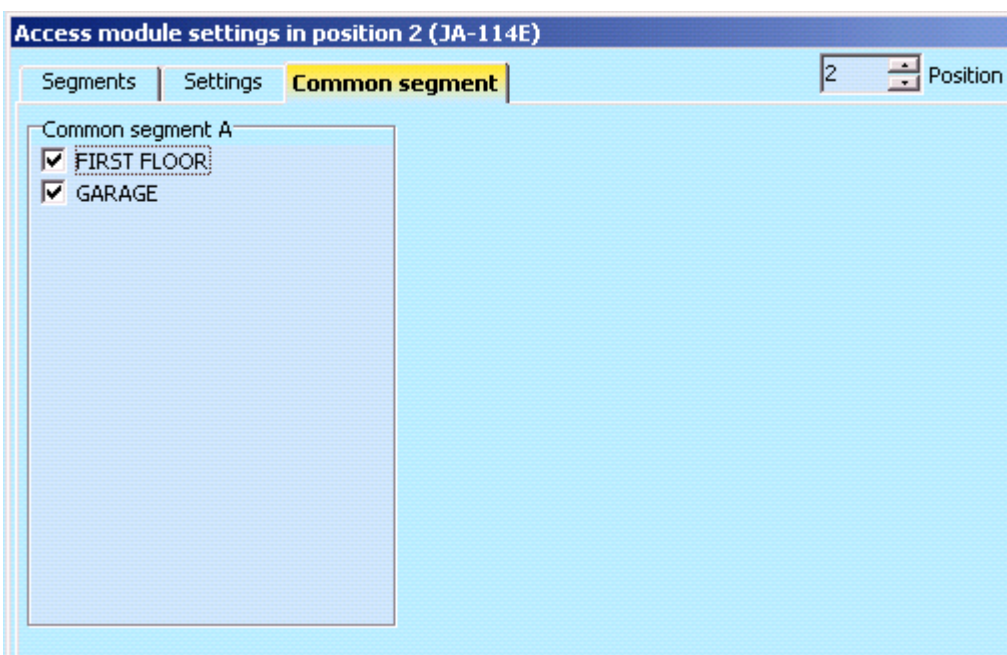
<b>Phân khu</b>	Điều chỉnh đèn LED chiếu sáng trên các phân khu
<b>Bàn phím</b>	Điều chỉnh đèn nền bàn phím
<b>Hiển thị</b>	Thiết lập đèn nền màn hình LCD

**Lưu ý:** Cường độ đèn nền có thể được thiết lập khác nhau cho chế độ ngày và đêm, cũng có thể tắt tiếng chỉ báo âm thanh bàn phím.

**Chỉ báo âm thanh cho các phân khu** - cho phép bạn chọn các phân khu mà chỉ báo âm thanh sẽ hoạt động (báo động, độ trễ ra vào, kiểm soát PG output, v.v.).

**Điều khiển phân khu từ menu** - trong bàn phím có chứa màn hình LCD, bạn có thể xác định phân khu nào có thể được bật và vô hiệu hóa từ menu. Bằng cách này, bạn có thể ví dụ: tạo một bàn phím thường điều khiển 2 phân khu với việc sử dụng các phân khu, nhưng nếu cần thiết, nó có thể sử dụng menu để điều khiển các phân khu khác của ngôi nhà mà nó không có bất kỳ phân khu được cài đặt nào.

### 10.5.1.3 Tab phân khu phổ biến



Cho phép điều khiển đồng thời một số phân khu có các phân khu riêng lẻ của chúng trên bàn phím kết hợp như một phân khu. Sau khi nhấn nút trên cùng một phân khu, lệnh Hủy đặt / Cài đặt được thực hiện chung cho các phân khu được chọn. Nếu một số phân khu được điều khiển từ phân khu Chung được đặt và các phân khu khác được cài đặt, sau khi sử dụng phân khu Chung, các phân khu còn lại sẽ là Hủy đặt /Cài đặt. Nếu Cài đặt một phân khu được bật cho một trong các phân khu đã chọn (chi tiết xem điều khiển hệ thống chương 9.2 bằng bàn phím), phân khu Chung sẽ hoạt động như sau: Nhấn cài đặt lần 1 = cài đặt một phân khu, nhấn thứ 2 của Cài đặt = cài đặt đầy đủ. phân khu chung cho phép bỏ qua một cảm biến hoạt động trong một phân khu nếu chế độ cài đặt của nó là "Đặt với cảnh báo" hoặc "Đặt sau khi xác nhận" mà không ảnh hưởng đến các phân khu khác được đặt thành "Đặt một phân khu với một lần nhấn và hoàn toàn với lần nhấn thứ hai" với lần nhấn thứ hai.

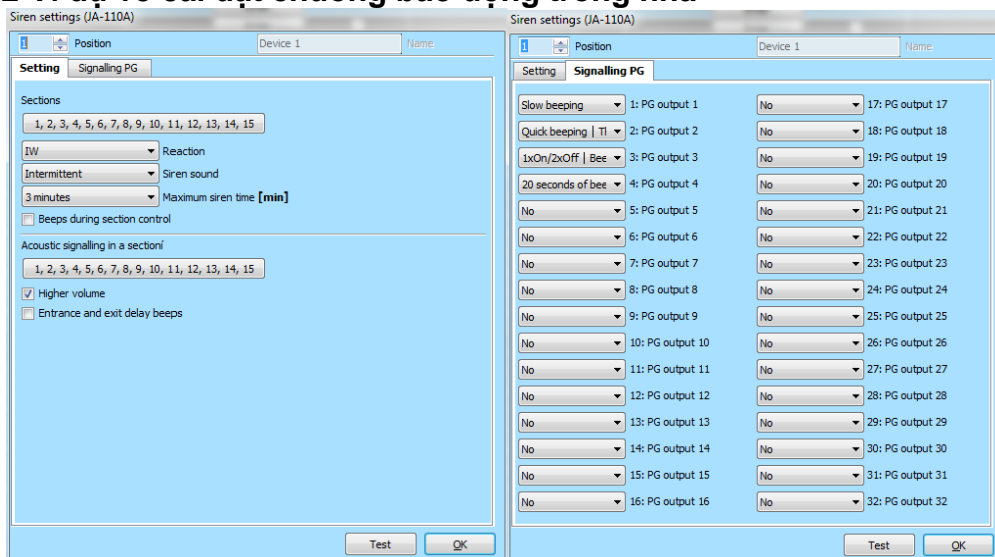
Chỉ báo phân khu chung: Tất cả các phân khu hủy đặt = màu xanh lá cây, tất cả các phân khu được đặt đầy đủ = màu đỏ, bất kỳ Cài đặt phân khu nào (một phân khu đặt) = màu vàng. Các phân khu được gán cho phân khu Chung trong tab phân khu **Chung** hàng đầu.

Có thể có tối đa 2 phân khu phổ biến trên một bàn phím nhiều nhất. phân khu được chọn có thể là lẫn nhau cho cả hai phân khu chung.

#### **Ghi chú:**

- "phân khu chung" chỉ được cung cấp nếu có nhiều hơn hai phân khu để điều khiển phân khu được kết nối với module.
- Không phù hợp để kết hợp hàm Common Segment với hàm Common Section.

## 10.5.2 Ví dụ về cài đặt chuông báo động trong nhà



**Dấu hiệu âm thanh của một báo động xâm nhập từ các phân khu** - được sử dụng để chọn các phân khu mà báo động sẽ được chỉ định bằng âm thanh bởi chuông báo động.

**Phản ứng** – lựa chọn cho các tùy chọn chỉ báo báo động EW (chỉ báo cảnh báo bên ngoài) hoặc IW (chỉ báo cảnh báo nội bộ). Sự khác biệt được mô tả trong bảng trong một chương 8.5 Các loại báo động.

**Tiếng chuông báo động** – lựa chọn cách phát ra tiếng chuông báo động: Intermittent (50/50) / Liên tục.

**Thời gian chuông báo động tối đa** - giới hạn thời gian quay tối đa đến 1 đến 5 phút (giả sử báo động Bộ trung tâm dài hơn; nếu không nó dừng lại cùng với báo động Bộ trung tâm).

**Độ ồn cao hơn** - khả năng đặt âm lượng lớn hơn và thấp hơn của dấu hiệu của độ trễ vào và chỉ báo kiểm soát PG output. Nó không có bất kỳ tác động nào đến việc chụp báo động, luôn được đặt ở mức âm lượng cao nhất.

**Tiếng bíp trong quá trình điều khiển phân khu** - xác nhận âm thanh về thay đổi trạng thái phân khu.

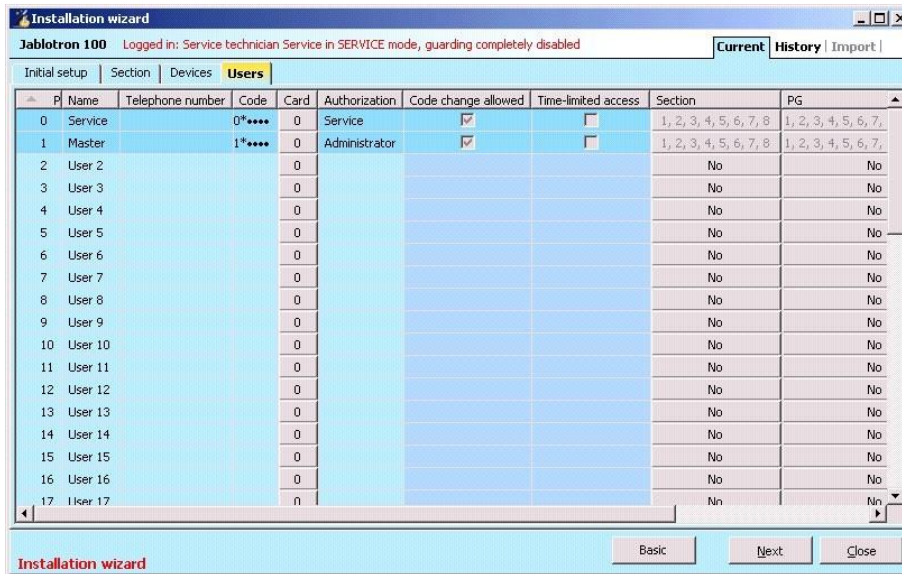
**Chờ vào và tồn tại tiếng bíp độ trễ** - dấu hiệu âm thanh của sự hoãn chờ vào / chờ ra.

**Tín hiệu PG** – xác nhận âm thanh về những thay đổi trong PG output của các phân khu đã sử dụng. Cho phép bạn chọn âm thanh được gán cho một PG output cụ thể để phân biệt chúng bằng âm thanh, ví dụ nhấn nút chuông cửa có âm thanh khác với âm thanh của PG output được kích hoạt bằng cách mở cửa.

**Thử nghiệm** – nút cho một thử nghiệm 3 giây của chỉ báo báo động âm thanh và quang học.

## 10.6 Tab Người dùng

Nó được sử dụng để thiết lập người dùng hệ thống mới và thiết lập quyền của họ. Tab sẽ hiển thị nhiều vị trí như bạn đã chọn trong **Thiết lập ban đầu** Tab. Để thực hiện thay đổi trong tab này, bạn không cần phải ở Chế độ Service.



\* Các mục được đánh dấu theo cách này sẽ được hiển thị nếu Thiết lập Nâng cao đang bật.

**Tên** - tên của người dùng được sử dụng trong báo cáo sự kiện văn bản trong các bản đọc lịch sử sự kiện, trong các tab cho báo cáo, cài đặt phân quyền hoặc cho phép trên bàn phím có màn hình LCD.

**Số điện thoại** - được sử dụng để báo cáo sự kiện và nhận dạng người dùng khi hệ thống được điều khiển bằng điện thoại bằng menu thoại hoặc kích hoạt PG output bằng cách đồ chuông và SMS. Số điện thoại phải luôn được nhập theo định dạng quốc tế (ví dụ: +420777123456).

**Mã** – mã truy cập người dùng được nhập theo định dạng p \*cccc (p = tiền tố (số vị trí), \* = dấu tách, cccc = 4 chữ số mã). Nếu tiền tố bị vô hiệu hóa (trong tab thiết lập ban đầu trong F-Link) thì chỉ cccc. Mã trên vị trí 0 và 1 không thể bị xóa (Service và Quản trị viên chính). Mã có thể là 4, 6 hoặc 8 chữ số.

**Thẻ** – được sử dụng để gắn thẻ truy cập RFID (thẻ). Mỗi người dùng có thể được chỉ định 2 thẻ. Thẻ có thể được gắn:

- bằng cách nhập số sê-ri (nó có thể được đọc bằng đầu đọc mã vạch từ thẻ / thẻ RFID).
- sử dụng đầu đọc JA-190T (được kết nối với cổng USB của máy tính) bằng cách áp dụng thẻ / thẻ RFID.
- sử dụng bất kỳ bàn phím nào và áp dụng thẻ / thẻ RFID.

**Phân quyền** – xác định quyền người dùng. Không thể thay đổi phân quyền ở vị trí 0 và 1. Chi tiết – xem chương 8.3 Ủy quyền cho người dùng.

**Model user** - cho phép sao chép tất cả các cài đặt theo người dùng mô hình. Nhưng thay đổi tiếp theo trong cài đặt của người dùng mô hình sẽ áp dụng cho tất cả người dùng đặt theo người dùng mô hình.

**Thay đổi mã cho phép\*** - cho phép người dùng thay đổi mã của mình (không phải số vị trí). Tùy chọn này chỉ khả dụng khi mã tham số có tiền tố được bật (Quản trị viên, Service và ARC có thể thay đổi mã của chúng bất cứ lúc nào).

**Truy cập giới hạn thời gian\*** – giúp hạn chế quyền truy cập của người dùng theo lịch trình hàng tuần trong phân khu tab / Quyền truy cập giới hạn thời gian xem chương 9.15 Thời gian truy cập hạn chế cho người dùng. Giới hạn truy cập chỉ có thể được áp dụng cho người dùng có mức phân quyền của Người dùng.

**Phân khu** – xác định phân khu nào có thể được xác định bởi người dùng (Quản trị viên). Quản trị viên cũng có thể đặt mã và thẻ của người dùng trong các phân khu được chỉ định. Một phân khu không thể được gán cho người dùng chỉ được phép kiểm soát PG output.

**PG** – xác định PG output nào mà người dùng được phân quyền kiểm soát (nếu cần phân quyền để kiểm soát đầu ra). **Báo cáo điều khiển** – cho phép người dùng cho phép gửi báo cáo SMS về Setting / hủy đặttingkhi được điều khiển cho bàn phím. **Quay số trong kích hoạt**

**PG** – cửa sổ thông tin về điều khiển PG được gán bằng cách quay số vào.

**Vô hiệu hóa** – khả năng chặn người dùng. Người dùng ở vị trí 0 (Kỹ thuật viên) và 1 (quản trị viên trưởng) không thể bị vô hiệu hóa. Vô hiệu hóa người dùng được chỉ định bằng dấu chấm đỏ. Quản trị viên (sử dụng bàn phím LCD hoặc J-Link) và Kỹ thuật viên (thông qua F-Link) được phép vô hiệu hóa người dùng.

**Lưu ý** – giúp mô tả chi tiết của người dùng, ví dụ: phân quyền truy cập ngoài giờ làm việc, v.v.

**Truy cập giới hạn thời gian** - nút phục vụ cho việc thiết lập thời gian - truy cập hạn chế, xem chương 9.15 Thời gian truy cập hạn chế cho người dùng.

## 10.7 Tab PG output

Nó được sử dụng để thiết lập các chức năng của các đầu ra có thể lập trình. Tab sẽ hiển thị nhiều vị trí như bạn đã chọn trong tab **Thiết lập Ban đầu**. Để thực hiện thay đổi trong tab này, bạn không cần phải ở Chế độ Service.

Posi...	Name	Logic	Function	Time	Activation	Blocking of P...	Reports	Record PG...	PG disabled	Current status	Test PG output
1	Air Conditioning	NO	Impulse	01:00:00	Activation	Sections	Enter	<input checked="" type="checkbox"/>		Disabled	Test PG output
2	Light hall	NO	Delayed copy	00:05:00	Activation	None	Enter	<input checked="" type="checkbox"/>		Disabled	Test PG output
3	Light garage	NO	Delayed copy	00:10:00	Activation	None	Enter	<input checked="" type="checkbox"/>		Disabled	Test PG output
4	Garden watering	NO	Impulse	00:20:00	Activation	None	Enter	<input checked="" type="checkbox"/>		Disabled	Test PG output
5	PG output 5	NO	ON/OFF		Activation	None	Enter	<input checked="" type="checkbox"/>		Disabled	Test PG output
6	PG output 6	NO	ON/OFF		Activation	None	Enter	<input checked="" type="checkbox"/>		Disabled	Test PG output
7	PG output 7	NO	ON/OFF		Activation	None	Enter	<input checked="" type="checkbox"/>		Disabled	Test PG output
8	PG output 8	NO	ON/OFF		Activation	None	Enter	<input checked="" type="checkbox"/>		Disabled	Test PG output
9	PG output 9	NO	ON/OFF		Activation	None	Enter	<input checked="" type="checkbox"/>		Disabled	Test PG output
10	PG output 10	NO	ON/OFF		Activation	None	Enter	<input checked="" type="checkbox"/>		Disabled	Test PG output
11	PG output 11	NO	ON/OFF		Activation	None	Enter	<input checked="" type="checkbox"/>		Disabled	Test PG output
12	PG output 12	NO	ON/OFF		Activation	None	Enter	<input checked="" type="checkbox"/>		Disabled	Test PG output
13	PG output 13	NO	ON/OFF		Activation	None	Enter	<input checked="" type="checkbox"/>		Disabled	Test PG output
14	PG output 14	NO	ON/OFF		Activation	None	Enter	<input checked="" type="checkbox"/>		Disabled	Test PG output
15	PG output 15	NO	ON/OFF		Activation	None	Enter	<input checked="" type="checkbox"/>		Disabled	Test PG output
16	PG output 16	NO	ON/OFF		Activation	None	Enter	<input checked="" type="checkbox"/>		Disabled	Test PG output

**Tên** – nhận dạng đầu ra (ví dụ: Điều hòa không khí, cửa kho...).

**Logic** – khả năng thiết lập logic đảo ngược của đầu ra (NO = thường mở, NC = thường đóng).

**Chức năng** – xác định hành vi của đầu ra sau khi kích hoạt.

<b>Xung</b>	Cho phép kích hoạt với giới hạn thời gian (thời gian được đặt trong cột Thời gian).
<b>BẬT/TẮT</b>	Lệnh kích hoạt sẽ gây kích hoạt, vô hiệu hóa bật / tắt lệnh trong khi trạng thái của nguồn hoặc thời lượng không được kiểm tra, lệnh cuối cùng luôn thực hiện yêu cầu của nó.
<b>Bản sao</b>	Bản sao kích hoạt cảm biến hoặc trạng thái nội bộ; nếu có yêu cầu từ hai thiết bị, logic OR được sử dụng.
<b>Bản sao bị trì hoãn</b>	Chỉ gửi lệnh khi điều kiện kích hoạt có giá trị lâu hơn đặt trong cột Thời gian (thích hợp ví dụ: để có dấu hiệu đóng cửa nhà để xe bị lãng quên).
<b>Bản sao mở rộng</b>	Sao chép kích hoạt thiết bị (hoặc trạng thái nội bộ) và mở rộng nó theo thời gian được đặt trong cột Thời gian (thích hợp ví dụ: để chiếu sáng hành lang sau khi mở cửa).
<b>Thay đổi</b>	Bằng cách kích hoạt trạng thái PG hiện tại được đảo ngược sang trạng thái ngược lại (chỉ phù hợp để điều khiển xung lực, ví dụ: với nút điều khiển từ xa).

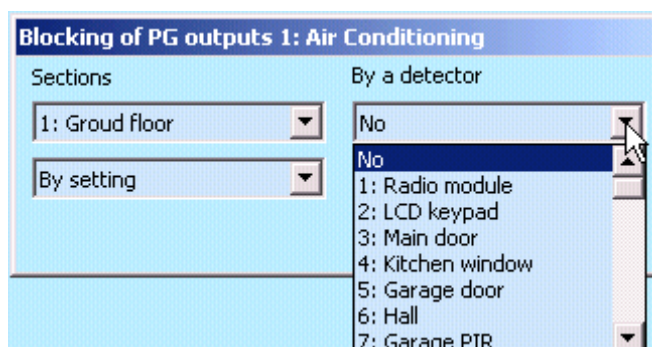
**Thời gian** – thiết lập thời gian cho các hàm Impulse, Copy after delay và Copy with overlap. Thời gian được đặt ở định dạng

hh:mm:ss trong khoảng 00:00:01 đến 23:59:59.

**Kích hoạt** - mở Bản đồ kích hoạt PG output - xem chương 10.7.1 Bản đồ kích hoạt PG output.

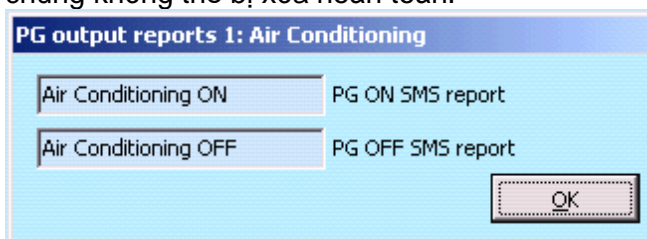


**Chặn PG** - giúp chặn PG output bằng trạng thái phân khu, cảm biến hoặc PG khác. Việc chặn PG cụ thể được kích hoạt và nếu nó đã bật, nó sẽ vô hiệu hóa nó. Nó phù hợp để chặn khóa cửa nếu phân khu tương ứng được thiết lập. Trong trường hợp chặn theo trạng thái phân khu, bạn có thể chọn xem việc chặn có hợp lệ khi phân khu được đặt hoặc chưa cài đặt hay không và trong trường hợp chặn bởi thiết bị hoặc một PG output khác cho dù bằng cách kích hoạt



hoặc hủy kích hoạt của nó. Tất cả các tùy chọn chặn có thể được sử dụng cùng một lúc.

**Báo cáo** - thiết lập các văn bản của báo cáo SMS được gửi khi kích hoạt hoặc hủy kích hoạt PG output. Người dùng mà mỗi báo cáo được gửi đến được đặt trong tab Báo cáo Người dùng. Khi các văn bản của báo cáo được thay đổi, chúng được ghi lại trong nhật ký, vì vậy chúng không thể bị xóa hoàn toàn.



**Ghi PG trong Bộ nhớ** – cho phép đăng ký kích hoạt PG trong lịch sử sự kiện và do đó cũng báo cáo SMS cho người dùng và liên lạc với ARC (ví dụ: để theo dõi sự gia nhập của người dùng vào cửa được giám sát, đăng ký trong ứng dụng MyJABLOTRON, v.v.).

**Vô hiệu hóa** – khả năng chặn PG output. Vô hiệu hóa (chặn) đầu ra được chỉ định bằng một chấm đỏ. Chỉ có Kỹ thuật viên (sử dụng F-Link) mới được phép vô hiệu hóa đầu ra.

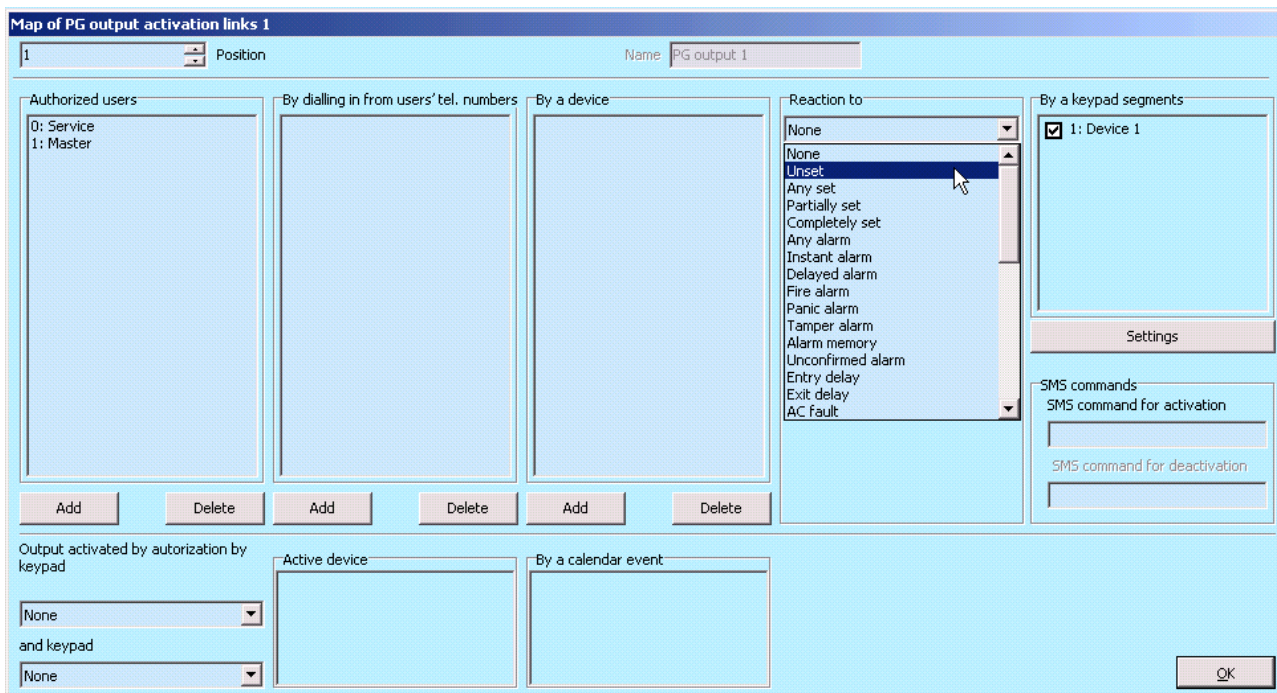
**Trạng thái hiện tại** – thông tin được mã hóa màu về tình trạng hiện tại của PG output. Mô tả màu xanh lá cây tương ứng với ánh sáng xanh của phân khu; mô tả màu đỏ tương ứng với đèn đỏ của phân khu.

**Kiểm tra** – khả năng điều khiển đầu ra bằng tay từ máy tính. Tùy thuộc vào chức năng đã chọn, nó sẽ cho phép (hoặc vô hiệu hóa) PG cụ thể, nếu nó hiện không bị chặn.

**Lưu ý** – làm cho nó có thể mô tả chi tiết của một PG output, sử dụng, hành vi đặc biệt, thông báo kích hoạt cùng với các đầu ra khác, vv

### 10.7.1 Bản đồ kích hoạt PG output

Bằng cách chọn Kích hoạt trong tab PG output, bạn sẽ nhập bản đồ liên kết kích hoạt. Bản đồ xác định hành động mà đầu ra phản ứng.



**Người dùng được phân quyền** - xác định người dùng được phân quyền kiểm soát PG output với yêu cầu phân quyền từ bàn phím (có nút phân khu), từ ứng dụng MyJABLOTRON hoặc bằng lệnh SMS. Thiết lập được nối kết với tab Người dùng.

**Theo phân quyền của người dùng bằng bàn phím** - cho phép bạn thiết lập tối đa 2 bàn phím kích hoạt PG output chỉ bằng cách phân quyền (ứng dụng thẻ / thẻ hoặc nhập mã). Chức năng này được thiết kế để mở khóa cửa (tức là, không cần hoạt động của các nút phân khu). Hàm này chỉ khả dụng nếu hàm đầu ra được đặt thành Impulse.

**Bằng cách quay số từ điện thoại của người dùng** - xác định người dùng được phép kích hoạt PG output bằng cách gọi từ điện thoại của họ (số điện thoại được nhập vào tab Người dùng). Không được ấn số điện thoại để kích hoạt đồ chuông (Service CLIP không được hủy kích hoạt cho họ). Thuật ngữ "đồ chuông" có nghĩa là sau khi quay số điện thoại, người gọi chờ ít nhất một âm điệu đồ chuông (tuy nhiên, cho đến cài đặt trả lời, hãy xem số âm thanh đồ chuông của các cuộc gọi đến trong cài đặt giao tiếp) và chấm dứt cuộc gọi. PG output bật khi cuộc gọi cúp máy. Nếu cuộc gọi được trả lời bởi Bộ trung tâm, đầu ra sẽ không được kích hoạt.

**Bằng thiết bị** - cho phép kích hoạt PG output bằng thiết bị (kích hoạt cảm biến, nhấn thẻ, v.v.). Thiết lập được nối kết với tab Thiết bị.

**Phản ứng với** - cho phép kích hoạt đầu ra bằng trạng thái nội bộ đã chọn của hệ thống (ví dụ: cài đặt, báo động, lỗi cung cấp điện, lỗi, v.v.). Đối với trạng thái nội bộ (39 trạng thái nội bộ hoàn toàn, hãy xem bảng sau đây), bạn có thể đặt nhóm phân khu mà tín hiệu sẽ được chấp nhận (logic OR). PG output có liên quan có thể được thiết lập để sao chép trạng thái của một PG output khác hoặc một số đầu ra khác mà logic lẫn nhau có thể chọn được (OR hoặc AND). Mục cuối cùng trong menu "Sự kiện trong hệ thống" cho phép bạn đặt kích hoạt đầu ra và hủy kích hoạt của nó để đáp ứng với một sự kiện hoàn toàn khác (ví dụ: kích hoạt trong trường hợp báo động, nhưng hủy kích hoạt chỉ bằng cách hủy cài đặt).

**Theo phân khu bàn phím** - hiển thị danh sách bàn phím và điều khiển từ xa trong hệ thống. Sử dụng nút Cài đặt (dưới danh sách bàn phím), bạn có thể nhập menu trong nhà của bàn phím đã chọn và điều chỉnh cài đặt của nó, xem cấu hình Bàn phím chương 10.5.1 .

**Bằng lệnh SMS** - cho phép bạn đặt lệnh văn bản để kích hoạt và hủy kích hoạt PG output qua điện thoại. Việc tiếp nhận SMS tương ứng có tác dụng tương tự như nhấn nút Cài đặt hoặc Hủy đặt trên phân khu điều khiển của bàn phím. Để kiểm soát đầu ra, hãy sử dụng SMS ở định dạng **code\_command**, ví dụ: **2 \*2345\_enable\_light** (Lưu ý: ký tự \_ là một khoảng trống). Mã trước lệnh không bắt buộc nếu trong tab Giao tiếp, mục "Menu thoại và điều khiển



SMS không có mã" được bật và số điện thoại của người dùng được phân quyền để kiểm soát PG output tương ứng được xác định.

**Thiết bị hoạt động** - danh sách các thiết bị được kích hoạt bởi PG output liên quan, ví dụ như ảnh từ PIR bằng camera (chỉ có cửa sổ thông tin, chức năng phải được đặt trong cài đặt trong nhà của thiết bị).

**Bảng lịch trình** – danh sách các lịch trình kích hoạt hoặc hủy kích hoạt hoặc chặn PG output có liên quan (cửa sổ thông tin).

**Cảnh báo 1:** Bộ trung tâm JA-107K cung cấp đầu ra 128 PG. PG output không dây chỉ có thể được gán ở đầu ra từ 1 đến 32. Tất cả 128 PG output có thể được sử dụng cho các module BUS.

**Cảnh báo 2:** PG output không hoạt động nếu hệ thống ở Chế độ Service. Bằng cách nhấn nút Kiểm tra, tất cả các PG output có thể được kiểm tra. Khi kích hoạt Chế độ Service, tất cả các PG output đều bị vô hiệu hóa. Sau khi thoát khỏi Chế độ Service khỏi F-Link, việc kích hoạt lại của chúng được cung cấp ngoại trừ Cảnh báo 3.

**Cảnh báo 3:** Nếu thiết lập Tham số / Trên F-Link bắt đầu kích hoạt Chế độ Service tự động và nếu trên kết nối của Bộ trung tâm với F-Link, mục Hủy đặt được chọn trong cửa sổ Cảnh báo, sau khi nhập trực tiếp vào Chế độ Service này, F-Link không đăng ký bất kỳ PG nào có thể đầu ra với kích hoạt xung (ví dụ: được kích hoạt bởi một phân khu bàn phím và chức năng Enable / Disable hoặc cài đặt trong lịch trình. Điều này có nghĩa là khi thoát khỏi Chế độ Service, câu hỏi liệu các PG output này có nên được kích hoạt lại hay không cũng không xuất hiện.

#### Trạng thái nội bộ để kiểm soát PG output:

1. Hủy đặt	14. Hoãn chờ ra	27. Thiết bị tamper được kích hoạt
2. Bất kỳ Cài đặt nào	15. Lỗi AC	28. Không có chuyển động trong phân khu
3. Đặt một phân khu	16. Lỗi AC trong 30 phút	29. Sẵn sàng để được thiết lập
4. Thiết lập hoàn toàn	17. Lỗi pin dự phòng	30. Sẵn sàng để được thiết lập một phân khu
5. Bất kỳ báo động	18. Cảnh báo nội bộ (IW)	31. Cài đặt không thành công
6. Báo động lập tức	19. Cảnh báo bên ngoài (EW)	32. Yêu cầu kiểm tra hàng năm
7. Báo động độ trễ	20. Lỗi	33. Lỗi GSM
8. Báo cháy	21. Cảm biến kích hoạt	34. Lỗi LAN
9. Báo động khẩn cấp	22. Bất kỳ cảm biến nào được kích hoạt ngoại trừ một cảm biến bị trì hoãn	35. Lỗi PSTN
10. Báo động tamper	23. Kích hoạt cảm biến chậm	36. Chế độ ban đêm
11. Bộ nhớ báo động	24. Bỏ qua trong một phân khu	37. Chế độ bảo trì
12. Báo động chưa được xác nhận	25. Thiết bị bị mất 20 phút	38. PG khác
13. Hoãn chờ vào	26. Thiết bị có pin yếu	39. Sự kiện trong hệ thống

### 10.8 Tab báo cáo người dùng

Tab này được sử dụng để xác định người dùng hệ thống sẽ báo cáo các nhóm sự kiện đã chọn dưới dạng SMS hoặc cuộc gọi thoại đến điện thoại của họ. Các nhóm và định dạng SMS được mô tả trong bảng 9.13 Sự kiện được báo cáo cho người dùng. Cấu trúc cơ bản của menu giọng nói được mô tả trong bảng đính kèm trong chương 9.5 Điều khiển hệ thống thông qua menu giọng nói communicator (GSM). Để thực hiện thay đổi trong tab này, bạn không cần phải ở Chế độ Service.

Pos...	User	SMS alerts	Alarm Call	SMS about setting/unsetting	Alarm photo	Fault and Service SMS	User defined 1	User defined 2
1	0: Service	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
2	1: Master	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3	No	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
4	No	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
5	No	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
6	No	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
7	No	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
8	No	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

User defined 1	User defined 2	Section reporting	SMS PG ON	SMS PG OFF	Special SMS reports	Special voice reports	Test SMS
<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	No	No	No	No	No	Test
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	No	No	No	No	No	Test
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	No	No	No	No	No	Test
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	No	No	No	No	No	Test
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	No	No	No	No	No	Test
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	No	No	No	No	No	Test
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	No	No	No	No	No	Test
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	No	No	No	No	No	Test

**Người dùng** – cho phép lựa chọn người dùng từ danh sách người dùng.

**Cảnh báo SMS - nhóm báo cáo báo động** có thể chọn được trong trường hợp báo cáo văn bản được gửi về một sự kiện báo động trong phân khu được chọn, thêm về sự cố hoặc khôi phục nguồn điện dài hơn 30 phút, thiết lập với vùng mở hoặc có thể báo cáo về một phân khu chưa cài đặt mà không có chuyển động (xem tab phân khu).

**Cuộc gọi báo động - một nhóm các báo cáo trong trường hợp** (sau khi gửi báo cáo SMS) hệ thống truyền tải thông điệp thoại báo động cho người dùng. Các vòng gọi cho xấp xỉ 30 s. Nếu cuộc gọi không được trả lời, hệ thống sẽ gọi người dùng tiếp theo theo trình tự. Nếu cuộc gọi được trả lời, tin nhắn thoại sẽ được gửi nhiều lần. Cấu trúc của tin nhắn là: Báo cáo báo động của bạn – Loại báo động – phân khu. Sau khi người dùng cúp cuộc gọi, tuy nhiên sau 50 giây muộn nhất, cuộc gọi sẽ bị chấm dứt và người dùng tiếp theo được gọi. Người dùng có thể xác nhận việc nhận cuộc gọi bằng cách nhấn **phím #** trên điện thoại và sau tin nhắn thoại, người dùng phải nhập mã hợp lệ. Khi một mã hợp lệ đã được nhập, **báo động sẽ bị dừng lại** và người dùng tiếp theo không **được gọi nữa**. Đối với báo cáo giọng nói, thông điệp giọng nói phổ quát được đặt sẵn trong hệ thống. Các tin nhắn thoại có thể được ghi lại bằng cách thay thế tên bằng những cái cần thiết trong menu giọng nói. Đối với cấu trúc menu giọng nói, hãy xem điều khiển hệ thống chương 9.5 thông qua menu giọng nói giao tiếp (GSM).

**SMS về cài đặt / hủy đặt-** nhóm báo cáo mà một tin nhắn văn bản về cài đặt và không gây phiền hà được gửi. Một báo cáo cài đặt được gửi với độ trễ cố định là **60 giây** sau khi cài đặt. Cài đặt và hủy cài đặt không được báo cáo cho người dùng đã thực hiện nó (tuy nhiên nó có thể được thiết lập để báo cáo trong tab Người dùng). Một ngoại lệ là thiết lập một phân khu chung (được thực hiện bởi Bộ trung tâm, không phải người dùng).

**Lỗi và Service SMS** – gửi báo cáo văn bản về lỗi (pin đã hết, vào Chế độ Service, v.v.).

**Người dùng xác định SMS 1** - nhóm đầu tiên đặc biệt nơi kỹ thuật viên cài đặt có thể chuyển một số sự kiện nhất định được báo cáo (thường là báo cáo về sự cố và khôi phục nguồn điện hoặc có thể thiết lập với thiết bị đang hoạt động) chỉ dành cho người dùng được chọn.

**Sms 2 do người dùng xác định** – nhóm thứ 2 đặc biệt nơi kỹ thuật viên cài đặt có thể chuyển một số sự kiện nhất định được báo cáo (thường là pin thấp trong thiết bị hoặc mức sạc thấp của pin dự phòng) chỉ dành cho người dùng được chọn.

**Báo cáo từ các phân khu** - xác định các nhóm sự kiện được chọn sẽ được báo cáo từ phân khu nào. Nếu lỗi và SMS Service được kiểm tra và không chọn phân khu nào, lỗi hệ thống và Service chỉ được báo cáo (chúng luôn được gán cho phân khu số 1). Không có mối liên hệ giữa phân quyền và khả năng kiểm soát phân khu.

**PG ON SMS \*** – khả năng báo cáo cho phép PG output cho người dùng. Các tin nhắn được gửi với độ trễ cố định là 60 giây. Các văn bản của tin nhắn SMS được đặt trong tab PG output, xem tab PG output chương 10.7.

**PG TẮT SMS \*** – khả năng báo cáo vô hiệu hóa PG output cho người dùng. Các tin nhắn được gửi với độ trễ cố định là 60 giây. Các văn bản của tin nhắn SMS được đặt trong tab PG OUTPUT, xem chương

Tab đầu ra PG 10.7.

**Báo cáo đặc biệt SMS\*** - khả năng báo cáo kích hoạt các cảm biến mà phản ứng Báo cáo Đặc biệt (A, B, C hoặc D) đã được đặt cho người dùng bằng SMS. Các văn bản của báo cáo đặc biệt được đặt bằng nút **Báo cáo Đặc biệt** ở bên phải ở cuối tab Báo cáo cho người dùng.

Special reports	
A	Report
Garage	Name
Open	SMS report when PG ON
Close	SMS report when PG OFF
<input checked="" type="checkbox"/>	Record into event memory/transmission to ARC
OK	

**Báo cáo đặc biệt bằng giọng nói\*** - khả năng báo cáo kích hoạt các cảm biến mà phản ứng

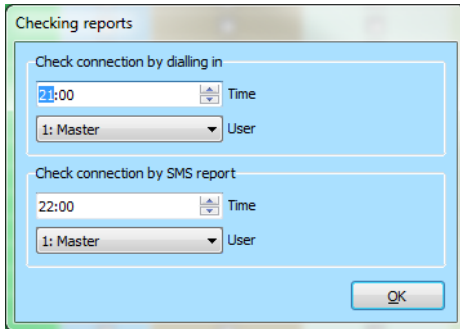


Báo cáo Đặc biệt (A, B, C hoặc D) đã được đặt cho người dùng bằng tin nhắn thoại. Tin nhắn thoại có thể được ghi lại bằng cách gọi đến số điện thoại của Bộ trung tâm, nơi sau khi trả lời cuộc gọi và phân quyền bằng mã của quản trị viên, bạn có thể sử dụng khóa 9 để nhập ghi tin nhắn thoại, xem chương 9.5 Điều khiển hệ thống thông qua menu giọng nói giao tiếp (GSM).

**Kiểm tra** – bằng cách nhấn nút này, báo cáo SMS thử nghiệm sẽ là Gửi cho người dùng: "Báo cáo thử nghiệm, Bộ trung tâm, phân khu 1".

**Bảng sự kiện và nhóm được thiết lập sẵn:**

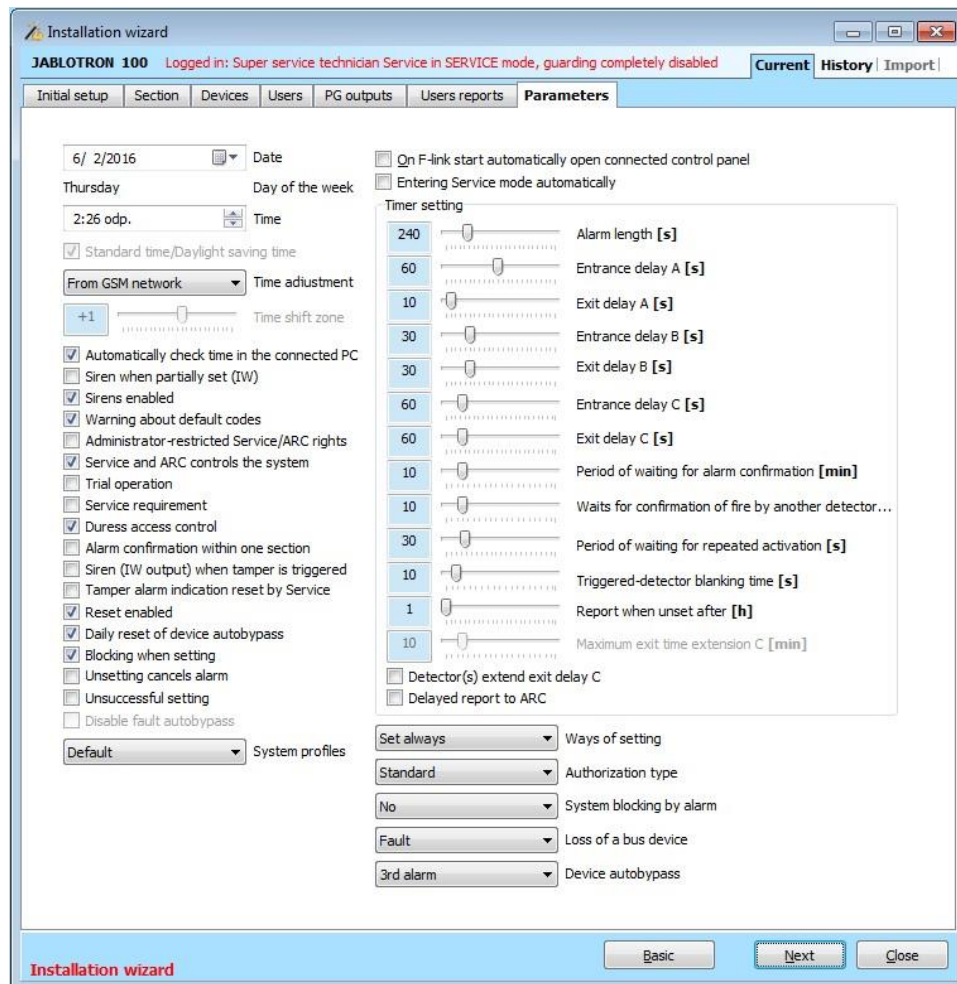
Event	Alarm	Setting/Unsetting	Failures and service	User defined 1	User defined 2
AC fault 30 minutes	<input checked="" type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
AC fault after 30 min restored	<input checked="" type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
Instant alarm	<input checked="" type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
Instant alarm cancelled	<input checked="" type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
Delayed alarm	<input checked="" type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
Delayed alarm cancelled	<input checked="" type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
Tamper alarm	<input checked="" type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
Tamper alarm cancelled	<input checked="" type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
Fire alarm	<input checked="" type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
Fire alarm cancelled	<input checked="" type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
Panic alarm	<input checked="" type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
Panic alarm cancelled	<input checked="" type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
Health troubles	<input checked="" type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
Flooding	<input checked="" type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
Code breaking attempt	<input checked="" type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
Set with active device	<input checked="" type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
No movement in the section	<input checked="" type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
Set	<input type="radio"/>	<input checked="" type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
Unset	<input type="radio"/>	<input checked="" type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
Partially set	<input type="radio"/>	<input checked="" type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
System BOOT	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input checked="" type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
Device low battery	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input checked="" type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
Device low battery restored	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input checked="" type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
Fault	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input checked="" type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
Fault restored	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input checked="" type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
Enter service mode	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input checked="" type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
Leave service mode	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input checked="" type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
Backup battery LOW	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input checked="" type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
Backup battery restored	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input checked="" type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
ARC communication fault	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input checked="" type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
ARC communication fault restored	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input checked="" type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
RF jamming	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input checked="" type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
RF jamming ended	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input checked="" type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
Low credit balance	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input checked="" type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>



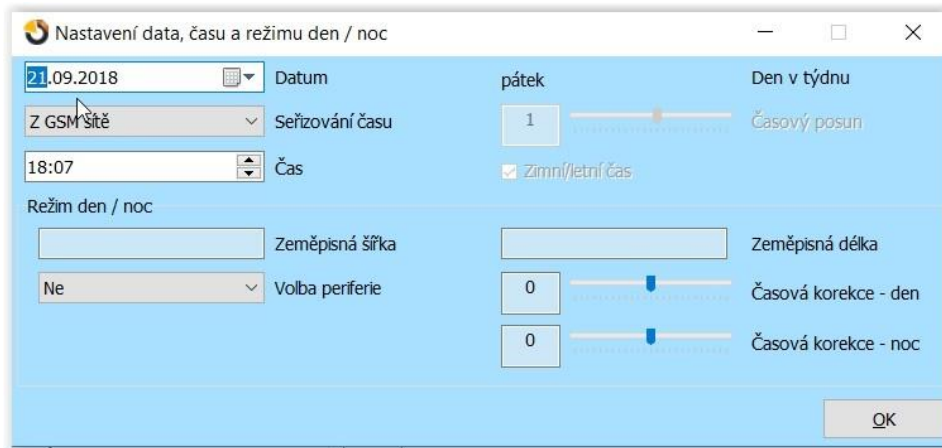
**Báo cáo đặc biệt** - Nút trên thanh công cụ phía dưới của bảng lập trình mở để cài đặt tên, kích hoạt / hủy kích hoạt SMS và một tùy chọn để ghi lại các báo cáo từ A đến D trong bộ nhớ sự kiện được sử dụng làm phản ứng vùng, xem chương 8.4.2 Danh sách các phản ứng áp dụng.

## 10.9 Tab Tham số

Nó được sử dụng để thiết lập các tham số và các chức năng có thể chọn được của Bộ trung tâm. Tab giống hệt với Thiết bị / Bộ trung tâm / Thiết lập nội bộ. Để thực hiện hầu hết các thay đổi trong tab này, bạn không cần phải ở Chế độ Service.



Sau khi nhấn nút **Ngày/Giờ**



\* Các mục được đánh dấu theo cách này được hiển thị nếu **Thiết lập Nâng cao** đang bật.

<b>Ngày</b>	Thiết lập lịch nội bộ.	
<b>Ngày trong tuần</b>	Hiển thị ngày trong tuần.	
<b>Điều chỉnh thời gian*</b>	Phương pháp điều chỉnh thời gian và ngày nội bộ:	
	Bằng tay	Cài đặt thủ công về thời gian và dữ liệu (sử dụng phần mềm F-Link hoặc J-Link).
	Từ mạng GSM	Thời gian và ngày được lấy từ nhà cung cấp GSM với mỗi lần đăng nhập vào mạng GSM.
	Từ máy chủ JABLOTRON	Thời gian và ngày được điều chỉnh tự động theo máy chủ liên lạc (GMT 0). Tùy chọn không làm gì khi loại giao tiếp được đặt thành "Không có lập trình từ xa" (cài đặt mặc định của nhà máy).
<b>Thay đổi thời gian</b>	Thiết lập sự thay đổi thời gian từ múi giờ GMT 0.	
<b>Thời gian</b>	Cài đặt đồng hồ nội bộ.	
<b>Thời gian tiêu chuẩn / Thời gian tiết kiệm ánh sáng ban ngày *</b>	Tự động chuyển đổi thời gian mùa đông và mùa hè chỉ có thể được chọn để điều chỉnh thời gian thủ công. Sự thay đổi xảy ra vào Chủ nhật cuối cùng của tháng 3 hoặc tháng 10, tương ứng lúc 1:00 UTC (ví dụ: 2:00 CET, hoặc 3:00 CEST).	
<b>Chế độ ngày / đêm</b>	<b>Vĩ độ</b>	Định dạng input xx.xxxxxN (ví dụ: 50.729058N)
	<b>Kinh độ</b>	Định dạng input xx.xxxxxE (ví dụ: 15.176636E)
	<b>Lựa chọn thiết bị</b>	Kích hoạt thiết bị đã chọn chuyển Bộ trung tâm sang chế độ Ban đêm.
	<b>Điều chỉnh thời gian Ngày</b>	Tùy chọn điều chỉnh thời gian để chuyển sang chế độ Ngày.
	<b>Điều chỉnh thời gian Đêm</b>	Tùy chọn điều chỉnh thời gian để chuyển sang chế độ Ban đêm.
<b>Tự động kiểm tra thời gian trong PC được kết nối*</b>	Nếu đồng hồ của máy tính và Bộ trung tâm khác nhau hơn 1 phút, F-Link sẽ cảnh báo người dùng về thực tế này.	
<b>Siren IW khi đặt một phân khu</b>	Cho phép bạn đặt báo động âm thanh với hệ thống IW nếu phân khu được thiết lập một phân khu (không áp dụng cho Fire và báo động 24	

	giờ).
<b>Chuông báo động được kích hoạt*</b>	Cho phép tất cả BUS và chuông báo động không dây của hệ thống (được thiết kế để vô hiệu hóa báo động âm thanh trong quá trình thử nghiệm hệ thống).
<b>Cảnh báo về mã mặc định*</b>	Khi hoàn thành Service, một tin nhắn SMS được gửi đến Kỹ thuật viên ở vị trí 0 mà mã mặc định đã được để lại trong hệ thống.
<b>Service hạn chế của Quản trị viên và ARC</b>	Nó chặn truy cập độc lập của các Kỹ thuật viên và ARC vào hệ thống. Lưu ý: Trong trường hợp truy cập từ xa của kỹ thuật viên vào hệ thống thông qua F-Link, quản trị viên có thể được phân quyền bằng bàn phím trong tòa nhà. Trong trường hợp kết nối cục bộ của kỹ thuật viên với Bộ trung tâm bằng cáp USB Quản trị viên có thể được phân quyền từ xa bằng menu giọng nói.
<b>Hệ thống điều khiển Service và ARC*</b>	Cài đặt này cho phép Kỹ thuật viên và kỹ thuật viên ARC điều khiển hệ thống cho tất cả các phân khu. Nếu tham số này bị vô hiệu hóa, kỹ thuật viên không được phép điều khiển các phân khu và sẽ chỉ có thể nhập Chế độ Service sau khi hủy đăng ký tất cả các phân khu của Quản trị viên hoặc người dùng.
<b>Thao tác dùng thử</b>	Tất cả các báo động được giới hạn ở 60 giây và được báo cáo bằng SMS cho người dùng được xác định và Kỹ thuật viên (vị trí 0) mặc dù báo cáo báo động không được kích hoạt cho anh ta. Thao tác dùng thử sẽ tự động chấm dứt sau 7 ngày kể từ khi rời khỏi Chế độ Service.
<b>Service cần thiết</b>	Nếu chức năng này được bật, 12 tháng sau lần đóng cuối cùng của Chế độ Service, nó bắt đầu sự kiện "Hệ thống yêu cầu kiểm tra Service" trong hệ thống, cùng với biểu tượng Thông tin, được hiển thị trên bàn phím có màn hình LCD và được đăng ký trong lịch sử sự kiện. Sau khi nhấn phím "i", văn bản "gọi cho Kỹ thuật viên" sẽ được hiển thị cùng với số điện thoại của anh ta. Thông báo trên LCD tự động biến mất khi Kỹ thuật viên truy cập cục bộ vào hệ thống. Sau đó, Cài đặt đếm kiểm hàng năm thực hiện RESET.
<b>Chế độ bảo trì</b>	Cho phép Quản trị viên chuyển hệ thống sang chế độ Bảo trì.
<b>Kiểm soát truy cập bắt buộc</b>	Phục vụ cho việc kích hoạt báo động im lặng chỉ bằng cách phân quyền hoặc bằng điều khiển hệ thống (cài đặt, hủy cài đặt, kiểm soát PG,...) Khi người dùng có sự hiện diện của kẻ xâm nhập. Báo động Khẩn cấp được kích hoạt trong quá trình điều khiển hệ thống khi một mã được nhập với 1 toán học được thêm vào giá trị của chữ số cuối cùng. Chức năng này có sẵn cho các mã có và không có tiền tố. <b>Ví dụ:</b> mã người dùng có tiền tố = 4 * 4444, để kiểm soát truy cập bắt buộc nhập 4 * 4445; mã người dùng không có tiền tố = 4444, để kiểm soát truy cập bắt buộc nhập 4445. <b>Lưu ý:</b> Khi chữ số cuối cùng của mã người dùng là 9, để kiểm soát truy cập bắt buộc sử dụng 0 làm chữ số cuối cùng.
<b>Xác nhận báo động trong vòng một phân khu*</b>	Nếu phản ứng xác nhận của một cảm biến khác được thiết lập cho cảm biến, tùy chọn xác nhận này chỉ có thể được sử dụng để giới hạn xác nhận <b>cho cùng</b> một phân khu (nếu không cảm biến từ bất kỳ phân khu nào có thể xác nhận báo động). Điều này có giá trị như nhau đối với cảm biến xâm nhập và cho cảm biến báo cháy.
<b>Chuông báo động (đầu ra IW) khi tamper được kích hoạt *</b>	Chuông báo động với phản ứng IW về mặt âm thanh cho thấy báo động tamper nếu vùng không được cài đặt hoặc một phân khu được đặt. Nếu được thiết lập đầy đủ, chuông báo động cho biết báo động tamper luôn luôn.
<b>Thiết lập lại chỉ báo báo động tamper bởi Service *</b>	Chỉ báo Bộ nhớ tamper chỉ có thể được RESET bởi một Service hoặc kỹ thuật viên ARC. Nếu tùy chọn này không được kiểm tra, chỉ báo cũng có thể được RESET bởi Quản trị viên (nhưng không phải người dùng).

<b>Bật lại đã bật*</b>	Khả năng khóa thiết lập lại bộ trung tâm với một Cài đặt nhảy trên bảng. Nếu thiết lập lại bị cấm và mã Service bị mất, Bộ trung tâm chỉ có thể được nhà sản xuất mở khóa. RESET Bộ trung tâm được mô tả trong chương 12 RESET bảng điều khiển .	
<b>Thiết lập lại thiết bị tự động hàng ngày*</b>	Tùy chọn này chỉ liên quan đến input kích hoạt (không phải input tamper và lỗi). Nếu tùy chọn này được kích hoạt, hệ thống sẽ tự động RESET các thiết bị autobypass mỗi ngày vào lúc 12:00. Nếu tùy chọn bị vô hiệu hóa, autobypass của thiết bị sẽ chỉ được RESET với sự thay đổi trạng thái của phân khu. Tùy chọn này phù hợp để sử dụng các cảm biến có phản ứng 24 giờ hoặc cảm biến ngập lụt được tìm thấy trong một phân khu mà cài đặt / hủy cài đặt là không cần thiết.	
<b>Chặn khi thiết lập</b>	Nếu được bật thì tất cả các input hoạt động sẽ bị chặn trong quá trình thiết lập phân khu và chúng không thể kích hoạt báo động trong giai đoạn bảo vệ này nữa. Nếu bị vô hiệu hóa, tất cả các input hoạt động sẽ bị bỏ qua tạm thời cho đến khi chúng đến chế độ chờ và cảm biến bắt đầu bảo vệ lại (nguy cơ kích hoạt báo động giả - ví dụ: cửa sổ đóng không đúng cách).	
<b>Hủy báo động không đặt</b>	Một hàm xác định xem báo động sẽ bị hủy bỏ chỉ bằng cách phân quyền cho một mã hợp lệ hoặc bằng cách kích hoạt phân khu bằng báo động. Nếu được bật, báo động có thể bị hủy với phân khu hủy cài đặt cho một phân khu mà báo động đã được kích hoạt hoặc từ menu bàn phím LCD bằng cách nhấn vào "Hủy chỉ báo cảnh báo".	
<b>Thiết lập không thành công</b>	Chức năng được xử lý trong mọi quy trình cài đặt. Nếu một vùng lập tức được kích hoạt trong thời gian thoát hoặc vùng bị trì hoãn vẫn mở khi thời gian thoát hết hạn, hệ thống không được thiết lập và kích hoạt sự kiện "Cài đặt không thành công" và ghi lại nó trong lịch sử. Nó cũng được báo cáo bằng SMS cho người dùng được đặt sẵn nếu sự kiện "SMS về cài đặt không thành công" được kích hoạt được gửi. Nó được chỉ định bởi bàn phím và cũng bởi một tiếng chuông báo động ngoài trời. Để hủy bỏ dấu hiệu về cài đặt không thành công, cần phải nhấn "Hủy bỏ chỉ báo cảnh báo" trong menu bàn phím LCD.	
<b>Lỗi autobypass</b>	Nó chỉ có sẵn khi một trong các cấu hình hệ thống "EN50131-1" hoặc "INCERT" được chọn. Nó có nghĩa là vô hiệu hóa số lượng hạn chế các lỗi được kích hoạt từ 3 lỗi tối đa đến không giới hạn.	
<b>Cấu hình hệ thống</b>	Lựa chọn từ cấu hình hệ thống được thiết lập sẵn theo yêu cầu.	
	Mặc định	Các tham số được thiết lập theo mặc định của nhà máy với tùy chọn sửa đổi chúng theo nhu cầu.
	EN50131-1, Lớp 2	Một số thông số được cài đặt sẵn tự động để tuân thủ EN50131-1, lớp 2 (thấp – trung rủi ro) không có lựa chọn để sửa đổi.
	CHỨNG NHẬN, Lớp 2	Một số tham số được thiết lập sẵn tự động để tuân thủ định mức INCERT, cấp 2 mà không có tùy chọn nào được sửa đổi.
<b>Cách thiết lập</b>	Lựa chọn cách hệ thống quản lý quá trình cài đặt. Từ mức thấp nhất khi hệ thống có thể được thiết lập bất kể thiết bị hoạt động và lỗi trong hệ thống đến mức cao nhất khi hệ thống không thể được thiết lập ở tất cả với các thiết bị đang hoạt động (vùng lập tức). Được liên kết với tùy chọn cấu hình hệ thống.	
	Đặt luôn	Đặt luôn bất kể trạng thái hệ thống (lỗi, thiết bị đang hoạt động...).



	Đặt cảnh báo	Quang học chỉ ra (trên phân khu và hiển thị) trạng thái hệ thống (lỗi, các yếu tố hoạt động...) trong 8 s và tự động đặt khi hết thời gian này. Cài đặt cũng có thể bằng cách liên tục nhấn phân khu hoặc bằng cách nhấn phím ENTER.
	Đặt sau khi xác nhận	Quang học chỉ ra (phân khu và hiển thị) trạng thái hệ thống (lỗi, các yếu tố hoạt động...) trong 8 s. Chỉ có thể được thiết lập bằng cách nhấn liên tục phân khu hoặc bằng cách nhấn phím ENTER.
	Không đặt với một yếu tố hoạt động	Quang học chỉ ra (phân khu và hiển thị) trạng thái hệ thống (lỗi, các yếu tố hoạt động...) trong 8 giây. Có thể được thiết lập bằng cách nhấn liên tục phân khu hoặc bằng cách nhấn phím ENTER nhưng chỉ khi cảm biến hoạt động thuộc loại phản ứng BỊ TRÌ HOẢN hoặc TIẾP THEO. Một yếu tố hoạt động với bất kỳ phản ứng báo động nào khác KHÔNG THỂ được thiết lập theo cách này. CHÚ Ý!!! điều này cũng áp dụng cho điều khiển từ xa (menu thoại, SMS, MyJABLOTRON, hành động thông qua lịch ngoại trừ "Đặt luôn").
<b>Loại phân quyền</b>	Lựa chọn cách hệ thống xử lý phân quyền của người dùng. Liên quan đến việc kiểm soát PG output với sự cho phép.	
	Chuẩn	Nhập mã người dùng hoặc sử dụng thẻ / thẻ RFID sẽ hoàn thành phân quyền hợp lệ. Chỉ một trong Những lựa chọn này là cần thiết để kiểm soát hệ thống.
	Xác nhận thẻ có mã	Người dùng được chỉ định bằng thẻ và mã phải tự phân quyền với cả hai (bất kể thứ tự phân quyền). Nếu người dùng có thẻ hoặc mã, họ sẽ tự phân quyền theo tùy chọn Tiêu chuẩn. Điện thoại từ xa quyền truy cập chỉ được kích hoạt cho các số được phân quyền.
	Phân quyền kép	Nhập mã người dùng và sử dụng thẻ RFID sẽ hoàn thành phân quyền hợp lệ (bất kể thứ tự phân quyền). F-Link theo dõi xem mã và thẻ có được gán cho người dùng trong tab Người dùng hay không (nếu không F-Link sẽ không cho phép bạn lưu cấu hình). Truy cập điện thoại từ xa chỉ được kích hoạt cho các số được phân quyền.
<b>Chặn hệ thống bằng báo động</b>	Tham số cho phép chặn hệ thống sau khi kích hoạt báo động đầu tiên (xâm nhập hoặc tamper) để tránh các báo động tiếp theo được kích hoạt. Bỏ chặn có thể được thực hiện bằng một mã đặc biệt để Bỏ chặn hoặc bằng quyền truy cập được phân quyền từ ARC (dành cho Vương quốc Anh). Bỏ chặn sau khi kích hoạt báo động tamper cũng có thể được thực hiện bởi người dùng có phân quyền Service (dành cho Khu vực Benelux).	
	Không	Không chặn

	Bảng báo động tamper	Hệ thống bị chặn khi báo động tamper được kích hoạt (bằng cách mở thiết bị, bởi RF gây nhiễu hoặc bởi 10 mục mã không chính xác, v.v.).
	Bất kỳ báo động	Hệ thống bị chặn bằng cách kích hoạt bất kỳ báo động nào (xâm nhập, báo cháy, ngập lụt, báo động 24 giờ hoặc báo động khẩn cấp).
<b>Mất thiết bị BUS</b>	Bộ trung tâm xử lý việc mất một thiết bị hoặc ngắn mạch trên BUS hệ thống. Theo hệ thống tùy chọn được chọn sẽ phản ứng với sự cố xảy ra:	
	Lỗi	Bộ trung tâm luôn xử lý việc mất thiết bị trên BUS hoặc ngắn mạch BUS như một lỗi.
	Luôn luôn Tamper	Bộ trung tâm xử lý việc mất một thiết bị trên BUS hoặc ngắn mạch của BUS như một báo động luôn luôn tamper khi nó xảy ra. Nếu module radio có phát hiện nhiễu RF được cho phép và nó được phát hiện thì nó cũng kích hoạt báo động tamper. Báo động tamper cũng được theo sau bởi một lỗi và khi lỗi biến mất, nó cũng hủy bỏ báo động tamper.
	Tamper sau khi xác nhận	Bộ trung tâm xử lý việc mất thiết bị đầu tiên như một lỗi và nếu trong một thời gian được thiết lập sẵn được đưa ra bởi tham số "Thời gian chờ xác nhận báo động", một mất thiết bị khác xảy ra, thì hệ thống xác nhận nó và kích hoạt báo động tamper. Khi lỗi của tất cả các thiết bị bị mất được khôi phục sau đó hệ thống hủy bỏ lỗi và tamper báo động.
<b>Thiết bị autobypass</b>	Tùy chọn này phục vụ cho việc lựa chọn phương pháp autobypass.	
	Kích hoạt lần thứ 3	Thiết bị sẽ bị bỏ qua sau khi được kích hoạt 3 lần trong một khoảng thời gian cài đặt bất kể độ dài báo động. Bất kỳ nỗ lực nào khác để kích hoạt thiết bị sẽ bị bỏ qua, cho đến khi giải nén phân khu.
	Báo động thứ 3	Một thiết bị cho phép kích hoạt 3 lần trong 1 khoảng thời gian báo động. Thiết bị cụ thể sẽ bị bỏ qua sau 3 khoảng thời gian báo động, có nghĩa là sau khi thiết bị có thể được kích hoạt lên đến 9 lần.
<b>Trên F-Link bắt đầu tự động mở Bộ trung tâm được kết nối</b>	Nếu Bộ trung tâm được kết nối với PC thông qua cáp USB, kết nối sẽ được thiết lập tự động khi phần mềm F-Link khởi động.	
<b>Tự động nhập Chế độ Service</b>	Tự động vào Chế độ Service khi Bộ trung tâm được kết nối với PC thông qua cáp USB. Nếu một số phân khu được thiết lập, bạn sẽ được hỏi về việc không khó chịu với sự cho phép. Nếu mã mặc định vẫn đang được sử dụng, không cần phân quyền.	

<b>Thiết lập hẹn giờ</b>	Trong mỗi phân khu, Thời gian hoãn báo động chờ vào và chờ ra A, B và C được đo riêng biệt. Nếu hoãn chờ ra khác nhau được xác định cho các cảm biến trong vòng một phân khu, độ trễ dài nhất được đo. Trong trường hợp chờ vào khác nhau trì hoãn, một trong những thuộc về cảm biến kích hoạt được đo. Nếu nhiều cảm biến được kích hoạt, một trong những sự hoãn chờ vào được xác định ngắn nhất được đo. Cảm biến có độ trễ C có thể kéo dài thời gian trễ thoát (xem tùy chọn "Cảm biến với phản ứng C bị trì hoãn kéo dài chờ ra" trong Các thông số tab).
<b>Độ dài báo động</b>	Độ dài báo động – có giá trị cho tất cả các phân khu. Phạm vi 5 s – 20 phút.
<b>Hoãn chờ vào A</b>	Hẹn giờ A. Phạm vi 5 s – 2 phút.
<b>Thoát khỏi độ trễ A</b>	Hẹn giờ A. Phạm vi 5 s – 2 phút.
<b>Hoãn chờ vào B</b>	Hẹn giờ B. Phạm vi 5 s – 2 phút.
<b>Thoát khỏi độ trễ B</b>	Hẹn giờ B. Phạm vi 5 s – 2 phút.
<b>Hoãn chờ vào C</b>	Cài đặt hẹn giờ C. Phạm vi 5 s – 6 phút.
<b>Thoát khỏi độ trễ C</b>	Cài đặt hẹn giờ C. Phạm vi 5 s – 6 phút.
<b>Chờ xác nhận xâm nhập bởi một cảm biến khác</b>	Thời gian chờ xác nhận báo động bằng một cảm biến khác của một phân khu được thiết lập. Có giá trị cho tất cả các cảm biến với phản ứng Xác nhận ngay lập tức / Xác nhận bị Trì hoãn báo động A (1 – 60 phút.).
<b>Chờ xác nhận hỏa hoạn bằng cảm biến khác</b>	Thời gian chờ xác nhận báo cháy bằng cảm biến khác. Có giá trị cho tất cả các cảm biến với phản ứng Cháy đã được xác nhận. (1 – 60 phút.).
<b>Chờ kích hoạt lặp đi lặp lại của cảm biến</b>	Thời gian chờ đợi để kích hoạt lặp đi lặp lại của cùng một cảm biến. Thời gian thiết lập phải dài hơn sự lặp lại cảm biến tối thiểu trước khi lặp lại. Có giá trị cho tất cả các cảm biến có phản ứng Lặp lại ngay lập tức / Lặp đi lặp lại bị Trì hoãn báo động A (6 – 120 s).
<b>Thời gian trống cảm biến kích hoạt</b>	Thời gian tối thiểu mà cảm biến không được đánh giá trước khi nó có thể lặp lại kích hoạt. Có giá trị cho tất cả các cảm biến với phản ứng Lặp lại ngay lập tức / Lặp đi lặp lại độ trễ A (5 – 60 s).
<b>Báo cáo khi chưa cài đặt sau</b>	Thời gian sau đó một phân khu hủy đặt báo cáo hủy cài đặt nếu không có cảm biến nào được kích hoạt trong đó (báo cáo được bật trong tab phân khu – phân khu báo cáo hủy đặt (1 – 48 giờ).)
<b>Thiết lập tự động</b>	Thời gian sau đó một phân khu mà một sự kiện "Hủy đặt phân khu" được báo cáo được đặt tự động (0 – 120 phút.).
<b>Gia hạn thời gian thoát tối đa</b>	Thời gian tối đa sự hoãn chờ ra được kéo dài bởi một cảm biến bị trì hoãn hoạt động trong phân khu. Chỉ hoạt động cùng với tùy chọn "Cảm biến với phản ứng C bị trì hoãn kéo dài độ trễ thoát". Nếu cảm biến được kích hoạt trong một thời gian dài hơn, phân khu được thiết lập và cảm biến bị bỏ qua (1 - 60 phút.).
<b>Cảm biến kéo dài hoãn chờ ra C</b>	"Chức năng cổng nhà để xe" - một cảm biến hoạt động với phản ứng C bị trì hoãn (cổng mở) kéo dài sự hoãn chờ ra trong phân khu tương ứng. Một phân khu mở rộng như vậy chỉ có thể được gây ra bởi các cảm biến có phản ứng trạng thái (thường là mở cảm biến). Thời gian tối đa của phân khu mở rộng có thể được thiết lập thông qua tùy chọn trước đó.
<b>Báo cáo bị Trì hoãn báo động Cho ARC</b>	Khi được kích hoạt, báo động nội bộ sẽ được kích hoạt sau khi sự hoãn chờ vào đã hết thời gian, nhưng hệ thống chờ 15 s để gửi báo cáo báo động đến ARC. Người dùng có thêm 15 giây để tháo cài đặt hệ thống mà không kích hoạt báo động được báo cáo cho ARC.

## 10.10 Tab Lịch trình

Tại đây, bạn có thể đặt lịch trình thời gian của các hành động mà hệ thống sẽ thực hiện tự động và thường xuyên. Để thực hiện thay đổi trong tab này, bạn không cần phải ở Chế độ Service.

Event	Days of th...	Time	Guarding	Section	PG Control	PG number	Blocking	Blocked	Note
1	Mon, Tue, ...	00:00	No	No	No	No	No		
2	Mon, Tue, ...	00:00	No	No	No	No	No		
3	Mon, Tue, ...	00:00	Set	No	No	No	No		
4	Mon, Tue, ...	00:00	Set	No	No	No	No		
5	Mon, Tue, ...	00:00	No	No	No	No	No		
6	Mon, Tue, ...	00:00	Set	No	No	No	No		
7	Mon, Tue, ...	00:00	Set	No	No	No	No		
8	Mon, Tue, ...	00:00	Set	No	No	No	No		
9	Mon, Tue, ...	00:00	Set	No	No	No	No		
10	Mon, Tue, ...	00:00	Set	No	No	No	No		
11	Mon, Tue, ...	00:00	Set	No	No	No	No		
12	Mon, Tue, ...	00:00	Set	No	No	No	No		
13	Mon, Tue, ...	00:00	No	No	No	No	No		
14	Mon, Tue, ...	00:00	No	No	No	No	No		
15	Mon, Tue, ...	00:00	Set	No	No	No	No		
16	Mon, Tue, ...	00:00	Set	No	No	No	No		
17	Mon, Tue, ...	00:00	Set	No	No	No	No		
18	Mon, Tue, ...	00:00	Set	No	No	No	No		
19	Mon, Tue, ...	00:00	Set	No	No	No	No		
20	Mon, Tue, ...	00:00	No	No	No	No	No		

**Bảo vệ** – cho phép bạn thiết lập, hành động nào nên được thực hiện cho phân khu hoặc PG output (Hủy đặt, Cài đặt, Partially cài đặt, PG control, Service requirement). Các biến thể có thể là "Ngay lập tức" (không có độ trễ thoát) và "Luôn luôn" (không tôn trọng cách thiết lập được chọn trước). Hành động yêu cầu Service kích hoạt cùng một sự kiện trong hệ thống như tùy chọn yêu cầu Service trong tab Tham số.

**Phân khu/PG** – quy định trong đó (các) hành động của loại tập hợp được thực hiện hoặc (các) PG output nào được kiểm soát.

Section

- 1: Groud floor
- 2: First floor
- 3: Garage
- 4: Fully set
- 5: Section 5
- 6: Section 6
- 7: Section 7
- 8: Section 8

All Invert Nothing

OK Cancel

**Ngày trong tuần** - xác định ngày nào trong tuần hành động được thực hiện (ví dụ: thứ Hai hàng tuần).

**Ngày trong tháng** - xác định ngày nào trong tháng hành động được thực hiện.

**Tháng trong năm** - xác định trong đó tháng nào trong năm hành động được thực hiện.

**Thời gian** – hệ thống cho phép bạn thiết lập tối đa 4 lần trong một ngày hoặc một khoảng thời gian lặp lại thường xuyên các hành động cần thiết. Việc lặp lại có thể được định nghĩa là thời gian TỪ – ĐẾN.

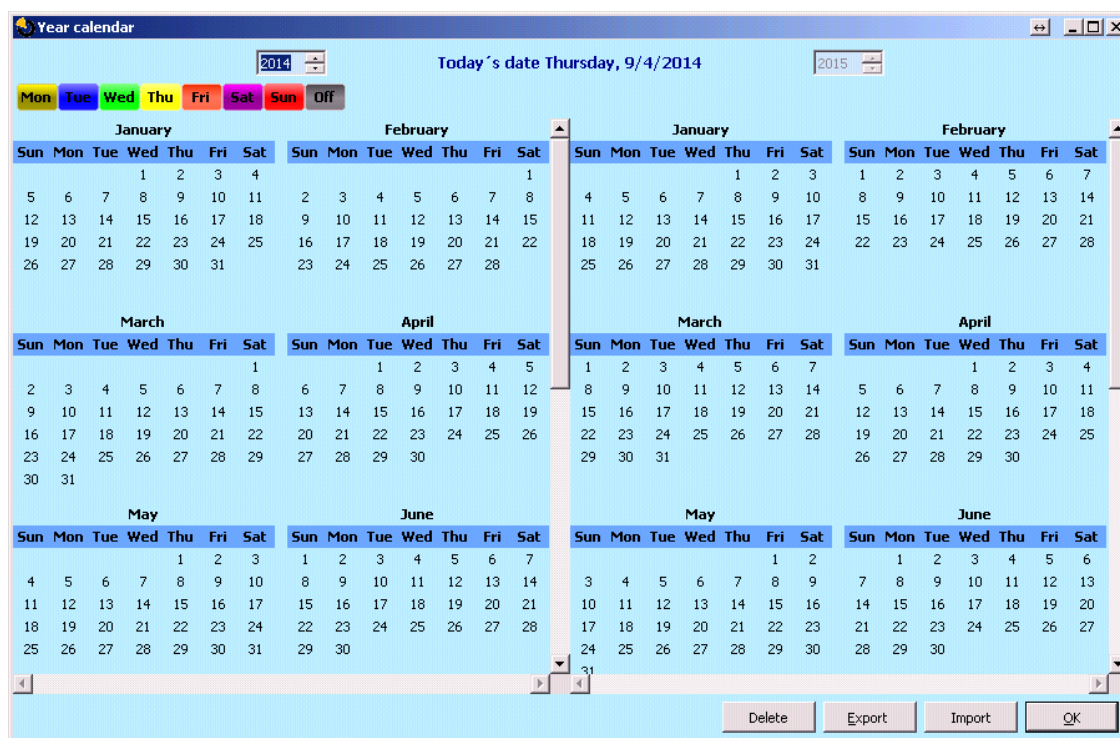
**Chặn** – PG output được cung cấp ở đây; kích hoạt của chúng cho phép chặn lịch trình.

**Vô hiệu hóa** – khả năng chặn một hành động cụ thể. Vô hiệu hóa được chỉ định bởi một dấu chấm đỏ. Quản trị viên (sử dụng J-Link) và Kỹ thuật viên (sử dụng F-Link) được phân quyền vô hiệu hóa hành động lập lịch trình.

**Lưu ý** – cung cấp khả năng mô tả tùy chỉnh các hành động theo lịch trình.

**Lịch trình hàng năm** – cho phép bạn thay đổi thuộc tính của ngày (Mo, Tu,... Su) cho các ngày riêng lẻ của năm hiện tại và năm tới. Bạn có thể thay đổi quy cách bằng cách nhấp vào nút chuột (lặp đi lặp lại) vào ngày tương ứng. Ví dụ ứng dụng: Đối với một ngày nghỉ lễ (ngày không làm việc) rơi vào thứ Tư, bạn có thể thay đổi thuộc tính của ngày từ thứ Tư sang Chủ nhật. Các hành động được lên kế hoạch tự động theo các cài đặt cơ bản của Lịch trình và có giá trị cho ngày làm việc không được thực hiện vào ngày này. Tuy nhiên, chương trình có giá trị cho chủ nhật sẽ được giữ. Bằng cách này, bạn có thể điều chỉnh điều khiển phân khu hoặc Điều khiển PG

ví dụ: cũng cho các ngày lễ của công ty, v.v. "Tắt" được quy cho có nghĩa là bị vô hiệu hóa - vào những ngày được chỉ định như thế này không có hành động theo lịch trình nào được thực hiện.



### **Ghi chú:**

- Bật và tắt ứng dụng trong một thời gian nhất định là có thể theo 2 cách. Bạn có thể thiết lập một hành động để cho phép và một hành động để vô hiệu hóa PG output hoặc chỉ là một hành động để cho phép và thiết lập một xung lực của độ dài cần thiết cho PG output.
- Nếu bạn chọn Thiết lập (Cài đặt một phân khu) của một phân khu được chỉ định, tại thời điểm được chỉ định, hoãn chờ ravori thời gian cố định là 3 phút được kích hoạt trước. Tất cả các cảm biến trong các phân khu được chỉ định với phản ứng ngay lập tức được điều chỉnh lại để có phản ứng chậm trong khoảng thời gian 3 phút này. Nếu bạn chọn Đặt ngay lập tức, cài đặt sẽ được thực thi ngay lập tức mà không bị trễ thoát và tất cả các vòng lặp đều hoạt động ngay lập tức (bao gồm cả cảm biến bị trì hoãn).

## **10.11 Tab Giao tiếp**

Tab được sử dụng để thiết lập hành vi của người giao tiếp và cách giao tiếp. Để thực hiện thay đổi trong tab này, bạn không cần phải ở Chế độ Service.

The screenshot shows the 'Installation wizard' window for 'Jablotron 100'. The user is logged in as 'Service technician' and the system is in 'SERVICE mode, guarding completely disabled'. The 'Communication' tab is selected, showing various configuration options:

- Voice report calling priority:** GSM
- Registration key:** 18UTA-PDB32-1XKM
- Service technician access to ARC settings:** Yes
- No code for voice menu and control SMS
- Forward invalid SMS commands to:** 1: Master
- All ARCs enabled

Buttons for 'GSM settings', 'LAN settings', 'PSTN settings', and 'GSM restart' are visible. A 'Communication type' section has three radio buttons: 'Without remote programming', 'Remote programming by F-Link' (selected), and 'Jablotron Cloud communication'. At the bottom, there are 'Basic', 'Next', and 'Close' buttons.

**Ưu tiên gọi báo cáo bằng giọng nói** - chọn kênh mà Bộ trung tâm sẽ sử dụng để báo cáo các sự kiện bằng giọng nói (tùy chọn GSM).

**Khóa đăng ký** – số đăng ký duy nhất của Bộ trung tâm.

**Kỹ thuật viên truy cập vào cài đặt ARC** - cho phép kỹ thuật viên ARC hạn chế quyền truy cập của Kỹ thuật viên vào tab ARC.

**Menu giọng nói không có mã** - khi sử dụng điện thoại được phân quyền để kiểm soát chức năng bằng cách gọi, người dùng không phải nhập mã của mình (họ được phân quyền bằng cách gọi từ điện thoại của mình). Đối với chức năng này, nhận dạng của người gọi (CLIP)



phải được kích hoạt.

**Chuyển tiếp các lệnh SMS không hợp lệ** - chọn người dùng nơi tin nhắn SMS không thể hiểu được cho Bộ trung tâm sẽ được chuyển tiếp (lập danh sách thông tin từ nhà điều hành, v.v.).

**SMS về cài đặt không thành công** – Bộ trung tâm gửi SMS về cài đặt không thành công. Khi được đặt không thành công với sự cho phép (bởi người dùng được phân quyền), SMS được gửi đến người dùng này. Khi đặt không thành công mà không được phép, SMS sẽ được gửi đến Quản trị viên ở vị trí 1.

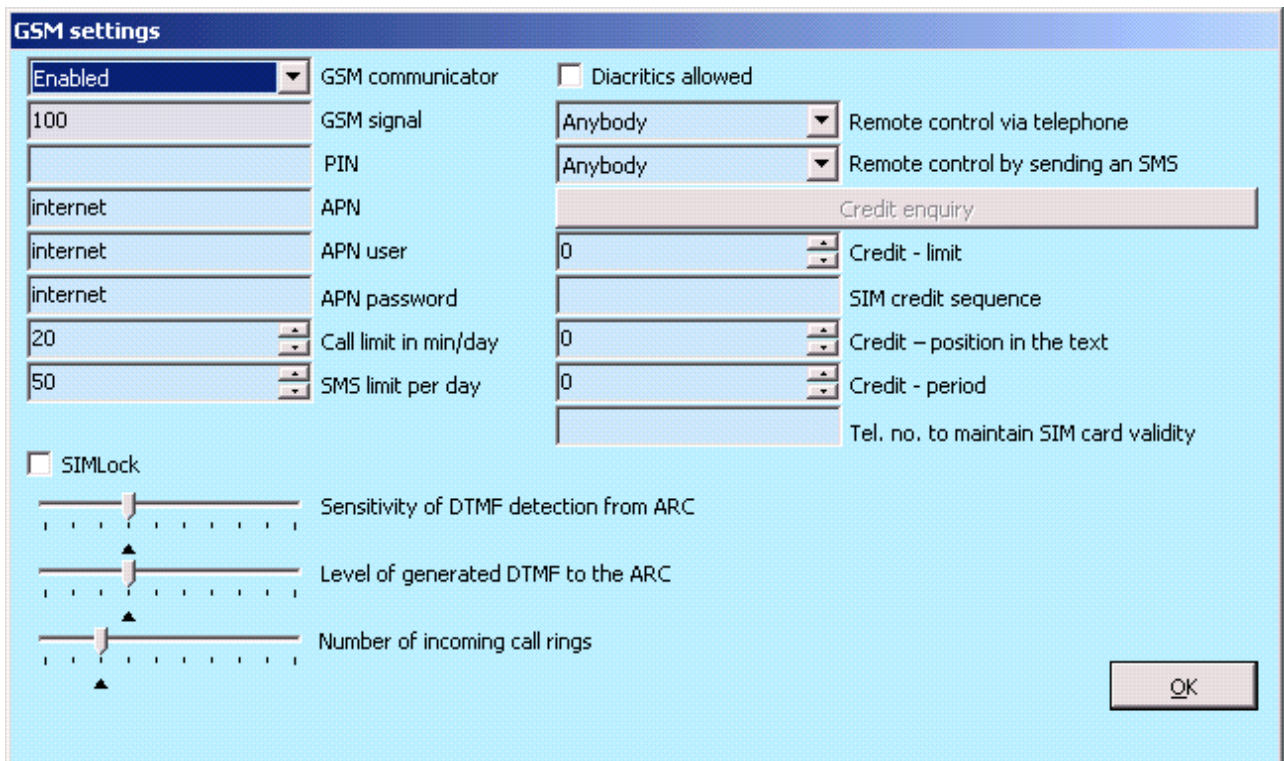
**Tất cả các ARC được kích hoạt** - tùy chọn vô hiệu hóa tất cả các giao tiếp đến ARC - không có sẵn kỹ thuật viên ARC đã hạn chế quyền truy cập.

**Loại giao tiếp** – hệ thống cung cấp một số phương pháp giao tiếp / cấu hình từ xa:

- **None** - nó hoạt động như một thiết bị tự trị với thẻ SIM của riêng mình. Thiết bị giao tiếp ra bên ngoài (gửi tin nhắn SMS và thoại) và nhận SMS lệnh và có menu thoại chức năng. Cấu hình từ xa với phần mềm F-Link là không thể.
  - **Limited (GSM)** – giao tiếp như loại trước và ngoài ra nó hỗ trợ cấu hình từ xa của hệ thống. Cấu hình từ xa có thể từ máy tính có phần mềm F-Link (J-Link) có kết nối Internet. Để thiết lập kết nối với Bộ trung tâm F-Link kết nối với máy chủ của nhà sản xuất để cung cấp cho nó mã đăng ký và số điện thoại của thẻ SIM được chèn vào giao tiếp Bộ trung tâm. Phải có Giao tiếp dữ liệu chức năng trong Bộ trung tâm (LAN hoặc GSM / GPRS).
  - **Persistent (LAN)** – Bộ trung tâm duy trì liên lạc dữ liệu dài hạn với máy chủ, nó cho phép kết nối từ xa với phần mềm F-Link là có thể.
  - **Giao tiếp JABLOTRON** – thiết bị giao tiếp với máy chủ của nhà sản xuất (ứng dụng MyJABLOTRON) và liên tục gửi thông tin về trạng thái thiết bị đến đó. Do đó, nếu F-Link (J-Link) gửi yêu cầu kết nối từ xa, máy chủ ngay lập tức sẵn sàng thiết lập kết nối. Ngoài ra, giao tiếp này cho phép người dùng sử dụng các Service máy chủ. Các ứng dụng cho phép người dùng vận hành hệ thống có thể được cài đặt trong các thiết bị di động có hệ thống Android hoặc iOS. Đối với tùy chọn này, cần phải sử dụng thẻ SIM JABLOTRON Security. Liên hệ với nhà phân phối của bạn để biết thông tin về khả năng sử dụng từng loại thông tin liên lạc ở quốc gia của bạn.
- Cài đặt** – nút phục vụ để đăng ký hệ thống vào Service CLOUD MyJABLOTRON. Khi bạn điền vào biểu mẫu và gửi dữ liệu để xác nhận thì nó sẽ tạo ra yêu cầu đăng ký. Việc xác nhận mẫu đầy sẽ được thực hiện trong một vài khoảnh khắc.

### 10.11.1 Thiết lập GSM

Nút này được sử dụng để thiết lập các tham số và hành vi của người giao tiếp GSM.



\* Một mục được đánh dấu như thế này được đặt tự động sau khi kích hoạt Bộ trung tâm nếu Cài đặt Giao tiếp GSM được cài đặt và thẻ SIM chức năng được chèn vào đó trước khi kích hoạt (Service của máy chủ JABLOTRON).

**Gsm communicator** – khả năng tắt giao tiếp.

**Tín hiệu GSM** - thông tin về cường độ tín hiệu tính bằng phần trăm (nó được đo mỗi phút một lần). Để có chức năng thích hợp, tín hiệu phải ít nhất là 50%. Nếu bạn gặp sự cố về chất lượng tín hiệu GSM, bạn nên kiểm tra thẻ SIM của nhà điều hành khác. Bạn không nên sử dụng ăng-ten định hướng hoặc đặt được GSM cho người giao tiếp (nó chỉ làm giảm kết nối của module xuống 1 ô mạng = giao tiếp không ổn định). Bạn cũng có thể nhận thông tin về chất lượng tín hiệu bằng cách sử dụng TRẠNG THÁI lệnh SMS (xem lệnh SMS chương 9.6).

**Mã PIN THẺ SIM** – chúng tôi khuyên bạn nên sử dụng thẻ SIM có mã PIN bị vô hiệu hóa.

**Network APN\*** – Cài đặt Giao tiếp dữ liệu GPRS. Giao tiếp dữ liệu cung cấp quyền truy cập vào các Service của máy chủ JABLOTRON, cho phép truy cập từ xa của Kỹ thuật viên, giao tiếp với ARC, v.v. Bên cạnh cài đặt APN, thẻ SIM đã sử dụng phải hỗ trợ truyền dữ liệu.

Liên hệ với nhà phân phối JABLOTRON của bạn để biết thêm thông tin về khả năng Giao tiếp này.

**Người dùng APN\*** – tên (không nhập người dùng trừ khi mạng sử dụng nó).

**Mật khẩu APN\*** – mật khẩu (không nhập mật khẩu trừ khi mạng sử dụng nó).

**Giới hạn cuộc gọi min./day** - giới hạn phạm vi gọi thực tế từ 5 đến 250 phút mỗi ngày.

**Giới hạn SMS** – giới hạn giới hạn số lượng SMS được gửi mỗi ngày từ Bộ trung tâm. Nó bao gồm báo động và các sự kiện không báo động (sự kiện báo động - báo động, tamper, lỗi, báo cáo,...; không báo động – PG, Service...). Phạm vi được gửi là từ 5 đến 250 SMS. Hệ thống có thể gửi tối đa 250 TIN NHẮN SMS mỗi ngày. Mức tối đa này được phân chia giữa Cài đặt giới hạn SMS và Cài đặt *giới hạn SMS Báo động* (F-Link tự động kiểm tra rằng cài đặt cả hai giới hạn không vượt quá 250).

**Cài đặt giới hạn SMS báo động** - Cài đặt giới hạn giới hạn số lượng SMS báo động mỗi ngày từ Bộ trung tâm nếu giới hạn SMS đã gửi đã đạt được (Cài đặt *giới hạn SMS*) Nó liên quan đến các sự kiện báo động (báo động, tamper, lỗi, báo cáo,...). Phạm vi được đặt là từ 0 đến 245 SMS. **Ví dụ:** Giới hạn của SMS được đặt thành 30, giới hạn sms báo động được đặt thành 20. Hành vi của hệ thống sẽ như sau: Khi trong một ngày, bất kỳ loại 30 TIN NHẮN SMS nào được gửi (báo động và không báo động), hệ thống sẽ không gửi bất kỳ tin nhắn SMS không báo động nào vào ngày hôm đó. Nhưng nó vẫn có thể gửi SMS báo động (nhưng



20 là tối đa). Điều này đảm bảo rằng hệ thống luôn có một số dự trữ cho trường hợp báo động để có thể thông báo cho người dùng qua SMS.

**Cho phép dấu phụ** - nếu giọng ký tự quốc tế (ICC) được cho phép, báo cáo có thể được gửi từ hệ thống thông qua nhiều hơn một tin nhắn văn bản SMS. ICC phải được kích hoạt nếu bạn sử dụng ví dụ: bảng chữ cái tiếng Nga trong văn bản của mình, v.v.

**Điều khiển từ xa qua điện thoại** - thiết lập khả năng điều khiển hệ thống từ xa bằng menu thoại. Nếu người dùng được chọn, menu chỉ có thể được truy cập từ điện thoại của người dùng được xác định (trong tab Giao tiếp, bạn thậm chí có thể cho phép người dùng nhập menu giọng nói mà không cần nhập mã người dùng của họ - menu Thoại mà không có tùy chọn mã). Nếu "Bất kỳ ai" được chọn, menu giọng nói có thể được truy cập từ bất kỳ điện thoại nào. Tuy nhiên, khi truy cập menu, người dùng luôn được yêu cầu nhập mã của người dùng.

Chức năng này phụ thuộc trực tiếp vào cài đặt **loại Phân quyền** trên tab **Tham số**. Chọn một phương tiện phân quyền khác ngoài Tiêu **chuẩn**. **Ngăn chặn việc sử dụng** điều khiển GSM của bất **kỳ ai**, vì hệ thống cần nhận ra người dùng có số điện thoại được chỉ định và là phương tiện phân quyền thứ cấp, mã báo động của họ.

**Điều khiển từ xa bằng cách gửi SMS** - thiết lập khả năng điều khiển hệ thống từ xa bằng cách sử dụng các lệnh SMS. Nếu người dùng được chọn, hệ thống chỉ chấp nhận lệnh SMS từ điện thoại của người dùng được xác định (trong tab Giao tiếp, bạn thậm chí có thể cho phép người dùng sử dụng lệnh SMS mà không cần nhập mã người dùng của họ - menu Thoại mà không có tùy chọn mã). Nếu "Bất kỳ ai" được thiết lập, một lệnh SMS có thể được đặt từ bất kỳ điện thoại nào; tuy nhiên, nó có điều kiện để nhập mã truy cập.

Chức năng này phụ thuộc trực tiếp vào cài đặt **loại Phân quyền** trên tab **Tham số**. Chọn một phương tiện phân quyền khác ngoài Tiêu **chuẩn**. **Ngăn chặn việc sử dụng** điều khiển GSM của bất **kỳ ai**, vì hệ thống cần nhận ra người dùng có số điện thoại được chỉ định và là phương tiện phân quyền thứ cấp, mã báo động của họ.

**Yêu cầu tín dụng** - bằng cách nhấn nút này, bạn có thể ngay lập tức nhận được thông tin về số dư tín dụng từ câu trả lời của nhà điều hành (chức năng này là hỗ trợ).

**Tín dụng - giới hạn** - khả năng đặt giới hạn thấp hơn để tự động kiểm tra giới hạn của thẻ SIM trả trước. Nếu tín dụng được thiết lập dưới giới hạn này, hệ thống sẽ gửi và thông tin SMS cho người mà báo cáo Lỗi và Service SMS được chỉ định. **Lưu ý: Bạn không nên sử dụng thẻ trả trước trong hệ thống - chúng làm tăng nguy cơ lỗi giao tiếp.**

**Trình tự tín dụng SIM** - lệnh kiểm tra tự động số dư tín dụng của thẻ SIM trả trước (nếu được nhà mạng hỗ trợ). Bạn có thể nhận được lệnh từ nhà điều hành của bạn.

**Tín dụng - vị trí trong văn bản** - vị trí (số tuần tự của ký tự) trong báo cáo số dư tín dụng của nhà điều hành, tại đó thông tin số về số dư tín dụng bắt đầu (người giao tiếp chỉ tìm kiếm các chữ số trong báo cáo và bỏ qua các ký tự khác).

**Thời gian kiểm tra tín dụng** - thiết lập tần suất hệ thống sẽ kiểm tra số dư tín dụng (bạn có thể đặt 0 đến 99 ngày trong đó 0 ngày nghỉ).

**Số điện thoại để duy trì hiệu lực của thẻ SIM** - nếu thẻ SIM trả trước yêu cầu duy trì cuộc gọi, bạn có thể đặt số điện thoại mà hệ thống sẽ tự động quay số (ví dụ: Service thời gian chính xác) nếu không có bất kỳ cuộc gọi đi nào từ hệ thống trong thời gian dài hơn 90 ngày (10 giây sau khi trả lời cuộc gọi của bên được gọi, hệ thống sẽ cúp máy).

**SIMLock** - chức năng liên kết số điện thoại của thẻ SIM với cài đặt ARC. Điều đó có nghĩa là nếu bạn thay thế thẻ SIM bằng thẻ khác và SIM sẽ được đăng nhập vào mạng GSM, tất cả các cài đặt của tab **ARC** sẽ **bị xóa**. Việc xóa là không thể đảo ngược và các cài đặt khác (đăng ký Service web MyJABLOTRON) phải được thực hiện bởi kỹ thuật viên ARC một lần nữa.

**Độ nhạy của phát hiện DTMF từ ARC** - thiết lập độ nhạy tiếp nhận tín hiệu được tạo ra bởi ARC. Độ nhạy có thể điều chỉnh theo 10 bước; giá trị mặc định tối ưu là 4.

**Mức độ DTMF được tạo ra đến ARC** - thiết lập cường độ của tín hiệu quay số giai điệu truyền trong DTMF được tạo ra bởi Bộ trung tâm. Cường độ có thể điều chỉnh trong 10 bước; giá trị mặc định tối ưu là 4.

**Số vòng gọi đến** - số xung chuông cho đến khi người giao tiếp tự động trả lời. Bạn có thể đặt câu trả lời sau 1 đến 10 xung chuông (tương ứng với 5 đến 50 giây). Giá trị mặc định là 3

(15 giây).

**Số điện thoại thẻ SIM** – số điện thoại của thẻ SIM được sử dụng trong giao tiếp.

**Nhận số điện thoại của người giao tiếp** – yêu cầu SMS được gửi khi nút được nhấn. Sau khi phản hồi thành công, số điện thoại sẽ được hiển thị trong hộp "số điện thoại thẻ SIM".

**Security Data Connector™ – Service™** của Security Data Connector được sử dụng trong Bộ trung tâm. Tất cả các tham số GSM được cài đặt sẵn tự động và không thể sửa đổi.

**Chuyển đổi nhà cung cấp GSM** – Tùy chọn này cho phép chuyển đổi tự động giữa các nhà cung cấp GSM

1 – Các mục được đánh dấu như thế này có sẵn khi sử dụng™ Kết nối Dữ liệu Bảo mật

### 10.11.2 Thiết lập LAN

Nó được sử dụng để đặt giao tiếp LAN (nếu Bộ trung tâm chứa nó).

**Giao tiếp LAN** – khả năng bật hoặc vô hiệu hóa giao tiếp LAN.

**Lấy địa chỉ IP từ máy chủ DHCP** – tự động cài đặt các tham số mạng. Nếu hàm này không được hỗ trợ bởi mạng, các tham số tương ứng phải được nhập thủ công. Mục nhập thủ công chỉ có thể nếu tùy chọn này không được kiểm soát.

**Địa chỉ IP** – thiết lập cho gán địa chỉ IP thủ công chỉ khả dụng nếu không bật chuyển nhượng tự động từ máy chủ DHCP. Thiết lập mặc định là 192.168.1.99.

**Mặt nạ mạng con** – thiết lập cho gán IP mặt nạ mạng con thủ công chỉ có sẵn nếu không bật được gán tự động từ máy chủ DHCP. Thiết lập mặc định là 255.255.255.0.

**Cổng kết nối** – thiết lập cho gán IP cổng mặc định thủ công chỉ khả dụng nếu không bật gán tự động từ máy chủ DHCP. Thiết lập mặc định là 192.168.1.1.

**Máy chủ DNS** – thiết lập cho bài tập IP máy chủ DNS thủ công chỉ khả dụng nếu không bật được chuyển nhượng tự động từ máy chủ DHCP. Thiết lập mặc định là 192.168.1.1.

**Tên** – tên thiết bị để nhận dạng dễ dàng hơn trong mạng cục bộ.

**Địa chỉ MAC** – địa chỉ duy nhất của mọi thiết bị LAN (xác định nguồn dữ liệu).

**Kiểm tra DNS** – khi giao tiếp LAN được kết nối với Internet, các cài đặt có thể được kiểm tra tính chính xác. Nếu một dấu chấm màu xanh lá cây xuất hiện sau khi nhấn nút, kết nối với máy chủ đã được thiết lập, nhưng nếu một dấu chấm màu đỏ được hiển thị sau vài giây, thời gian thiết lập kết nối đã hết, cho biết cài đặt không chính xác hoặc lỗi trong kết nối Giao tiếp LAN.

Field	Value
LAN communicator	Enabled
Get IP address from DHCP server	<input type="checkbox"/>
IP address	192 . 168 . 1 . 99
Subnet mask	255 . 255 . 255 . 0
Gateway	192 . 168 . 1 . 1
DNS server	192 . 168 . 1 . 1
Name	JABLOTRON
MAC address	00-00-00-00-00-00

### 10.11.3 Camera

Nút Camera cho phép bạn thực hiện kiểm tra kết nối (nếu các cổng cần thiết được phép) và kiểm tra tốc độ kết nối. Sau khi thử nghiệm được hoàn thành thành công, một biểu đồ được hiển thị cùng với một đề xuất về số lượng camera trong đó độ phân giải có thể hoạt động trong mạng cụ thể đó. Nếu đã có một camera hoạt động được kết nối trong mạng, trong F-Link, bạn có thể đặt các thông số cơ bản của nó.

**Vị trí** – vị trí trong hệ thống

**Lấy địa chỉ IP từ máy chủ DHCP** – tự động cài đặt các tham số mạng. Nếu chức năng này không được hỗ trợ bởi mạng, các tham số tương ứng phải được nhập thủ công. Mục nhập thủ công chỉ có thể nếu tùy chọn này không được kiểm soát.

**Địa chỉ IP** – thiết lập cho gán địa chỉ IP thủ công chỉ khả dụng nếu không bật chuyển nhượng tự động từ máy chủ DHCP. Thiết lập mặc định là 192.168.1.99.

**Mặt nạ mạng con** – thiết lập cho gán IP mặt nạ mạng con thủ công chỉ có sẵn nếu không bật được gán tự động từ máy chủ DHCP. Thiết lập mặc định là 255.255.255.0.

**Cổng kết nối** – thiết lập cho gán IP cổng mặc định thủ công chỉ khả dụng nếu không bật gán tự động từ máy chủ DHCP. Thiết lập mặc định là 192.168.1.1.

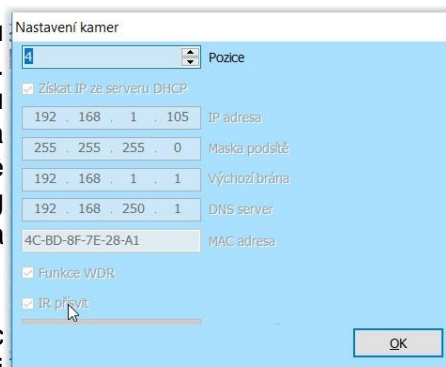
**Máy chủ DNS** – thiết lập cho bài tập IP máy chủ DNS thủ công chỉ khả dụng nếu không bật được chuyển nhượng tự động từ máy chủ DHCP. Thiết lập mặc định là 192.168.1.1.

**Địa chỉ MAC** – địa chỉ duy nhất của mọi thiết bị LAN (xác định nguồn dữ liệu).

**Chức năng WDR** – vô hiệu hóa WDR (Wide Dynamic Range – bù đèn nền) cho ví dụ: khu vực có độ tương phản cao của những nơi sáng và tối.

**Chiếu sáng IR** – vô hiệu hóa chiếu sáng IR cho ví dụ: các khu vực có ánh sáng dài hạn.

**Chế độ camera** – lựa chọn chế độ camera, bạn có thể chọn giữa chế độ Ngày, Đêm và Chế độ Tự động.



### 10.11.4 Khởi động lại GSM

Nút để ghi nhật ký giao tiếp và đăng nhập lại vào mạng. Có thể mất hàng chục giây để đăng nhập lại trình Giao tiếp GSM trong mạng (tùy thuộc vào trạng thái hiện tại của hệ thống). GSM cũng có thể được khởi động lại bằng cách sử dụng lệnh SMS GSM (xem lệnh SMS chương 9.6).

## 10.12 Tab ARC

Tab này được sử dụng để thiết lập liên lạc cho các trung tâm nhận báo động. Nếu trong tab Giao tiếp, quyền truy cập của Kỹ thuật viên bị hạn chế, tham số này chỉ có thể được thiết lập bởi một người có mức phân quyền arc Kỹ thuật viên. Tùy chọn này cũng không khả dụng nếu giao tiếp JABLOTRON được chọn, giúp đơn giản hóa đáng kể cài đặt của phân khu giao tiếp của hệ thống. Để thực hiện thay đổi trong tab này, bạn không cần phải ở Chế độ Service.

**ARC được kích hoạt** – khả năng vô hiệu hóa giao tiếp tập hợp.

**ARC tiếp theo là bản sao lưu** - nếu được bật, vị trí tiếp theo sẽ chỉ được sử dụng nếu dữ

liệu không thể được truyền từ vị trí hiện tại.

**Giao thức** – cài đặt giao thức truyền dẫn.

**Communicator** – nếu giao thức đã chọn có thể được truyền đến ARC trong nhiều hơn Cách người giao tiếp kiểu được chọn ở đây. Các tùy chọn là GSM, LAN, Đường dây điện thoại và Tự động, nhưng chỉ hiển thị các tùy chọn hiện có. Tùy chọn Tự động Sử dụng kết hợp của Các trình Giao tiếp LAN / GSM, chủ yếu sử dụng LAN và trong trường hợp chuyển mạch LAN không có sẵn sang GSM dự phòng. Trong trường hợp thất bại của truyền từ cả hai người giao tiếp hệ thống báo cáo lỗi - dữ liệu không được chuyển đến ARC.

**Miền 1 (điện thoại 1)** – cài đặt tên miền chính (sử dụng URL hoặc địa chỉ IP) hoặc số điện thoại chính tùy thuộc vào giao thức đã sử dụng. Nếu giao tiếp IP được sử dụng, bạn phải nhập cổng liên lạc sau địa chỉ IP, được tách ra bằng dấu “:”. Bạn sẽ có được cổng liên lạc và dữ liệu địa chỉ IP từ ARC mà thông tin liên lạc được chuyển đến. Nếu không có cổng liên lạc nào được điền vào, sự kiện sẽ không được truyền đi.

**Domain 2 (điện thoại 2)** – thiết lập tên miền sao lưu (sử dụng URL hoặc địa chỉ IP) hoặc số điện thoại sao lưu tùy thuộc vào giao thức đã sử dụng.

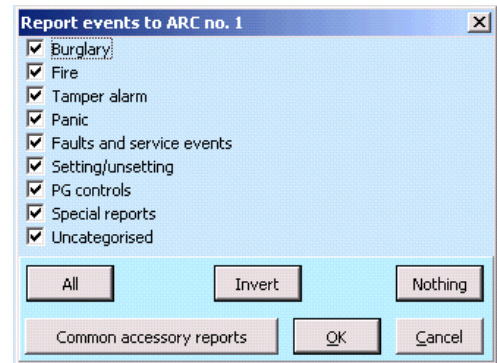
**Phân khu ID** – thiết lập nhận dạng tòa nhà (phổ biến cho toàn bộ tòa nhà hoặc riêng lẻ cho các phân khu). Cảnh báo: Cài đặt mặc định bằng không, người giao tiếp sẽ không gửi bất kỳ báo cáo nào!

**Các sự kiện được báo cáo** - chọn các loại sự kiện được báo cáo và khả năng thiết lập mã báo cáo bổ sung (PG output, báo cáo đặc biệt từ A đến D).

**Thời gian** – đặt giới hạn thời gian truyền và thiết lập thời gian kiểm tra kết nối.

**Kiểm tra ARC** – bằng cách nhấn bạn sẽ bắt đầu một bài kiểm tra thủ công để kiểm tra kết nối với giao thức tương ứng.

**Lưu ý** – tại đây, bạn có thể lưu ý chi tiết về cài đặt ARC, ngày bắt đầu của Service, v.v.



### 10.12.1 Mã JABLOTRON 100 + CID và SIA

CID	SIA	Sự kiện EN	Thẻ loại báo cáo
1101	QA	Vấn đề sức khỏe	Trộm cắp
1110	FA	Báo cháy	Lửa
1118	FG	Báo cháy chưa được xác nhận	Lửa
1120	PA	Báo động khẩn cấp	Khẩn cấp
1130	BA	Báo động lập tức	Trộm cắp
1130	BA	Hộp khóa	Báo cáo đặc biệt
1133	BA	Báo động 24H	Trộm cắp
1134	BA	Báo động bị trì hoãn	Trộm cắp
1138	BG	Báo động chưa được xác nhận	Trộm cắp
1138	BG	Báo động chưa được xác nhận	Trộm cắp
1144	CÁM ƠN	Tamper ngoại vi	Tamper
1151	GA	Rò rỉ khí gas	Lửa
1154	WA	Báo động ngập lụt	Trộm cắp
1158	KA	Quá nóng	Chưa được phân loại
1159	ZA	Đóng băng	Chưa được phân loại
1170	UA	Phản ứng đặc biệt A	Báo cáo đặc biệt
1171	UA	Phản ứng đặc biệt B	Báo cáo đặc biệt
1172	UA	Phản ứng đặc biệt C	Báo cáo đặc biệt

1173	UA	Phản ứng đặc biệt D	Báo cáo đặc biệt
1174	UA	Không sử dụng	Chưa được phân loại
1300	ET	Lỗi	Lỗi và sự kiện Service
1300	ET	Lỗi	Lỗi và sự kiện Service
1301	TAI	Mất AC	Lỗi và sự kiện Service
1302	YT	Bộ trung tâm ACU thấp	Lỗi và sự kiện Service
1305	RR	Khởi động hệ thống	Lỗi và sự kiện Service
1306	LB	Đang vào Service	Lỗi và sự kiện Service
1308	TÁI	Tắt hệ thống	Lỗi và sự kiện Service
1313	YX	Bloceked sau khi báo động -Kỹ sư RESET	Chưa được phân loại
1314	YG	Cài đặt ARC đã được tái thiết lập	Chưa được phân loại
1344	XQ	Nhiều RF	Lỗi và sự kiện Service
1350	YC	Sự kiện đến ARC không được phân phối	Chưa được phân loại
1351	YD	Kênh chính LAN - lỗi	Chưa được phân loại
1352	YD	Kênh sao lưu GSM - lỗi	Chưa được phân loại
1354	YS	Sự kiện đến ARC không được giao trong thời gian cài đặt sẵn	Lỗi và sự kiện Service
1384	XT	Dời thấp	Lỗi và sự kiện Service
1389	YU	Thử nghiệm thất bại	Lỗi và sự kiện Service
1401	OP	Tưóc vũ khí	Thiết lập / Không cài đặt
1402	OG	Giải giáp một phân khu	Thiết lập / Không cài đặt
1406	TCN	Báo động bị hủy bởi người dùng	Trộm cắp
1406	TCN	Báo động bị hủy bởi người dùng	Trộm cắp
1406	TCN	Báo động bị hủy bởi người dùng	Trộm cắp
1406	TCN	Báo động bị hủy bởi người dùng	Trộm cắp
1406	TCN	Báo động bị hủy bởi người dùng	Trộm cắp
1407	OQ	Giải giáp từ xa	Thiết lập / Không cài đặt
1412	LF	Truy cập từ xa	Chưa được phân loại
1416	LS	Cấu hình đã lưu	Chưa được phân loại
1454	NA	phân khu không có chuyển động	Lỗi và sự kiện Service
1455	CI	Vũ trang unsuccesfull	Chưa được phân loại
1461	JA	Qua code	Tamper
1521	BL	Tiếng chuông báo động tắt tiếng	Chưa được phân loại
1570	EB	Bỏ qua ngoại vi (đã tắt )	Chưa được phân loại
1572	TB	Bỏ qua tamper	Lỗi và sự kiện Service
1573	BB	Bỏ qua kích hoạt	Lỗi và sự kiện Service
1573	BB	Bỏ qua kích hoạt	Lỗi và sự kiện Service
1574	UB	phân khu bỏ qua (đã tắt )	Chưa được phân loại
1578	UO	Bỏ qua lỗi	Lỗi và sự kiện Service
1601	RX	Bài kiểm tra thủ công	Lỗi và sự kiện Service
1601	RX	Bài kiểm tra thủ công	Lỗi và sự kiện Service
1601	RX	Bài kiểm tra thủ công	Lỗi và sự kiện Service
1601	RX	Bài kiểm tra thủ công	Lỗi và sự kiện Service
1602	RP	Kiểm tra định kỳ	Chưa được phân loại

1602	RP	Kiểm tra định kỳ	Chưa được phân loại
1602	RP	Kiểm tra định kỳ	Chưa được phân loại
1602	RP	Kiểm tra định kỳ	Chưa được phân loại
1602	RP	Kiểm tra định kỳ	Chưa được phân loại
1602	RP	Kiểm tra định kỳ	Chưa được phân loại
1625	JT	RESET thời gian	Chưa được phân loại
1661	RC	PG1 ON	Điều khiển PG
1662	RC	PG2 ON	Điều khiển PG
1663	RC	PG3 ON	Điều khiển PG
1664	RC	PG4 ON	Điều khiển PG
1665	RC	PG5 ON	Điều khiển PG
1666	RC	PG6 ON	Điều khiển PG
1667	RC	PG7 ON	Điều khiển PG
1668	RC	PG8 ON	Điều khiển PG
1669	RC	PG9 ON	Điều khiển PG
1670	RC	PG10 ON	Điều khiển PG
1671	RC	PG11 ON	Điều khiển PG
1672	RC	PG12 ON	Điều khiển PG
1673	RC	PG13 ON	Điều khiển PG
1674	RC	PG14 ON	Điều khiển PG
1675	RC	PG15 ON	Điều khiển PG
1676	RC	PG16 ON	Điều khiển PG
1677	RC	PG17 ON	Điều khiển PG
1678	RC	PG18 ON	Điều khiển PG
1679	RC	PG19 ON	Điều khiển PG
1680	RC	PG20 ON	Điều khiển PG
1681	RC	PG21 ON	Điều khiển PG
1682	RC	PG22 ON	Điều khiển PG
1683	RC	PG23 ON	Điều khiển PG
1684	RC	PG24 ON	Điều khiển PG
1685	RC	PG25 ON	Điều khiển PG
1686	RC	PG26 ON	Điều khiển PG
1687	RC	PG27 ON	Điều khiển PG
1688	RC	PG28 ON	Điều khiển PG
1689	RC	PG29 ON	Điều khiển PG
1690	RC	PG30 ON	Điều khiển PG
1691	RC	PG31 ON	Điều khiển PG
1692	RC	PG32 ON	Điều khiển PG
3101	QR	Vấn đề sức khỏe (hủy kích hoạt)	Trộm cắp
3110	FR	Báo cháy (hủy kích hoạt)	Lừa
3118	FH	Báo cháy chưa được xác nhận (ngừng hoạt động)	Lừa
3120	PR	Khẩn cấp (hủy kích hoạt)	Khẩn cấp
3130	BR	Báo động lập tức (hủy kích hoạt)	Trộm cắp



3130	BR	Hộp khóa (hủy kích hoạt)	Báo cáo đặc biệt
3133	BR	Báo động 24H (hủy kích hoạt)	Trộm cắp
3134	BR	Báo động bị trì hoãn (hủy kích hoạt)	Trộm cắp
3138	BH	Báo động chưa được xác nhận (hủy kích hoạt)	Trộm cắp
3138	BH	Báo động chưa được xác nhận (hủy kích hoạt)	Trộm cắp
3144	TR	Tamper (hủy kích hoạt)	Tamper
3151	GR	Rò rỉ khí (hủy kích hoạt)	Lửa
3154	WR	Báo động ngập lụt (ngừng hoạt động)	Trộm cắp
3158	KH	Quá nóng (hủy kích hoạt)	Chưa được phân loại
3159	ZH	Đóng băng (hủy kích hoạt)	Chưa được phân loại
3170	UR	Phản ứng đặc biệt A (hủy kích hoạt)	Báo cáo đặc biệt
3171	UR	Phản ứng đặc biệt B (hủy kích hoạt)	Báo cáo đặc biệt
3172	UR	Phản ứng đặc biệt C (hủy kích hoạt)	Báo cáo đặc biệt
3173	UR	Phản ứng đặc biệt D (hủy kích hoạt)	Báo cáo đặc biệt
3174	UR	Không sử dụng	Chưa được phân loại
3300	ER	Lỗi (hủy kích hoạt)	Lỗi và sự kiện Service
3301	AR	Phục hồi AC	Lỗi và sự kiện Service
3301	AR	Phục hồi AC	Lỗi và sự kiện Service
3302	YR	Pin Bộ trung tâm OK	Lỗi và sự kiện Service
3306	LX	Chờ ra Service	Lỗi và sự kiện Service
3313	YZ	Bỏ chặn sau khi báo động	Lỗi và sự kiện Service
3344	XH	Nhiều RF (hủy kích hoạt)	Lỗi và sự kiện Service
3350	YK	Communication với ARC được khôi phục	Chưa được phân loại
3351	YE	Kênh chính LAN - OK	Chưa được phân loại
3352	YE	Kênh sao lưu GSM - OK	Chưa được phân loại
3354	YL	Sự kiện đến ARC không được phân phối trong thời gian cài đặt sẵn (hủy kích hoạt)	Lỗi và sự kiện Service
3384	XR	Pin của ngoại vi OK	Lỗi và sự kiện Service
3389	YZ	Kiểm tra OK	Lỗi và sự kiện Service
3401	CL	Vũ trang	Thiết lập / Không thiết lập
3402	CG	Vũ trang một phân khu	Thiết lập / Không thiết lập
3407	CQ	Được trang bị vũ khí từ xa	Thiết lập / Không thiết lập
3412	LE	Truy cập từ xa đã đóng	Chưa được phân loại
3570	EU	Vũ trang một phân khu từ xa	Thiết lập / Không thiết lập
3572	TU	Kết thúc bypass ngoại vi (hủy kích hoạt)	Chưa được phân loại
3573	BU	Kết thúc bỏ qua tamper	Lỗi và sự kiện Service
3573	BU	Kết thúc bỏ kích hoạt	Lỗi và sự kiện Service
3574	UU	Kết thúc phân khu bỏ qua (hủy kích hoạt)	Chưa được phân loại
3578	LÊN	Bỏ qua lỗi (hủy kích hoạt)	Lỗi và sự kiện Service
3661	RO	PG1 TẮT	Điều khiển PG
3662	RO	PG2 TẮT	Điều khiển PG
3663	RO	PG3 TẮT	Điều khiển PG
3664	RO	PG4 TẮT	Điều khiển PG



3665	RO	PG5 TẮT	Điều khiển PG
3666	RO	PG6 TẮT	Điều khiển PG
3667	RO	PG7 TẮT	Điều khiển PG
3668	RO	PG8 TẮT	Điều khiển PG
3669	RO	PG9 TẮT	Điều khiển PG
3670	RO	TẮT PG10	Điều khiển PG
3671	RO	TẮT PG11	Điều khiển PG
3672	RO	PG12 TẮT	Điều khiển PG
3673	RO	PG13 TẮT	Điều khiển PG
3674	RO	TẮT PG14	Điều khiển PG
3675	RO	PG15 TẮT	Điều khiển PG
3676	RO	PG16 TẮT	Điều khiển PG
3677	RO	PG17 TẮT	Điều khiển PG
3678	RO	PG18 TẮT	Điều khiển PG
3679	RO	PG19 TẮT	Điều khiển PG
3680	RO	PG20 TẮT	Điều khiển PG
3681	RO	PG21 TẮT	Điều khiển PG
3682	RO	PG22 TẮT	Điều khiển PG
3683	RO	PG23 TẮT	Điều khiển PG
3684	RO	PG24 TẮT	Điều khiển PG
3685	RO	PG25 TẮT	Điều khiển PG
3686	RO	PG26 TẮT	Điều khiển PG
3687	RO	PG27 TẮT	Điều khiển PG
3688	RO	PG28 TẮT	Điều khiển PG
3689	RO	PG29 TẮT	Điều khiển PG
3690	RO	TẮT PG30	Điều khiển PG
3691	RO	TẮT PG31	Điều khiển PG
3692	RO	PG32 TẮT	Điều khiển PG
6301	TẠI	Ac mất nhiều hơn sau đó 30 phút	Điều khiển PG

Nguồn cho JA 100	
001 – 249	Ngoại vi (thiết bị)
251 – 850	Mã người dùng
250	Mã Service
901	Bộ trung tâm
921	ARC1
922	ARC2
923	ARC3
924	ARC4
925	ARC5
911	Giao tiếp GSM
912	Giao tiếp LAN
914	Gsm giao tiếp bên ngoài

	<b>PG</b>	
	<b>Phạm vi</b>	<b>Thành phần khu CID</b>
1. nhóm	1 – 32 PG	phân khu 1 + 1661 – 1692 / 3661 -3692
2. nhóm	33 – 64 PG	phân khu 2 + 1661 – 1692 / 3661 -3692
3. nhóm	65 – 96 PG	phân khu 3 + 1661 – 1692 / 3661 -3692
4. nhóm	97 – 128 PG	phân khu 2 + 1661 – 1692 / 3661 -3692

Ví dụ: Object ID 1234, 18constant, **PG ON** no. 33,02 là một phân khu, 901 là Bộ trung tâm nguồn sự kiện = **1234 18 1 661 02 901**

### **10.12.2 Thiết lập việc truyền ảnh bộ nhớ ngoài**

Nếu trong khu vực / quốc gia, Service MyJABLOTRON được kích hoạt và thiết bị người dùng sẽ sử dụng nó, các cài đặt cần thiết sẽ được thực hiện hoàn toàn tự động khi đăng ký của Bộ trung tâm cho MyJABLOTRON Web Service.

## 10.13 Tab Chẩn đoán

Nó được sử dụng để kiểm tra và xác minh tình trạng của các thiết bị và thuộc tính của chúng.  
\* Các mục được đánh dấu theo cách này sẽ được hiển thị nếu Thiết lập Nâng cao đang bật.

System settings												
Jablotron 100										Current	History	Import
Initial setup	Section	Devices	Users	PG outputs	Users reports	Parameters	Diagnostics	Calendars	Communication	ARC		
P	Name	Type	Section	Activation...	Status	Battery status/voltage	Voltage/ loss	RF Signal level	Channel	Note		
0	Control panel	JA-101K	1: Groud floor		OK	13.7 V/13.7 V	13.7 V/163 mA	100 % GSM				
1	Radio module	JA-110R	1: Groud floor		OK		-0,1 V		RJ			
2	LCD keypad	JA-114E	1: Groud floor		OK		-0,4 V		RJ			
3	Main door	JA-110M	1: Groud floor		ACT		0,0 V		Bus 1			
4	Kitchen window	JA-110M	1: Groud floor		OK		0,0 V		Bus 1			
5	Garage door	JA-111M	3: Garage		ACT		0,0 V		Bus 1			
6	Hall	JA-110P	1: Groud floor		OK		-0,1 V		Bus 1			
7	Garage PIR	JA-120PW	3: Garage		ACT		-0,2 V		RJ			
8	Indoor siren	JA-110A	1: Groud floor		OK		0,0 V		Bus 1			
(9)	Balcony door	JA-150M	2: First floor		ACT	100 %		100 %				
(9)	Balcony window	JA-150M	2: First floor		OK	100 %		100 %				
(9)	Living room	JA-151P	2: First floor		ACT	100 %		80 %				
12	Interface	JA-121T	1: Groud floor		OK		-0,3 V		RJ			
(9)	Remote control	JA-182J	4: Fully set									

**Bộ nhớ kích hoạt** – đăng ký kích hoạt thiết bị đã xảy ra kể từ lần xóa cuối cùng của cột này. Bộ nhớ của tất cả các kích hoạt thiết bị có thể bị xóa bằng nút Xóa Bộ nhớ (thanh dưới cùng). Bạn có thể xóa Bộ nhớ của một thiết bị đã chọn bằng nút chuột phải. Kích hoạt cảm biến tamper (TMP) có ưu tiên cao nhất khi các sự kiện được ghi lại trong Bộ nhớ.

**Trạng thái** – cho biết trạng thái hiện tại của thiết bị. OK = mọi thứ đều ổn, TMP = tamper, ACT = input báo động được kích hoạt, ERR = lỗi, ?? = không liên lạc với thiết bị, nguồn cung cấp nguồn điện = lỗi cung cấp (hoặc pin đã xả hoàn toàn), Sạc = sạc pin dự phòng trong thiết bị hoặc Bộ trung tâm. Pin = pin đã xả hoặc bị ngắt kết nối trong Bộ trung tâm, BOOT = nâng cấp thiết bị đang diễn ra hoặc nâng cấp lỗi (nâng cấp lặp lại), INIT = đọc cấu hình thiết bị, Disabled = thiết bị bị vô hiệu hóa. Bằng cách di chuyển con trỏ chuột on trạng thái của thiết bị tương ứng, bạn sẽ hiển thị chi tiết.

**Pin\*** – nếu thiết bị chứa pin, trạng thái của nó sẽ được hiển thị. Đối với Bộ trung tâm (vị trí 0) điện áp của pin dự phòng được hiển thị. Nếu dữ liệu điện áp của thiết bị không đầy bị thiếu, thiết bị vẫn chưa liên lạc - kích hoạt truyền tải của nó (ví dụ: bằng cảm biến tamper hoặc trong F-Link nhấp vào nút Tải) hoặc đợi cho đến khi hộp số tự động xảy ra. Nếu bàn phím không đầy được cung cấp bởi một nguồn cung cấp năng lượng bên ngoài "Nguồn điện từ nguồn bên ngoài" được chỉ định. Đối với các thiết bị không dây (ngoại trừ các thiết bị thuộc dòng JA-18x), tình trạng pin có thể nhìn thấy. Mã hóa màu sắc của tình trạng pin: 10% đỏ, 20% màu vàng, 30% và màu xanh lá cây cao hơn.

**Điện áp\*** – vị trí của Bộ trung tâm (0) điện áp của các thiết bị đầu cuối Bộ trung tâm và dòng điện được vẽ bởi các thiết bị BUS từ Bộ trung tâm được hiển thị (riêng cho mỗi đầu ra BUS). Đối với thiết bị BUS, mất điện áp đường dây so với Bộ trung tâm được hiển thị. Tổn thất không được cao hơn 2 V; Nếu không, vấn đề phải được giải quyết.

**Mức tín hiệu RF\*** – ở vị trí của Bộ trung tâm, nó cho biết chất lượng của tín hiệu mạng GSM. Đối với một giao tiếp đáng tin cậy, giá trị phải ít nhất là 50%. Đối với các thiết bị không dây, nó cho biết chất lượng của tín hiệu RF, giá trị phải ít nhất là 50%. Nếu dấu hiệu bị thiếu, thiết bị vẫn chưa liên lạc - kích hoạt hộp số của nó (ví dụ: bằng cảm biến tamper) hoặc đợi cho đến khi truyền tự động xảy ra. Về sự can thiệp giữa các module radio và module GSM xem thêm chương 6.1 Cài đặt module radio JA-11xR ).

Mã màu của tín hiệu GSM: 0-30% đỏ, 40-50% màu vàng và hơn 50% màu xanh lá cây. Mã màu của tín hiệu RF: 10% đỏ, 20% vàng, 30% và màu xanh lá cây cao hơn.

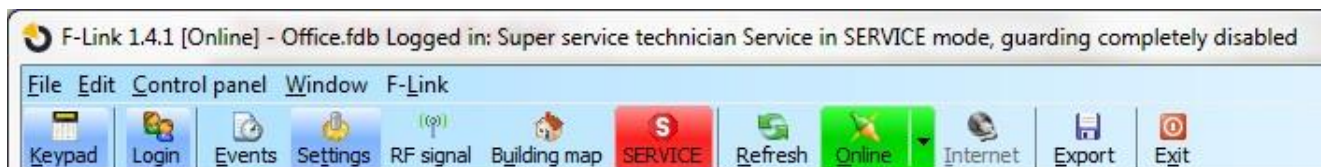
Đối với các thiết bị hai chiều (hỗ trợ chức năng này), khi bạn đặt con trỏ chuột on mức tín hiệu của thiết bị, nó sẽ hiển thị cả hai kênh liên lạc giữa Bộ trung tâm và thiết bị.

**Kênh\*** – thông báo về BUS được sử dụng bởi thiết bị để giao tiếp. Ba hướng được phân biệt: BUS 1, BUS 2, 3 (chỉ JA-107K) và đầu nối I-BUS được thiết kế cho module radio JA-11xR (JA-103K). Đối với các thiết bị không dây hai chiều (chuông báo động, bàn phím, v.v.) cột "Kênh" hiển thị module radio mà qua đó thiết bị hiện đang giao tiếp.

## 11. Các tùy chọn F-Link khác

Phiên bản F-Link luôn được chỉ định ở thanh trên cùng sau tên.

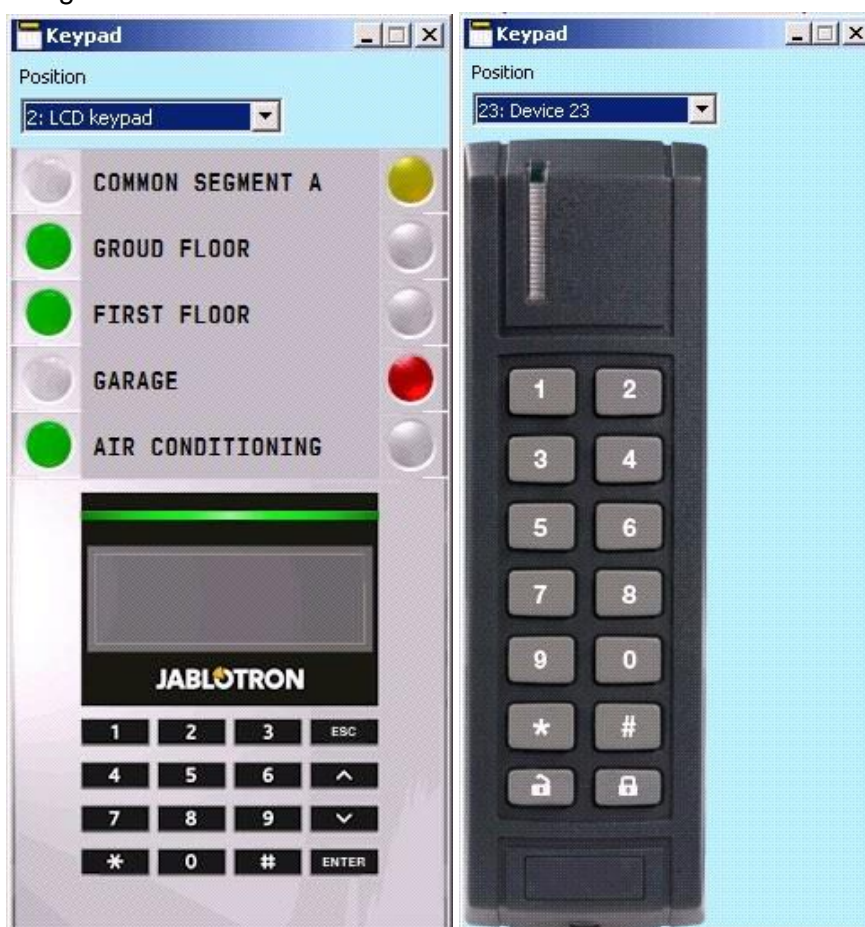
Thanh công cụ cung cấp quyền truy cập ngay vào bàn phím ảo, sự kiện hệ thống, cài đặt, tín hiệu RF của các module radio, bản đồ trang web, thay đổi chế độ, truy cập cục bộ và từ xa vào Bộ trung tâm.



### 11.1 Bàn phím (ảo)

Bàn phím ảo trong F-Link (bây giờ cũng trong J-Link) cho tất cả các loại module điều khiển cho phép điều khiển (của các phân khu, PG output) với việc sử dụng các phân khu (không phải phím đánh số) của người đăng nhập vào F-Link. Điều này có nghĩa là mã không thể Nhập.

Hệ thống có thể được điều khiển cục bộ và từ xa (đặt và bỏ cài đặt) bằng cách nhấp vào các biểu tượng đại diện cho trạng thái hệ thống trong thanh công cụ thấp hơn và trong tab phân khu bằng các nút ở đó.





## 11.2 Lịch sử sự kiện

Lịch sử sự kiện có thể truy cập được trong F-Link bằng cách nhấn nút Sự kiện và chọn "Lịch sử sự kiện". Trong Bộ nhớ của Bộ trung tâm (thẻ nhớ microSD) lên đến vài triệu bản ghi có thể được lưu trữ với số tuần tự, ngày và thời gian chính xác và nguồn gốc của sự kiện.

ID	Time	Source	Section	Event	Channel
50	9/4/2014 9:59:19 AM	Detector 11: Living room	2: First floor	Instant alarm	11: Living room
51	9/4/2014 9:59:20 AM	User 1: Master	2: First floor	Alarm cancelled	USB
52	9/4/2014 9:59:20 AM	Detector 9: Balcony door	2: First floor	Zone is back in arm mode	0: Control panel
53	9/4/2014 9:59:20 AM	User 1: Master	2: First floor	Unset	USB
54	9/4/2014 9:59:22 AM	User 1: Master	3: Garage	Set	USB
55	9/4/2014 9:59:24 AM	Detector 9: Balcony door	2: First floor	Set with active zone	0: Control panel
56	9/4/2014 9:59:24 AM	User 1: Master	2: First floor	Set	USB
57	9/4/2014 9:59:26 AM	User 1: Master	1: Groud floor	Set	USB
58	9/4/2014 9:59:26 AM	Detector 0: Control panel	4: Fully set	Set	0: Control panel
59	9/4/2014 9:59:32 AM	Detector 11: Living room	2: First floor	Instant activation	11: Living room
60	9/4/2014 9:59:32 AM	Detector 11: Living room	2: First floor	Instant Deactivation	11: Living room
61	9/4/2014 9:59:32 AM	Detector 11: Living room	2: First floor	Instant alarm	11: Living room
62	9/4/2014 9:59:33 AM	Detector 4: Kitchen window	1: Groud floor	Instant activation	4: Kitchen window
63	9/4/2014 9:59:33 AM	Detector 4: Kitchen window	1: Groud floor	Instant alarm	4: Kitchen window
64	9/4/2014 9:59:37 AM	Detector 8: Indoor siren	1: Groud floor	Mute	8: Indoor siren
65	9/4/2014 9:59:37 AM	Detector 8: Indoor siren	1: Groud floor	Mute	8: Indoor siren
66	9/4/2014 9:59:43 AM	Detector 11: Living room	2: First floor	Instant activation	11: Living room
67	9/4/2014 9:59:43 AM	Detector 11: Living room	2: First floor	Instant Deactivation	11: Living room
68	9/4/2014 9:59:43 AM	Detector 11: Living room	2: First floor	Instant alarm	11: Living room
69	9/4/2014 9:59:44 AM	Detector 4: Kitchen window	1: Groud floor	Instant Deactivation	4: Kitchen window
70	9/4/2014 9:59:47 AM	User 1: Master	2: First floor	Alarm cancelled	USB
71	9/4/2014 9:59:47 AM	Detector 9: Balcony door	2: First floor	Zone is back in arm mode	0: Control panel
72	9/4/2014 9:59:47 AM	User 1: Master	2: First floor	Unset	USB
73	9/4/2014 9:59:47 AM	Detector 0: Control panel	4: Fully set	Unset	0: Control panel
74	9/4/2014 9:59:49 AM	User 1: Master	1: Groud floor	Alarm cancelled	USB
75	9/4/2014 9:59:49 AM	User 1: Master	1: Groud floor	Unset	USB
76	9/4/2014 9:59:52 AM	User 1: Master	3: Garage	Unset	USB

**Các sự kiện từ Bộ nhớ bộ trung tâm** (cũng có sẵn sau khi nhấn F8) - khoảng 100 kB các sự kiện (từ thẻ nhớ microSD) được tải. Nếu phạm vi tải không đủ, bạn có thể liên tục chọn Tải / 100 (500) kB tiếp theo, phạm vi từ - đến hoặc Tất cả. Cảnh báo: Nếu bạn chọn Load/All, trong Bộ trung tâm có thời gian hoạt động lâu hơn, việc tải có thể mất vài phút. Lịch sử không ghi lại các sự kiện xảy ra trong quá trình cài đặt Service (chỉ đăng ký việc mở và đóng Chế độ Service). Các sự kiện đã tải có thể được lưu trong tệp trong menu Tệp bằng mục Xuất (Shift + Ctrl + S), cụ thể là ở một số định dạng (FDE, PDF, TXT, CSV, XML, HTM hoặc HTML). Hạng tổ FDE giúp F-Link có thể tải xuống các sự kiện một lần nữa.

**Lưu ý:** Tùy chọn tải phạm vi từ - đến (ngày) chỉ khả dụng khi được kết nối từ xa.

**Các sự kiện trực tuyến** (cũng có sẵn sau khi nhấn F7) - trong bảng tạm thời tất cả các sự kiện được ghi lại được lưu trong lịch sử sự kiện và xảy ra sau khi kích hoạt tùy chọn này, bao gồm các sự kiện trong quá trình cài đặt Service.

**Tín hiệu trực tuyến** (cũng có sẵn sau khi nhấn F6) - trong bảng tạm thời tất cả các tín hiệu được ghi lại được đăng ký bởi BUS (ví dụ: cũng kích hoạt và vô hiệu hóa cảm biến).

**Sự kiện từ tệp – sự kiện từ lịch sử sự kiện được lưu trong định dạng** tệp khu vực dữ liệu FDE có thể được mở (xem Sự kiện từ Bộ nhớ Bộ trung tâm).

**Tải** - giúp bạn có thể tải nhiều sự kiện sâu hơn từ lịch sử thêm 100 kB, 500 kB (100 kB tương ứng với khoảng 1200 sự kiện) hoặc tất cả.

**Highlight** – tô sáng màu sắc giúp bạn có thể phân biệt các loại sự kiện (báo động với màu đỏ, điều khiển với màu xanh lá cây, lỗi với màu cam, tamper màu xanh, trung tính với màu xanh nhạt, tự động hóa hoặc truyền tải có màu xám, v.v.).

**Cài đặt Bộ lọc** – Bộ lọc cho phép bạn chỉ có được thông tin mong muốn theo thời gian, theo

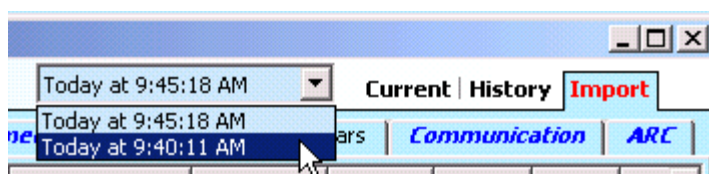
loại sự kiện, phân khu, người dùng, thiết bị hoặc PG output một cách rất chi tiết. Các Bộ lọc có thể được kết hợp để tăng hiệu quả tìm kiếm trong lịch sử sâu sắc.

### 11.3 Thiết lập hệ thống

Cửa sổ được sử dụng để thiết lập hành vi của hệ thống, tất cả các thiết bị, phân khu, người dùng, PG output, giao tiếp và truyền đến ARC có sẵn bằng cách nhấn nút Cài đặt trên thanh trên cùng cơ bản.

	Name	Type	Section	Reaction	Internal	PG activation	Intern...	Supervision	Alar...	Disable	Status
0	Control panel	JA-101K	1: Groud floor				Enter				TMP
1	Radio module	JA-110R	1: Groud floor				Enter	<input checked="" type="checkbox"/>			OK
2	LCD keypad	JA-114E	1: Groud floor				Enter	<input checked="" type="checkbox"/>			OK
3	Main door	JA-110M	1: Groud floor	Delayed zone A alarm	<input type="checkbox"/>	No	Enter	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>		OK
4	Kitchen window	JA-110M	1: Groud floor	Instant zone alarm	<input type="checkbox"/>	No	Enter	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>		OK
5	Garage door	JA-111M	3: Garage	Delayed zone C alarm	<input type="checkbox"/>	No	Enter	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>		ACT
6	Hall	JA-110P	1: Groud floor	Next delay zone alarm	<input checked="" type="checkbox"/>	2: Light hall	Enter	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>		OK
7	Garage PIR	JA-120PW	3: Garage	Delayed zone C alarm	<input type="checkbox"/>	3: Light garage	Enter	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>		OK
8	Indoor siren	JA-110A	1: Groud floor	Siren mute			Enter	<input checked="" type="checkbox"/>			OK
9	Balcony door	JA-150M	2: First floor	Instant always	<input type="checkbox"/>	No		<input checked="" type="checkbox"/>			ACT
10	Balcony window	JA-150M	2: First floor	Instant always	<input type="checkbox"/>	No		<input checked="" type="checkbox"/>			OK
11	Living room	JA-151P	2: First floor	Instant zone alarm	<input checked="" type="checkbox"/>	No	Enter	<input checked="" type="checkbox"/>			TMP
12	Interface	JA-121T	1: Groud floor				Enter	<input type="checkbox"/>			OK
13	Remote control	JA-182J	4: Fully set	Set		No	Enter	<input type="checkbox"/>			
14	Device 14	Enroll	1: Groud floor	-	<input type="checkbox"/>	No		<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>		
15	Device 15	Enroll	1: Groud floor	-	<input type="checkbox"/>	No		<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>		
16	Device 16	Enroll	1: Groud floor	-	<input type="checkbox"/>	No		<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>		

- Cửa sổ Cài đặt Hệ thống được mở và đóng bằng nút **Cài đặt** trong thanh công cụ trên cùng.
- Trong cửa sổ bạn có thể chuyển đổi giữa các tab sau: **Cài đặt ban đầu, phân khu, Thiết bị, Người dùng, Báo cáo...**
- Cửa sổ sẽ hiển thị **cài đặt hiện tại của Bộ trung tâm** được tải khi mở phần mềm F-Link. Nút **Tải** trong thanh công cụ trên cùng có thể được sử dụng để tải nội dung hiện tại của Bộ trung tâm bất cứ lúc nào.
- Nếu bạn muốn xem các thiết lập cũ hơn của **Bộ trung tâm, hãy dùng tab Lịch sử** ở góc trên bên phải. Lịch sử không thể thay đổi, nhưng nó có thể được lưu trong Bộ trung tâm (nếu bạn cần quay lại cài đặt trước đó). Tối đa 10 cài đặt trước đó được ghi lại trong lịch sử (được sắp xếp theo ngày và giờ) và tất cả các thay đổi thiết lập.
- Bạn có thể **nhập thiết lập** từ cài đặt khác đến hệ thống, ví dụ: sau khi thay thế Bộ trung tâm



cũ bằng Bộ trung tâm mới hoặc sử dụng mẫu mặc định. Nếu bộ trung tâm được thay thế bằng một cái mới, sau khi kết nối, một khu vực dữ liệu hoàn toàn mới sẽ được tạo trong máy tính. Để nhập thiết lập từ khu vực dữ liệu khác, trong thanh trên cùng của menu chính, hãy chọn **Tệp / Nhập** và chọn tệp bạn muốn để nhập thiết lập từ. Sau lựa chọn này, **Nhập khẩu** nút trong **Thiết lập Hệ thống** tab sẽ là.

- Đối với các ứng dụng đơn giản hơn, bạn chỉ có thể đặt các chức năng cơ bản của hệ thống. Nếu bạn cần đặt tất cả các **chức năng** của hệ thống, hãy sử dụng nút "Nâng cao" ở góc dưới bên phải. Bằng cách liên tục nhấn nút này, bạn có thể ẩn các tùy chọn cài đặt nâng cao (cài

đặt của chúng vẫn còn hiệu lực mặc dù chúng bị ẩn. Nút **Nâng cao /Cơ bản** cũng có sẵn trong các cửa sổ khác.



7. **Nếu bạn thực hiện thay đổi đối với cài đặt, nó sẽ được chỉ định bằng văn bản màu xanh** (tên của tab cũng sẽ trở thành màu xanh). Dấu hiệu màu xanh sẽ biến mất ngay khi bạn lưu các thay đổi.
  8. Bạn có thể **Lưu Thiết lập** bằng nút **Lưu** (ở phía dưới bên phải). Nếu bạn đang lưu cài đặt trong Bộ trung tâm lần đầu tiên, F-Link sẽ yêu cầu bạn nhập **tên tệp**. Trong máy tính, một tệp có hậu tố \*FDB sẽ được tạo trong đó lịch sử cài đặt được lưu dần (mỗi khi các cài đặt được lưu trong Bộ trung tâm). Nếu bạn không muốn lưu các thay đổi, hãy chọn nút **Hủy bỏ** và trong câu hỏi xác nhận chọn **Bỏ qua**. Tham số có thể được thay đổi trong nhiều tab hơn và sau đó bạn có thể Lưu tất cả các thay đổi.
  9. Nút **Quét/thêm thiết bị BUS mới** (Thanh công cụ thấp hơn on tab Thiết bị) sẽ mở hộp thoại đăng ký tập thể (không có khả năng chọn vị trí) của các thiết bị được kết nối với BUS và chưa được kết nối với hệ thống theo cách khác. Xem chương 8.4.1 Các thiết bị kết nối và xóa.
  10. Nút **tín hiệu kết nối Gửi** (Thiết bị và tab PG output) sẽ phát ra việc gửi mã đăng ký của Bộ trung tâm đến các thiết bị không dây, ví dụ: đến các module đầu ra không dây.
  11. **Cài đặt tất cả** các tham số chỉ có thể thực hiện được trong Chế độ Service (hệ thống không bảo vệ). Chế độ Service được kích hoạt và hủy kích hoạt với nút Service trong thanh công cụ trên cùng.
  12. **Một số thông số có thể được thay đổi trong quá trình hoạt động**. Do đó, tab Thiết lập có thể được mở mà không cần nhập Chế độ Service. Tuy nhiên, các tùy chọn có sẵn chỉ có thể được thiết lập.
  13. **F-Link chứa trợ giúp bong bóng** - sau khi đặt con trỏ chuột lên một mục, mô tả văn bản sẽ được hiển thị. Bạn có thể vô hiệu hóa trợ giúp bong bóng trong menu cuộn xuống F-Link.
- Các vấn đề có thể xảy ra trong quá trình sử dụng Thiết lập Hệ thống:**

Vấn đề	Nguyên nhân có thể
Không có hoặc một số tham số được hiển thị không thể thay đổi	Hệ thống không ở Chế độ Service và bạn đã chọn một hàm chỉ có thể thay đổi trong mã Service. Khi bắt đầu F-Link, Mã Service không được nhập và bạn không có phân quyền. Đây là một cài đặt không thể thay đổi (phân quyền của Kỹ thuật viên, vị trí Bộ trung tâm, thiết bị không hỗ trợ nó, v.v.). Cài đặt ARC đã bị chặn bởi kỹ thuật viên ARC. Bạn đang tắt line. Bạn đã bật tham số để hoàn thành tiêu chuẩn EN 50131.
Không thể tìm thấy tham số được yêu cầu	Chỉ hiển thị các tùy chọn cơ bản, sử dụng nút Nâng cao. Bạn không thấy toàn bộ khu vực cài đặt on màn hình - sử dụng nút cuộn hoặc phóng to cửa sổ. Bạn được phân quyền bởi một mã có mức truy cập khác nhau.
Các vị trí được sắp xếp theo một cách khác.	Bằng cách nhấp vào tiêu đề của một cột, bạn có thể chọn cột nào sẽ được sử dụng làm tiêu chí để sắp xếp các vị trí; bằng cách nhấp vào tiêu đề nhiều lần, bạn có thể chọn thứ tự tăng dần hoặc giảm dần.
Một số tab bị thiếu	Nếu tab PG output không khả dụng, hãy kiểm tra xem số PG output được đặt trong tab Thiết lập ban đầu không phải là bằng không. Tab ARC không có sẵn nếu bạn không có đủ sự cho phép cho nó (nó có thể bị khóa bởi kỹ thuật viên ARC). Nó cũng có thể không khả dụng sau khi đăng ký hệ thống trong ứng dụng My-JABLOTRON. Bạn có một phiên bản cũ hơn của phần mềm F-Link (J-Link).




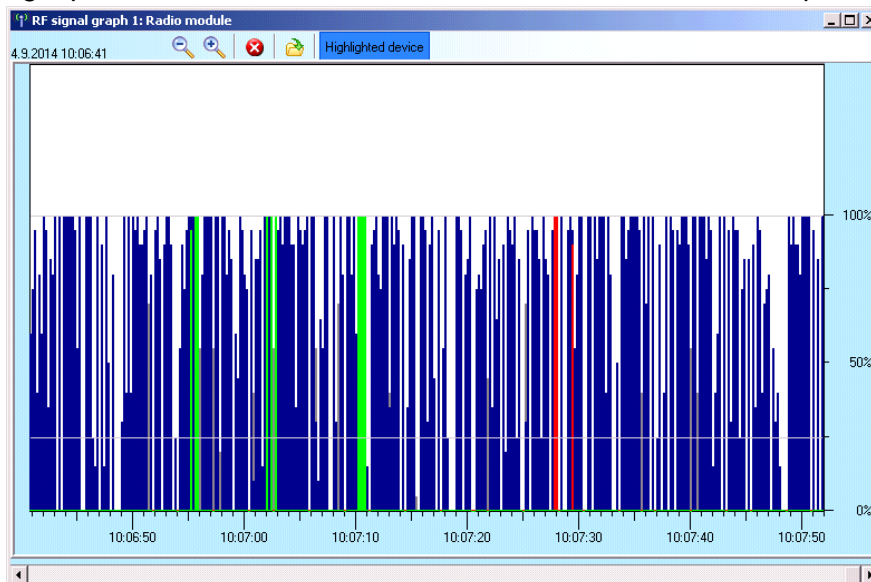
Thiết lập nội bộ không thể sửa đổi trong tab Thiết bị	Kiểm tra xem thiết bị có được kết nối, đăng ký và hoạt động đúng cách hay không. Chế độ Service không được bật. Một số thiết bị không có cài đặt nội bộ. Các phiên bản F-Link cũ hơn có thể không có hỗ trợ cho các loại thiết bị mới. Trong trường hợp thiết bị không dây kiểm tra xem module radio có được kết nối và hoạt động hay không.
Thiết bị không thể được kết nối vào tab Thiết bị	Đối với các thiết bị không dây - bạn chưa đăng ký module radio JA-11xR. Trong thiết bị BUS, đèn LED tín hiệu màu vàng phải nhấp nháy thường xuyên. Nếu nó không nhấp nháy, Phần tử không được kết nối đúng cách hoặc chưa ổn định sau khi kích hoạt nguồn điện (có thể mất tới 180 s.). Chế độ Service không bật. Các phiên bản F-Link cũ hơn có thể không có hỗ trợ cho các loại thiết bị mới.
PG output không phản ứng với việc kích hoạt thiết bị	Đảm bảo hệ thống không ở Chế độ Service. Trong tab Chẩn đoán, hãy kiểm tra xem thiết bị có Giao tiếp tin đến bộ trung tâm hay không. Trong tab PG output, kiểm tra xem đầu ra có bị chặn bởi trạng thái phần, thiết bị hoặc lịch hay không; kiểm tra cột Hàm để thiết đặt thích hợp. Trong JA-11xN, các mô-đun JA-15xN kiểm tra các công tắc DIP để thiết lập nhị phân thích hợp của địa chỉ và chức năng của mô-đun.

## 11.4 Tín hiệu RF

Cửa sổ để thể hiện đồ họa cường độ nhiều băng tần radio với khả năng chọn từ các module radio đã sử dụng. Sự hiện diện của các tín hiệu không xác định trong dải được biểu thị bằng màu đỏ. Màu xanh lá cây xác định tín hiệu giao tiếp của hệ thống (thiết bị đã đăng ký) và màu xanh được sử dụng để hiển thị thiết bị đã chọn từ danh sách mục thiết bị **được tô sáng** (xem hình). Màu xám cho thấy một nền (gây nhiễu). Với tùy chọn **Disable unknown devices**, có thể lọc các thiết bị không xác định và chỉ hiển thị các thiết bị đăng ký vào hệ thống.

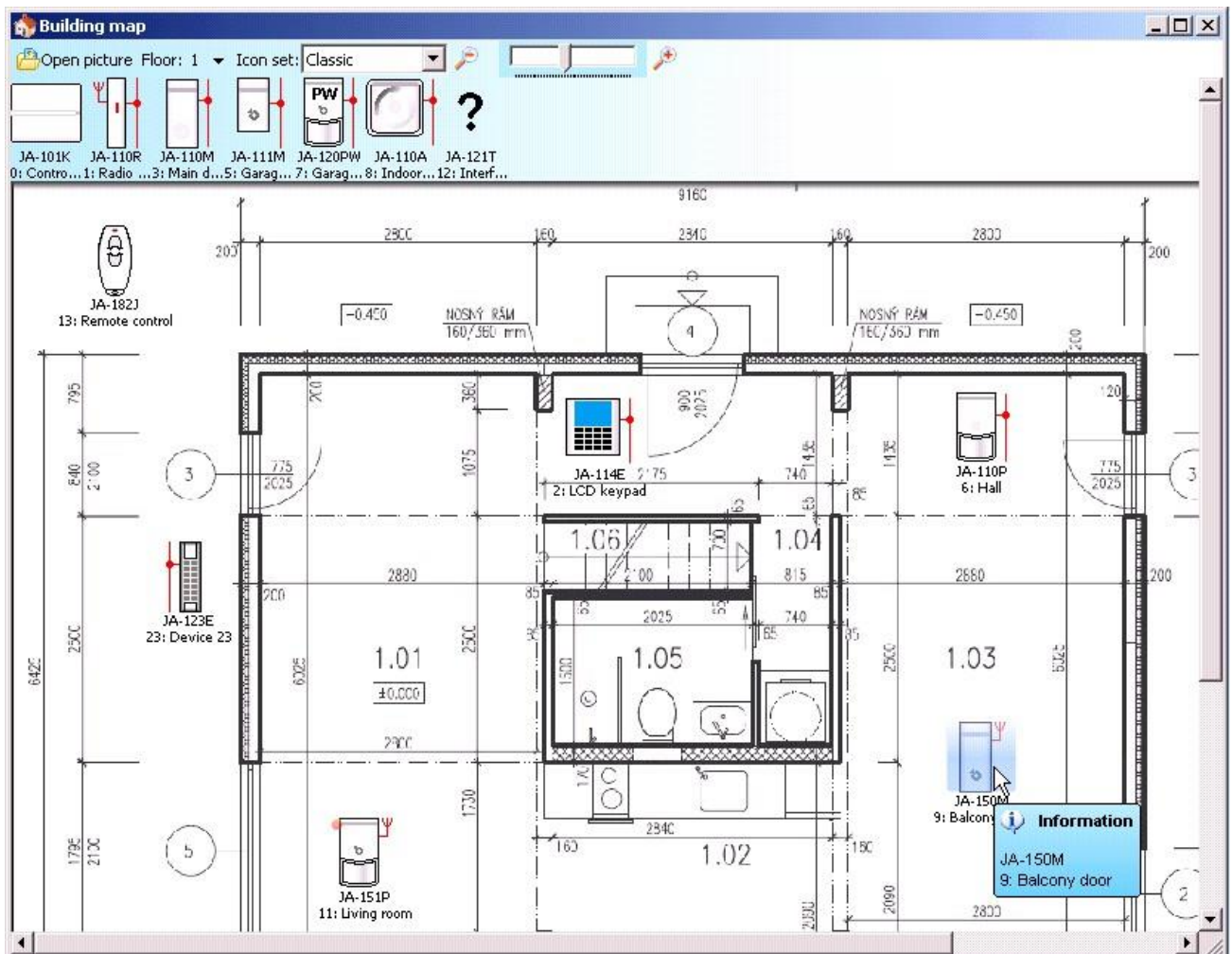
Ghi nhật ký nhiều được giám sát (khi cửa sổ Tín hiệu RF mở) có thể được xuất từ menu

chính sang tệp có hậu tố FDR và  nút có thể được sử dụng để nhập lại để xem.



## 11.5 Bản đồ báo động

Bạn có thể chèn một chế độ xem hàng đầu (jpg, gif, bmp, tif, png, v.v.) vào bản đồ tòa nhà cho mỗi tầng riêng biệt hoặc bạn có thể sử dụng các đường đơn giản để vẽ kế hoạch của riêng bạn. Ở mỗi tầng, bạn chỉ có thể chèn biểu tượng của các thiết bị đã đăng ký từ bảng biểu tượng bằng Kéo & Thả. Bạn có thể in bản đồ xây dựng bằng các biểu tượng hoặc bạn có thể lưu nó dưới dạng hình ảnh BMP bằng cách sử dụng mục In hoặc Xuất trong menu chính.



## 11.6 Service (Service)



Chuyển chế độ Bộ trung tâm giữa trạng thái Bỏ cài đặt (khi có thể thực hiện thay đổi cài đặt trong tất cả các tab ngoại trừ tab Cài đặt) và Chế độ Service (có thể thực hiện thay đổi trong tab Thiết bị, bao gồm đăng ký, thay đổi cài đặt nội bộ và xóa thiết bị).

## 11.7 Bảo trì (Maintenance)

Chuyển chế độ Bộ trung tâm giữa trạng thái Hủy đặt và chế độ Bảo trì.

## 11.8 Refresh



Cập nhật cài đặt nội bộ của thiết bị sau khi thay đổi phân khu cứng, ví dụ: bổ sung các phân khu để truy cập các module hoặc bàn phím.

## 11.9 Trực tuyến



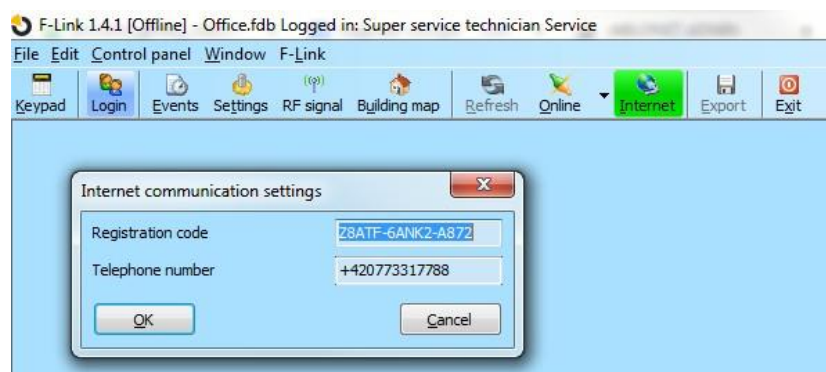
Kết nối hoặc ngắt kết nối F-Link khỏi bộ trung tâm bằng cáp USB. Sau khi kết nối, phần mềm sẽ tự động tìm cổng mà bộ trung tâm sử dụng để giao tiếp

## 11.10 Internet



Kết nối từ xa hoặc ngắt kết nối F-Link khỏi Bộ trung tâm thông qua Internet. Điều kiện tiên quyết để thiết lập kết nối là mã đăng ký được nhập đúng cách (nó được tự động nhập sẵn từ khu vực dữ liệu được sử dụng để lập trình Bộ trung tâm), số điện thoại của thẻ SIM trong Bộ trung tâm (cũng được nhập sẵn từ Thông tin cài đặt) và máy tính được kết nối với Internet. Truy cập từ xa có thể bị vô hiệu hóa trong tab Giao tiếp / Kiểu Giao tiếp = Không cần giao tiếp từ xa. Nếu SIM Bảo mật đang được sử dụng, tùy

chọn này sẽ bị vô hiệu hóa.



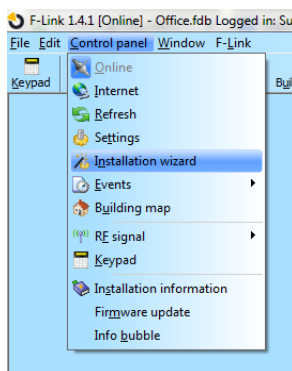
Sau khi nhấp vào nút Internet, một cửa sổ hộp thoại với dữ liệu được nhập sẵn sẽ được hiển thị. Nếu bạn đang kết nối từ một khu vực dữ liệu "trống" mới, mã đăng ký và số điện thoại sẽ phải được thêm vào. Nếu kết nối Security SIM và LAN đang được sử dụng, số điện thoại không phải nhập. Thiết lập kết nối chỉ mất vài giây, nhưng việc tải xuống cấu hình phụ thuộc vào kích thước hệ thống và thường có thể mất từ 1 đến 2 phút.

**Lưu ý:** Thông tin về cách thiết lập kết nối GPRS / LAN và lượng dữ liệu được gửi và nhận được hiển thị ở góc dưới bên phải.

FW: MD60419.1 HW: MD11006 SN: 1400-40-2758-2402 Fault 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 14 15 C ↓ 208,8KB ↑ 3,2KB: LAN

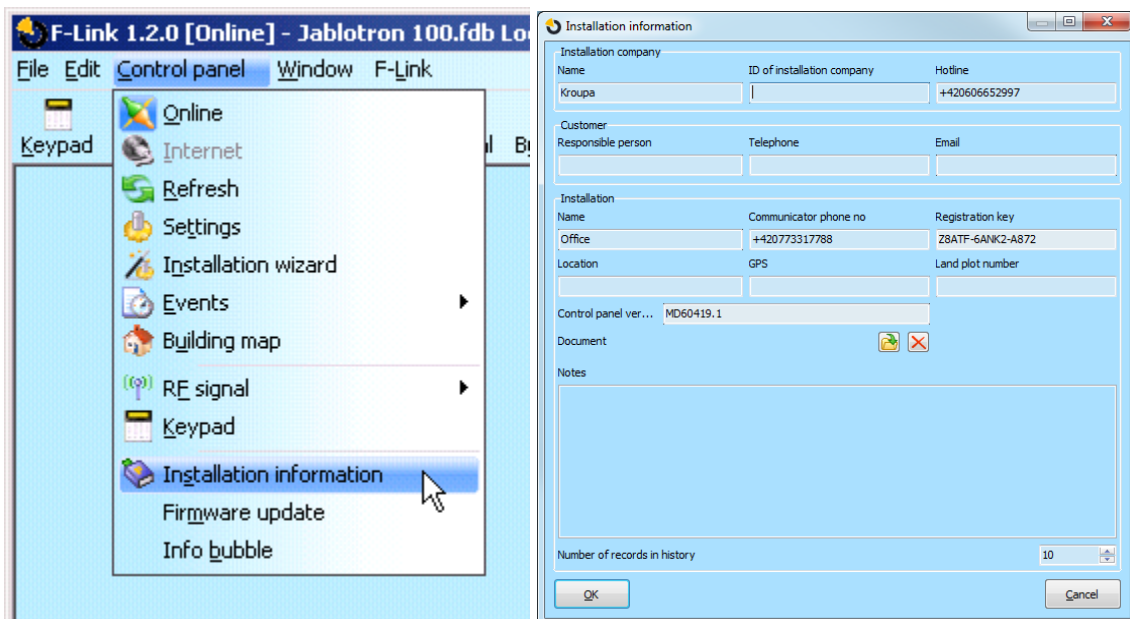
## 11.11 Hướng dẫn cài đặt (Installation wizard)

Một trợ lý để dần dần đi qua các tab Cài đặt tạo điều kiện cho quá trình lập trình của hệ thống. Hướng dẫn được bật trong menu Chính Bộ trung tâm và bị vô hiệu hóa với nút Đóng ở góc dưới bên phải của cửa sổ Hướng dẫn.



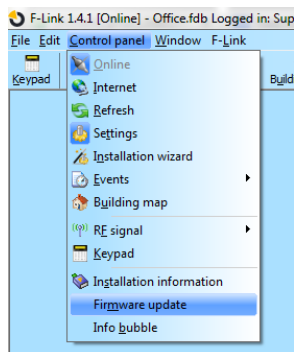
## 11.12 Thông tin cài đặt

Cửa sổ chứa các mục để công ty lắp đặt lưu thông tin liên hệ quan trọng về hệ thống chủ nhân toàn bộ hệ thống và có thể là một tài liệu bên ngoài liên quan đến tòa nhà (đề nghị, cấu hình chấp nhận, hóa đơn, v.v.). Kỹ thuật viên lắp đặt có thể điền vào các ghi chú và thông tin thu được trong quá trình lắp ráp có thể hữu ích ví dụ như trong trường hợp hệ thống phân khu mở rộng.



### 11.13 Cập nhật firmware

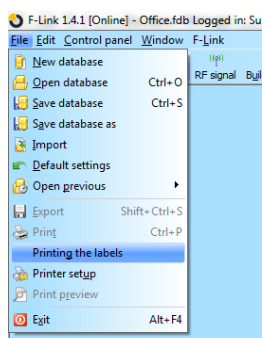
Một bản cập nhật hoặc thay đổi firmware cho phép thay đổi trạng thái của các thiết bị nâng cấp (Bộ trung tâm, module radio, bàn phím, cảm biến, v.v.) với gói mà nhà sản xuất chính thức phát ra trong Jablotron sever. F-Link tự động tải xuống từ máy chủ JABLOTRON (sau truy vấn), nếu trong menu F-Link, mục Cập nhật Tự động được kích hoạt (trong cài đặt mặc định, nó được kích hoạt). Nếu mục không được bật F-Link sẽ giúp bạn có thể tìm đường đến các tệp FWP trong máy tính theo cách thủ công trước khi nâng cấp.



### 11.14 In nhãn

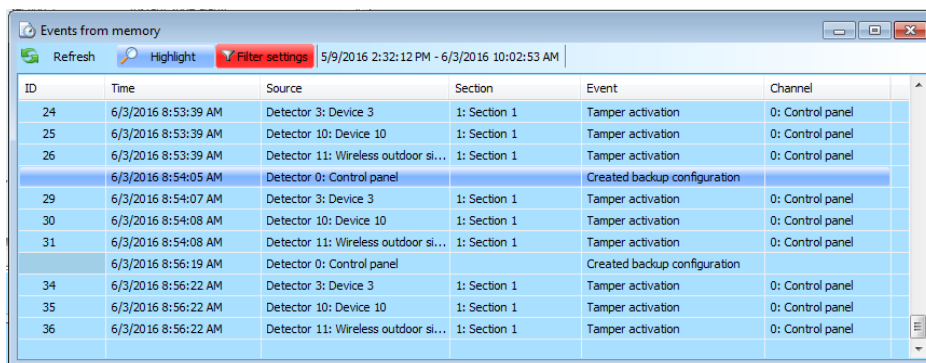
Để in nhãn với tên của phân khu module truy cập được sử dụng, thật thuận tiện khi sử dụng hàm Nhãn In trong cửa sổ cài đặt trong nhà của mỗi module truy cập đã sử dụng, hãy xem tab Chương 10.5.1.1 “Phân khu”.

Bạn có thể nhập văn bản của riêng bạn để được in. Các văn bản đã chỉnh sửa không được phần mềm lưu sau khi in, vì vậy chúng không có sẵn để in lặp lại có thể. Văn bản trên nhãn có thể được căn chỉnh sang trái hoặc trung tâm.

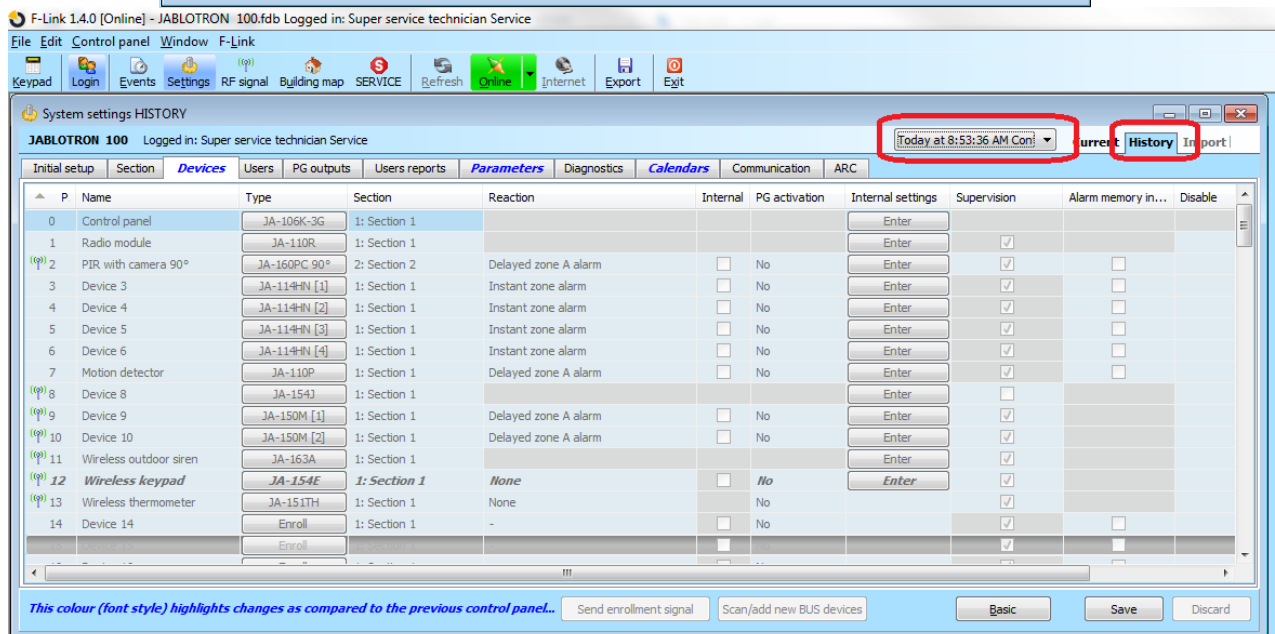


## 11.15 Lịch sử cài đặt

Bộ trung tâm lưu cài đặt của tất cả các thiết bị với những thay đổi về lập trình của chúng đối với thẻ SD. Và nó cũng ghi lại sự kiện "Sao lưu cấu hình được tạo ra" trong lịch sử với thông tin về tên tệp. Nó bao gồm cấu hình trước khi thay đổi thực thi để đảm bảo một cách để có được cấu hình trước đó trở lại, để duyệt nó và để kiểm tra khi thay đổi đó được thực hiện. Để duyệt các thay đổi cấu hình đã lưu, hãy mở Sự kiện từ Bộ nhớ Bộ trung tâm và tìm kiếm các sự kiện thay đổi cấu hình theo ngày và thời gian và để so sánh với lập trình hệ thống hiện tại, tải nó và xem trong tab "Lịch sử" có sẵn ở góc trên bên phải của cửa sổ "Cài đặt hệ thống". Những thay đổi trong cấu hình được tô sáng bằng các chữ cái in hướng màu xanh. Từ tệp sao lưu đã lưu, có thể chấp nhận các thay đổi và bằng cách nhấp vào nút "Lưu" lưu nó vào Bộ trung tâm hoặc sau khi duyệt các thay đổi, hãy quay lại cài đặt hiện tại bằng cách nhấp vào tab "Hiện tại". Tất cả các sửa đổi cấu hình được lưu vào thư mục được gọi là BACKUP, trong tệp CFGxxxx.bak với một số theo thứ tự thay đổi được thực hiện.



ID	Time	Source	Section	Event	Channel
24	6/3/2016 8:53:39 AM	Detector 3: Device 3	1: Section 1	Tamper activation	0: Control panel
25	6/3/2016 8:53:39 AM	Detector 10: Device 10	1: Section 1	Tamper activation	0: Control panel
26	6/3/2016 8:53:39 AM	Detector 11: Wireless outdoor si...	1: Section 1	Tamper activation	0: Control panel
	6/3/2016 8:54:05 AM	Detector 0: Control panel		Created backup configuration	
29	6/3/2016 8:54:07 AM	Detector 3: Device 3	1: Section 1	Tamper activation	0: Control panel
30	6/3/2016 8:54:08 AM	Detector 10: Device 10	1: Section 1	Tamper activation	0: Control panel
31	6/3/2016 8:54:08 AM	Detector 11: Wireless outdoor si...	1: Section 1	Tamper activation	0: Control panel
	6/3/2016 8:56:19 AM	Detector 0: Control panel		Created backup configuration	
34	6/3/2016 8:56:22 AM	Detector 3: Device 3	1: Section 1	Tamper activation	0: Control panel
35	6/3/2016 8:56:22 AM	Detector 10: Device 10	1: Section 1	Tamper activation	0: Control panel
36	6/3/2016 8:56:22 AM	Detector 11: Wireless outdoor si...	1: Section 1	Tamper activation	0: Control panel



System settings HISTORY  
JABLOTRON 100 Logged in: Super service technician Service

Initial setup	Section	Devices	Users	PG outputs	Users reports	Parameters	Diagnostics	Calendars	Communication	ARC
0	Control panel	JA-106K-3G	1: Section 1							
1	Radio module	JA-110R	1: Section 1							
2	PIR with camera 90°	JA-160PC 90°	2: Section 2	Delayed zone A alarm	<input type="checkbox"/>	No	Enter	<input checked="" type="checkbox"/>		
3	Device 3	JA-114#N [1]	1: Section 1	Instant zone alarm	<input type="checkbox"/>	No	Enter	<input checked="" type="checkbox"/>		
4	Device 4	JA-114#N [2]	1: Section 1	Instant zone alarm	<input type="checkbox"/>	No	Enter	<input checked="" type="checkbox"/>		
5	Device 5	JA-114#N [3]	1: Section 1	Instant zone alarm	<input type="checkbox"/>	No	Enter	<input checked="" type="checkbox"/>		
6	Device 6	JA-114#N [4]	1: Section 1	Instant zone alarm	<input type="checkbox"/>	No	Enter	<input checked="" type="checkbox"/>		
7	Motion detector	JA-110P	1: Section 1	Delayed zone A alarm	<input type="checkbox"/>	No	Enter	<input checked="" type="checkbox"/>		
8	Device 8	JA-154J	1: Section 1				Enter	<input type="checkbox"/>		
9	Device 9	JA-150M [1]	1: Section 1	Delayed zone A alarm	<input type="checkbox"/>	No	Enter	<input checked="" type="checkbox"/>		
10	Device 10	JA-150M [2]	1: Section 1	Delayed zone A alarm	<input type="checkbox"/>	No	Enter	<input checked="" type="checkbox"/>		
11	Wireless outdoor siren	JA-163A	1: Section 1				Enter	<input checked="" type="checkbox"/>		
12	Wireless keypad	JA-154E	1: Section 1	None	<input type="checkbox"/>	No	Enter	<input checked="" type="checkbox"/>		
13	Wireless thermometer	JA-151TH	1: Section 1	None				<input checked="" type="checkbox"/>		
14	Device 14	Enroll	1: Section 1	-	<input type="checkbox"/>	No		<input checked="" type="checkbox"/>		

Phần mềm F-Link tiết kiệm (3 đến 10 trong thông tin Cài đặt cửa sổ) lịch sử của các thiết lập ngược lại trong khu vực dữ liệu. Lịch sử cài đặt được phần mềm sử dụng để nâng cấp chương trình khu vực của bộ trung tâm vì thay đổi luôn làm mất cài đặt trước đó và lịch sử này có thể được sử dụng để khôi phục nó. Tùy chọn tương tự có thể được sử dụng trong trường hợp RESET bộ trung tâm về cài đặt mặc định, thay thế thẻ SD, thay đổi ngôn ngữ khi văn bản bị xóa, có thể được khôi phục theo cách này hoặc chỉ trong trường hợp vô tình thay đổi một thiết lập.



## 12. RESET bộ trung tâm

Bạn chỉ có thể khôi phục các thiết lập mặc định của Bộ trung tâm theo cách sau nếu trong phần mềm F-Link trong tab Tham số, mục được phép RESET được kiểm tra. Nếu RESET không được phép và bạn không biết mã Service, bạn không thể RESET Bộ trung tâm và Bộ trung tâm phải được gửi đến nhà phân phối.

Thủ tục:

1. Chuyển Bộ trung tâm sang Chế độ Service (không bắt buộc).
2. Mở nắp Bộ trung tâm: RESET yêu cầu liên hệ tamper phải hoạt động. Nếu tình trạng điểm 1 không được đáp ứng, báo động sẽ được kích hoạt.
3. Ngắt kết nối cáp USB khỏi Bộ trung tâm.
4. Tắt nguồn điện (dễ dàng nhất bằng cách giải phóng cầu chì cung cấp năng lượng) và ngắt kết nối pin.
5. Kết nối các chân trên Bộ trung tâm được đánh dấu RESET (sử dụng Jumper có trong gói).
6. Đầu tiên kết nối pin và sau đó là nguồn điện của Bộ trung tâm và chờ đợi. Các chỉ số LED màu xanh lá cây, vàng và đỏ ở Jumper sẽ sáng lên (nếu chỉ có chỉ báo LED màu đỏ vẫn bật, các thông số cài đặt / Reset Allowed không được bật).
7. Chờ khoảng 15 s và sau đó ngắt kết nối Jumper.
8. Sau vài giây, tất cả các chỉ báo LED sẽ nhấp nháy như một xác nhận hoàn thành thiết lập lại Bộ trung tâm. Sau đó, khởi động lại điện áp của Bộ trung tâm và thiết bị BUS sẽ xảy ra, điều này sẽ được xác nhận bằng đèn flash của tất cả các phân khu trên bàn phím.
9. Bằng cách này, Bộ trung tâm đã được RESET về cài đặt mặc định, bao gồm lựa chọn ngôn ngữ. Tuy nhiên, việc RESET Bộ trung tâm không gây xóa lịch sử của các sự kiện được lưu trên thẻ SD Bộ nhớ. Nếu RESET không được thực hiện chính xác, Bộ trung tâm sẽ giữ cài đặt ban đầu mà không có thay đổi.

## 13. Cập nhật firmware

*Các Bộ trung tâm và một số thiết bị khác của hệ thống JABLOTRON 100+ cho phép thay đổi firmware. Firmware thường được thay đổi để mở rộng các thông số hữu ích của thiết bị.*

### 13.1 Quy tắc cập nhật firmware chung (FW)

1. Một thay đổi chỉ có thể được thực hiện với một máy tính với phần mềm **F-Link** được cài đặt hoặc với việc sử dụng truy cập cục bộ thông qua cáp USB hoặc từ xa, nơi khả năng thay đổi firmware được giới hạn trong các thiết bị BUS.

2. Firmware (FW) có thể được thay đổi bởi người dùng có quyền Service.

3. Kiểm tra xem bạn có đang sử dụng phiên bản cập nhật của F-Link hay không. Phiên bản mới nhất có sẵn tại trang web **Error! Hyperlink reference not valid.**

[vjablotron.com](http://www.vjablotron.com), **MyCOMPANY / MySTORAGE / phần mềm**, chỉ có thể truy cập cho các kỹ thuật viên được phân quyền sau khi đăng nhập. Hoặc với phần mềm F-Link đã được cài đặt và truy cập Internet F-Link cung cấp các bản cập nhật phần mềm sau khi bắt đầu tự động và đồng thời nó tự tải xuống gói FW hiện tại.

4. Kết nối máy tính với Bộ trung tâm bằng cáp USB, cáp được bao gồm trong Bộ trung tâm phân phối.

5. Khởi động phần mềm **F-Link** với Bộ trung tâm được kết nối.

6. Chuyển Bộ trung tâm sang Chế độ Service.

7. Bắt đầu **Bộ trung tâm / Cập nhật Firmware**

Nếu **Tự động Cập nhật** được phép trong menu **F-Link** (được bật trong cài đặt mặc định), danh sách các thiết bị cập nhật sẽ được hiển thị. Tập này là một phân khu của F-Link trong thư mục **F-Link x.x.x / Firmware** và trạng thái cập nhật của nó chỉ được đảm bảo tại thời điểm tải xuống F-Link. Trạng thái cập nhật của nó được tự động đảm bảo tại thời điểm F-Link được tải xuống.



Vị trí của tham số Cập nhật Tự động:

## 13.2 FW cập nhật cho Bộ trung tâm và các thiết bị được kết nối với BUS

1. Trong cửa sổ lựa chọn Firmware Update các thiết bị BUS nâng cấp và Bộ trung tâm chỉ được hiển thị. F-Link tự động chọn các thiết bị cần cập nhật (chúng có FW cũ hơn trong gói FW).

2. F-Link cảnh báo bạn khi các thiết bị không dây có thể được cập nhật. Xem bản cập nhật FW chương 13.3 cho các thiết bị không dây để biết thông tin về quy trình cập nhật của các thiết bị không dây.

3. Thông tin chi tiết hơn về phiên bản hiện tại và mới của các thiết bị riêng lẻ được hiển thị trong trợ giúp bong bóng sau khi di chuyển con trỏ chuột qua mỗi thiết bị được cung cấp Thiết bị.

4. Trong hộp chọn, hãy xem các thiết bị mà bạn muốn thay đổi FW. Nếu trong các tùy chọn được cung cấp có Bộ trung tâm với việc cung cấp phiên bản FW mới hơn, chúng tôi khuyên bạn nên để nó được kiểm tra. Một số mục có thể bắt buộc và do đó không có sẵn (màu xám) để hủy cập nhật.

5. Nếu tùy chọn cập nhật Bộ trung tâm được bật, khả năng giữ menu giọng nói người dùng đã sửa đổi được hiển thị. Nếu khả năng giữ menu bị vô hiệu hóa, cài đặt mặc định của menu giọng nói sẽ được khôi phục.

6. Nhấp vào OK để bắt đầu cập nhật FW của tất cả các thiết bị đã chọn. Tất cả các thay đổi sẽ được thực hiện trong vòng vài phút (tùy thuộc vào số lượng thiết bị). Cuối cùng, Bộ trung tâm sẽ khởi động lại hệ thống.

7. Sau khi thay đổi FW, một phân khu của mã đăng ký sẽ thay đổi. Sự thay đổi của nó sẽ



không có bất kỳ tác động nào đến khả năng truy cập từ xa (sử dụng F-Link) hoặc giao tiếp có thể có của Bộ trung tâm với Service MyJABLOTRON.

8. Nếu trong quá trình cập nhật Bộ trung tâm F-Link tìm thấy các tệp bị hỏng trong thẻ SD, nó sẽ định dạng nó và sau khi hoàn thành bản cập nhật, nó sẽ cung cấp khả năng nhập lại các cài đặt ban đầu.

9. Mặc dù bản cập nhật FW không thay đổi hành vi hệ thống, nhưng thực hiện kiểm tra theo mô tả trong chương Kiểm tra sau khi FW thay đổi 13.4 Kiểm tra sau khi cập nhật FW.

### 13.3 FW cập nhật cho các thiết bị không dây.

1. Bản cập nhật FW của các thiết bị không dây được thực hiện giống như các thiết bị BUS. Nếu cách cập nhật này thất bại, hãy tiến hành bằng cách làm theo các bước dưới đây:
  2. Mở thiết bị cập nhật không dây (ví dụ: JA-152E, JA-153E, JA-154E, JA-160PC, AC-160DIN, v.v.) Bằng cách đẩy chốt.
  3. Nếu nó chứa pin, hãy loại bỏ chúng và ngắt kết nối nguồn điện bên ngoài có thể.
  4. Bắt đầu F-Link, mở khu vực dữ liệu và kết nối cáp USB với máy tính (miniUSB hoặc microUSB tùy thuộc vào thiết bị đã sử dụng).
- Lưu ý:** Cáp USB không được bao gồm trong việc cung cấp các thiết bị riêng lẻ. Chúng tôi khuyên bạn nên sử dụng kết nối USB trực tiếp với PC, kết nối có thể với USB HUB có thể làm giảm độ tin cậy.
5. Việc cập nhật FW của các thiết bị không dây phải được thực hiện dần dần, nó không thể được thực hiện đồng thời với nhiều cáp USB hơn.
  6. Trong thiết bị không dây sẽ được cập nhật mở chế độ để tải FW mới. Trong trường hợp các thiết bị khác làm theo hướng dẫn của hướng dẫn sử dụng tương ứng.
  7. Sau đó tiếp tục như trong quá trình nâng cấp hệ thống với **phần mềm F-Link: Bộ trung tâm → Cập nhật Firmware**.
  8. Trong bảng lựa chọn thiết bị, hãy chọn mục USB (thường ở vị trí đầu tiên).
  9. Thông tin chi tiết hơn về phiên bản hiện có và mới của các thiết bị riêng lẻ được hiển thị trong trợ giúp bong bóng sau khi di chuyển con trỏ chuột qua từng thiết bị được cung cấp.
  10. Bằng cách nhấn nút OK, bạn sẽ nâng cấp tất cả các thiết bị.
  11. Sau khi hoàn thành bản cập nhật ngắt kết nối cáp USB, lắp lại pin hoặc kết nối nguồn điện và làm cho module hoàn thành.
  12. Thực hiện kiểm tra theo mô tả trong chương 13.4 “Kiểm tra sau khi cập nhật FW”.
  13. Tiếp tục nâng cấp thiết bị không dây tiếp theo.

### 13.4 Kiểm tra sau khi cập nhật FW

1. Kiểm tra cài đặt của tất cả các thiết bị và Bộ trung tâm đã thay đổi trong **F-Link, Thiết bị / Cài đặt nội bộ** Tùy thuộc vào phạm vi thay đổi được thực hiện trong quá trình cập nhật, cài đặt trước đó có thể được duy trì hoặc RESET về giá trị sản xuất mặc định. Nếu RESET các giá trị mặc định đã được thực hiện, bạn có thể sử dụng nút Nhập trong cài đặt nội bộ của các thiết bị riêng lẻ để chọn từ các cài đặt trước đó.
2. Nếu các mục mới được thêm vào trong bản cập nhật, chúng sẽ có cài đặt mặc định. Kiểm tra chúng và điều chỉnh các cài đặt khi cần thiết cho việc cài đặt.
3. Kiểm tra cài đặt và kiểm tra hoạt động của các thiết bị được cập nhật.

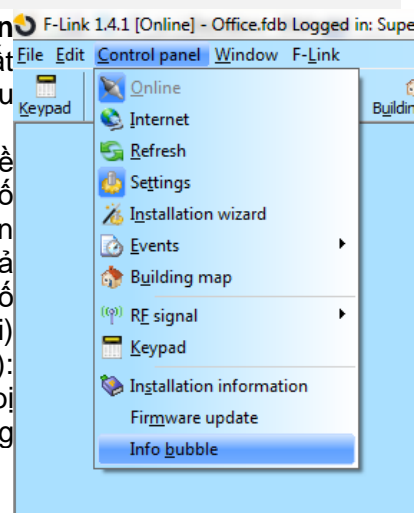
### 13.5 Cửa sổ thông tin

Nó được mở từ menu chính **Bộ trung tâm / Cửa sổ thông tin** trong quá trình tạo Cửa sổ thông tin Bộ trung tâm giải quyết tất cả các thiết bị được kết nối và thiết bị không dây để yêu cầu thông tin hiện tại của chúng.

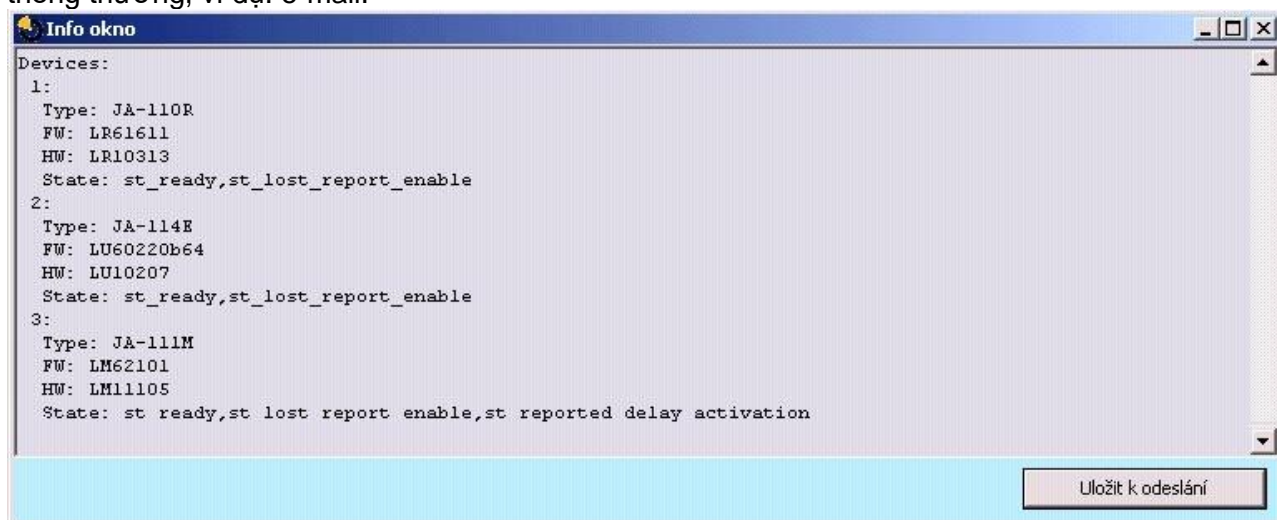
**Cửa sổ thông tin** cung cấp một cái nhìn tổng quan chung về dữ liệu kỹ thuật của toàn bộ hệ thống, bao gồm Bộ trung tâm (số sê-ri, mã đăng ký, phiên bản FW và HW, điện áp và dòng điện của BUS, phạm vi thiết lập: thiết bị, phân khu, PG output), tất cả các giao tiếp được sử dụng (GSM: số điện thoại, tín hiệu số BTS, LAN: trạng thái, MAC, IP, trạng thái đường dây điện thoại) cũng như tất cả BUS và thiết bị không dây (một và hai chiều): loại thiết bị, xác định các phiên bản FW / HW của các thiết bị riêng lẻ và trạng thái của chúng. Nó có sẵn trong tất cả các trạng thái của hệ thống (đặt / hủy đặt / Service).

Dữ liệu này là cần thiết, ví dụ: để liên lạc với nhà tư vấn kỹ thuật mà nút Lưu gửi ở góc dưới bên phải được thiết kế. Tệp

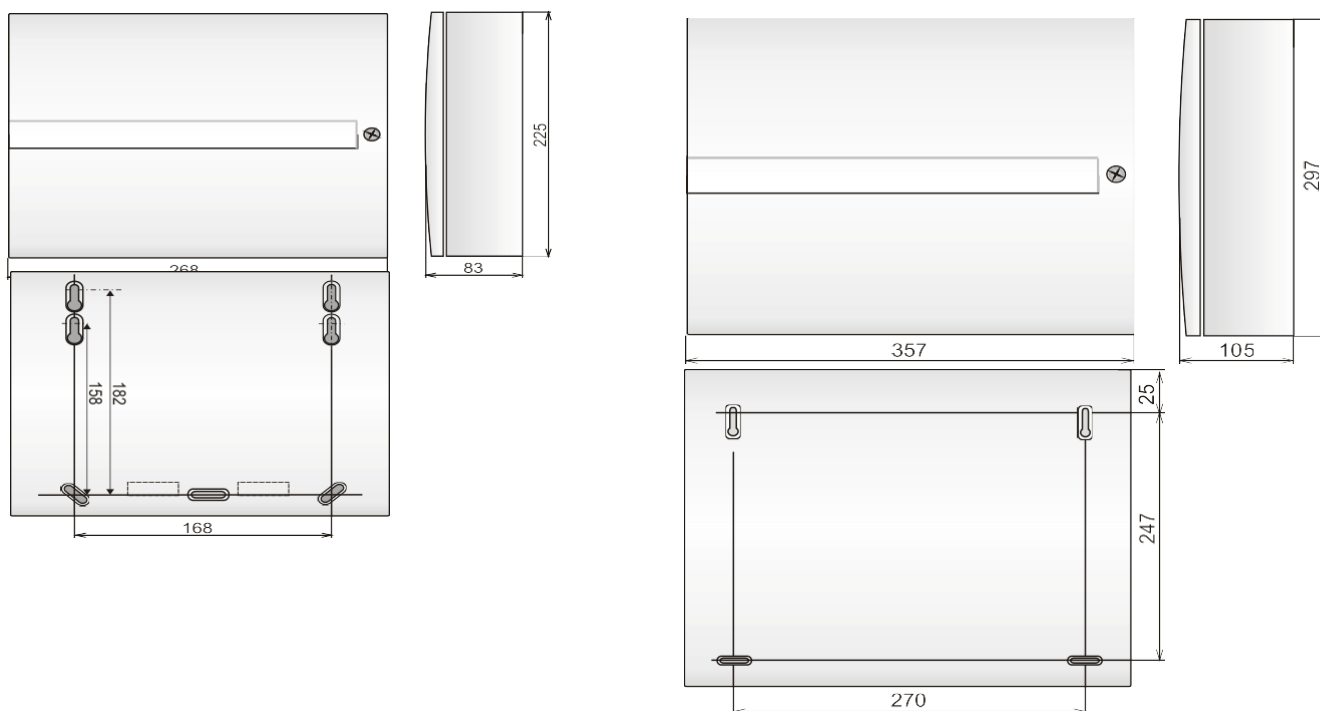
là một tệp nén ZIP và nó chứa dữ liệu số của cài đặt, bao gồm một phân khu của lịch sử sự



kiện (100 kB), nhưng nó không chứa bất kỳ dữ liệu nhạy cảm nào như số điện thoại của người dùng hoặc mã truy cập của họ hoặc dữ liệu bí mật khác. Tập đã lưu đạt được kích thước theo thứ tự hàng trăm KB và do đó nó có thể được phân phối bằng các phương tiện thông thường, ví dụ: e-mail.



### 13.6 Kích thước Bộ trung tâm



## 14. Ứng dụng web MyJABLOTRON

Ứng dụng web MyJABLOTRON là một Service độc đáo cung cấp cho người dùng và kỹ thuật viên lắp đặt quyền truy cập trực tuyến vào các thiết bị do Jablotron sản xuất. Khách hàng của Jablotron có thể sử dụng nó để quản lý hệ thống của họ. Người dùng cuối của báo động có thể sử dụng nó để kiểm soát và giám sát thiết bị của họ. Nó cung cấp cho các kỹ thuật viên lắp đặt một công cụ mạnh mẽ cho phép họ theo dõi và quản lý tất cả các báo động đã cài đặt và thoải mái tạo báo giá cho các cài đặt mới.

Tất cả mọi thứ liên quan đến báo động hoặc cài đặt của bạn có sẵn rõ ràng trong một ứng dụng có thể truy cập từ bất cứ đâu.

- Ứng dụng MyJABLOTRON cho phép người dùng:
- Xem **trạng thái hiện tại của báo động** (trong thiết lập ban đầu, các thiết bị đã đăng ký của bạn hiển thị cùng với sự kiện đã đăng ký cuối cùng và số phân khu trong trạng thái chưa cài đặt và đặt).
  - **Đặt / bỏ đặt báo động hoặc phân khu** của nó.
  - **Kiểm soát PG Output** (thường xuyên nhất để kiểm soát thiết bị).
  - Xem lịch sử của các sự kiện với khả năng xuất nó vào tệp.
  - **Xem và nếu được phép, hãy chụp ảnh từ** các thiết bị xác minh.
  - **Theo dõi quá trình nhiệt độ** trong tòa nhà hoặc ngoài trời (bao gồm. thông báo vượt quá giới hạn thấp hơn hoặc cao hơn nhiệt độ thiết lập tại một thời điểm xác định trong ngày).
  - **Theo dõi mức tiêu thụ điện** (bao gồm. cài đặt thông báo trong trường hợp vượt quá mức tiêu thụ theo giờ/ngày/tháng).
  - **Gửi tin nhắn** đến các liên hệ đã chọn bằng SMS, e-mail, sử dụng thông báo PUSH tiêu chuẩn cho điện thoại di động.
  - Và các chức năng hữu ích khác.

## 14.1 Quản lý lắp đặt và cung cấp cho một kỹ thuật viên lắp đặt

### Tổng quan về tất cả các thiết bị đã cài đặt đã đăng ký trong MyJABLOTRON – Module Quản lý cài đặt

Đây là một công cụ độc đáo cho các kỹ thuật viên lắp đặt, những người có thể quản lý tất cả các hệ thống được cài đặt của họ ở một nơi, bao gồm. tổng quan đầy đủ về tình trạng kỹ thuật hiện tại của họ, xem lịch sử và chẩn đoán hoạt động... Bạn sẽ tìm thấy module **Quản lý Cài đặt** trong tài khoản của mình trong ứng dụng MyJABLOTRON trong phân khu **MyCOMPANY** (nếu được hỗ trợ trong khu vực của bạn).

My **COMPANY** ▼ masanyk@jablotron.cz ▼

< My COMPANY **Installations Management**

Search installation...  Only with fault  Only in service All device types ▼

<p><b>Drahomil Masaryk</b> Pod Skalkou 4567/33 Jablonec nad Nisou 466 04</p>	<p> Configuration <b>JA-106K</b> +420775128581 DPAT7-XDN4T-AXG2</p>
--	---

Bạn có thể lọc cài đặt của mình theo loại báo động hoặc dựa trên trạng thái hiện tại của chúng. Do đó, bạn có thể đặt trước thông báo cho một vấn đề kỹ thuật và bạn có thể nhanh chóng phản hồi nó bằng một sự can thiệp Service. Bằng cách này, bạn có thể cung cấp cho khách hàng của mình một Service on tiêu chuẩn vì bạn sẽ liên hệ với họ trước khi khách hàng bắt đầu giải quyết vấn đề hệ thống.



**Status OK** (20.08.2014 07:53:16)  
Last check: **10:35:18**

**JA-106K**

DPAT7-XDN4T-AXG2  
+420775128581

**State**

Events

Logs

### Contact information

Drahomil Masaryk

Pod Skalkou 4567/33






Jablonec nad Nisou

466 04



Configuration

### Device status

	State	Lasts since
<b>GSM:</b>	Vodafone CZ 45 %	4.9.2014 (10:04:56)
<b>FW:</b>	MD60410b19	12.6.2014 (22:37:28)
<b>CONNECTED:</b>	Connected to LAN	4.9.2014 (01:29:16)
<b>CLOUD COMMUNICATION:</b>	<b>Main channel</b>	24.4.2014 (02:12:45)
<b>SUPPLY STATUS:</b>		17.8.2014 (07:25:46)
<b>CONTROL UNIT BATTERY:</b>		17.8.2014 (07:25:46)
<b>DEVICE BAT:</b>		20.8.2014 (07:53:16)
<b>RF INTERFERENCE:</b>		20.8.2014 (07:53:16)
<b>SYSTEM ERROR:</b>		20.8.2014 (07:53:16)

Trong chi tiết của mỗi Bộ trung tâm, kỹ thuật viên cài đặt có được một cái nhìn tổng quan chung dưới dạng hiển thị trạng thái của các nhóm lỗi riêng lẻ (trạng thái cung cấp điện, giao tiếp, tình trạng pin trong thiết bị, nhiễu hoặc các lỗi khác, loại thẻ SIM trong thiết bị và chất lượng tín hiệu GSM hiện tại, FW hiện tại phiên bản) với ngày kể từ khi trạng thái đã hoạt động. Bên cạnh đó, kỹ thuật viên có được cái nhìn tổng quan về lịch sử sự kiện hoàn chỉnh - nhưng nó phải được chủ sở hữu tòa nhà cho phép trong cài đặt của mình.

Trong **Quản lý cài đặt** Ứng dụng, bạn sẽ cũng tìm nhật ký hoàn chỉnh của các sự kiện kỹ thuật của báo động với một đại diện đồ họa của chất lượng kết nối GSM, lịch sử của thay đổi firmware hoặc Giao tiếp.

## 14.2 Ứng dụng WEB-Link (cấu hình)

Một ứng dụng rất hữu ích cho một kỹ thuật viên cài đặt trong Service web MyJABLOTRON là **WEB-Link**. Nó là ứng dụng rất giống với phần mềm F-Link nhưng với sự khác biệt là ứng dụng này đang chạy on máy chủ và nó có thể truy cập từ khắp mọi nơi thông qua bất kỳ trình duyệt web nào. Bắt đầu ứng dụng bằng cách nhấp vào biểu tượng Cấu hình trong Quản lý Cài đặt trong MyCOMPANY. Trình cài đặt có thể từ bất kỳ máy tính nào để thay đổi gần như

tất cả các cài đặt trong hệ thống được gán cho cấu hình của mình bất kể anh ta ở đâu và anh ta sử dụng nền tảng nào. Các thay đổi được thực hiện bởi trình cài đặt được lưu trữ on máy chủ và có thể được lưu vào hệ thống ngay lập tức hoặc tại một số thời điểm có thể được đặt hoặc hủy cài đặt hệ thống cho người dùng. Trình cài đặt có thể được thông báo về những thay đổi qua SMS hoặc e-mail.

## 15. Tiếp quản hệ thống của người dùng

Khi cài đặt hệ thống bảo mật hoàn tất, người ta thường nên tạo tài liệu (báo cáo về việc bàn giao hệ thống, hệ thống bảo mật LOG, v.v.) nơi sẽ có tất cả thông tin về số lượng và vị trí của các thiết bị như cảm biến, chuông báo động, bàn phím, phân khu của chúng và cách chúng đã được cấu hình. Người dùng hệ thống nên được đào tạo cách sử dụng hệ thống theo các điểm sau:

1. Điều khiển từ bàn phím hệ thống. Cài đặt và bỏ đặt các phân khu (từ phân khu điều khiển hoặc từ menu bàn phím).
2. Đảm bảo rằng thời gian ra / vào là đầy đủ và cũng có giá trị đối với cửa nhà để xe hoặc các tuyến đường vào khác.
3. Giải thích phân quyền là gì, nó là gì và các tùy chọn như mã có và không có tiền tố, thẻ RFID, v.v.
4. Thiết lập một phân khu tại nhà. Sự khác biệt trong chỉ báo giữa cài đặt một phân khu và toàn bộ.
5. Kiểm soát tự động hóa gia đình bằng cách sử dụng các phân khu điều khiển và các chức năng khác (Khẩn cấp, Hòa hoãn, các vấn đề về sức khỏe).
6. Kích hoạt báo động khi hệ thống được thiết lập bao gồm chuông báo động, kiểm tra cuộc gọi báo động.
7. Giải thích sự khác biệt giữa hủy báo động bằng cách phân quyền và không kích hoạt một phân khu.
8. Điều khiển phân khu (từ xa thông qua menu giọng nói bằng bàn phím điện thoại di động).
9. Điều khiển phân khu và tự động hóa nhà (PG output) qua SMS.
10. Điều khiển bằng ứng dụng MyJABLOTRON từ điện thoại thông minh hoặc từ trang web.
11. Chỉnh sửa mã người dùng của người dùng thông qua bàn phím và qua phần mềm J-Link.

Đừng quên cung cấp kiểm tra hệ thống hàng năm cho khách hàng của bạn. Nó rất hữu ích để kiểm tra các chức năng hệ thống định kỳ, không chỉ Bộ trung tâm mà còn tất cả các thiết bị được cài đặt. Kỹ thuật viên tạo ra một báo cáo về hiệu suất kiểm tra hàng năm và điều này có thể phục vụ công ty bảo hiểm. Việc kiểm tra hàng năm có thể được chỉ định cho khách hàng tự động bằng bàn phím LCD.



## 16. Thông số kỹ thuật

Thông số	JA-103K	JA-107K	
Nguồn điện Bộ trung tâm	~ 110–230 V / 50–60 Hz, tối đa 0,28 A với cầu chì F1.6 A/250 V Protection class II	~ 110–230 V / 50–60 Hz, tối đa 0,85 A với cầu chì F1.6 A/250 V Protection class II	
Pin dự phòng	12 V; 2.6 Ah (gel chì)	12 V; 7 đến 18 Ah (gel chì)	
Thời gian gian sạc pin tối đa	72 h	72 h	
Điện áp BUS (đỏ - đen)	12.0 đến 13.8 V	12.0 đến 13.8 V	
Mức tiêu thụ dòng điện liên tục tối đa từ Bộ trung tâm	1000 mA	Dài hạn 2000 mA 3000 mA trong 60 phút (tối đa 2000 mA cho một BUS)	
Mức tiêu thụ hiện tại liên tục trong 12 giờ dự phòng	JA-103K – Pin dự phòng 2.6 Ah	JA-107K – Pin dự phòng 18 Ah	
	Không có người giao tiếp GSM	LAN – TẮT 115 mA LAN – ON 88 mA	Không có người giao tiếp GSM 1135 mA LAN – ON 1107 mē
	Với gsm communicator	LAN – TẮT 80 mA LAN – ON 53 mA	Với gsm communicator LAN – TẮT 1100 mA LAN – ON 1072 mA
Số lượng thiết bị tối đa	50	230	
Giao tiếp LAN	Giao diện Ethernet, 10/100BASE	Giao diện Ethernet, 10/100BASE	
Kích thước (mm)	268 x 225 x 83	357 x 297 x 105	
Trọng lượng có/không có AKU	1844 g / 970 g	7027 g / 1809 g	
Phản ứng với mục nhập mã không hợp lệ	Báo động sau 10 mục sai mã		
Bộ nhớ sự kiện	Khoảng 7 triệu sự kiện mới nhất, bao gồm ngày và giờ		
Đơn vị cấp điện	Loại A theo EN 50131-6		
Giao tiếp GSM	850 / 900 / 1800 / 1900 MHz		
Phân loại	Bảo mật lớp 2 theo EN 50131-1		
Môi trường hoạt động	Môi trường loại II (chung trong nhà) theo EN 50131-1		
Phạm vi nhiệt độ hoạt động	-10 °C đến +40 °C		
Độ ẩm hoạt động trung bình	75% RH, không ngưng tụ		
Tuân thủ	EN 50131-1 ed. 2 + A1 + A2, EN 50131-3, EN 50131-5-3 + A1, EN 50131-6 ed. 2 + A1, EN 50131-10, EN 50136-1, EN 50136-2, EN 50581		
Tần số hoạt động radio (với module JA-11xR)	868,1 MHz		
Phát xạ radio	ETSI EN 300 220-1,-2 (module R), ETSI EN 301 419-1, ETSI EN 301 511 (GSM)		
EMC	EN 50130-4 ed. 2 +A1, EN 55032 ed. 2, ETSI EN 301 489-7		
Sự phù hợp an toàn	EN 62368-1 + A11		
Nhận dạng người gọi (CLIP)	ETSI EN 300 089		
Điều kiện hoạt động	ERC REC 70-03		
Cơ quan chứng nhận	Trezor Test s.r.o. (số 3025)		



JABLOTRON ALARMS a.s. do đó tuyên bố rằng các thiết bị JA-103K một JA-107K được thiết kế và sản xuất tuân thủ luật hài hòa liên quan của Liên minh châu Âu: Chỉ thị số: 2014/53 / EU, 2014/35 / EU, 2014/30 / EU, 2011/65 / EU, khi được sử dụng như dự định. Bản gốc của đánh giá sự phù hợp có thể được tìm thấy [www.jablotron.com](http://www.jablotron.com) – Phần Tải xuống.

133

Lưu ý: Mặc dù các sản phẩm này không chứa bất kỳ vật liệu có hại nào, chúng tôi khuyên bạn nên trả lại các sản phẩm này cho một trang web tiện nghi dân sự thu thập chất thải điện tử hoặc cho đại lý hoặc trực tiếp cho nhà sản xuất sau khi sử dụng. Để biết thêm thông tin chi tiết, hãy truy cập [www.jablotron.com](http://www.jablotron.com) – Phần Tải xuống.

